THAI TẠNG GIỚI MẠN ĐÀ LA

GARBHADHĀTU MAṆḌALA

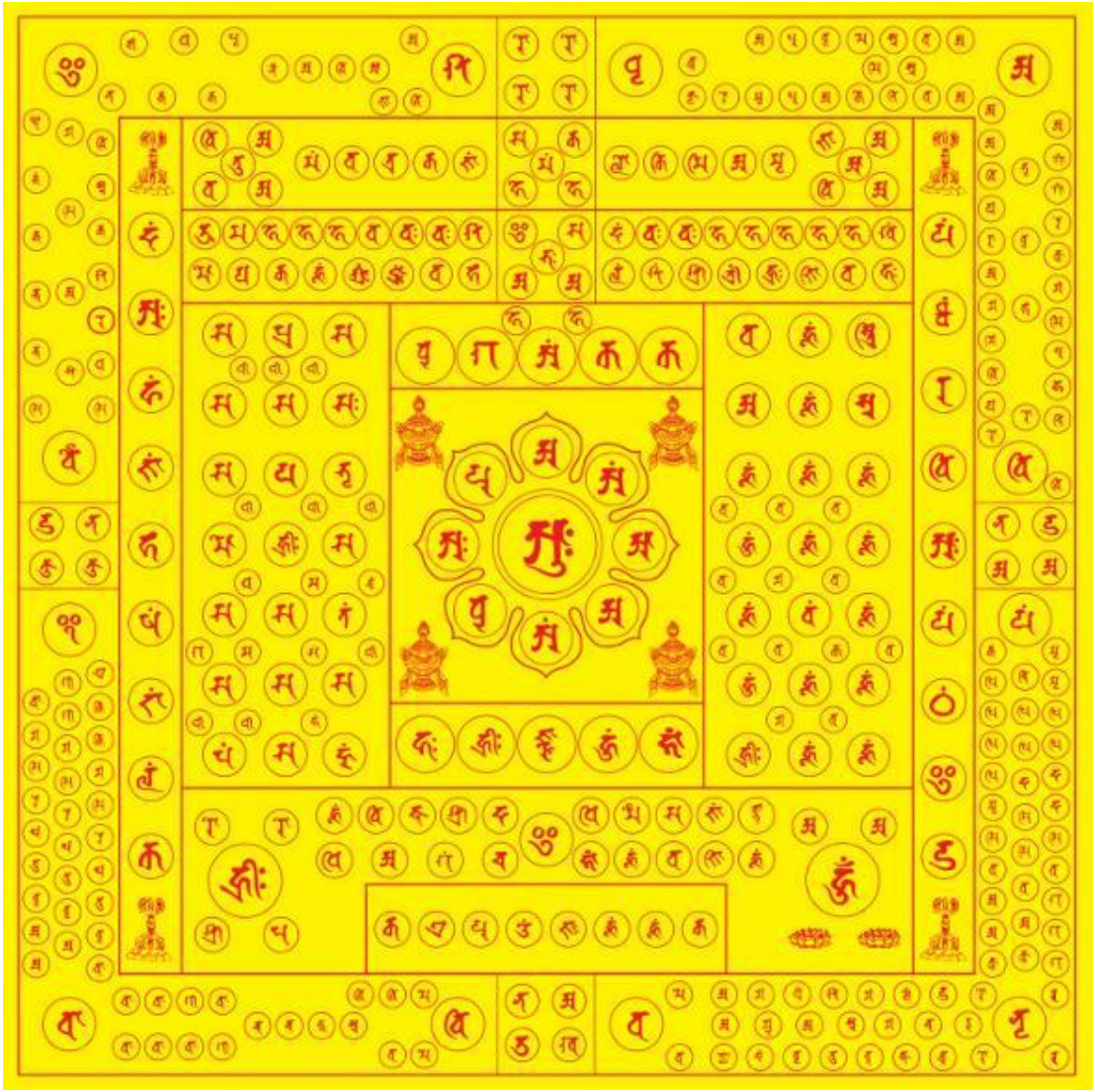

Biên soạn: HUYỀN THANH

Bản cập nhật tháng 11/2014
Kinh Mật Giáo: http://kinhmatgiao.wordpress.com

THAY LỜI TỰA

Thai Tạng Giới (Garbha-kośa-dhātu, hay Garbha-dhātu) là một trong hai Giới của Mật Giáo, cùng đối xưng với **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu)

Garbha-kośa-dhātu dịch âm là Bích Bà Củ Xa Đà Đô, **Garbha-dhātu** dịch âm Bích Lạt Bà Đà Đổ. Xưng đủ là **Đại Bi Thai Tạng Sinh** (Mahā-kāruṇa-garbhodbhave)

Thai Tạng có hai nghĩa

1_ Ẩn Phúc (che khuất): Như người trong thai mẹ được bào thai che khuất. Lý Thể cũng bị Phiền Não che khuất nên chẳng hiển hiện, do đó gọi là Thai Tạng

2_ Hàm Tàng (Cất chứa): Như trong thai mẹ chứa đựng thân thể của con để che chở nuôi nấng. Lý Thể vốn đầy đủ tất cả Công Đức mà chẳng mất, do đó gọi là Thai Tạng.

Do sự hàm chứa này mà có hai nghĩa là **Nhiếp Trì** và **Xuất Sinh**. Có ba ví dụ:

a_ **Lý Tính vốn đủ**: Mật Giáo lấy 5 Đại của **Đẳng Địa** hoặc **Tâm Bồ Đề** thanh tịnh làm Lý Tính vốn đủ. Lý Tính này nhiếp tất cả Pháp giống như thai mẹ nhiếp giữ thân con, nên nói là Thai Tạng.

Bí Tạng Ký ghi rằng: "Thai Tạng là Lý, Kim Cương là Trí"

b_ **Trái tim thịt của chúng sinh** (Hṛdaya):Trái tim thịt này có 8 múi vốn là hoa sen tám cánh dùng nhiếp giữ Man Đa La của các Tôn.

Bí Tạng Ký, 3 ghi rằng: "Kinh nói về Xứ Man Đa La. Trong tất cả Tâm chúng sinh có khối thịt tám múi là hình hoa sen tám cánh, ở đấy nơi nơi lập Man Đa La, nên nói là Thai Tạng Giới"

c_ **Trung Đài Bát Diệp Viện Man Đa La**: Dùng theo Thai Tạng của Đại Nhật Như Lai mà sinh ra ba lớp Man Đa La, các Tôn của tất cả Man Đa La mà nói là Thai Tạng.

Đại Từ Bi của Đức Phật giúp đỡ, giữ gìn, yêu thương, nuôi nấng chúng sinh như đứa con trong thai của nên nói là Thai Tạng. Nói rộng ra, muốn lấy Lý của Thai Tạng vốn đủ của chúng sinh để mở bày cho tất cả chúng sinh mà Đại Bi Thai Tạng của Đức Phật lưu hoá hiện ra Pháp Môn của Phật là **Thai Tạng Giới Man Đa La**

_ Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 3 dùng bào thai, hoa sen làm hai ví dụ để giải thích nghĩa của Thai Tạng

1_ Dùng **bào thai** làm ví dụ: Là chủng tử Thức được che dấu trong thai mẹ, đầy đủ các căn, chẳng lâu được sinh ra, nuôi lớn lên, tập các kỹ nghệ xong, sau đó thực hiện sự nghiệp. Giống như trong **Tính vốn có** của chúng sinh có **Nhất Thiết Trí Tâm**, do phát tâm học vạn hạnh Đại Bi mà hiển hiện Tâm Tịnh ấy, sau đó phát khởi phương tiện, tự lợi lợi tha, viên mãn cứu cánh, nên được gọi là **Đại Bi Thai Tạng Sinh.**

2_ Dùng **hoa sen** làm ví dụ: là Chủng Tử của hoa sen ở trong cái vỏ cứng, tính của cành nhánh lá hoa đầy đủ rõ ràng giống như Chủng Tử Tâm của Thế Gian. Chủng Tử này phát mầm, lớn dần cho đến lúc sinh nụ hoa thời đài hoa, quả thật đều ẩn bên trong sự che dấu của lá (diệp tạng) chẳng bị gió lạnh, mọi duyên gây thương tích, hư hại… màu sắc trong sạch, râu nhụy ngày đêm tươi tốt giống như Đại Bi Thai Tạng ở trong ánh sáng mặt trời, hoa chính thức hé nở như phương tiện mãn túc.

Cho nên biết Thai Tạng có nghĩa cất chứa che giúp , hoặc nhiếp trì… chỉ Lý Tính đã có đủ của chúng sinh làm Pháp Môn của **Lý Bình Đẳng** nên xưng là **Thai Tạng Giới.**

BA BỘ CỦA THAI TẠNG GIỚI

Thai Tạng Giới là Môn **Hóa Tha** của **Bản Giác Hạ Chuyển** cho nên quy ước là ba Đức của Đại Định, Trí, Bi gom thâu Man Đa La ấy vào ba Bộ, mỗi Bộ tượng trưng bằng Tôn Chủ ở giữa, là Tính của ba Mật, một đặc tính về một vật, được biểu tượng như sau:

Bộ Chính	Chủ Bộ	Tính của ba Mật		Vật biểu tượng
Phật	Đại Tỳ Lô Giá Na	Thân	Định	Tháp Xá Lợi
Kim Cương	Kim Cương Tát Đỏa	Ý	Trí	Kim Cương Ngũ Cổ
Liên Hoa	Quán Thế Âm	Khẩu	Bi	Hoa sen

1_ Phật Bộ (Buddha-kulāya): Lý này Trí này. Phàm địa vị chưa hiển, nhập vào Quả Vị thì đầy đủ Lý Trí, viên mãn Giác Đạo nên gọi là Phật Bộ, nhận lấy công việc Đại Định

Trong Thai Tạng Giới Man Đa La thì các Tôn của Trung Đài Bát Diệp Viện với các Viện bên trên, bên dưới. Đấy là **Đại Định**

2_ Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya): Trong thân của chúng sinh vốn có Lý thanh tịnh của Tâm Bồ Đề, tuy tại sáu nẻo, lưu chuyển trong bùn Sinh Tử nhưng chẳng nhiễm chẳng dơ như hoa sen sinh ra trong bùn mà chẳng nhiễm chẳng dơ. Cho nên gọi là Liên Hoa Bộ, nhận lấy công việc Đại Bi

Do Tam Muội **Đại Bi** của Như Lai hay làm cho vạn thiện tươi tốt nên dùng làm ví dụ mà gọi tên là Liên Hoa Bộ. Bộ này gồm có Quán Âm Viện và Địa Tạng Viện ở phương bên phải . Đấy là **Đại Bi**

3_ Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya): Tự Tâm của chúng sinh vốn có Trí Tuệ bền chắc. Tuy tại trong bùn sinh tử, trải qua vô số kiếp nhưng chẳng hư chẳng hoại, hay phá phiền não như Kim Cương tuy bị chôn vùi trong đất nhưng chẳng hư chẳng hoại, hay tồi phá các oán định, vật xưa cũ nên gọi là Kim Cương Bộ, nhận lấy công việc Đại Trí

Do Lực Dụng thuộc **Tuệ** của Như Lai, hay tồi phá ba chướng **Hoặc, Nghiệp, Khổ** cho nên dùng làm ví dụ mà gọi tên là Kim Cương Bộ. Bộ này gồm có Kim Cương Thủ Viện và Trừ Cái Chướng Viện ở phương bên trái. Đấy là **Đại Trí**

Lại lớp thứ tư của Hiện Đồ Thai Tạng Man Đa La tức các Tôn của **Ngoại Bo**, nói có hai nghĩa: Một là thông với Trung Thai, trên dưới nhiếp vào Phật Bộ. Phương Nam nhiếp Kim Cương Bộ, phương Bắc nhiếp Liên Hoa Bộ. Một là thông với bốn phương nhiếp vào Thích Ca Viện. **Thích Ca** (Śākya) là Đức Phật Năng Hóa của ba cõi sáu nẻo cho nên các Tôn của Ngoại Bộ thông làm quyến thuộc của Ngài.

_ Đại Nhật Kinh Sớ 5 nói: "Đại phàm lớp thứ nhất này, phương trên là mọi Đức trang nghiêm của thân Phật, phương dưới là Trì Minh thị vệ của Phật đều gọi là Như Lai Bộ Môn. Phương bên phải là Tam Muội Đại Bi của Như Lai hay làm cho vạn thiện tươi tốt nên gọi là Liên Hoa Bộ. Phương bên trái là Lực Dụng Đại Tuệ của Như Lai hay tồi phá ba chướng nên gọi là Kim Cương Bộ"

_ Phật Đà Cù Tứ Gia có nói trong **Đại Nhật Kinh Quảng Thích** là: "Phật Bộ theo Đại Viên Kính Trí hoà với Bình Đẳng Tính Trí mà phát sinh Đức **Đại Định**, Liên Hoa Bộ theo Diệu Quán Sát Trí mà phát sinh Đức **Đại Bi**, Kim Cương Bộ theo Thành Sở Tác Trí mà phát sinh Đức **Đại Trí**"

Nếu đem ba Bộ phối trí với ba Mật thì Phật Bộ (Buddha-kulāya) là **Thân Mật** (Kāya-guhya), Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) là **Ý Mật** (Mano-guhya), Liên Hoa Bộ

(Padma-kulāya) là **Ngữ Mật** (Vag-guhya). Lại có quan hệ với nhóm Bộ Chủ, Minh Vương, Phẫn Nộ… Các Kinh Luận đã nói chẳng giống nhau.

THAI TẠNG GIỚI PHÁP

Trong Pháp tu của Mật Giáo dùng **Thai Tạng Giới Đại Nhật Như Lai** làm Bản Tôn để cúng dường Pháp tu của các Tôn trong Thai Tạng Man Đa La. Cùng đối xưng với Kim Cương Giới Pháp. Xưng đủ là Đại Bi Thai Tạng Sinh Mạn Đa La Pháp, lược xưng là Thai Tạng Pháp. Pháp này chủ yếu căn cứ vào ba Mật của các Tôn trong Mạn Đa La cùng với Pháp Môn của ba câu "**Nhân, Căn, Cứu Cánh**"

Kinh Đại Nhật, quyển 1, Phẩm **Vào Chân Ngôn Môn trụ tâm** ghi rằng:

" Bạch Đức Thế Tôn! *Trí Tuệ như vậy, lấy gì làm NHÂN? Lấy gì làm CĂN (gốc rễ)? Lấy gì làm CỨU CÁNH?"*

Đức Tỳ Lô Giá Na Phật bảo Trì Kim Cương Bí Mật Chủ rằng: "Lành thay! Lành thay Chấp Kim Cương! Lành thay Kim Cương Thủ! Ông đã hỏi Ta về Nghĩa như vậy. Ông hãy lắng nghe, hãy khéo tác ý. Nay Ta sẽ nói".

Kim Cương Thủ thưa: "Như vậy, Thế Tôn! Con xin vui nguyện lắng nghe "

Đức Phật bảo: "Hãy lấy **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) làm **Nhân** (Hetu)**, Bi** (Kāruṇa) làm **gốc rễ** (Mūla:căn), **Phương Tiện** (Upāya) làm **Cứu Cánh** (Uttara)…"

Câu trả lời của Đức Phật tạo nên một ý niệm cơ bản cho sự kết cấu Man Đa La này. Đó là sự ứng khẩu của phương tiện thiện xảo, Tâm Bi mà các Bồ Tát thường phải nuôi lớn hạt giống giải thoát sinh tử luân hồi để mau chóng chứng đạt Phật Quả.

SỰ TRUYỀN THỪA THAI TẠNG GIỚI

Sự truyền thừa Thai Tạng Giới được ghi nhận khác nhau

1_ Thứ tự truyền thừa theo hệ phái **Đông Mật** của Nhật Bản là:

Đại Nhật Như Lai, Kim Cương Tát Đoả, Long Mãnh, Long Trí, Kim Cương Trí, Bất Không, Tuệ Quả, Hoằng Pháp.

Hoặc theo thứ tự là: Đại Nhật Như Lai, Thiện Vô Uý, Nhất Hạnh, Thuận Hiểu, Truyền Giáo (Nghĩa Lâm)

2_ Tại Nhật Bản, tuy Đại Sư **Truyền Giáo** có truyền dạy Mật Giáo, nhưng chưa phải là Mật Giáo có tổ chức. Đến Đại Sư **Từ Giác** (Viên Nhân) thì mới thật sự có một dòng **Đài Mật**. Thuyết lưu truyền Tông Phái về thứ tự truyền thừa Thai Tạng Giới theo hệ phái **Đài Mật** được Đại Sư **Từ Giác** ghi nhận là:

Đại Nhật Như Lai, Kim Cương Tát Đoả, Long Mãnh, Long Trí, Kim Cương Trí, Thiện Vô Uý, Bất Không, Nhất Hạnh, Tuệ Quả, Tuệ Tắc, Nghĩa Tháo, Nghĩa Chân, Pháp Toàn, Viên Nhân.

THAI TẠNG GIỚI MAN ĐA LA

Thai Tạng Giới Man Đa La (Garbha-dhātu-maṇḍala) xưng đầy đủ là **Đại Bi Thai Tạng Sinh Man Đa La** (Mahā-kāruṇa-garbhodbhave-maṇḍala), là một trong hai Giới Man Đa La của Mật Giáo.

Lược xưng là Thai Tạng Man Đa La, Đại Bi Man Đa La.

Đối với Kim Cương Giới Man Đa La mà nói, lại xưng là Nhân Man Đa La, Đông Man Đa La, Lý Man Đa La.

Thai Tạng (Garbha) là ý của Đại Bi.

Man Đa La (Maṇḍala) hàm chứa các nghĩa là: Có phát sinh chư Phật, địa vị cực vô tỷ, Luân Viên Cụ Túc.

Thai Tạng Giới Man Đa La tức là từ trong đất Tâm bình đẳng Đại Bi Thai Tạng của Tỳ Lô Giá Na Như Lai đã sinh ra Đại Man Đa La

Ý tưởng về sự kết cấu Man Đa La này được tạo dựng từ **Kinh Đại Nhật** là một trong các Kinh Điển căn bản của Mật Giáo

Sau này **Đại Nhật Kinh Sớ** lại gia thêm để bổ sung cho nên xưa nay đều gọi Man Đa La này là **Kinh Sớ Man Đa La.**

_ **Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 5** ghi rằng: "Như trên đã nói: **Tâm Bồ Đề** làm Nhân, **Đại Bi** làm gốc rễ**, Phương Tiện** làm cứu cánh. Tức đài hoa là thật tướng của Tâm, Đạ Bi Thai Tạng hé nở dùng phương tiện Đại Bi hiện làm quyến thuộc Phổ Môn của ba lớp. Do nghĩa đó nên gọi là **Đại Bi Thai Tạng Man Đa La**"

_ Kinh Đại Nhật của Tây Tạng được Ngài **Bả Bá Lạt Bà** dịch là Bản Chất.

Phẩm **Cụ Duyên** trong Kinh Đại Nhật của Tây Tạng ghi là: "Này Bí Mật Chủ! Lại nữa, Quảng Đại Man Đa La ắt hay cứu tế vô biên hữu tình nên gọi là **Đại Bi Bản Chất Sinh**"

_ Trong **Sơ** của **Phật Đà Cù Tứ Gia** có ghi rằng: "Đại Bi Thai Tạng Man Đa La là từ Nguyện Lực Từ Bi của chư Phật vì hoá tế hết cả chúng sinh mà hiện mọi loại thân tướng, vì mọi loại hữu tình tuyên nói mọi loại Diệu Pháp, y theo căn tính của mọi loại chúng sinh mở ra Tâm tương ứng với Bản Thệ, Dùng Thân Khẩu Ý Vô Tận Trang Nghiêm Tạng này làm hình tượng trang nghiêm thuộc đồ hội của đối cảnh nên xưng là Đại Bi Thai Tạng Sinh Man Đa La"

Như giải thuyết này thì từ Môn **Hướng Hạ** (hướng xuống dưới) **n**hiếp hoá chúng sinh của Đức Phật mà diễn nói, như Quả theo Môn **Hướng Thượng** (hướng lên trên) do chúng sinh tu chứng mà hiểu rõ. Tức là tất cả chúng sinh quán thấy Man Đa La này, y theo đây tu hành thì cuối cùng hay khai ngộ được Đại Bi Bồ Đề của Tâm mình cho nên xưng là Đại Bi Bản Sở Sinh

Do Đại Bi Bản Sở Sinh Man Đa La Này thì một phương diện biểu thị cho Diệu Hạnh thuộc Tam Mật Vô Tận Trang Nghiêm được phát sinh từ Công Đức Đại Bi của Đức Phật. Mặt khác tức là trong Tâm của Hành Giả thể hiện Đại Bi Tam Vô Tận Trang Nghiêm Tạng của Đức Phật, cho nên xưng là Man Đa La.

Đồ hình **Hiện Đồ Thai Tạng Man Đa La** được trình bày như sau:

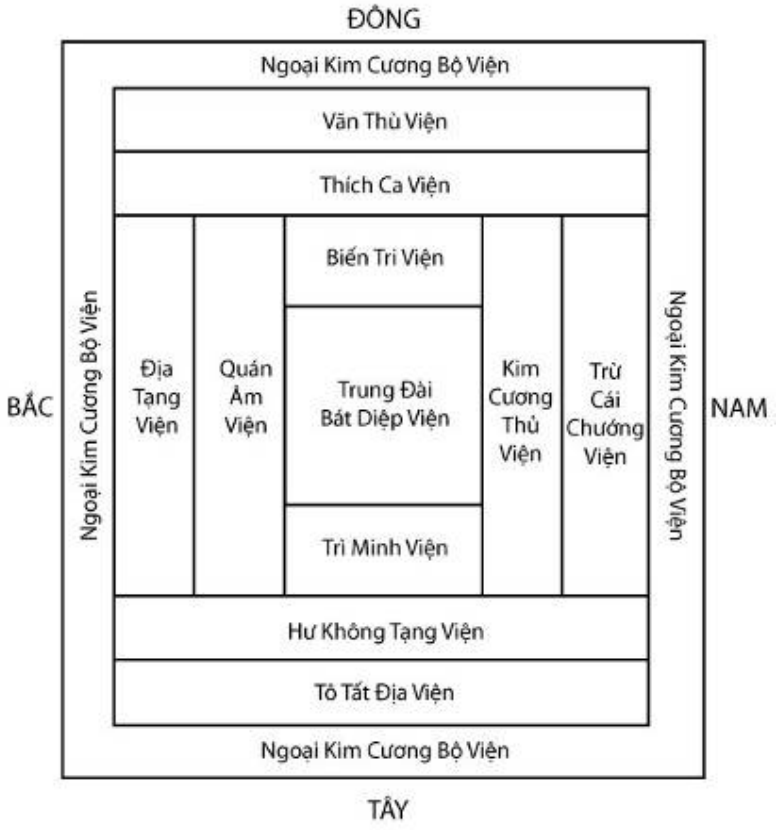

Trong Man Đa Na này thời Trung Đài Bát Diệp Viện chủ yếu khiến Hành Giả ngay trong Tâm của mình quán sát Diệu Đức của 9 vị Thánh Tôn mà khai phát Tâm Bồ Đề vốn có của chính mình, cho nên đại biểu cho Đức của **Tâm Bồ Đề**. Lớp thứ hai đại biểu cho **Đại Bi**, lớp thứ ba đại biểu cho Đức của **phương tiện nhiếp hoá.**

Trung Đài Bát Diệp Viện gọi là **Tự Tính Thân** (Svabhāva-dharma-kāya), ba Bộ quyến thuộc là **Tự Thọ Dụng Thân** (Svasaṃbhoga-dharma-kāya), các Đại Tâm Bồ Tát của lớp thứ hai là **Tha Thọ Dụng Thân** (Parasaṃbhoga-dharma-kāya), nhóm của

Thích Ca Mâu Ni Phật ở lớp thứ ba là **Biến Hoá Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya), quyến thuộc trong 9 Giới là **Đẳng Lưu Thân** (Niṣyanda-dharma-kāya)

1_ Trung Đài Bát Diệp Viện:

Viện này biểu thị cho Tâm (Hṛdaya) gồm có 9 Tôn tượng trưng cho 5 Trí và 4 Hạnh. Hình ảnh của các Tôn trong Viện này được dùng để biểu tượng cho quan niệm**: "Phật Tính vốn tiềm ẩn trong thân của chúng sinh"** chính ngay **Thức** (Vijñāna) đã kết hợp với các vật có sẵn này để phát triển **Trí** (Jñāna), vì vậy chúng Hữu Tình là loài thích hợp nhất để trở thành Phật. Đây là ý nghĩa của câu: "**Người là Phật sẽ thành"** và dựa trên tiên đề này mà các Tổ đã nói rằng **"Bản chất con người có sẵn Phật Tâm"**

Trên hình ảnh, Viện này được minh hoạ bằng hoa sen tám cánh nhằm biểu thị cho trái tim thịt có 8 múi của chúng sinh và hàm chứa nghĩa **vốn chẳng sinh** của chữ A (𑖀) hiển thị cho nghĩa **tất cả chúng sinh đều có đầy đủ Lý Thú của Phật Tính**.

9 Tôn trong Viện này được trình bày như sau:

_ Đài hoa ở chính giữa được Thần Cách Hoá thành **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata) biểu thị cho Thật Tướng của Tâm, Thật Tướng của Trí Tuệ tự nhiên. Hay đài hoa ở trung ương là **thân như như** của Đại Nhật Như Lai biểu thị cho **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-parakṛti-jñāna) và được gọi là **Tự Tính Pháp Thân** (Svabhāva-dharma-kāya). Đây cũng là Chân Thân của chư Phật tức là Pháp Thân Thường Trụ, **Pháp Tính** (Dharmatā) của Lý Trí đầy đủ tự nhiên thường hằng trong ba đời và từ Thân này lưu xuất các chúng Bồ Tát nói Pháp **ba Mật** (Tri-guhya). Do tự Thể Pháp Nhiên lại quan hệ với sự tác nghiệp Vô Vi mà xưng là Tự Tính Pháp Thân.

Đức Đại Nhật Như Lai kết **Pháp Giới Định Ấn** với bàn tay phải đặt trên bàn tay trái, nối 2 ngón cái với nhau thành hình bầu dục. Năm ngón tay trái tượng trưng cho năm Đại của chúng sinh, năm ngón tay phải tượng trưng cho năm Trí Ấn… là dấu hiệu của sự chẳng chia hai, sự kết hợp giữa người và Phật. Ánh sáng phát xuất từ Thân của Đại Nhật Như Lai biểu tượng cho hành tung của Trí Tuệ trải khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới.

Theo ý nghĩa khác, Đại Nhật Như Lai ở Trung Đài là Diệu Thể của Tâm Vương, hay **thức thứ chín** (Amala-vijñāna). Khi Thức này chuyển biến thì trở thành Pháp Giới Thể Tính Trí. Trí này duyên với Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế là **hạ hoá chúng sinh** , **từ Nhân hướng Quả.**

_ Cánh hoa ở phương Đông biểu thị cho **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) vốn là cái tối sơ của muôn Hạnh. Nó được Thần Cách Hoá thành **Bảo Tràng Như Lai** (Ratnaketu-tathāgata) và biểu hiện cho **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) là cái Trí xa lìa tất cả phân biệt cấu nhiễm, Tính Tướng trong sạch như ánh sáng của cái gương tròn chiếu soi khắp cả Lý Sự của vạn vật. Do đó Đại Viên Kính Trí được xem là **Tự Thọ Dụng Pháp Thân** (Svasaṃbhoga-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai tức là Trí của Pháp Nhiên Thuỷ Giác, tự thọ dụng Pháp Lạc

Bảo Tràng Như Lai còn mang ý nghĩa là **phát Tâm Bồ Đề** ví như quân tướng thống ngự đại chúng cần phải có cờ xí nghiêm chỉnh, sau đó mới chia thành đội ngũ thống thất chỉ huy để có thể phá quân địch thành công danh lớn. Phương Hạnh của Như Lai cũng như vậy, dùng Trí Nguyện làm cờ xí, ngồi dưới gốc cây Bồ Đề giáng phục chúng Ma Quân cho nên lấy đó làm tên gọi.

Bảo Tràng Như Lai kết Ấn **Dữ Nguyện** với tay trái nắm góc áo cà sa biểu thị cho cái lọng giải thoát có nghĩa là **phát Tâm**, tay phải mở nghiêng thành Dữ Nguyện Ấn biểu thị cho Đất. Tay trái là Tự Hành, tay phải là Hoá Tha cho nên Bảo Tràng là vị

Phật ban bố sự giàu sang (Pháp: dharma) kho tàng của muôn loài, tuỳ theo nhu cầu của họ mà bảo vệ cho họ khỏi sự nguy hại và thương tổn. Do đó Ngài được xem là vị Kim Cương của sự ban Phước và sống lâu (**Phước Thọ Kim Cương**)

Theo ý nghĩa khác thì phương Đông chủ về mùa xuân, tất cả cây cỏ mầm giống nương theo mùa ấy mà sinh trưởng, vì thế nơi phát tâm thì hàm chứa vạn Pháp. Lại nữa phương Đông biểu thị cho **thức thứ tám** (Ālaya-vijñāna) là nơi chứa giữ vạn Pháp nên nói là Phước Tụ Diệu Lạc, lúc chuyển thức thứ tám thì thành Tự Thọ Dụng Pháp Thân, do đó Bảo Tràng Như Lai có Mật Hiệu là **Phước Tụ Kim Cương**

_Cánh hoa ở phương Nam biểu thị cho sự thành tựu vạn hạnh Đại Bi, viên mãn vạn Đức, khai mở Phật Tâm. Nó được Thần Cách Hoá thành **Khai Phu Hoa Vương Như Lai** (Saṃpuṣpītā-sālendra-rājāya -tathāgata) và biểu hiện cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) là Trí quán sát tất cả Pháp **Tự Tha Hữu Tình** thảy đều bình đẳng, do tương ứng hỗ cộng với nhóm Đại Bi mà bình đẳng độ khắp chúng sinh, vì thế Bình Đẳng Tính Trí được xem là **Tha Thọ Dụng Pháp Thân** (Parasaṃbhoga-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai, là Thân ứng hiện 10 Địa để gia trì cho chúng Bồ Tát, giúp cho họ tự Nội Chứng được Pháp Thân.

Khai Phu Hoa Vương Như Lai kết **Ấn Vô Uý** với tay trái nắm góc áo cà sa để ngang rốn biểu thị cho Đức thuộc nước Trí của Đại Bi. Tay phải tác Ấn Vô Uý biểu thị cho sự trải rộng **lòng Từ** (Maitri-citta) đến các chúng sinh một cách bình đẳng nên Ngài được xem là vị Kim Cương của bình đẳng (**Bình Đẳng Kim Cương**). Do Ngài nhập vào Tam Muội **ly Cấu** biểu thị cho sự mở bày vạn Đức, nuôi lớn Tâm Bồ Đề, viên mãn vạn Hạnh của Đại Bi để thành **Chính Giác** (Saṃbodhi). Ly Cấu có nghĩa là **Đại Không** (Mahā-śūnya), khi chứng Đại Không này thời giống như vàng ròng đã được tôi luyện, các chất bụi dơ đều hết sạch. Đây là loại vàng thượng diệu của Thế Gian rất sáng suốt và trong sạch, do vậy sắc tướng của Ngài có màu vàng ròng rất tốt đẹp biểu thị cho sự viên mãn vạn Đức.

Lại nữa phương Nam chủ về mùa Hạ biểu thị cho sức sống của cành lá hoa quả nên mang nghĩa là thành tựu vạn Hạnh. Do chuyển **thức thứ bảy** (Manas-vijñāna) thành Bình Đẳng Tính Trí nên là Tha Thọ Dụng Thân của Đại Nhật Như Lai, nên Ngài có Mật Hiệu là **Bình Đẳng Kim Cương**, trụ ở **Tam Muội Gia** (Samaya) bình đẳng để giúp cho chúng Bồ Tát tu hành chứng quả.

_Cánh hoa ở phương Tây biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đắc được quả Đức Tự Chứng nên còn gọi là Chứng Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hoá thành **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) và biểu hiện cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phàm Phu.

Phương Tây chủ về mùa Thu là chỗ quy chung của vạn vật nên biểu thị cho Đức của **Niết Bàn** (Nirvāṇa) tương ứng với sự chung cực của Hành Chứng. Đức Vô Lượng Thọ Như Lai có thân màu vàng chói là sắc tu hành viên mãn, nghĩa là chẳng thể phá hoại, chuyển **thức thứ sáu** (Mano-vijñāna) thành Diệu Quán Sát Trí là Đức của sự nói Pháp chặt đứt nghi ngờ của Đại Nhật Như Lai.

Đức Vô Lượng Thọ Như Lai kết A Di Đà Định Ấn với hai tay đem ngón trỏ nối ngón cái thành hình bầu dục, 3 ngón còn lại đặt chồng lên nhau biểu tượng cho 3 Đại (Đất, Nước, Lửa) dùng để chinh phục 2 Phiền Não Ma là Tham, Sân, Si…còn hình bầu dục tượng trưng cho Niết Bàn. Vì thế Ngài được gọi là **Thanh Tịnh Kim Cương**

_ Cánh hoa ở phương Bắc biểu thị cho Trí Niết Bàn của Như Lai, là sự chứng nhập vào cảnh giới sâu xa vắng lặng của Niết Bàn. Nó được Thần Cách Hoá thành **Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai** (Divya-duṇḍubhi-megha-nirghoṣa-tathāgata) và biểu thị cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) là Trí phân biệt rõ ràng các hậu quả của mọi hành động và thành tựu được tất cả công Đức, tức là Trí giải thoát các nghiệp. Đây là Trí dùng 3 Nghiệp thân khẩu ý của Như Lai làm lợi lạc cho chúng Hữu Tình. Vì chúng sinh hành Thiện, thành Bản Nguyện Lực, Sở Ứng Tác Sự. Do đó Thành Sở Tác Trí được xem là **Đẳng Lưu Pháp Thân** (Niṣyanda-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai, là Thân đi vào muôn loài mang đầy đủ uy nghi, âm thanh, tướng mạo của từng loài để hoàn thiện việc Phật và việc Thế Gian.

Phương Bắc là Thắng Phương nên tương ứng với vị trí cứu cánh, là địa vị cao cả của Niết Bàn tức biểu thị cho vạn vật vắng lặng của mùa Đông. Đây là dùng phương tiện của Lợi Tha để thành tựu Diệu Nghiệp của Lợi Tha, hay ứng với căn cơ của chúng sinh để đoạn trừ mê vọng.

Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai kết **Ấn Giáng Ma, Đạo Toàn Ấn** (Mārga-mudra) với quyền trái đặt ở rốn, mở lòng bàn tay phải úp xuống sao cho đầu ngón tay chạm đất, tượng trưng cho việc mang sự Giác Ngộ đến cho muôn loài hữu tình trong hằng hà sa số Thế Giới bằng sức mạnh gióng Pháp Âm, nối đèn Pháp tựa như trống Trời không có hình tướng và cũng không có trụ xứ lại có thể diễn nói Pháp Âm cảnh giác chúng sinh. Cũng như vậy, Đại Niết Bàn chẳng phải như trạng thái vắng lặng vĩnh viễn của hàng Nhị Thừa không có diệu dụng. Do lấy cái dụng mà Ngài có tên gọi là Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai.

Lại nữa tướng Tịch Định là Trí Niết Bàn của Như Lai nên Ngài có Mật Hiệu là **Bất Động Kim Cương** tức Tâm Tính chẳng động, hay có nghĩa là Định vắng lặng trong mát của Diệu Thể. Do chuyển 5 Thức Thân thành **Thành Sở Tác Trí** là Trí Tuệ thành biện việc Phật với việc Thế Gian nên Ngài được xem là Đẳng Lưu Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai

_ Cánh hoa ở góc Đông Nam biểu thị cho Hạnh Thâm Nhập Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva) tức là giai đoạn Tịnh Tâm Bồ Đề

_ Cánh hoa ở góc Tây Nam biểu thị cho Hạnh Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Maṃjuśrī- bodhisatva) tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã

_ Cánh hoa ở góc Tây Bắc biểu thị cho Hạnh Toàn Thiện Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva) tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề

_Cánh hoa ở góc Đông Bắc biểu thị cho Hạnh Kết Kim Cương Thân. Nó được Thần Cách Hóa thành **Di Lặc Bồ Tát** (Maitreya-bodhisatva) tức là giai đoạn Nhập Niết Bàn

Vì 4 Hạnh là **Nhân Đức** của Như Lai, 4 Trí là **Quả Đức** của Như Lai nên 4 Hạnh và 4 Trí là Đức Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai, tức là 8 Đại Pháp của Đại Nhật Tôn. Trong 9 Tôn này thì Đại Nhật biểu thị cho Tổng Thể nên là **Phật Bộ** (Buddha-kulāya), 4 vị Phật biểu thị cho Giác Trí nên là **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya), 4 vị Bồ Tát biểu thị cho Đức của Đại Bi nên là **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) và 9 Tôn này biểu thị cho Lý Thú của **Phật Tính** (Buddhatā) vốn có trong tâm của tất cả chúng sinh.

Nay dùng Như Lai Bình Đẳng Tuệ Quán, từ **Nhân** đến **Quả** chỉ là một thân, một Trí Hạnh của Như Lai. Chính vì thế cho nên Trung Đài Bát Diệp Viện đều là một Thể của Đại Nhật Như Lai

Do vậy Viện này là tổng thể của Thai Tạng Giới Man Đa La, còn các Viện khác là các Đức riêng biệt.

2_ Biến Tri Viện:

Viện này có vị trí ở phương trên Trung Đài Bát Diệp Viện, gồm có bảy Tôn của nhóm Phật Nhãn Phật Mẫu.

Lại xưng là Phật Mẫu Viện tượng trưng cho Đức **Năng Sinh** của chư Phật, hay Nhất Thiết Như Lai Trí Ấn tượng trưng cho Công Đức biết khắp tất cả của Đại Viên Kính Trí.

3_ Quán Âm Viện:

Viện này có vị trí ở phương Bắc của Trung Đài Bát Diệp Viện, có 37 Tôn của nhóm Đại Thế Chí.

Do Quán Âm Viện dùng Quán Tự Tại Bồ Tát làm Chủ Tôn, lại xưng là Liên Hoa Bộ Viện, tương đương với Diệu Quán Sát Trí,biểu thị cho Đức Đại Bi Hạ Hóa (bên dưới dùng Đại Bi hóa độ) của Như Lai

4_ Kim Cương Thủ Viện:

Viện này vị trí ở phương Nam của Trung Đài Bát Diệp Viện, gồm có 33 Tôn của nhóm Hư Không Vô Cấu Luân Trì Kim Cương.

Do Kim Cương Thủ Viện dùng **Kim Cương Tát Đoả** (Vajra-satva) làm Chủ Tôn, lại xưng là Tát Đoả Viện, tương đương với Thành Sở Tác Trí, biểu thị cho Đức Đại Trí Thượng Cầu (bên trên cầu Đại Trí)

5_ Trì Minh Viện:

Viện này có vị trí ở phương bên dưới của Trung Đài Bát Diệp Viện, gồm có năm Tôn của nhóm Bát Nhã Bồ Tát. Năm Đại Tôn Phẫn Nộ Minh Vương này là Giáo Lệnh Luân Thân do Đại Nhật Như Lai hiện ra nên xưng là Trì Minh Sứ Giả. Do đó viện này được gọi là Trì Minh Viện, hay Phẫn Nộ Viện

Lại xưng là Ngũ Đại Viện tương ứng với Bình Đẳng Tính Trí, biểu thị cho sự Tịnh Trừ phiền não của **Ta, Người** nhập vào Thật Tướng bình đẳng, tượng trưng cho hai Diệu Đức Chiết Phục và Nhiếp Thọ

6_ Thích Ca Viện:

Viện này có vị trí ở phương bên trên của Biến Tri Viện, gồm có 39 Tôn của nhóm Thích Ca Mâu Ni Phật.

Viện này biểu thị cho Diệu Đức của phương tiện nhiếp hóa. Dùng hai Đức Trí Bi, biến hiện Thích Ca Như Lai tế độ chúng sinh

7_ Văn Thù Viện:

Viện này có vị trí ở phương bên trên của Thích Ca Viện, gồm có 25 Tôn của nhóm Văn Thù Bồ Tát.

Viện này biểu thị cho Trí Tuệ của Đại Nhật, tức Bát Nhã Diệu Tuệ của Khai Ngộ Thực Tướng, hay chặt đứt tất cả hý luận, kèm Phước Đức nhưng dùng Trí Đức làm gốc.

8_ Địa Tạng Viện:

Viện này có vị trí ở phương Bắc của Quán Âm Viện, gồm có chín Tôn của nhóm Địa Tạng.

Viện này biểu thị do Bi Môn của Quán Thế Âm Bồ Tát tiến vào nẻo ác cực khổ để giải cứu nạn khổ của tất cả chúng sinh mê tình trong 9 Giới, ví như Đại Địa nâng đỡ phụ giúp vạn vật, chẳng ngại lao khổ mà hay sinh vạn vật, cho nên được gọi là Địa Tạng.

9_ Trừ Cái Chướng Viện:

Viện này có vị trí ở phương Nam của Kim Cương Thủ Viện, gồm có chín Tôn của nhóm Bi Mẫn Bồ Tát

Viện này dùng Trừ Cái Chướng Bồ Tát làm Chủ Tôn, theo Môn Đại Trí Tuệ của Kim Cương Thủ Bồ Tát trừ khử phiền não của tất cả chúng sinh, phá bỏ chướng ngại che lấp nơi hiểu biết mà ngộ nhập vào Thật Tướng của Tam Vô Tận Trang Nghiêm Tạng. Do vậy Viện này biểu thị cho Trí Môn của Kim Cương, hay trừ bỏ sự ngăn che chứng ngại (cái chướng) của chúng sinh

10_ Hư Không Tạng Viện:

Viện này có vị trí ở phương bên dưới của Trì Minh Viện, gồm có 28 Tôn của nhóm Hư Không Tạng.

Viện này biểu thị cho Bi Trí hợp một, bao hàm vạn Đức, hay theo nguyện của chung sinh trao cho tất cả báu; kèm đủ Trí Đức nhưng dùng Phước Đức làm gốc. Ví như hư không không có chướng ngại, lại như hư không bao hàm vạn Đức, toả mãn đầy đủ mọi tất cả Nguyện Vọng của tất cả chúng sinh, nên được gọi là Hư Không Tạng

11_ Tô Tất Địa Viện:

Viện này có vị trí ở phương bên dưới của Hư Không Tạng Viện. Tô Tất Địa dịch ý là Dieu Thành Tựu, gồm có tám Tôn của nhóm Thập Nhất Diện Quán Âm.

Viện này biểu thị cho Diệu Đức thành tựu hai lợi **tự tha**

12_ Ngoại Kim Cương Bộ Viện:

Viện này vây quanh bốn phương Đông Tây Nam Bắc của Thai Tạng Giới, hợp bốn phương, tổng cộng có 205 Tôn, minh hoạ Tôn Hình của các chư Thiên, Dược Xoa, Người, Phi Nhân, 7 Diệu, 12 Cung, 28 Tú… biểu thị cho Diệu Đức tùy theo loại nên hóa độ cùng với Lý Phàm Thánh chẳng hai.

Viện này bao quát rất rộng, phàm tất cả loài Thần Chúng thuộc nhóm các Thiên Thần được nói trong tất cả Kinh Điển đều có thể xếp bày vào Viện này.

13_ Tứ Đại Hộ Viện:

Hiện Đồ lược bỏ viện thứ mười ba.

Một trong các Giáo Pháp trọng yếu của Mật Giáo là bộ Kinh **Đại Nhật** (Mahā-vairocanābhisambodhi-vikurvitādhiṣṭhana-vaipulya-sūtrendra-vāja-nāma-dharma-paryāya) gồm mười vạn bài Kệ trình bày Giáo Nghĩa giúp cho Hành Giả mau chóng hiểu thấu được đường lối **mau chóng thành Phật.**

Thế nhưng do các bản dịch thường không đầy đủ và Kinh Văn lại quá thâm ảo, nên không có mấy người thấu hiểu được trọn vẹn. Vì thế các bậc Đạo Sư Mật Giáo đã vận dụng phương tiện khéo léo, dùng đồ thức tạo dựng **Thai Tạng Giới Man Đà La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) để truyền tải giáo lý giải thoát sinh tử của Đức Phật Đà, nhằm giúp cho người học dễ tiếp cận với nghĩa thú giải thoát.

Trải qua nhiều năm tìm cầu, do duyên lành nên tôi đã có được một số tài liệu của các bậc tiền bối như : Bộ **Phật Quang Đại Tự Điển**, 4 quyển Mật Tạng và 12 quyển Đồ Tượng trong bộ **Đại Chính Tân Tu,** bộ **Phật Giáo Tiểu Bách Khoa,** Đồ hình các chủng tử của Thai Tạng Giới Man Đa La do em Mật Trí (**Tống Phước Khải**) phục chế, cùng với một số tài liệu khác… minh họa lại Thai Tạng Giới Man Đà La bằng Việt Ngữ, nhằm giúp cho người đọc tham khảo, đối chiếu và có thể hiểu rõ hơn về Pháp tu **mau chóng thành Phật** của Mật Giáo

Điều không thể tránh khỏi là tập soạn dịch này vẫn còn nhiều khiếm khuyết. Ngưỡng mong các Bậc Tiền Bối, các Bậc Long Tượng trong Mật Giáo hãy rũ lòng Từ Bi chỉ bảo cho chúng tôi kịp thời sửa chữa những lỗi lầm của mình ngỏ hầu giúp ích cho những người cầu học Chính Pháp Giải Thoát.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) và Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con cũng xin hồi hướng mọi Công Đức có được đến các Thầy **Thích Quảng Trí, Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ và thúc đẩy con nghiên cứu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cám ơn em **Mật Trí** với các con tôi đã hỗ trợ tài liệu, scan hình ảnh và phục chế Đồ Hình để giúp tôi hoàn thành tập soạn dịch này

Tôi xin chân thành cảm tạ vợ chồng em **Thông Toàn** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch Kinh Điển.

Tôi cũng xin cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi khó khăn trong cuộc sống để hỗ trợ cho tôi vững bước trên con đường tìm hiểu Phật Pháp.

Nguyện xin Tam Bảo và các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực giúp cho con với tất cả chúng sinh tránh được mọi lỗi lầm và mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Mùa Thu năm Kỷ Sửu (2009)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

TRUNG ĐÀI BÁT DIỆP VIỆN

Viện này có vị trí ở trung Tâm của Thai Tạng Giới Man Đa La, biểu thị cho Tâm (Hrdaya) gồm có 9 Tôn tượng trưng cho 5 Trí và 4 Hạnh. Hình ảnh của các Tôn trong Viện này được dùng để biểu tượng cho quan niệm**: "Phật Tính vốn tiềm ẩn trong thân của chúng sinh"** chính ngay **Thức** (Vijñāna) đã kết hợp với các vật có sẵn này để phát triển **Trí** (Jñāna), vì vậy chúng Hữu Tình là loài thích hợp nhất để trở thành Phật. Đây là ý nghĩa của câu :"**Người là Phật sẽ thành"** và dựa trên tiên đề này mà các Tổ đã nói rằng **"Bản chất con người có sẵn Phật Tâm"**

Trên hình ảnh, Viện này được minh hoạ bằng hoa sen tám cánh nhằm biểu thị cho trái tim thịt có 8 múi của chúng sinh và hàm chứa nghĩa **vốn chẳng sinh** của chữ A (𑖀) hiển thị cho nghĩa **tất cả chúng sinh đều có đầy đủ Lý Thú của Phật Tính**.

1_ Đài hoa ở chính giữa là Đại Nhật Như Lai (𑖨𑖿𑖪𑖽)

2_ Cánh hoa ở phương Đông là Bảo Tràng Như Lai (𑖨𑖽)

3_ Cánh hoa ở phương Nam là Khai Phu Hoa Vương Như Lai (𑖨𑖿)

4_ Chánh hoa ở phương Tây là Vô Lượng Thọ Như Lai (𑖩𑖽)

5_ Cánh hoa ở phương Bắc là Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai (𑖨𑖽)

6_ Cánh hoa ở góc Đông Nam là Phổ Hiền Bồ Tát (𑖩𑖽)

7_ Cánh hoa ở góc Tây Nam là Văn Thù Bồ Tát (𑖨𑖽)

8_ Cánh hoa ở góc Tây Bắc là Quán Tự Tại Bồ Tát (𑖧𑖽)

9_ Cánh hoa ở góc Đông Bắc là Di Lặc Bồ Tát (𑖧𑖽)

1_ Đại Nhật Như Lai (Vairocana-tathāgata):

Đại Nhật Như Lai là Pháp Thân Như Lai, tức Pháp Giới Thể Tính Thân, là Thể vốn đã đầy đủ của Thật Tướng, thị hiện Phật Đà căn bản.

Danh xưng của Đại Nhật Như Lai có các ý nghĩa là:

a)**Tuệ Nhật Nhất Thiết Trí Quang**: phóng tỏa ánh sáng Chân không (Chân không Quang minh) soi khắp cõi Lục Phàm Đồng Cư Thế Gian, nhằm phá tan sự tối tăm của Kiến Tư Phiền Não cho chúng sinh.

b)**Tuệ Nhật Đạo Chủng Trí Quang**: phóng tỏa ánh sáng Diệu Hữu (Diệu Hữu Quang Minh) soi khắp cõi Nhị Thừa phương tiện Thế Gian, nhằm phá tan sự tối tăm của Trần sa phiền não cho chúng sinh.

c)**Tuệ Nhật Nhất Thiết Chủng Trí Quang**: phóng tỏa ánh sáng Trung Đạo (Trung Đạo Quang minh) soi khắp cõi Thật Báo Thế gian, nhằm phá tan sự tối tăm của Vô Minh phiền não cho chúng sinh.

Do ý nghĩa này hồng danh **Đại Nhật** (Vairocana) còn biểu thị cho nghĩa "**Trừ ám biến Minh**"

Trong Trung Đài Bát Diệp Viện, Đại Nhật Như Lai ở phương chính giữa biểu thị cho **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-parakṛti-jñāna) là Trí thâm nhập khắp nơi trong Pháp giới, chuyển hóa Tâm thức cá vị thành Tâm Thức tổng quát.

Tôn Hình: Thị hiện hình Bồ Tát, thân màu vàng chói như vàng của cõi Diêm Phù Đàn, thân khoác áo sa lụa trắng, đầu đội mão báu 5 Phật, tay kết Pháp Giới Định Ấn, ngồi yên trên tòa hoa sen báu.

Mật Hiệu là: **Biến Chiếu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀), hoặc AḤ (𑖀𑖾), hoặc ĀḤ (𑖁𑖾), hoặc ĀṂḤ

Tam Muội Gia Hình là: Suất Đổ Ba Ấn, hoặc Như Lai Đỉnh Ấn

Tướng Ấn là: **Pháp Giới Định Ấn**. Bàn tay phải trên bàn tay trái với hai ngón cái nối lại thành hình bầu dục.

Năm ngón tay trái tượng trưng cho năm Đại của chúng sinh, năm ngón tay phải tượng trưng cho năm Trí Ấn… là dấu hiệu của sự chẳng chia hai, sự kết hợp giữa người và Phật. Ánh sáng phát xuất từ Thân của Đại Nhật Như Lai biểu tượng cho hành tung của Trí Tuệ trải khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸 𑖯𑖫𑖸𑖪 𑖪𑖽𑖨𑖸𑖟𑖿𑖨𑖸𑖦𑖾𑖨𑖸𑖩𑖽𑖨𑖸 𑖀𑖪 𑖪𑖽𑖨𑖸𑖪𑖽𑖨𑖸𑖪𑖽𑖨𑖸

Chữ chủng tử là: A (𑖀) hoặc RAṂ (𑖪𑖾)

Tam Muội Gia Hình là : Quang Diễm Ấn

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Hay **Đại Uy Đức Sinh Ấn** (Chắp hai tay lại giữa trống không (Không Tâm Hợp Chưởng) bung tán 2 ngón trỏ, 2 ngón út như phóng tán ánh lửa)

Ấn này do Đại Uy Đức của Đại Nhật Như Lai sinh ra (Thế lực của Tâm Bồ Đề thanh tịnh) nên gọi là **Đại Uy Đức Sinh,** biểu thị cho Tâm Bồ Đề thanh tịnh hay sinh ra vạn Đức

Chân Ngôn là :

𑖌𑖼𑖨𑖸 𑖨𑖨𑖿𑖌 𑖎𑖕𑖿𑖦𑖸𑖫 𑖪𑖾 𑖪𑖽 𑖨𑖿𑖪𑖰

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ RAṂ RAḤ _ SVĀHĀ

3_ Khai Phu Hoa Vương Như Lai (Saṃpuṣpītā-sālendra-rājāya -tathāgata):

Lại xưng là Sa La Thọ Vương Hoa Khai Sổ Phật, Khai Sổ Hoa Phật, Hoa Khai Sổ Phật, Sa La Thọ Vương Như Lai.

Thân Phật màu vàng, phóng ánh sáng chiếu khắp nơi như trụ trên tiêu tướng **Ly Cấu Tam Muội**, nguyện tu hạt giống Bồ Đề nuôi lớn vạn hạnh Đại Bi, thành tựu bậc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác mở bày vạn Đức cho nên xưng là Khai Phu Hoa Vương Như Lai

Lại lấy danh hiệu **Ly Cấu** tức nghĩa Đại Không. Lúc chứng Đại Không này giống như vàng ròng được tôi luyện, các chất bụi dơ đều được loại hết. Thân tướng của Phật cũng vậy, đây là loại vàng thượng diệu của Thế Gian

Trong Trung Đài Bát Diệp Viện, Khai Phu Hoa Vương Như Lai ở phương Nam biểu thị cho sự thành tựu vạn Hạnh Đại Bi, viên mãn vạn Đức, mở bày Tâm Phật. đại biểu cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) là Trí thấy biết sự nhất thể sâu kín, căn bản của các thực thể. Do Trí này mà mọi tình cảm ích kỷ riêng tư được chuyển hóa

thành tình thương bao quát tất cả. Đây là Trí quán sát tất cả Pháp **Tự Tha** Hữu Tình thảy đều bình đẳng. Do tương ứng hỗ cộng với Đẳng Đại Bi mà bình đẳng phổ độ chúng sinh. Vì thế Bình Đẳng Tính Trí được xem là **Tha Thọ Dụng Pháp Thân** (Parasaṃbhoga-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân ứng hiện Thập Địa gia trì cho Chúng Bồ Tát để họ tự Nội Chứng được Pháp Thân

Tôn Hình là: Hiện thân màu vàng ròng, phóng khắp ánh sáng, khoác áo cà sa che kín hai vai, tay phải ngửa lòng bàn tay tác Thí Vô Úy Ấn, tay trái nắm góc áo cà sa để bên cạnh rốn, ngồi Kiết Già trên hoa sen báu

Mật Hiệu là **Bình Đẳng Kim Cương**
Chữ chủng tử là: Ā (𑖀) hay VAṂ (𑖯𑖾)
Tam Muội Gia Hình là chày Ngũ Cổ Kim Cương hay Kim Cương Bất Hoại Ấn

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng hay **Kim Cương Bất Hoại Ấn :** Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón trỏ đặt trên 2 ngón cái như hình chữ Phộc (𑖯 _VA), dựng thẳng bung tán 2 ngón giữa.

Trí kiên cố bất hoại của Đại Nhật Như Lai giống như Kim Cương nên gọi là **Kim Cương Bất Hoại,** biểu thị cho địa vị đạt đến Kim Cương chân thật.

Chân Ngôn là:

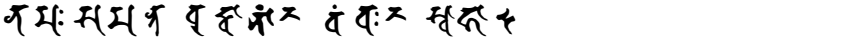

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ VAṂ VAḤ_ SVĀHĀ

4_ Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitāyus-tathāgata)

Vô Lượng Thọ Như Lai tức **A Di Đà Phật**, dịch ý là Vô Lượng Thọ Phật hoặc **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha), là vị giáo chủ của Thế Giới Cực Lạc (Sukhavatī) ở phương Tây.

Trong Trung Đài Bát Diệp Viện, Vô Lượng Thọ Như Lai ở phương Tây biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đắc được Quả Đức tự chứng nên còn gọi là **Chứng Bồ Đề**, đại biểu cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phàm Phu

Tôn Hình: Thân hiện màu đỏ trắng, tay kết A Di Đà Định Ấn, khoác áo mỏng, ngồi yên trên tòa sen

Mật Hiệu là: **Thanh Tịnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: AṂ (𑖀𑖾) hay SAṂ (𑖯𑖾)

Tam Muội Gia Hình là hoa sen hé nở hay Sơ Cát Liên Hoa

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng hay **Liên Hoa Tạng Ấn:** Còn gọi là Như Lai Tạng Ấn. Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng, bung tán 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa, 2 ngón trỏ như hoa sen 8 cánh, biểu thị cho Đức hàm chứa Đại Bi.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖨𑖪𑖸 𑖪𑖨𑖪 𑖦𑖟𑖭𑖿𑖤𑖽𑖿𑖬 𑖯𑖨𑖸𑖬 𑖯𑖩𑖲𑖩

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ SAṂ SAḤ _ SVĀHĀ

5_ Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai (Divya-duṇḍubhi-megha-nirghoṣa-tathāgata)

Lại xưng là Cổ Âm Như Lai, Cổ Âm Phật, Cổ Âm Vương…Ngài trụ ở tướng vắng lặng, lìa nhiệt độc được trong mát (thanh lương). Đây là Trí Niết Bàn của Như Lai, nghĩa là chẳng lay động (bất động) nên được gọi là **Bất Động Phật** (Acala-buddha) chứ chẳng phải là tên gọi của Ngài. Tên chính của Ngài là **Thiên Cổ Âm Như Lai** như cái trống Trời không có hình tướng và cũng không có trụ xứ nhưng có thể diễn nói Pháp Âm, cảnh ngộ chúng sinh. Đại Niết Bàn cũng vậy, chẳng phải như hàng Nhị Thừa vĩnh viễn vắng lặng, không có diệu dụng. Do đó tên chính của Ngài là lấy cái dụng mà nói.

Trong Trung Đài Bát Diệp Viện, Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai ở phương Bắc biểu thị cho Trí Niết Bàn của Như Lai, là sự chứng nhập vào cảnh giới thâm sâu vắng lặng của Đại Niết Bàn. biểu thị cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) là Trí phân biệt rõ ràng các hậu quả của mọi hành động và thành tựu được tất cả công Đức, tức là Trí giải thoát các nghiệp. Đây là Trí dùng 3 Nghiệp thân khẩu ý của Như Lai làm lợi lạc cho chúng Hữu Tình. Vì chúng sinh hành Thiện, thành Bản Nguyện Lực, Sở Ứng Tác Sự. Do đó Thành Sở Tác Trí được xem là **Đẳng Lưu Pháp Thân** (Niṣyanda-dharma-kàya) của Đại Nhật Như Lai, là Thân đi vào muôn loài mang đầy đủ uy nghi, âm thanh, tướng mạo của từng loài để hoàn thiện việc Phật và việc Thế Gian

Tôn Hình: Thân hiện màu vàng, tay trái nắm quyền để dưới rốn, tay phải úp xuống sao cho đầu ngón tay chạm đất, ngồi trên hoa sen báu

Mật Hiệu là: **Bất Động Kim Cương**
Chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾) hay HAṂ (𑖤𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Vạn Đức Trang Nghiêm Ấn

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng hay **Vạn Đức Trang Nghiêm Ấn:** Còn gọi là Nội Ngoại Trang Nghiêm Ấn . Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón út vào trong lòng bàn tay.

Các Đức trong ngoài của Như Lai thảy đều đầy đủ nên gọi là **Vạn Đức Trang Nghiêm**, biểu thị cho Đức thành mãn sự nghiệp **tự lợi, lợi tha** nên còn gọi là Nội Ngoại Trang Nghiêm.

Chân Ngôn là :
𑖦𑖨𑖸𑖪𑖰𑖟 𑖪𑖽𑖨𑖿𑖩𑖸𑖨𑖿𑖨𑖸𑖨𑖿𑖨𑖸𑖨𑖿𑖨

Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 1 ghi là: "Phổ Hiền Bồ Tát. **Phổ** (Samanta) nghĩa là khắp tất cả nơi chốn, **Hiền** (Bhadra) nghĩa là Tối Diệu Thiện. Phổ Hiền Bồ Tát biểu thị cho sự đã khởi Hạnh Nguyện của Tâm Bồ Đề với thân khẩu ý thảy đều bình đẳng, khắp tất cả nơi chốn thuần một Diệu Thiện, đầy đủ mọi Đức cho nên có tên gọi là Phổ Hiền"

Phổ Hiền đại biểu cho Hạnh Bồ Tát rộng lớn. Khi một cá nhân thực hiện viên mãn Hạnh Bồ Tát thì gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Còn viên mãn quả vị của Phổ Hiền Bồ Tát tức là Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Chúng sinh đang đợi đầy đủ Nhân của Phổ Hiền, đấy tức là Tính của Tỳ Lô Giá Na Phật

Trong Trung Đài Bát Diệp Viện, Phổ Hiền Bồ Tát ở góc Đông Nam biểu thị cho Hạnh Thâm Nhập Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn Tịnh Tâm Bồ Đề

Tôn Hình: Thân hiện màu thịt trắng, đầu đội mão báu 5 Phật, tay trái cầm hoa sen, trên hoa để cây kiếm bén chung quanh rực lửa sáng, tay phải mở cánh tay giương duỗi ngửa lòng bàn tay, kết Tam Nghiệp Thiện Diệu Ấn, co ngón vô danh với ngón út

Mật Hiệu là: **Chân Như Kim Cương**

Chữ chủng tử là: AṂ (𑖀𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm trên hoa sen, hay Hiền Bình

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng hay **Nhất Thiết Chi Phần Sinh Ấn :** Còn gọi là Tùng Phật Chi Phần Sinh Ấn. Chắp 2 tay lại như hình đóa hoa chưa nở (Vị Khai Phu Hoa Hợp Chưởng) dựng thẳng đứng 2 ngón cái rồi hơi co lại. Biểu thị cho Đức của Tâm Bồ Đề được sinh ra từ từng phần của Đức Phật.

Chân Ngôn là :

𑖦𑖾𑖨𑖿𑖥𑖾 𑖡𑖨𑖿𑖫𑖾𑖦𑖿𑖦𑖾𑖨𑖿𑖢𑖾𑖦𑖾𑖨𑖿 𑖀𑖾𑖨𑖿 𑖀𑖪𑖾 𑖯𑖾𑖭𑖾

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ AṂ AḤ_ SVĀHĀ

7_ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (Mañjuśrī-bodhisatva)

Lại xưng là Văn Thù Thi Lợi, Mạn Thù Sư Lợi, Mạn Thù Thất Lợi . Lược xưng là Văn Thù. Trong các Kinh Điển Khác lại có các danh hiệu là: Diệu Đức, Diệu Thủ, Nhu Thủ, Kính Thủ, Diệu Cát Tường...

Văn Thù Sư Lợi còn gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Văn Thù Sư Tử Đồng Bồ Tát, Nhu Đồng Văn Thù Bồ Tát (Mañjuśrī-kumāra-bhūta)

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát với Phổ Hiền Bồ Tát cùng theo hầu cận Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và được xưng chung là **Thích Ca Tam Thánh**. Do Văn Thù Sư Lợi là bậc Thượng Thủ trong hết thảy Bồ Tát Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nên được gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử . Ngài có hình tượng là Cầm cây kiếm ngồi trên lưng sư tử biểu thị cho sự sắc bén của Pháp Môn. Tay phải cầm cây kiếm báu Kim Cương chặt đứt tất cả phiền não của chúng sinh, dùng tiếng rống của sư tử không sợ hãi, trấn tỉnh chúng sinh đang bị mê đắm.

Trong Trung Đài Bát Diệp Viện, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ở góc Tây Nam biểu thị cho Hạnh Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã

Tôn Hình: Thân hiện màu vàng, tay trái cầm hoa sen, bên trên có chày Tam Cổ hoặc Ngũ Cổ, tay phải cầm quyển Kinh

Mật Hiệu là: **Cát Tường Kim Cương**

Chữ chủng tử là :A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương trên hoa sen xanh, hoặc hoa sen xanh

Tướng Ấn là Liên Hoa Hợp Chưởng, hay **Pháp Trụ Ấn:** còn gọi là Như Lai Pháp Trụ Ấn. Chắp 2 tay lại giữa trống rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) mở bung 2 ngón giữa. Biểu thị cho Đức trụ bền lâu nơi tất cả Pháp Môn nên gọi là Pháp Trụ.

Chân Ngôn là :

ཨཿསཱཀྱ ཐུབྟཱ་ཨཱ ཝེདཱ ཝིདེ ཥྭཱཧཱ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ À VEDA VIDE _ SVĀHĀ

8_ Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokiteśvara-bodhisatva)

Quán Tự Tại Bồ Tát tức Quán Thế Âm Bồ Tát. Lại xưng là Quang Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Tự Tại Bồ Tát, Quán Thế Âm Tự Tại Bồ Tát, Hiện Âm Thanh Bồ Tát. Xưng riêng là Cứu Thế Bồ Tát, Liên Hoa Thủ Bồ Tát, Viên Thông Đại Sĩ…

Lại tên Phạn **Ārya-avalokiteśvara** có nghĩa là Thánh Quán Thế Âm với Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta) cùng theo hầu cận Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây và được xưng tên chung là **Tây Phương Tam Thánh**

Quán Tự Tại Bồ Tát đại biểu cho Tâm Đại Bi của tất cả chư Phật, hay lắng nghe âm thanh khổ nạn của tất cả chúng sinh mà cứu độ như con ruột. Ngoài ra Quán Tự Tại Bồ Tát còn đại biểu cho sự giác ngộ Phật Tính viên mãn của mỗi một cá nhân.

Trong Trung Đài Bát Diệp Viện, Quán Tự Tại Bồ Tát ở góc Tây Bắc biểu thị cho Hạnh Toàn Thiện Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề

Tôn Hình: Thân hiện màu thịt trắng, tay trái để trước ngực thành Thí Vô Úy Ấn, tay phải cầm hoa sen, đầu đội mão báu, trên mão có Vô Lượng Thọ Như Lai

Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: BU (ཟུ)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở, hoặc Pháp Trụ Ấn

Tướng Ấn là Liên Hoa Hợp Chưởng, hay **Đà La Ni Ấn:** Còn gọi là Thế Tôn Đà La Ni Ấn. Dựa theo Vị Khai Phu Hoa Hợp Chưởng, co 2 ngón giữa vào trong lòng bàn tay. Biểu thị cho nghĩa Tổng Trì là Thể Tính Pháp Môn

Chân Ngôn là :

𑖌𑖼𑖥 𑖪𑖥𑖽 𑖢𑖿𑖨𑖵𑖕 𑖢𑖿𑖦𑖪𑖿𑖨𑖽 𑖥𑖽𑖦 𑖦𑖽 𑖦𑖽 𑖨𑖿𑖪 𑖪𑖿𑖨𑖯 𑖥𑖵𑖕 𑖨𑖿𑖦𑖪𑖽 𑖥𑖽𑖦 𑖦𑖽 𑖦𑖽𑖯𑖵 𑖥𑖽𑖦 𑖪𑖿𑖨𑖯 𑖥𑖵𑖕 𑖨𑖿𑖦𑖪𑖽 𑖥𑖽𑖦 𑖪𑖥𑖽 𑖪𑖥

Mật Hiệu là: **Tấn Tật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: YU (𑖪𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Táo Bình trên hoa sen, hoặc Tấn Tật Ấn trên hoa sen

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng Ấy, hay **Tấn Tật Trì Ấn:** Còn gọi là Thế Tôn Tấn Tật Trì Ấn. Hai tay kết Hư Tâm Hợp Chưởng , đan chéo 10 đầu ngón tay với nhau, bên phải đè bên trái, cùng nhau gia trì rồi tự xoay chuyển. Biểu thị cho lực gia trì nhanh chóng của sức Thần Biến Bí Mật của Như Lai.

Chân Ngôn là :

𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖯𑖨𑖿𑖢 𑖨𑖾𑖢𑖿𑖢𑖸𑖦𑖾𑖨𑖸𑖦𑖾𑖨𑖸𑖦𑖾𑖨

BIẾN TRI VIỆN

Biến Tri Viện có vị trí ở phương Đông, ngay bên trên Trung Đài Bát Diệp Viện. Viện này đại biểu cho Đức **Trí Tuệ** của Đại Nhật Như Lai là hiểu biết tràn khắp tất cả. Ý vị được thấy ở **Nhất Thiết Trí Trí** của Như Lai nên **Trí Tuệ Bát Nhã** được ví dụ là Phật Mẫu sinh ra tất cả chư Phật . Nhân đây có tên gọi là **Phật Mẫu Viện.**

Sau khi Bồ Tát Gautama xuất gia, tu khổ hạnh sáu năm, đến khi ngồi dưới cây Bồ Đề, giáng phục bốn Ma rồi thành Đạo. Nên Tam Giác Trí Ấn ở chính giữa viện này biểu thị cho nghĩa giáng phục bốn Ma tức là dấu hiệu của Phật Trí

Biểu thị của Viện này được thấy ở mọi loại Công Đức thù thắng của Đức Như Lai thành chứng Chính Giác. Biểu trưng của Công Đức thù thắng tức là Biến Tri Ấn ở giữa viện này, cũng tức là Tam Giác Trí Ấn. Điều này biểu thị cho Đức **Biến Tri** (biết khắp) của Đức Phật. Nhân đây dùng Biến Tri Ấn làm Man Đa La ở chính giữa mà gọi là **Biến Tri Viện**.

Ngoài ra Biến Tri Ấn tức là Thập Phương Tam Thế Nhất Thiết Như Lai Đại Dũng Mãnh Ấn, tức là Chư Phật Tâm Ấn, nên tướng của Ấn này là đầu, ngực, tim, gan thuộc Trí Đức của Như Lai. Bởi thế viện này có tên gọi là **Phật Tâm Viện**

Nhất Thiết Như Lai Trí Ấn ở trong Hiện Đồ Man Đa La là hình tam giác. Có điều, trong **Đại Nhật Kinh Sớ** thì nói là hình tam giác hướng xuống bên dưới. Hình tam giác hướng lên trên là **tự chứng** , hình tam giác hướng xuống bên dưới là **hóa tha.** Vì biểu thị rõ thân **Tự Thọ Dụng Trí** nên trong Hiện Đồ Man Đa La dùng hình tam giác hướng lên trên để biểu hiện.

Chữ Vạn ở trong hình tam giác là biểu thị cho nghĩa **cái Ta** (Ngã) **chẳng thể đắc** làm thật tướng của Tự Nghĩa (nghĩa của chữ) biểu thị nghĩa **Bình đẳng vô hạn chu biến Pháp Giới**. Còn ánh lửa bên ngoài chữ ấy tức biểu thị cho lửa Trí Tuệ của Như Lai, hay như đồng với bàn lửa thiêu đốt hết tất cả vật bất tịnh. Do đó Ánh sáng lửa Trí Tuệ của Như Lai cũng hay thiêu đốt phiền não của ba độc Tham Sân Si… đầy đủ Đức hay sinh ra Trí của chư Phật

Bên cạnh hình tam giác an lập hai anh em Ca Diếp. Do hai anh em này có nguồn gốc là Bà La Môn thờ phụng lửa, sau này nhận sự giáo hóa của Đức Phật mà quy y Chính Pháp, nên biểu thị rõ lửa Trí Tuệ của Như Lai hơn hẳn lửa Ngoại Đạo của Thế Gian.

Do vậy Viện này biểu thị cho Đức **biết khắp** (Biến Tri) của chư Phật với Đức **hay sinh** (Năng Sinh) của chư Phật. Có bảy Tôn gồm 2 Tôn bạn và 5 Tôn chủ biểu thị cho mọi loại tướng mạo của Trí Tuệ.

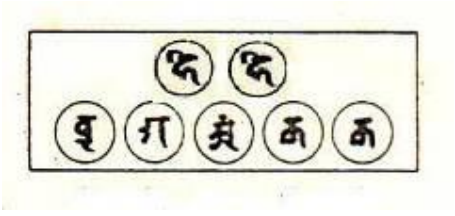

Từ trái sang phải:

1_ Thất Câu Đê Phật Mẫu (𑖦)

2_ Phật Nhãn Phật Mẫu (𑖪)

3_ Ca Gia Ca Diệp (𑖨)

4_ Nhất Thiết Như Lai Trí Ấn (𑖟)

5_ Ưu Lô Tần La Ca Diệp (𑖨)

6_ Đại Dũng Mãnh Bồ Tát (𑖩)

7_ Đại An Lạc Bất Không Chân Thật Bồ Tát (𑖩)

_ Hai Tôn bạn là **Ca Gia Ca Diếp** (Gayā- Kāśyapa) và **Ưu Lô Tần La Ca Diếp** (Uruvilvā-Kāśyapa) biểu thị bằng hai **chữ Vạn** (Śravaka) vẽ gần đỉnh của hình tam giác (Nhất Thiết Trí Ấn) tượng trưng cho sự cải biến từ Tà Giáo sang giáo lý của **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi). Do đó hai Tôn này biểu thị cho Sinh Thân Quyến Thuộc của Đức Thích Tôn.

a_ **Ca Già Ca Diếp** (Gayā-kāśyapa):

Tôn này là một trong ba vị Ca Diếp, Đệ Tử của Đức Phật Đà, tức là em của Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp với **Nan Đề Ca Diếp** (Nadī-kāśyapa) . Tôn này sống ở ngoại ô gần thành Già Gia của nước Ma Kiệt Đà thuộc Ấn Độ, là vị thầy của hàng Ngoại Đạo thờ lửa (Bái Hỏa Giáo Đồ), có 250 Đệ Tử. Sau này được Đức Phật độ hóa nên quy y Đức Phật thành đệ tử của Phật.

Tôn Hình: Thân hiện màu thịt, hình dáng Tỳ Khưu, tay phải kết Ấn hướng lòng bàn tay ra bên ngoài, tay trái nắm một góc áo cà sa, ngồi yên trên Tọa Cụ.

Mật Hiệu là: **Ly Trần Kim Cương**

Chữ chủng tử là A (𑖟) hay HE (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Phạn Khiếp (rương Kinh Phạn)

Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn

Chân Ngôn là:

𑖨𑖾𑖥𑖸 𑖥𑖨𑖿𑖦𑖰𑖪𑖾𑖦𑖿𑖨𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖫𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖭𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖩𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖮𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖯𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖰𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖱𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖲𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖳𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖴𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖵𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖶𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖷𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖸𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖹𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖺𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖻𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖼𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖽𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖾𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖿𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖀𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖁𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖂𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖃𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖄𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖅𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖆𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖇𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖈𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖉𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖊𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖋𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖌𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖍𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖎𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖏𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖐𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖑𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖒𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖓𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖔𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖕𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖖𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖗𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖘𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖙𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖚𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖛𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖜𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖝𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖞𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖟𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖠𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖡𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖢𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖣𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖤𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖥𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖦𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖧𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖨𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖩𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖫𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖬𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖭𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖮𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖯𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖰𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖱𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖲𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖳𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖴𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖵𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖶𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖷𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖸𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖹𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖺𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖻𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖼𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖽𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖾𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖿𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑗀𑖿𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗁𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗂𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗃𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗄𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗅𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗆𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗇𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗈𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗉𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗊𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗋𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗌𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗍𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗎𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗏𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗐𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗑𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗒𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗓𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗔𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗕𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗖𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗗𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗘𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗙𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗚𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗛𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗜𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗝𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗞𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗟𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗠𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗡𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗢𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗣𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗤𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗥𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗦𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗧𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗨𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗩𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗪𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗫𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗬𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗭𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗮𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗯𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗰𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗱𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗲𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗳𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗴𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗵𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗶𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗷𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗸𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗹𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗺𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗻𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗼𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗽𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗾𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑗿𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘀𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘁𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘂𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘃𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘄𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘅𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘆𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘇𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘈𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘉𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘊𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘋𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘌𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘍𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘎𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘏𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘐𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘑𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘒𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘓𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘔𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘕𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘖𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘗𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘘𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘙𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘚𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘛𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘜𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘝𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘞𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘟𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘠𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘡𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘢𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘣𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘤𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘥𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘦𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘧𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘨𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘩𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘪𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘫𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘬𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘭𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘮𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘯𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘰𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘱𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘲𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘳𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘴𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘵𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘶𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘷𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘸𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘹𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘺𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘻𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘼𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘽𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘾𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑘿𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙀𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙁𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙂𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙃𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙄𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙅𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙆𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙇𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙈𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙉𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙊𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙋𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙌𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙍𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙎𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙏𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙐𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙑𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙒𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙓𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙔𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙕𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙖𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙗𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙘𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙙𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙚𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙛𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙜𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙝𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙞𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙟𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙠𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙡𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙢𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙣𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙤𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙥𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙦𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙧𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙨𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙩𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙪𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙫𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙬𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙭𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙮𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙯𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙰𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙱𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙲𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙳𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙴𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙵𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙶𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙷𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙸𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙹𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙺𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙻𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙼𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙽𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙾𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑙿𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚀𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚁𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚂𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚃𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚄𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚅𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚆𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚇𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚈𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚉𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚊𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚋𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚌𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚍𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚎𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚏𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚐𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚑𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚒𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚓𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚔𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚕𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚖𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚗𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚘𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚙𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚚𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚛𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚜𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚝𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚞𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚟𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚠𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚡𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚢𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚣𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚤𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚥𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚦𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚧𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚨𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚩𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚪𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚫𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚬𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚭𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚮𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚯𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚰𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚱𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚲𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚳𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚴𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚵𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚶𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑚷𑖿𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚸𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚹𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚺𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚻𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚼𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚽𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚾𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑚿𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛀𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛁𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛂𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛃𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛄𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛅𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛆𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛇𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛈𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛉𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛊𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛋𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛌𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛍𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛎𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛏𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛐𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛑𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛒𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛓𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛔𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛕𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛖𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛗𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛘𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛙𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛚𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛛𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛜𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛝𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛞𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛟𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛠𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛡𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛢𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛣𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛤𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛥𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛦𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛧𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛨𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛩𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛪𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛫𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛬𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛭𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛮𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛯𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛰𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛱𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛲𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛳𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛴𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛵𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛶𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛷𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛸𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛹𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛺𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛻𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛼𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛽𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛾𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑛿𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜀𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜁𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜂𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜃𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜄𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜅𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜆𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜇𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜈𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜉𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜊𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜋𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜌𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜍𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜎𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜏𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜐𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜑𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜒𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜓𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜔𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜕𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜖𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜗𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜘𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜙𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜚𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜛𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜜𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜝𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜞𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜟𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜠𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜡𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜢𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜣𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜤𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜥𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜦𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜧𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜨𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜩𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜪𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜫𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜬𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜭𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜮𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜯𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜰𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜱𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜲𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜳𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜴𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜵𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜶𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜷𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜸𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜹𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜺𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜻𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜼𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜽𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜾𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑜿𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝀𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝁𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝂𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝃𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝄𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝅𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝆𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝇𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝈𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝉𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝊𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝋𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝌𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝍𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝎𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝏𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝐𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝑𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝒𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝓𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝔𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝕𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝖𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝗𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝘𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝙𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑝚𑖾𑖦

Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖸 𑖥𑖥𑖿𑖦 𑖨𑖽𑖦𑖾𑖫𑖲𑖯𑖸 𑖑𑖾𑖢𑖿𑖢

Tôn này có Mật Hiệu là **Tối Thắng Kim Cương**
Chử chủng tử là BU () hay CUṂ ()
Tam Muội Gia Hình là Ấn Thuyết Pháp, hoặc Hiền Bình

Tướng Ấn là Liên Hoa Hợp Chưởng

Hoặc **Chuẩn Đề Bồ Tát Căn Bản Ấn**

Hai tay: ngón út, ngón vô danh hướng vào bên trong cài chéo nhau, duỗi thẳng hai ngón giữa sao cho đầu ngón dựa nhau, đem hai đầu ngón trỏ phụ mặt bên cạnh lóng trên của hai ngón giữa rồi đem hai ngón cái đều phụ bên cạnh ngón của hai ngón trỏ.

Ấn này có tên là **Tam Cổ Ấn** . Tam Cổ tức ba con mắt trên khuôn mặt biểu thị cho ba Bộ: Phật Bộ, Liên Hoa Bộ, Kim Cương Bộ.

Hoặc đem Ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út phối trí với năm Trí: Pháp Giới Thể Tính Trí, Đại Viên Kính Trí, Bình Đẳng Tính Trí, Diệu Quán Sát Trí, Thành Sở Tác Trí

Chân Ngôn là:

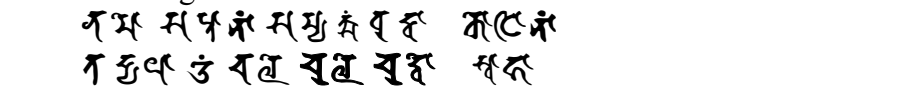

NAMO SAPTĀNĀṂ SAMYAKSAṂBUDDHA KOṬINĀṂ
TADYATHĀ: OṂ_ CALE CULE CUṆDHE _ SVĀHĀ

2_ **Phật Mẫu Phật Nhãn** (Buddha-locani):

Lại xưng là Phật Nhãn Bộ Mẫu, Phật Nhãn Minh Phi, Phật Nhãn Tôn, Hư Không Nhãn Minh Phi, Năng Tịch Mẫu, Kim Cương Cát Tường Nhãn, Nhất Thiết Như Lai Phật Nhãn Đại Kim Cương Cát Tường Nhất Thiết Phật Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Bảo, Phật Mẫu Tôn, Phật Mẫu Thân.

Tôn này là nơi hóa hiện thuộc **Trung Đạo Diệu Trí** của Bát Nhã, nên là Tổng Mẫu sinh ra chư Phật Bồ Tát. Do là Mẫu sinh ra Công Đức của Phật Bộ nên xưng là Phật Mẫu hay Phật Bộ Mẫu. Lại do Tôn này có đủ năm loại mắt nên xưng là Phật Nhãn.

Pháp tu của Tôn này là Tức Tai và Giáng Phục. Quyến Thuộc của Tôn này là Tinh Tú.

Tôn hình: Thân hiện màu thịt, đầu đội mão báu, tai đeo khoen vàng, cánh tay đeo vòng xuyến, thân khoác áo lụa màu hồng, tay kết Định Ấn, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là **Thù Thắng Kim Cương**
Chủng Tử là GA (𑖜) hoặc GAṂ (𑖜𑖾)
Tam Muội Gia Hình là Phật Đỉnh Nhãn

Tướng Ấn là: Hư Tâm Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖦𑖃 𑖦𑖦𑖜 𑖪𑖭𑖾𑖨𑖿 𑖜𑖜𑖜 𑖪𑖨 𑖢𑖽𑖩𑖿 𑖜𑖜𑖜 𑖦𑖦𑖪𑖿 𑖦𑖭𑖾𑖩𑖽𑖨𑖿 𑖢𑖦𑖨 𑖦𑖕𑖪𑖿 𑖣𑖢 𑖡𑖾𑖦𑖿𑖥𑖿𑖨𑖿 𑖦𑖕𑖬

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ GAGANA VARA LAKṢAṆE_ GAGANA-SAMAYE_ SARVATA UDGATA ABHISĀRA SAṂBHAVE JVALA_ NAMO AMOGHĀNĀṂ_ SVĀHĀ

3_ **Nhất Thiết Như Lai Trí Ấn** (Sarva-tathāgata-jñāna-mudra):

Lại xưng là Nhất Thiết Phật Tâm Ấn, Nhất Thiết Biến Tri Ấn, Đại Dũng Mãnh Ấn, Tam Giác Ấn…

Tam Giác Ấn là biểu thị cho Tam Muội Gia Hình của bốn loại Pháp Thân, là TIêu Chí chung của bốn Trí Ấn, dung sắc trắng tươi, đứng ở trên hoa sen trắng, bên ngoài có lửa sáng vây quanh.

Tam Giác có nghĩa là giáng phục, trừ chướng… đại biểu cho Đức Phật ngồi ở Đạo Trường dùng đại thế uy mãnh giáng phục bốn Ma, được thành Chính Giác nên có hình ba lớp tam giác kèm chữ Vạn nhằm biểu thị cho Trí Tuệ của chư Phật ba đời. Màu trắng tươi biểu thị cho Đại Từ Bi, tượng trưng cho Như Lai thường dùng Bi Quang chiếu khắp Pháp Giới.

Bên trong Tam Giác và phần đỉnh của Tam Giác có chữ Vạn….là bởi vì tam giác và đại biểu cho lửa Trí. Đó là nơi mới phát Tâm Bồ Đề, mới phát Đạo Tâm được hình tượng lửa Trí thiêu đốt vật, hay trừ nghiệp Tham Sân Si của ba cõi. Điều này liền thành tựu gốc của vạn đức cho nên dùng chữ Vạn làm tiêu biểu

Nếu khi đến cảnh giới của Phật Trí thời viên mãn mọi Đức giống như mặt trăng đầy. Bởi thế ngay trên Tam Giác liền có Viên Luân (vành hình tròn), trên Viên Luân có chữ Vạn biểu thị cho tướng vạn Đức của Quả Vị cho nên Thai Tạng Giới dùng Ấn này sinh khởi, dùng hình của Ấn này để thành.

Mật Hiệu là: **Phát Sinh Kim Cương**

Chữ chủng tử là AṂ (𑖀𑖾) hay KHAṂ (𑖑𑖾)

Tam Muội Gia Hình là Tam Giác Trí Ấn

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖪𑖿 𑖪𑖨𑖯 𑖛𑖢𑖿𑖤𑖿𑖩 𑖧𑖿 𑖪𑖢 𑖛𑖢 𑖝𑖟𑖪𑖯𑖿 𑖏𑖤𑖿𑖞𑖿 𑖦𑖾𑖪𑖿 𑖪𑖢 𑖝𑖢𑖤𑖿 𑖪𑖤𑖿𑖞

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ AṂ SARVA-BUDDHĀ BODHISATVA-HṚDAYAṂ NYĀVEŚANI_ NAMAḤ SARVA VIDE_ SVĀHĀ

4_ **Đại Dũng Mãnh Bồ Tát** (Mahā-vīra-bodhisatva):

Tôn này đồng với **Như Lai Như Ý Bảo Bồ Tát**. Tôn này vì Tịnh Bồ Đề Tâm, đã gom tập thành vô biên Hạnh Nguyện, thường tuôn mưa tất cả tài bảo của Thế Gian và Xuất Thế Gian. Tôn này tượng trưng cho các Hạnh của chư Phật. Ngài mang thân Bồ Tát biểu thị cho Trí sinh ra chư Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái để bên dưới rốn cầm viên ngọc báu, tay phải cầm cây Kiếm Tam Cổ, ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là **Nghiêm Tấn Kim Cương**

Chủng Tử là KA (𑖏)

Tam Muội Gia Hình là Như Ý Bảo Châu

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

ཨོཾ་སམཱ་ནྟ་བུདྡྷཱ་ནཱཾ་ སརྦ་ཐཱ་ ཝི་མ་ཏི་ ཝི་ཀི་རཎ་ ཌྷརྨ་ དྷཱ་ཏུ་ ནིརྫ་ཏ་ སཾ་ སཾ་ ཧཱ་ སྭཱཧཱ།

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ SARVATHĀ VIMATI VIKIRAṆA_ DHARMA-DHĀTU NIRJATA SAṂ SAṂ HĀ_ SVĀHĀ

5_ **Đại An Lạc Bất Không Kim Cương** (Mahā-sukha-amogha-vajra):

Lại xưng là Đại An Lạc Bất Không Chân Thật Bồ Tát (Vajra-amogha-samaya-satva), Đại An Lạc Bất Không Bồ Tát, Đại An Lạc Chân Thật Bồ Tát, Phổ Hiền Diên Mệnh Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho sự đại an lạc chân thật , nên cũng là Mẫu của chư Phật Bồ Tát. Do Tôn này hay sinh ra các Công Đức của các Tôn trong Kim Cương Bộ nên còn được xưng là Kim Cương Bộ Mẫu

Tôn Hình: Thân màu thịt, đầu đội mão báu, ngồi trên hoa sen hồng, hai bên trái phải đều có mười cánh tay.

Tôn này có Mật Hiệu là **Chân Thật Kim Cương**

Chủng Tử là KA (𑖏)

Tam Muội Gia Hình: Chày Tam Cổ của hình giáp trụ

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Hoặc **Phổ Hiền Diên Mệnh Bồ Tát Ấn**:

Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền, duỗi giương hai ngón trỏ, đem ngón trỏ phải đè ngón trỏ trái. Cả hai cùng móc kết nhau rồi để ở đỉnh đầu.

Ngón trỏ trái (Phong) là **Tức Phong** (gió của hơi thở) sinh diệt của Phàm Phu. Ngón trỏ phải (Phong) là **Mệnh Phong** (Gió của sinh mệnh) Kim Cương Bất Hoại của cõi Phật. Cả hai cùng móc kết nhau tức biểu thị cho gió sinh mệnh bị chia chặt của chúng sinh hòa với Đệ Nhất Mệnh thường trụ của Như Lai, kết hợp tiến vào bờ mé **vốn chẳng sinh** tức là chúng sinh chư phật là Kim Cương Thọ Mệnh của Nhất Như để thành tựu Diên Mệnh (sống lâu)

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖪𑖿𑖨𑖸𑖫𑖿𑖨𑖸 𑖮𑖾𑖤𑖾

OṂ_ VAJRA-ĀYUṢE SVĀHĀ

Hay: 𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖸𑖫𑖿𑖨𑖸 𑖨𑖽𑖩𑖿𑖩𑖽 𑖜𑖿𑖨𑖰𑖪𑖾 𑖮𑖾𑖤𑖾

OṂ_ VAJRĀYUṢE HŪṂ HŪṂ ŚIKHI SVĀHĀ

Tóm lại, Biến Tri Viện diễn tả Pháp Thân của Tỳ Lô Giá Na Như Lai đang chuyển biến từ cõi Tự Giác sang cõi Giác Hữu Tình, hay Viện này biểu thị **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha-bhūmi). Bồ Tát Thập Địa tu tập viên mãn **Trí Ba La Mật** (Jñāna-pāramitā), có thể giảng Pháp cho tất cả Thế Giới một cách bình đẳng như những đám mây tuôn xuống những cơn mưa lớn trong mùa đại hạn, tượng trưng cho Công Đức **biết khắp tất cả** của Đại Viên Cảnh Trí

Đây là địa vị của Đức Phật biểu hiện ở một vị Bồ Tát.

QUÁN ÂM VIỆN

Viện này có vị trí ở phương Bắc của Trung Đài Bát Diệp Viện. Lại xưng là Liên Hoa Bộ Viện, Pháp Bộ Viện

Viện này đại biểu cho Lý Đức "***Chúng sinh vốn có đủ tâm Tịnh Bồ Đề***". Tức biểu thị cho Diệu Đức **Đại Bi Tam Muội** của Như Lai, hoặc **Diệu Quán Sát Trí** là một trong năm Trí của Như Lai.

Do trong thân chúng sinh vốn có đủ Lý Thanh Tịnh của Tâm Tịnh Bồ Đề. Tuy ở tại 6 nẻo, 4 loài, Thế Giới mê vọng… bị luân chuyển trong bùn dơ sinh tử nhưng Tâm Tịnh Bồ Đề vốn có đủ ấy vẫn chẳng bị nhiễm chẳng bị dơ, giống như hoa sen xuất ra từ bùn dơ mà chẳng bị nhiễm dính, vì thế được xưng là Liên Hoa Bộ Viện

Lại nữa, do Tam Muội Đại Bi của Như Lai hay làm cho rạng rỡ tươi tốt muôn điều lành giúp cho chúng sinh tự thấu ngộ bản Tâm thanh tịnh không cấu nhiễm vốn có của mình nên được gọi là **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya)

Vì Viện này đại biểu cho dụng của **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna) là sự quán tưởng của Trí xem xét mọi tướng chung, tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn ngại cho nên được xưng là **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya)

Viện này có 37 Tôn gồm 21 Tôn Chủ và 16 Tôn bạn thuộc nhóm **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta).

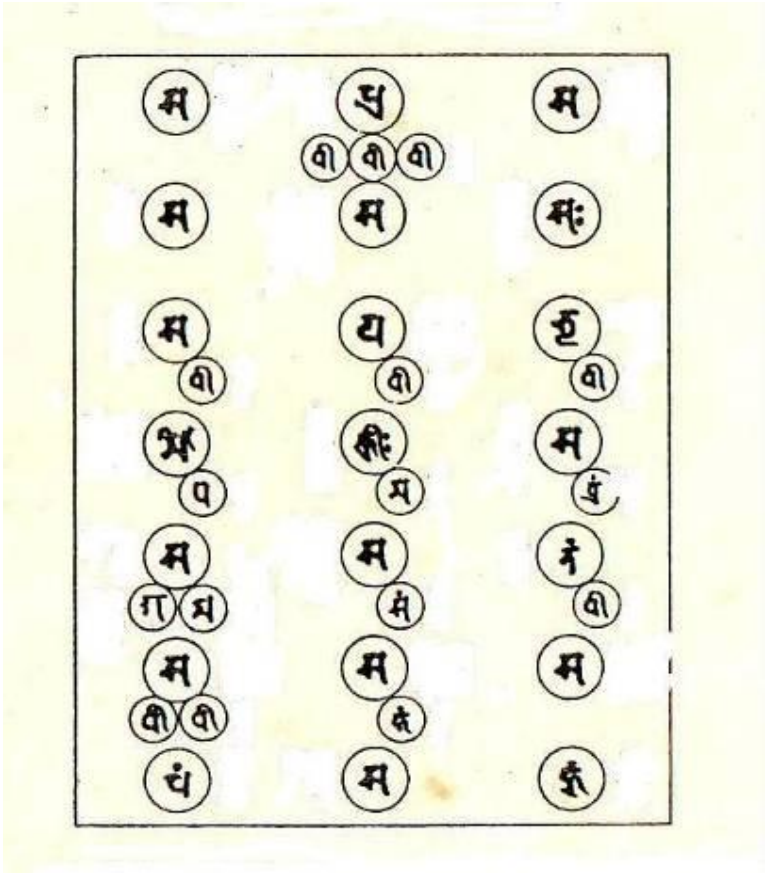

_ Hàng thứ nhất (từ phải qua trái, từ trên xuống dưới):có 10 Tôn

1_ Liên Hoa Bộ Phát Sinh (𑖨)

2_ Đại Thế Chí (𑖨𑖽)

3_ Tỳ Câu Đê (𑖭)

4_ Sứ Giả của Tỳ Câu Đê (𑖌𑖿)
5_ Thánh Quán Âm (𑖨)
6_ Sứ Giả của Thánh Quán Âm (𑖩𑖿)
7_ Đa La (𑖪𑖿)
8_ Sứ Giả của Đa La (𑖌𑖿)
9_ Đại Minh Bạch Thân (𑖨)
10_ Mã Đầu (𑖫𑖿)
_ Hàng thứ hai (từ phải qua trái, từ trên xuống dưới): có 14 Tôn
1_ Đại Tùy Cầu (𑖬))
2_ Ba sứ Giả của Đại Tùy Cầu (𑖌𑖿) (𑖌𑖿) (𑖌𑖿)
3_ Tát Đỏa Bà Đại Cát Tường (𑖨)
4_ Gia Du Đa La (𑖭𑖿)
5_ Sứ Giả của Gia Thâu Đa La (𑖌𑖿)
6_ Như Ý Luân (𑖮𑖿)
7_ Sứ Giả của Như Ý Luân (𑖯)
8_ Đại Cát Tường Đại Minh (𑖨)
9_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Đại Minh (𑖰𑖿)
10_ Đại Cát Tường Minh (𑖨)
11_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Minh (𑖱𑖿)
12_ Tịch Lưu Minh (𑖨)
_ Hàng thứ ba (từ phải qua trái, từ trên xuống dưới): có 13 Tôn
1_ Bị Diệp Y (𑖨)
2_ Bạch Thân (𑖨)
3_ Phong Tài (𑖨)
4_ Sứ Giả của Phong Tài (𑖌𑖿)
5_ Bất Không Quyến Sách (𑖲)
6_ Sứ Giả của Bất Không Quyến Sách (𑖳𑖿)
7_ Thủy Cát Tường (𑖨)
8_ Hai Sứ Giả
_Bên trái: Đồ Hương Cúng Dường Sứ Giả (𑖴𑖿)
_Bên phải: Thiêu Hương Cúng Dường Sứ Giả (𑖯)
9_ Đại cát Tường Biến (𑖨)
10_ Hai vị Sứ Giả (𑖌𑖿) (𑖌𑖿)
11_ Bạch Xứ (𑖵𑖿)

1_ Liên Hoa Bộ Phát Sinh Bồ Tát (Padma-kulodbhava):

Tôn này biểu thị cho việc Hành Giả bắt đầu tu tập hạnh Đại Bi đối với tất cả chúng sinh, sinh ra mọi Công Đức **Hóa Tha** của Liên Hoa Bộ, để dần dần hoàn thiện mọi tướng tốt của **Báo Thân Phật,** tức 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái để ngang ngực cầm hoa sen hé nở, tay phải để ngang trái tim co ngón vô danh, ngồi yên trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Vô Tận Kim Cương**
Chữ chủng tử là: SA (𑖯) hay MO (𑖨)
Tam Muội Gia Hình là:Hoa sen chưa nở

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:
𑖦𑖨𑖿𑖯𑖨𑖿𑖦 𑖦𑖀𑖾𑖨𑖿𑖦𑖰𑖟𑖾𑖯𑖿 𑖑𑖿𑖯𑖿𑖟𑖿𑖮 𑖑𑖿𑖫𑖿𑖮 𑖫𑖭 𑖦𑖾𑖫𑖿𑖮 𑖆𑖫𑖿𑖮
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ - KṢAḤ DAḤ RA YAṂ KAṂ

2_ Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta):

Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta), dịch ý là Đắc Đại Thế, Đại Tinh Tiến. Lược xưng là Thế Chí Bồ Tát.

Tôn này dùng ánh sáng Trí Tuệ chiếu khắp tất cả khiến cho chúng sinh lìa xa ba nẻo ác, được sức vô thượng. Khi Tôn này bước đi thời tất cả đại địa đều chấn động cho nên xưng là **Đại Thế Chí**.

Tôn này với Quán Thế Âm Bồ Tát cùng theo hầu Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc, nên được xưng chung là **Tây Phương Tam Thánh**

Lúc còn ở Nhân Địa thời Đại Thế Chí Bồ Tát dùng Tâm niệm Phật mà nhập vào Vô Sinh Nhẫn cho nên nay nhiếp chúng sinh niệm Phật ở **Thế Giới Ta Bà** (Sāha-loka-dhātu) quy về Tịnh Thổ.

Tôn này hay khiến cho chúng sinh xa lìa ba Độc, được sức vô thượng.

Tôn Hình:Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen mở khép, tay phải giương lòng bàn tay co 3 ngón ở giữa (vô danh, giữa, trỏ) để trước ngực, ngồi yên trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Trì Luân Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SAṂ (𑖯𑖽) hay SAḤ (𑖯𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa nở

Tướng Ấn là:Hư Tâm Hợp Chưởng

Hoặc **Không Tâm Hợp Chưởng** giống như hoa sen chưa hé nở.

Chân Ngôn là:

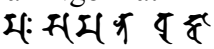

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ JAṂ JAṂ SAḤ_ SVĀHĀ

3_ Tỳ Câu Chi Bồ Tát (Bhṛkuṭi):

Tôn này là Hóa Thân của Thánh Mẫu Tārā, chủ về sự kính vâng theo Pháp Cứu Độ thanh tịnh và nhằm chặn đứng sự tàn phá của **Trí Đại Không** (Mahā-śūnya-jñāna) để hoàn thiện phước báu Diệu Hữu.

Tôn Hình: Thân màu thịt, có búi tóc hình mũ giống như đất giữ gìn vạn vật, chung quanh kết bởi các báu, chính giữa có hình Đức Phật A Di Đà trụ tướng Thuyết Pháp. Điều này biểu thị cho sự kính vâng theo **Trí Tuệ Phổ Môn** (Viśva-mukhe-jñāna) của Như Lai để hoàn thiện Phước Đức.

Thân hình có 4 tay. *Bên phải*: Tay thứ nhất rũ xuống thành Ấn **Dữ Nguyện**, tay thứ hai co ngửa lên cầm Tràng hạt .*Bên trái*: tay thứ nhất co lên cầm hoa sen, tay thứ hai cầm Bình Quân Trì.

Mật Hiệu là: **Định Tuệ Kim Cương** (Ngoài ra còn có Mật Hiệu khác là: **Giáng Phục Kim Cương, Trừ Chướng Kim Cương**)

Chữ chủng tử là: BHṚ ( ) hay TRĀ ()

Tam Muội Gia Hình là: chuỗi tràng hạt (Sổ Châu Man)

Tướng Ấn là: Tỳ Câu Chi Ấn. Chắp hai tay lại, giữa rỗng không, nhấc 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) so le áp cùng nhau

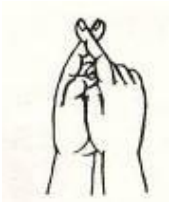

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖥𑖿 𑖥𑖨𑖌𑖿 𑖦𑖾𑖩𑖿𑖥𑖰𑖪𑖿 𑖥𑖾𑖫 𑖪𑖿𑖬𑖨 𑖦𑖿𑖬𑖨𑖪𑖿 𑖫𑖿 𑖧𑖿𑖨𑖿𑖬𑖨 𑖧𑖿𑖪𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA BHAYA TRĀSANI HŪṂ SPHAṬYA_ SVĀHĀ

4_ Sứ Giả của Tỳ Câu Chi (Phụng Giáo Sứ Giả: Pratihāri):

Tôn này Thị Giả của ở cạnh bên phải Tỳ Câu Chi, cầu xin hoàn chỉnh Phước Báu Hữu Vi

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, tay phải đè bắp đùi, ngồi yên trên hoa sen

Chữ chủng tử là :DHĪ (𑖣𑖿)

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖥𑖿 𑖥𑖨𑖌𑖿 𑖦𑖾𑖩𑖿𑖥𑖰𑖪𑖿 𑖣𑖿 𑖧𑖿𑖭𑖿 𑖫𑖾𑖪𑖿 𑖧𑖿𑖪𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

5_ Thánh Quán Âm (Ārya-avalokiteśvara):

Lại xưng là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát, Chính Quán Thế Âm Bồ Tát, Chính Quán Âm. Là Bộ Chủ của Liên Hoa Bộ Viện tượng trưng cho Bản Nguyện dùng Từ Bi cứu tế chúng sinh.

Quán Thế Âm Bồ Tát còn đại biểu cho **Tâm Đại Bi** của chư Phật, biểu tượng của Ngài là hoa sen tượng trưng cho Trí thanh tịnh.

Nguyên Quán Thế Âm Bồ Tát cùng với Đức Phật A Di Đà chỉ là sự sai khác về Nhân và Quả, Ngài là Nhân còn A Di Đà Phật là Quả, có Nhân ắt có Quả, Quả ấy chứng tỏ chẳng trống rỗng (Bất Không) đồng thời biểu thị cho **tức Nhân tức Quả ,** hiện bày Lý không hai của Nhân Quả, vì thế trong mão báu của Ngài có Đức Hóa Phật A Di Đà và Ngài được xem là **Chính Pháp Luân Thân** của Đức Phật A Di Đà.

Tôn này biểu thị cho **Đức Giải Thoát** là một trong 3 Đức của Niết Bàn là *Pháp Thân Đức , Bát Nhã Đức, Giải Thoát Đức.*

Tôn Hình:Thân màu thịt trắng, đầu đội mão báu, trên mão có Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, tay trái cầm hoa sen đỏ, tay phải hơi co các ngón tay cầm một cánh hoa sen làm dạng bóc mở hoa sen, ngồi trên tòa hoa sen

Đức Vô Lượng Thọ Phật trong mão báu biểu thị cho Quả cuối cùng của Hạnh Liên Hoa, tức là Trí **Phương Tiện Phổ Môn** của Như Lai

Hoa sen đỏ ở tay trái biểu thị cho Tâm sen (liên tâm) Bản Giác của chúng sinh bị vô minh phiền não ràng buộc che lấp trong vô lượng kiếp, chẳng thể hé nở cho nên bị chìm đắm trong biển khổ.

Tay phải làm thế bóc hoa tượng trưng cho ý nghĩa: dùng **Công Đức Đại Bi** làm phương tiện để giải trừ sự Vô Minh mê vọng và giúp cho Tâm sen của chúng sinh tự hé nở, tức là giác ngộ được Bản Tâm thanh tịnh vốn có của mình

Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương, Bản Tịnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖦) hay MO (𑖨) hay HRĪḤ (𑖪𑖿𑖩𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Sơ Cát Liên Hoa (hoa sen mới cắt)

Tướng Ấn là: Bát Diệp Ấn (Quán Tự Tại Ấn)

Hay **Liên Hoa Bộ Tâm Ấn:** Hai tay tác Nội Phộc, duỗi thẳng ngón cái phải, xưng là Liên Hoa Bộ Tâm An

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖾 𑖥𑖨𑖪𑖪 𑖛𑖿𑖤𑖾𑖦𑖾𑖦 𑖥𑖿𑖤 𑖪𑖬𑖫𑖪𑖛𑖿𑖤𑖪𑖾𑖪 𑖦𑖿𑖭𑖩 𑖥𑖨𑖪𑖦 𑖩 𑖩 𑖩 𑖧𑖿𑖦𑖦 𑖪𑖾𑖦𑖪

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA TATHĀGATA AVALOKITA KĀRUṆI MAYA_ RA RA RA HŪṂ JAḤ_ SVĀHĀ

6_ Sứ Giả của Thánh Quán Âm (Liên Hoa Quân Trà Lợi: Padma-kuṇḍali):

Tôn này là Thị Giả ở bên cạnh phải của Thánh Quán Thế Âm Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu xanh, tóc như lửa mạnh dựng đứng, cầm hoa sen chưa nở, mặc áo khoác ngoài (thiên Y), ngồi yên trên đài sen

Mật Hiệu là: **Giáng Phục Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KU (𑖦) hay BRAṂ (𑖧𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa nở

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

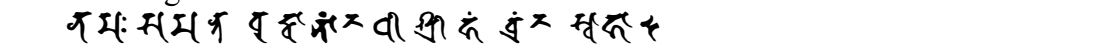

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

7_ Đa La Bồ Tát (Tārā):

Còn gọi là Đa Lợi Bồ Tát, dịch ý là con mắt, con ngươi (đồng tử), Diệu Mục Tinh, Cứu Độ

Tôn này lại được xưng là Đa La Tôn, Đa Lợi Tôn, là thân Hóa Hiện của Quán Thế Âm cho nên cũng xưng là Đa La Tôn Quán Âm, Đa Lợi Quán Thế Âm.

Tārā là con mắt hay con mắt tĩnh diệu. Tôn này là một thân Hóa Hiện của Quán Thế Âm được sinh ra bởi ánh quang minh phóng ra từ mắt của ngài. Tôn này luôn nhìn tất cả chúng sinh giống như bà mẹ hiền theo dõi chăm sóc con thơ. Mục đích của Ngài là cứu độ chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử. Do chủ về hai Đức đại Bi và hàng phục nên Tôn này được xem là **Phật Mẫu** của Liên Hoa Bộ.

Tôn này có 21 loại Hóa Thân nên lại xưng là 21 Độ Mẫu.

Tôn Hình: Thân màu trắng xanh, mặc áo Yết Ma, đầu đội mão tóc, trên có vị Hóa Phật, chắp hai tay lại, tay cầm hoa sen xanh, ngồi Bán Già trên tòa sen

Mật Hiệu là: **Bi Sinh Kim Cương, Hạnh Nguyện Kim Cương**
Chữ chủng tử là TĀ (𑖟), hay TAṂ (𑖞), hay TRA (𑖜)
Tam Muội Gia Hình là hoa sen xanh

Tướng Ấn là: Thanh Liên Hoa Ấn. Hai tay tác Nội Phộc, nhấc 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) giống như mũi kim nhọn, để 2 Hư Không Luân (2 ngón cái) lên Phong Luân (ngón trỏ)

Chân Ngôn là:
𑖦𑖾𑖪𑖿𑖩𑖽 𑖮𑖪𑖿𑖢𑖾𑖦𑖾𑖯𑖽 𑖮𑖟𑖾 𑖮𑖟𑖪𑖾𑖨𑖽 𑖏𑖾𑖬𑖿𑖫𑖾𑖯𑖽 𑖨𑖾𑖩𑖾𑖑𑖽
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ TĀRE TĀRIṆI KĀRUṆA-UDBHAVE_ SVĀHĀ

8_ Sứ Giả của Đa La (Tārā-ceṭi):
Tôn này là Thị Giả ở cạnh bên trái của Đa La Bồ Tát
Tôn Hình: Thân màu thịt, quỳ gối chắp hai tay lại, nâng hoa sen chưa nở

Chữ chủng tử là: DHĪ (𑖇𑖾)

Tam Muội Gia Hình là:Hoa sen chưa hé nở

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

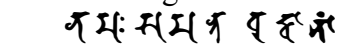

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

9_ Đại Minh Bạch Thân Bồ Tát (Gaurī-mahā-vidya):

Tôn này là một trong 8 vị Minh Phi (Vidya-rājñi) có tên gọi là **Ngạo Lý Minh Phi** (Gaurī: Bạch Y Nữ) nên đồng Thể với Bạch Y Quán Âm, biểu thị cho Tâm Bồ Đề trắng tịnh.

Tôn Hình: Thân màu vàng lợt, tay phải co cánh tay kết Dữ Nguyện Ấn để trước ngực, tay trái co khuỷu tay cầm hoa sen hé nở, ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Thường Tịnh Kim Cương, Phóng Quang Kim Cương**
Chữ chủng tử là: SA (𑖯), nghĩa là ***Đệ Nhất Nghĩa Đế chẳng thể đắc***
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:
𑖡𑖾𑖯𑖸 𑖯𑖾𑖫𑖪 𑖨𑖽𑖩𑖰𑖟 𑖭𑖾𑖯𑖸 𑖤𑖾 𑖫𑖾 𑖬𑖾𑖫𑖾 𑖏𑖾𑖫𑖾
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ - KṢAḤ DAḤ RA YAṂ KAṂ

10_ Mã Đầu Minh Vương Bồ Tát (Hayagrīva):

Lại xưng là Mã Đầu Quán Âm, là một trong sáu vị Quán Âm hóa độ sáu nẻo. Là thân Hóa cứu độ chúng sinh trong nẻo súc sinh của Đức Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Tôn này là một hiện thân của Quán Thế Âm với hình dáng to lớn, tóc dựng đứng lên, đôi mắt đầy phẫn nộ. Tôn tượng có 3 mặt, mỗi mặt có 3 mắt. Hiện tướng lộ 2 nanh cong lên hai bên mép miệng. Trên đỉnh trán của mặt chính có hình vị Hóa Phật, và đội đầu con ngựa ngay giữa đỉnh. Do đó Tôn này có tên là **Quán Âm Đầu Ngựa** (*Mã Đầu Quán Âm*).

Tôn này có đầy đủ tính cách của một vị Minh Vương nên được kể vào 8 đại Minh Vương (Mahā-vidya-rāja) và gọi là **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja) . Tôn này do nhân Đại Bi nên không trú ở Niết Bàn mà trụ trong cảnh giới Vô minh để đoạn tận các nẻo ác. Nói cách khác, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu là để tượng trưng cho sức tinh tiến của các vị Bồ Tát không bao giờ ngưng nghỉ ở bất cứ chỗ nào trong vòng sinh tử , cương quyết anh dũng đánh dẹp ***vô minh khổ não*** chẳng kể đến thân mệnh mình. Vì thế Tôn này có mật hiệu là **Tấn Tốc Kim Cương**

Lại nữa, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu để biểu dương sức mạnh có thể nuốt được tất cả lửa dữ của Chúng Sinh nên Tôn này còn có Mật Hiệu là **Đạm Thực kim Cương** (Khada-vajra)

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, ba mặt hai cánh tay. Hai tay kết Ấn, dựng đầu gối phải, đầu đội cái đầu ngựa trắng, ngồi yên trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Tấn Tốc Kim Cương, Đạm Thực Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HAṂ (𑖣𑖾𑖯) hay HŪṂ (𑖤𑖾𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: Đầu ngựa trắng

Tướng Ấn là: Mã Đầu Ấn. Hai tay tác Không Tâm Hợp Chưởng, đưa ngón vô danh vào trong lòng bàn tay co 2 Ngón trỏ đặt dưới gốc ngón cái cách nhau giống như hạt lúa mạch

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖰𑖨𑖿𑖮𑖪 𑖣𑖾𑖯 𑖦𑖭𑖿𑖨

OṂ_ AMṚTODBHAVA HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

Hay:𑖡𑖰𑖃 𑖪𑖰𑖧 𑖨𑖿𑖭𑖽𑖩 𑖣𑖾𑖯 𑖆𑖫𑖲𑖪 𑖦𑖭𑖿𑖨𑖽 𑖨𑖭𑖿𑖨

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HŪṂ KHĀDAYA BHAṂJA SPHAṬYA_ SVĀHĀ

11_ Đại Tùy Cầu Bồ Tát (Mahā-pratisarā):

Lược xưng là Tùy Cầu Bồ Tát, hay khiến cho tất cả chúng sinh viên mãn sự mong cầu.

Do Tôn này thường tùy theo sự nguyện cầu của chúng sinh mà diệt trừ Tội Vô Gián; trừ tai nạn về nước, lửa, đao binh, thuốc độc; trừ nạn Rồng Cá; miễn trừ nạn vua quan; cầu mưa; làm ngưng mưa gió; ban cho con cái, giúp cho vãng sinh về cõi Cực Lạc…. nên có tên là **Đại Tùy Cầu**.

Tôn Hình: Thân hình màu vàng đậm, một mặt , đội mão báu bên trong có vị Hóa Phật, 8 cánh tay dơ cao theo dạng Vô Úy . Bên phải, theo thứ tự 4 tay cầm : Chày Kim Cương Ngũ Cổ, Kích Xoa, Kiếm báu, Búa . Bên trái, 4 tay theo thứ tự cầm : Hoa sen (hoặc bánh xe) , Rương Kinh Phạn, cây Phướng báu, sợi dây.

Mật Hiệu là: **Dữ Nguyện Kim Cương**

Chữ chủng tử là PRA (𑖦) hay SA (𑖮), VAṂ (𑖪𑖾), AḤ (𑖀𑖾), HŪṂ (𑖨𑖽𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Phạn Khiếp hay Chày Ngũ Cổ, Tháp Suất Đỗ Ba trong đó có chứa rương Kinh Phạn.

Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖦𑖨𑖪𑖦𑖨𑖪𑖦𑖼𑖫𑖿𑖧 𑖢𑖿𑖦𑖪𑖢 𑖨𑖽𑖾𑖨𑖽𑖾 𑖦𑖦 𑖤𑖿 𑖪𑖢 𑖢𑖦

OṂ_ BHARA BHARA _ SAṂBHARA SAṂBHARA _ INDRIYA VIŚODHANI HŪṂ HŪṂ _ RURU CALE SVĀHĀ

12,13,14_ Ba vị Sứ Giả của Đại Tùy Cầu Bồ Tát:

Ba Tôn này đều có tên gọi là Liên Hoa Bộ Sứ Giả (Padma-ceṭi) ở trước mặt, phía bên phải Đại Tùy Cầu Bồ Tát.

Tôn Hình: Ba Tôn này đều hiện thân màu thịt, quỳ gối , vị chính giữa có tay trái cầm hoa, tay phải cầm cây kiếm. Hai vị còn lại ở hai bên trái phải đều chắp tay để trước ngực.

Chữ chủng tử là: DHĪ (𑖥𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: cây kiếm trên hoa sen

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖦𑖨𑖸𑖫𑖪𑖾 𑖧𑖿𑖤𑖨𑖾𑖫𑖿𑖥𑖿𑖨𑖾𑖦𑖸 𑖥𑖿𑖨𑖿𑖭𑖾𑖦𑖸 𑖨𑖾𑖫𑖿𑖪𑖾𑖦𑖸 𑖨𑖿𑖭𑖾𑖦𑖸 𑖪𑖾𑖫𑖿𑖪𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

15_ Tát Đỏa Bà Đại Cát Tường Bồ Tát (Stūpa-mahā-śrī):

Lại xưng là Tốt Đổ Ba Đại Cát Tường Bồ Tát. Là một trong 7 vị Bạch Cát Tường. Lại xưng là Tháp Đại Cát Tường Bồ Tát, Đới Tháp Đức Bồ Tát, Đới Tháp Cát Tường Bồ Tát.

Hoặc nói Tôn này là Di Lặc Bồ Tát, biểu thị cho Bồ Tát nối tiếp địa vị Như Lai Phật

Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay trái phải đều để ngang ngực cầm hoa sen, ngồi yên trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Trì Lạc Kim Cương**, hoặc **Lợi Ích Kim Cương**
Chữ chủng tử là :SA (𑖮)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:
𑖌𑖾𑖨𑖿 𑖮𑖪𑖿𑖦𑖾 𑖥𑖾𑖨𑖾𑖟𑖾 𑖮𑖪𑖿𑖦𑖾 𑖮𑖾
OṂ_ ĀRYA-STŪPA-MAHĀ-ŚRĪ SVĀHĀ

16_ Gia Du Đà La Bồ Tát (Yaśodhara):

Lại xưng là Gia Du Đa La, Gia Duy Đàn. Dịch ý là Hoa Sắc, Tác Trì Dự , Trì Xưng.

Lại xưng là **La Hầu La Mẫu** (Rāhula-māta) là người nữ cầm cây gậy (Daṇḍa-pāṇi) thuộc giòng họ Thích (Śākya) tại thành Ca Tỳ La ở Trung Ấn Độ, vợ chính của Thái Tử **Tất Đạt Đa** (Siddhārtha), mẹ đẻ của **La Hầu La** (Rāhula)

Một Thuyết nói là con gái của Đại Thần **Ma Ha Ná Ma** (Mahā-nāma) thuộc giòng họ Thích của Tộc Bà Tư Tra (Vaśiṣṭhā)

Hoặc nói nguyên là con gái của vua **Thiện Giác** (Suprabuddha) của thành Thiên Tý (Devadaha), em gái của **Đề Bà**, tướng tốt đoan nghiêm, thù diệu bậc nhất, đủ các đức mạo.

Năm năm sau khi Đức Thích Tôn thành Đạo, Gia Du Đà La cùng với di mẫu của Đức Thích Tôn là **Ma Ha Ba Xà Ba Đề** (Mahā-prajapati) và 500 cô gái thuộc tộc Thích Ca…. xuống tóc nhuộm áo, thọ nhận Cụ Túc Giới làm Tỳ Khưu Ni.

Tôn này là vị Minh Phi có thế lực lớn, chủ trì việc an lập hạt giống Bồ Đề của tất cả chúng sinh. Các loại Công Đức đều hàm tàng trong vị Minh Phi này mà sinh ra

Tôn Hình: Thân màu vàng chói, hiện tượng Thiên Nữ, đầu đội mão kim tuyến, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn, tay trái cầm cành cây

Mật Hiệu là: **Thị Hiện Kim Cương**

Chữ chủng tử là: YA (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Dương Liễu hoặc cành cây

Tướng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn

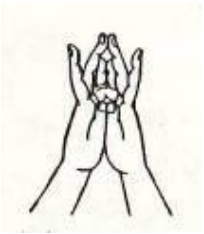

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖥𑖸 𑖥𑖫𑖦 𑖪𑖨𑖿𑖟𑖸𑖝𑖸𑖪𑖰𑖝 𑖟𑖸𑖝𑖸𑖥𑖪𑖰𑖪𑖸𑖝𑖸𑖧𑖭

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ YAṂ - YAŚODHARAYA - SVĀHĀ

17_ Sứ Giả của Gia Du Đà La (Duṭī):

Dutì còn được gọi là Liên Hoa Bộ Sứ Giả có vị trí ở trước mặt Gia Du Đà La.

Tôn Hình: Thân màu thịt, ngồi Bán Già, dựng đứng gối trái, tay phải nắm quyền để trên đùi bên phải, tay phải cầm hoa sen chưa nở.

Chữ chủng tử là : DHĪ (𑖣𑖿𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa nở

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

18_ Như Ý Luân Quán Âm (Cintā-maṇi-cakra):

Cintā-maṇi-cakra, dịch âm là Chấn Đa Ma Nê.

Trong Tôn Danh ấy: **Cintā** có nghĩa là suy tư, ước vọng, nguyện vọng. **Maṇi** có nghĩa là viên ngọc báu. **Cakra** có thể dịch là Viên (tròn trịa) hay Luân (bánh xe).Do vậy dịch ý là: Sở Nguyện Bảo Châu Luân, hoặc Như Ý Châu Luân. Nhưng từ xưa đến nay , phần lớn dịch là Như Ý Luân, Như Ý Luân Vương.

Do Bồ Tát này an trụ ở Tam Muội **Như Ý Bảo Châu** có thể như ý sinh ra vô số trân bảo, thường chuyển bánh xe Pháp nhiếp hóa hữu tình, như Nguyện trao cho phú quý, tài sản, Trí Tuệ, Thế Lực, Uy Đức… nên tên gọi được xưng đầy đủ là Như Ý Luân Quán Thế Âm Bồ Tát. Lại xưng là Như Ý Luân Bồ Tát, Như Ý Luân Vương Bồ Tát.

Như Ý Luân Quán Âm có một tay cầm viên ngọc Như Ý tượng trưng cho sự hay sinh ra hai loại tài bảo của Thế Gian với báu Thật Tướng của Xuất Thế Gian, hay khiến cho chúng sinh đầy đủ **Phước Đức**. Một tay cầm bánh xe vàng (kim luân) tượng trưng cho sự chuyển động tất cả Pháp Thật Tướng, hay khiến cho chúng sinh đầy đủ **Trí Đức**.

Tôn này thường dạo chơi trong sáu nẻo, dùng phương tiện Đại Bi giải trừ các khổ não cho chúng sinh.

Tôn Hình:Thân màu vàng, trên đầu kết báu quanh đỉnh tóc biểu thị sự trang nghiêm, trong mão có Đức Phật A Di Đà trụ tướng thuyết pháp. Thân ngồi Bán GIà trên hoa sen đỏ, một mặt 6 cánh tay. *Bên phải*: tay thứ nhất nâng mặt làm dạng suy tư biểu thị cho sự mẫn niệm chúng hữu tình, tay thứ hai cầm báu Như ý biểu thị cho sự làm mãn túc ước nguyện của tất cả chúng sinh, tay thứ ba cầm Tràng hạt biểu thị cho sự cứu khổ chúng sinh. *Bên trái*: Tay thứ nhất duỗi thẳng xuống ấn núi Quang Minh biểu thị cho sự khiến chúng sinh chẳng dao động Tín hạnh, tay thứ hai cầm hoa sen biểu thị cho sự hay trừ các phi pháp, tay thứ ba cầm bánh xe biểu thị cho sự chuyển pháp Vô Thượng.

Mật Hiệu là: **Trì Bảo Kim Cương** , hoặc **Dữ Nguyện Kim Cương**
Chữ chủng tử là : HRĪḤ (𑖪𑖽𑖾𑖨)
Tam Muội Gia Hình là: viên ngọc báu Như Ý

Tướng Ấn là **Như Ý Luân Căn Bản** Ấn: Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, cong hai ngón cái như hình báu, hai ngón giữa cũng co như dạng cánh sen, các ngón còn lại đều hợp đầu ngón như cây phướng.

Đến đây, trên cây phướng có hoa sen, trên hoa sen có viên ngọc báu.Lại do ngón giữa là lửa, Hỏa Đại là màu đỏ cho nên dùng đây là **Bảo Bồ Tát** của Liên Hoa Bộ. Vì thế dùng hình này biểu thị cho Bản Tôn Như Ý Luân.

Ngoài ra Như Ý Luân để trên cây phướng ắt biểu thị cho Đức **Tự Chứng Hóa Tha**

Chân Ngôn:

𑖌𑖼 𑖦𑖨 𑖪𑖕𑖨𑖿𑖫𑖩 𑖨𑖿𑖟 𑖭𑖼

OṂ_ PADMA CINTĀMAṆI JVALA HŪṂ

19_ Sứ Giả của Như Ý Luân (Ratna-pūja):

Tôn này tên là **Bảo Cúng Dường** (Ratna-pūja) là Thị Giả ở trước mặt Như Ý Luân Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu thịt, qùy gối trên đài sen, hai tay bưng cái mâm Kim Cương chứa đầy ngọc báu

Mật Hiệu là: **Cúng Dường Kim Cương**

Chữ chủng tử là: RA (𑖪) hay MA (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: ngọc báu trên cái mâm Kim Cương

Tướng Ấn là: Phổ Cúng Dường Ấn

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖨𑖪𑖿𑖫 𑖨𑖩 𑖦𑖨 𑖝𑖿𑖜 𑖪𑖕𑖨𑖿𑖫𑖩 𑖪𑖾𑖟𑖪𑖿𑖫𑖩 𑖀𑖨𑖪𑖿𑖫𑖩 𑖥𑖨𑖪𑖿𑖫𑖩 𑖭𑖼

OṂ_ AMOGHA PŪJA MAṆI PADMA VAJRE TATHĀGATA VILOKITE SAMANTA PRASARA HŪṂ

20_ Đại Cát Tường Đại Minh Bồ Tát (Mahā-śrī- mahā-vidya):

Đại Cát Tường (Mahā-śrī) biểu thị cho sự chẳng nhiễm sinh tử, là Tam Muội **Thanh Tịnh Vô Cấu Liên Hoa**

Đại Minh (Mahā-vidya) có nghĩa là **chiếu ứng độ cơ** không có bờ mé

Lại xưng là Đại Cát Tường Quán Tự Tại Bồ Tát, Đại Cát Tường

Tôn Hình: Thân màu thịt, ngồi trên hoa sen đỏ, tay trái cầm hoa sen hé nở để bên cạnh eo, tay phải co khuỷu tay, dựng đứng lòng bàn tay hướng ra ngoài, co 4 ngón tay lại, dựng thẳng ngón cái vịn cạnh ngón trỏ.

Mật Hiệu là: **Linh Thụy Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸 𑖯𑖫𑖸𑖪 𑖨𑖪𑖿𑖤𑖰𑖝 𑖐𑖾𑖦𑖾 𑖢𑖾 𑖭 𑖟𑖾 𑖏𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ - KṢAḤ DAḤ RA YAṂ KAṂ

21_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Đại Minh (Mālā-pūja)

Vị Sứ Giả này tên là **Man Cúng Dường** (Mālā-pūja) có vị trí ở cạnh bên trái của Đại Cát Tường Đại Minh Bồ Tát

Tôn Hình: Hai tay cầm vòng hoa, khoác Thiên Y, ngồi yên trên đài sen

Mật Hiệu là: **Đại Luân Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MA (𑖨) hay SAṂ (𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: vòng hoa

Tướng Ấn là Liên Hoa Hợp Chưởng để trước đầu

Chân Ngôn là:

𑖡𑖨𑖿𑖪𑖨𑖾 𑖪𑖦𑖿𑖨𑖾𑖦𑖿𑖢𑖸𑖩𑖿𑖦𑖸𑖨𑖿𑖩𑖸

Tôn Hình: Thân màu thịt, ngồi trên hoa sen đỏ, tay trái cầm hoa sen chưa hé nở, tay phải dựng lòng bàn tay hướng ra ngoài, co ngón vô danh và ngón út, dựng thẳng ba ngón còn lại

Mật Hiệu là: **Thường Khánh Kim Cương**
Chữ chủng tử là SA (𑖯)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖧𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖨𑖿𑖫𑖸𑖪𑖕𑖿 𑖯𑖪𑖕𑖿𑖟
OṂ_ MAHĀ-ŚRĪ-VIDYE SVĀHĀ

23_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Minh Bồ Tát (Padma-kula-ceṭī)

Tôn này là Liên Hoa Bộ Sứ Giả (Padma-kula-ceṭī) có vị trí ở bên cạnh thân của Đại Cát Tường Minh Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây kiếm, tay phải cầm hoa sen, phân biệt tượng trưng cho Trí Tuệ và Từ Bi, thân khoác Thiên Y. ngồi trên đài sen

Chữ chủng tử là: DHĪ (ཌཱི) hay HAṂ (ཧཾ)

Tam Muội Gia Hình là: cây kiếm dựng đứng trên hoa sen, trên mũi kiếm có hoa sen

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

ནཿསམནྟ བུདྡྷཱནཱཾ ཌཱི ཤྲཱི ཧཾ བྲཾ སྭཱཧཱ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

24_ Tịch Lưu Minh Bồ Tát (Śivāvaha-vidya):

Tôn này là thân phẫn nộ (krodha-kāya) của Liên Hoa Bộ. Quan hệ với Tôn của Định Môn, chọn lấy sự vắng lặng làm nghĩa lưu giữ của Tâm nên xưng là Tịch Lưu Minh

Tôn Hình: Thân màu thịt, đội mão Kim Tuyến, tay trái duỗi ngón trỏ, co 4 ngón còn lại để trước ngực. Tay phải hướng lòng bàn tay ra ngoài giơ cao lên, khoác Thiên Y, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Định Quang Kim Cương**
Chữ chủng tử là: SA (𑖯)
Tam Muội Gia Hình là: hoa sen hé nở

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼𑖯𑖪𑖽𑖨𑖿𑖮𑖸𑖕𑖿𑖮𑖾 𑖯𑖪𑖾
OṂ_ ŚIVĀVAHA-VIDYE SVĀHĀ

25_ Bị Diệp Y Quán Âm (Palāśambarī):

Palāśambarī còn được ghi nhận tên Phạn là Parṇaśavari, dịch ý là mặc áo lá (bị diệp y). Lại xưng là Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát, Diệp Y Bồ Tát, Diệp Y Quán Âm, là một trong các ứng hóa thân của Quán Âm. Do thân này ở trong lá sen nên xưng lạ Bị Diệp Y.

Tôn này chuyên trừ các loại bệnh tật, cầu trường thọ, đảo bệnh, an trấn phòng ốc

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm sợi dây, tay phải cầm cây gậy, co dựng đầu gối trái, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Dị Hạnh Kim Cương**
Chữ chủng tử là: SA (𑖮)
Tam Muội Gia Hình là: cây gậy trên có hoa sen chưa nở

Thủ Ấn là: Tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, tay trái cầm sợi dây

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖦𑖮𑖰𑖪𑖿𑖨𑖿𑖩𑖽 𑖃 𑖪𑖾
OṂ_ PALĀŚAṂBARĪ HŪṂ PHAṬ
Hay 𑖌𑖼 𑖦𑖭𑖫𑖪𑖿𑖢𑖽 𑖃 𑖪𑖾
OṂ_ PARṆAŚAVARĪ HŪṂ PHAṬ

26_ Bạch Thân Quán Tự Tại Bồ Tát (Śveta-bhagavati):
Lại xưng là Thấp Phệ Đa Bồ Tát, Bạch Thân Bồ Tát, Ma Ha Thấp Phệ Đa Bồ Tát, Thấp Phệ Đa Bạch Thân Bồ Tát, Bạch Thân Quán Âm, Bạch Tôn Giả.

Bạch (Śveta:màu trắng) biểu thị cho Đại Bi thanh tịnh. **Thân** (Aṃge: trong các chi phần của thân) biểu thị cho Đức tụ tập. **Bạch Thân** (Śvetāṃge) biểu thị cho ý tụ tập Đại Bi thanh tịnh

Tôn này biểu thị cho sự tụ tập Đại Bi trắng tịnh

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay trái cầm hoa sen, tay phải duỗi năm ngón úp lại hướng về vai và co khuỷu tay để trên đầu gối phải, gối phải hơi dựng xéo, ngồi trên hoa sen đỏ

Tay trái cầm hoa sen biểu thị cho Đức thanh tịnh xưa nay, dùng sự tu hành thành tựu Đức ấy mà hiển Phật Trí. Tay phải chống khuỷu tay trên đầu gối phải, úp bàn tay hướng che vai biểu thị cho sự phổ hóa chúng sinh.

Mật Hiệu là: **Phổ Hóa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen mở khép

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖨𑖸𑖪𑖿𑖨𑖽 𑖦𑖾𑖟𑖾 𑖧𑖨𑖾 𑖧𑖨𑖾 𑖯𑖨𑖸

OṂ_ MAHĀ-PADME ŚVETĀṂGE HURU HURU SVĀHĀ

27_ Phong Tài Bồ Tát (Bhogavatī):

Phong Tài Bồ Tát (Bhogavatī), dịch ý là: Phước Đức, Tôn Quý. Lại xưng là Tư Tài Chủ Bồ Tát.

Do Phước Đức , Trí Tuệ, Tư Tài của Tôn này rất dư dả, hay tự tại ban cho người mong cầu cho nên xưng là Phong Tài Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho hai Môn **Phước,Trí**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm hai hoa sen trong có có một hoa sen đã nở và một hoa chưa nở, tay phải co khuỷu tay để ngang vai, ngửa lòng bàn tay co ngón vô danh và ngón út, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Như Ý Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖯)

Tam muội Gia Hình là: Hai hoa sen với một hoa đã nở, một hoa chưa nở

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖑 𑖪𑖿𑖨𑖽 𑖦𑖼𑖕

OṂ_ ĀRYA-DHARĀRI SVĀHĀ

Hay: 𑖌𑖼𑖑 𑖠𑖽𑖪𑖰𑖑 𑖦𑖼𑖕

OṂ_ ĀRYA-BHOGAVATĪ SVĀHĀ

28_ Sứ Giả của Phong Tài Bồ Tát (Padma-kula-ceṭī):

Tôn này là Liên Hoa Bộ Sứ Giả

Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay bưng cái mâm vàng chứa đầy hoa sen

Chữ chủng tử là: DHĪ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen trên cái mâm vàng

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

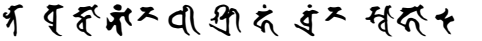

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

29_ Bất Không Quyến Sách Quán Âm (Amogha-pāśa):

Lại xưng là Bất Không Quyến Sách Quán Tự Tại, Bất Không Vương Quán Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Quảng Đại Minh Vương Quán Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Tất Địa Vương Quán Thế Âm Bồ Tát. Là một trong 6 vị Quán Âm

Bất Không (Amogha) là một tên gọi của Bất Không Quyến Sách Quán Âm, ý nghĩa là chỉ Tâm Nguyện chẳng Không.

Quyến Sách (Pāśa) nguyên là chỉ ở Ấn Độ Cổ Đại, trong lúc chiến tranh hoặc săn bắn dùng dây thừng để bắt Người và Ngựa.

Dùng **Bất Không Quyến Sách** làm tên gọi , ý nghĩa là tượng trưng cho Quán Thế Âm Bồ Tát dùng sợi dây của Từ Bi, cứu độ hóa đạo chúng sinh, Tâm Nguyện ấy chẳng nhiễm dính sự trống rỗng (bất nhiễm không), nên cũng dùng sợi dây làm Tam Muội Gia Hình

Tôn này biểu thị cho ý nghĩa **Nhiếp Phục chúng sinh**, thể hiện Từ Bi rộng lớn của Thệ Nguyện thâm sâu.

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng , 3 mặt 4 cánh tay, mỗi mặt có 3 mắt . Mặt chính diện màu thịt, mặt bên phải màu xanh, mặt bên trái màu đen. Ba mặt biểu thị cho 3 Đức. *Bên trái*: Tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm sợi dây. B*ên phải*: tay thứ nhất cầm tràng hạt, tay thứ hai cầm bình Quân Trì.

Mật Hiệu là: **Đẳng Dẫn Kim Cương**
Chữ chủng tử là: MO (𑖨)
Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây

Tướng Ấn là: **Bất Không Quyến Sách Ấn.** Hai tay tác Liên Hoa Hợp Chưởng. Hai ngón trỏ, ngón cái cài chéo nhau bên ngoài, duỗi ngón cái phải đến khoảng giữa ngón cái trái và ngón trỏ trái (hổ khẩu). Lại có tên là **Liên Hoa Quyến Sách Ấn**

Liên Hoa Hợp Chưởng biểu thị cho gốc của Liên Hoa Bộ, là Tự Tính vốn có của hoa sen mà ngón cái ngón trỏ bốn ngón cài chéo nhau bên ngoài ắt tác quán hoa sen ở đầu sợi dây (Sách đoan liên hoa quán). Sợi dây biểu thị cho Bản Thể đem bốn loại dây như ngư dân ở Thế Gian câu cá để tế độ chúng sinh cực ác.

Chân Ngôn:

𑖌𑖼 𑖨𑖪𑖮𑖿𑖉 𑖀𑖭𑖿𑖫𑖯 𑖦𑖿 𑖣𑖝

OṂ_ AMOGHA-VIJAYA HŪṂ PHAṬ

Hay 𑖌𑖼 𑖀𑖨𑖪𑖦 𑖦𑖨𑖫 𑖦𑖨𑖕𑖿𑖨𑖪𑖦 𑖫𑖦𑖨𑖫 𑖀𑖨𑖪𑖦 𑖨𑖫 𑖦𑖨𑖫 𑖦𑖨𑖫 𑖦𑖨𑖫𑖦𑖨𑖫 𑖦𑖨𑖫𑖦𑖨𑖫 𑖦𑖨𑖫

31_ Thủy Cát Tường Bồ Tát (Udaka-śrī):

Lại xưng là Đại Thủy Cát Tường Bồ Tát.

Tôn này được xem là quyến thuộc của Đa La Bồ Tát, dùng nước Trí (Trí Thủy) của Đại Nhật Như Lai rưới rót chúng sinh.

Tôn Hình: Tôn hình màu vàng lợt , tay trái dựng đứng bàn tay, co 3 ngón : cái, trỏ, giữa lại, cầm hoa sen mới nở biểu thị cho phương tiện Đại Bi hay làm cho muôn điều lành tốt đẹp thêm lên . Tay phải duỗi các ngón xuống dưới thành Ấn Dữ Nguyện biểu thị cho sự làm thỏa mãn các nguyện của chúng sinh. Ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Nhuận Sinh Kim Cương**

Chữ chủng tử là :SA (𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖯 𑖪𑖰𑖟𑖽𑖨 𑖨𑖿𑖪𑖰

OṂ_ ĀRYA-UDAKAŚRĪ SVĀHĀ

32_ Sứ Giả của Thủy Cát Tường Bồ Tát (Dhūpa-pūja)

Tôn này là **Thiêu Hương Cúng Dường Sứ Giả** (Dhūpa-pūja) là vị Bồ Tát dâng hương cúng dường và là Sứ Giả của Thủy Cát Tường Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, tay cầm lò hương, ngồi Kiết Già thên đài sen

Chữ chủng tử là: DHU (𑖤𑖪) hay DHA (𑖛) hay MA (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Lò hương

Tướng Ấn là: Hai tay co ngón út, ngón vô danh, ngón giữa sau cho lưng ngón hợp nhau. Dựng thẳng hai ngón trỏ cùng chạm đầu ngón, hai ngón cái đè bên cạnh hai ngón trỏ.

Chân Ngôn là:

𑖢𑖾𑖨𑖸 𑖥𑖨𑖿𑖢 𑖦𑖼𑖩𑖾𑖪𑖾𑖯𑖾 𑖥𑖨𑖿𑖢-𑖛𑖲𑖢𑖾 𑖀𑖦𑖼𑖢𑖾 𑖥𑖾𑖯𑖿𑖟𑖾 𑖥𑖭𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DHARMA-DHĀTU ANUGATE_ SVĀHĀ

33_ Sứ Giả của Thủy Cát Tường Bồ Tát (Gandha-pūja)

Tôn này là **Đồ Hương Cúng Dường Sứ Giả** (Gandha-pūja), là Sứ Giả của Thủy Cát Tường Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, chắp hai tay lại để ngang ngực, cầm hoa sen chưa hé nở

Chữ chủng tử là: GA (𑖒)

Tam Muội Gia Hình là: Vật khí chứa hương xoa bôi

Tướng Ấn là: Đồ Hương Ấn

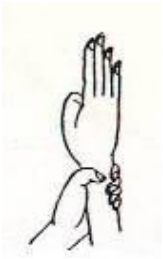

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸 𑖯𑖫𑖸𑖪 𑖥𑖨𑖿𑖦𑖰𑖟𑖸𑖫𑖸𑖡𑖿 𑖥𑖨𑖿𑖦𑖰𑖟𑖸𑖫𑖸𑖡𑖿𑖟𑖸𑖫𑖸𑖡𑖿 𑖒𑖾𑖡𑖿𑖟𑖸𑖫𑖸𑖡𑖿 𑖪𑖾𑖫𑖸𑖡𑖿 𑖯𑖪𑖾𑖫𑖸𑖡𑖿 𑖪𑖾𑖫𑖸𑖡𑖿 𑖪𑖾𑖫𑖸𑖡𑖿

Tôn Hình: Thân màu thịt, ngồi trên hoa sen đỏ, tay trái dựng thẳng lưng bàn tay, úp xuống làm dạng Quyền, cầm hoa sen chưa hé nở. Tay phải ngửa lòng bàn tay, hơi co ngón cái, để trước ngực.

Mật Hiệu là: **Công Dụng Kim Cương**
Chữ chủng tử là : SA (𑖮)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen mở khép

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖨 𑖪𑖓𑖽 𑖧𑖓𑖽 𑖪𑖽

OṂ_ LAKṢMA MAHĀ-VIDYA SVĀHĀ

35_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Biến Bồ Tát (Dūṭī)

Tôn này tên là Dūṭī, là Sứ Giả của Đại Cát Tường Biến Bồ Tát và là Liên Hoa Bộ Sứ Giả.

Tôn Hình: Thân màu thịt, qùy gối trên đài sen , chắp hai tay lại

Chữ chủng tử là: DHĪ (𑖥𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Hợp Chưởng Thủ

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖢𑖾 𑖪𑖫𑖿𑖟 𑖦𑖿𑖨𑖾𑖪𑖾𑖯𑖾𑖩𑖾𑖟 𑖥𑖿𑖭𑖾 𑖧𑖓𑖽

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

36_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Biến Bồ Tát (Dūṭī)

Tôn này tên là Dūṭī, là Sứ Giả của Đại Cát Tường Biến Bồ Tát và là Liên Hoa Bộ Sứ Giả.

Tôn Hình: Thân màu thịt, dựng đứng gối trái, co gối phải, quỳ trên đài sen, hai tay bưng cái mâm Kim Cương, bên trong chứa đầy hoa sen hé nở.

Chữ chủng tử là: DHĪ (𑖥𑖺)

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸 𑖪𑖫𑖾𑖦 𑖨𑖼𑖥𑖸𑖦𑖸𑖨𑖾𑖦𑖸𑖢𑖾𑖦𑖸 𑖥𑖺𑖮𑖾 𑖭𑖽𑖫𑖾𑖦𑖸 𑖪𑖽𑖭𑖸 𑖭𑖾𑖦𑖸 𑖪𑖫𑖾𑖦𑖸 𑖮𑖫𑖸𑖢𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DHĪ ŚRĪ HAṂ BRAṂ _ SVĀHĀ

37_ Bạch Xứ Tôn Bồ Tát (Pāṇḍara-vāsinī):

Bạch Xứ Tôn Bồ Tát tức **Bạch Y Quán Âm** (Pāṇḍara-vāsinī). Dịch ý là Bạch Trú Xứ.

Tôn này trú ở tâm Bồ Đề trắng tịnh nên xưng là Đại Bạch Y Quán Âm, Bạch Xứ Tôn Bồ Tát, Bạch xứ Quán Âm, Bạch Y Quán Tự Tại Mẫu. Tôn này biểu thị cho **BỘ MẪU** của Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) hay sinh ra các Tôn thuộc Liên Hoa Bộ.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, khoác áo trắngcó một mặt hai tay. Tay phải duỗi các ngón ngửa ra hướng xuống dưới thành Ấn **Dữ Nguyện** (Varada Mudra), tay trái co lại cầm cành hoa sen trắng. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ

Ngoài ra còn có tượng 3 mặt 6 tay, phần nhiều là tượng nuôi con nít nên là đối tượng của những người cầu con. Do đó Tôn này còn có tên là **Tống Tử Quan Âm**

Mật Hiệu là: **Ly Cấu Kim Cương**, **Phổ Hóa Kim Cương**

Chữ chủng tử là PA (𑖦) hay PAṂ (𑖦𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hé nở

Tướng Ấn là **Bạch Xứ Tôn Ấn:** Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, co hai ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, kèm hai ngón cái chạm hai ngón vô danh biểu thị cho Tôn này là Bộ Mẫu của Liên Hoa Bộ, hay sinh các Tôn trong Liên Hoa Bộ

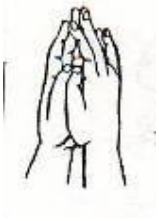

Chân Ngôn :

𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖪𑖨𑖽𑖫 𑖪𑖝𑖿𑖦𑖾𑖫𑖪 𑖨𑖿𑖫𑖾𑖬𑖪 𑖦𑖨𑖿𑖫𑖾𑖬𑖪 𑖨𑖿𑖫𑖾𑖬𑖪 𑖦𑖨𑖿𑖫𑖾𑖬𑖪 𑖦𑖨𑖿𑖫𑖾𑖬𑖪 𑖦

KIM CƯƠNG THỦ VIỆN

Viện này có vị trí ở phương Nam của **Trung Đài Bát Diệp Viện**, biểu thị cho Đức Đại Trí của Như Lai, giáng phục các Ma Não, tức đại diện cho Phật Trí có công năng làm đủ tất cả Nguyện. Đây là **Trí Thân** giống như hư không chẳng có thể phá hoại được và tất cả mọi thứ đều không thể hàng phục Trí này được. Do đó các Tôn trong viện này đều đội các mão báu biểu thị cho Bát Nhã Ba La Mật Đa, cho đến khi đạt Quả Địa của Tâm thì đổi tên là Nhất Thiết Chủng Trí

Kim Cương Thủ Viện đại biểu cho Đức **trên cầu Đại Trí**, tức do Đức **Nội Chứng** của **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata) gia trì cho nên từ Nhất Thiết Trí Ấn đều hiện thân **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra) với hình sắc tính loại đều có biểu tượng tùy theo Bản Duyên Tính Dục dẫn nhiếp chúng sinh. Đây cũng là diệu dụng của **Thành Sở Tác Trí** hay khiến cho ba Nghiệp đồng với Bản Tôn, từ một Môn này được vào Pháp Giới, tức là vào khắp tất cả Pháp Giới Môn

Trong ba Bộ: Phật Bộ, Liên Hoa Bộ và Kim Cương Bộ thì Viện này biểu thị cho Đức Đại Trí của Kim Cương Bộ , hay tồi phá phiền não.

Viện này có 33 Tôn của nhóm Hư Không Vô Cấu Luân Trì Kim Cương biểu thị cho Đức **Đại Trí Thượng Cầu** (bên trên cầu Đại Trí). Trong đó có 21 Tôn Chủ và 12 Tôn quyến thuộc

_Hàng thứ nhất (từ bên trái qua bên phải, từ trên xuống dưới):gồm 14 Tôn

1_ Phát Sinh Kim Cương Bộ (𑖀𑖿)

2_ Kim Cương Câu Nữ (𑖅)

3_ Kim Cương Thủ Trì Kim Cương (𑖢)

4_ Bên phải: Kim Cương Sứ Giả Nữ (𑖎)

Bên trái: Kim Cương Sứ Giả (𑖎)

5_ Kim Cương Tát Đỏa (𑖌)

6_ Bên trái: Sứ Giả (𑖎)

Bên phải Kim Cương Câu (𑖋)

7- Trì Kim Cương Phong (𑖌)

8_ Bên trái: Sứ Giả (𑖎)

Bên phải: Kim Cương Trì (𑖎)

9_ Kim Cương Quyền (𑖌)

10_ Tốn Bà Bồ Tát (𑖎)

11_ Nguyệt Yểm Phẫn Nộ (𑖇)

_Hàng thứ hai (từ bên trái qua bên phải, từ trên xuống dưới):gồm 12 Tôn (?11 Tôn)

1_ Hư Không Vô Cấu Trì Kim Cương (𑖌)

2_ Kim Cương Lao Trì Bồ Tát (𑖌)

3_ Phẫn Nộ Trì Kim Cương (𑖌)

4_ Kim Cương Sứ Giả (𑖎)

5_ Hư Không Vô Biên (𑖌)

6_ Kim Cương Quyền (𑖎)

7_ Kim Cương Tỏa (𑖍)

8_ Kim Cương Đồng Tử (𑖏)

9_ Kim Cương Trì (𑖌)

10_ Bên trái: Tốn Bà Kim Cương (𑖐) [Đồ hình này ghi dư, vì Tôn này chính là Tốn Bà Bồ Tát ở hàng thứ nhất]

Bên phải: Kim Cương Vương Bồ Tát (𑖎)

11_ Trú Vô Hý Luận (𑖌)

_Hàng thứ ba (từ bên trái qua bên phải, từ trên xuống dưới): gồm 08 Tôn

1_ Kim Cương Luân Trì (𑖑)

2_ Kim Cương Nhuệ (𑖐)

3_ Thích Duyệt Trì Kim Cương Man (𑖌)

4_ Kim Cương Nha (𑖌)

5_ Ly Hý Bồ Tát (𑖌)

6_ Kim Cương Sứ Giả (𑖎)

7_ Trì Diệu Kim Cương (𑖌)

8_ Trì Kim Cương Lợi (𑖌)

1_ Phát Sinh Kim Cương Bộ Bồ Tát (Vajra-kulodbhava):

Tôn này biểu thị cho Tâm Bồ Đề bền chắc chẳng hoại

Tôn Hình: Thân màu vàng lợt, tay kết Định Ấn, trên ấn có chày Độc Cổ dựng đứng, khoác Thiên Y, ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Bất Hoại Kim Cương**

Chữ chủng tử là VA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ

Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn

Chân Ngôn là:

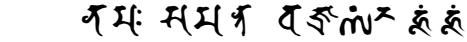

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

2_ Kim Cương Câu Nữ Bồ Tát (Vajrāṃkuśī):

Tôn này dùng móc câu Bát Nhã, triệu tập chúng sinh, ban cho Trí Tuệ của chân thắng.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay, ngửa lòng bàn tay để dưới nách, các ngón tay đều hướng xuống dưới, giương mở ngón cái, hơi mở ngón trỏ. Tay trái cầm móc câu Kim Cương, dựng đứng đầu gối trái, mặt hướng về bên phải nhìn xuống dưới, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Triệu Tập Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ĀḤ (𑖀𑖾) hay A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Tam Cổ , hay cái mâu Tam Cổ

Tướng Ấn là: Đại Câu Triệu Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖨𑖿𑖟 𑖨𑖼𑖢𑖵 𑖀𑖾 𑖪𑖢𑖿𑖯𑖨𑖿𑖫𑖵 𑖟𑖿𑖯𑖟𑖿𑖞𑖵 𑖨𑖿𑖫𑖰𑖞𑖵 𑖟𑖿𑖯𑖟𑖿𑖞𑖵 𑖨𑖿𑖫𑖰𑖞𑖵 𑖥𑖿𑖢𑖵 𑖨𑖿𑖫𑖰𑖞𑖵 𑖥𑖿𑖢𑖵 𑖥𑖿𑖢𑖵

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṂ_ AḤ SARVATRA APRATIHATE TATHĀGATA-AṂKUŚA BODHI-CĀRYA PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

3_ Kim Cương Thủ Trì Kim Cương Bồ Tát (Vajra-hasta-vajra-dhāra):

Tôn này đồng Thể với Mang Mãng Kê Bồ Tát (Māmaki) của Kim Cương Bộ Mẫu, chủ về Đức hay sinh (Năng Sinh) của Kim Cương Bộ

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, Tay trái hướng vào bên trong cầm chày Tam Cổ, tay phải tác Thí Nguyện , mắt hới hướng về bên phải, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Kiên Cố Kim Cương** hoặc **Bí Mật Kim Cương**
Chữ chủng tử là: TRIṂ (𑖖𑖽𑖨)
Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ

Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn

Chân Ngôn là:
𑖌𑖾𑖥𑖾 𑖥𑖾𑖥𑖌 𑖪𑖷𑖝𑖿𑖥 𑖪𑖸𑖨 𑖪𑖸𑖨𑖿 𑖛𑖬𑖌𑖿𑖥 𑖥𑖷𑖞𑖾
NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ TRIṬA TRIṬA JAYATI_ SVĀHĀ

4_ Kim Cương Sứ Giả (Vajra-ceṭa):
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây gậy (Bổng)

Mật Hiệu là: **Hộ Pháp Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (𑖪) hay VA (𑖯)
Tam Muội Gia Hình là: Độc Cổ Kích

Tướng Ấn là: Phụng Giáo Đao Ấn

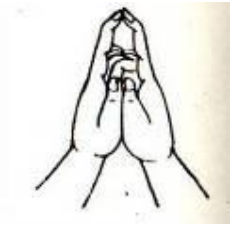

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖧𑖨𑖦𑖿 𑖯𑖰𑖝𑖿𑖨𑖸𑖪𑖾 𑖪𑖾 𑖪𑖾𑖪𑖾𑖨𑖸 𑖏𑖾𑖏𑖾𑖨𑖸 𑖏𑖾𑖏𑖾𑖨𑖸 𑖨𑖾𑖪𑖾𑖨𑖸 𑖧𑖦 𑖪𑖾𑖩𑖾𑖝𑖿𑖨𑖸𑖦𑖿𑖧𑖿𑖪𑖾𑖰𑖨𑖸 𑖧𑖾𑖪𑖾𑖿

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HE HE_ KIṂCĪRAYASI GṚHṆA GṚHṆA_ KHĀDA KHĀDA_ PARIPŪRAYA_ SARVA KIṂKARĀṆAM _ SVĀPRATIVIJÑĀṂ_ SVĀHĀ

5_ Kim Cương Sứ Giả Nữ (Vajra-ceṭī):

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện tướng phẫn nộ, tay phải cầm cây đao, co dựng đầu gối trái, giao ống chân mà ngồi.

Mật Hiệu là: **Hộ Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖪) hay VA (𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: cây đao

Tướng Ấn là: Phụng Giáo Đao Ấn

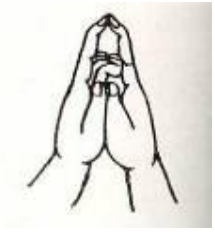

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖨𑖨𑖦 𑖎𑖿𑖬𑖽𑖯 𑖪𑖪 𑖡𑖾𑖪𑖿𑖨𑖾𑖯 𑖒𑖿𑖟 𑖒𑖿𑖟𑖯 𑖞𑖎 𑖞𑖎 𑖦𑖎𑖦𑖿𑖨𑖾𑖯 𑖨𑖎 𑖡𑖾𑖦𑖿𑖬𑖦𑖿𑖟𑖯 𑖦𑖿𑖟𑖪

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HE HE_ KIṂCĪRAYASI GṚHṆA GṚHṆA_ KHĀDA KHĀDA_ PARIPŪRAYA_ SARVA KIṂKARĀṆAM _ SVĀPRATIVIJÑĀṂ_ SVĀHĀ

6_ Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva):

Kim Cương Tát Đỏa tượng trưng cho tâm Bồ Đề bền chắc chẳng hoại và ý nghĩa **phiền não tức Bồ Đề.**

Tôn này là Bộ Chủ của Đại Trí Kim Cương Bộ, chủ về Đức **chiết phục,** có Bản Thệ là **tồi phá tất cả Ma ác**

Tôn Hình: Thân màu thịt, nghiêng đầu về bên phải. Co cong cánh tay phải hơi nâng hướng lên trên, ngửa lòng bàn tay hướng lên trên, hơi co 5 ngón tay, trong lòng bàn tay cầm cái chày Tam Cổ. Co cong cánh tay trái, nâng bàn tay hướng lên trên, nắm quyền để trước ngực, đối lưng lòng bàn tay với tay phải.

Mật Hiệu là: **Chân Như Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VAṂ ( ) hay HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương Ngũ Cổ

Tướng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn

Chân Ngôn là:

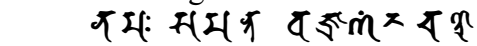

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA_ HŪṂ

7_ Kim Cương Quân Trà Lợi (Vajra-kuṇḍalī):

Tôn này biểu thị cho nghĩa dùng nước Cam Lộ tẩy rửa tâm của chúng sinh, hoặc dùng gia trì vật cúng dường

Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay giao chéo nhau trước ngực, dựng thẳng 3 ngón trỏ, giữa, vô danh; co ngón út và ngón cái.

Mật Hiệu là: Cam Lộ Kim Cương

Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖥𑖽𑖨𑖿𑖢)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ

Tướng Ấn là: Đại Tam Muội Gia Ấn

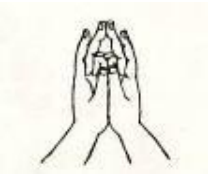

Chân Ngôn là:

𑖦𑖨𑖾 𑖪𑖭𑖪𑖯𑖪

𑖦𑖨𑖾𑖃 𑖧𑖿𑖡𑖿 𑖝𑖩𑖿𑖧𑖯𑖪

𑖌𑖾 𑖩𑖭𑖾 𑖩𑖭𑖾 𑖦𑖪𑖿𑖦𑖪𑖿 𑖝𑖪𑖝𑖪 𑖨𑖪𑖨𑖪 𑖨𑖪𑖨𑖪 𑖃𑖥𑖿𑖟 𑖥𑖽 𑖩𑖭𑖿

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ŚCAṆḌA MAHĀ-VAJRA-KRODHĀYA

OṂ – HULU HULU – TIṢṬA TIṢṬA – BANDHA BANDHA – HANA HANA – AMṚTE HŪṂ PHAṬ.

8_ Kim Cương Câu Nữ (Vajrāṃkuśī):

Tôn này đồng Thể với Kim Cương Câu Nữ Bồ Tát, hay câu triệu tất cả chúng sinh, viên mãn công đức của Như Lai

Tôn Hình:Thân màu thịt, tay trái cầm móc câu Kim Cương, dựng đứng đầu gối phải đạo xéo lên lòng bàn chân trái, khoác Thiên Y

Mật Hiệu: **Triệu Tập Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖤𑖽𑖿) hay ĀḤ (𑖀𑖹)

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu

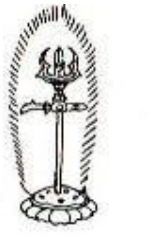

Tướng Ấn là: Đại Câu Triệu Ấn

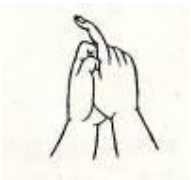

Chân Ngôn là:

𑖦𑖨𑖸 𑖪𑖨𑖦 𑖢𑖭𑖽𑖟 𑖧𑖸 𑖪𑖢𑖪𑖿𑖫𑖭𑖟 𑖦𑖿𑖦𑖰𑖩𑖽𑖟 𑖪𑖿𑖫𑖰𑖟 𑖤𑖿𑖫𑖰𑖢𑖽𑖟 𑖦𑖢𑖰𑖩𑖽𑖟 𑖥𑖢𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀṂ_ AḤ SARVATRA APRATIHATE TATHĀGATA-AṂKUŚA BODHI-CĀRYA PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

9_ Trì Kim Cương Phong Bồ Tát (Vajràgra-dhàri):

Tôn này đại biểu cho Phật Đà dùng cây cọc Trí Tuệ sắc bén phá trừ phiền não của chúng sinh

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái kết Trí Quyền, ngửa hướng lòng bàn tay lên trên, để dưới rốn, tay phải cầm cây gậy (bổng)

Mật Hiệu là: **Tấn Lợi Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Độc Cổ Kích

Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn

Chân Ngôn là:

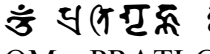

OṂ _ PRATI-GṚHṆA-TVAM-IMAṂ-SATVAṂ MAHĀ-BALAḤ

10_ Kim Cương Sứ Giả (Vajra-ceṭa):

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình phẫn nộ, tay trái cầm chày Độc Cổ

Mật Hiệu là: **Hộ Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖪) hay VA (𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: Cây Đao

Tướng Ấn là: Phụng Giáo Đao Ấn

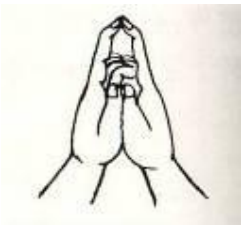

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖨𑖨𑖿𑖦 𑖝𑖹𑖽𑖺𑖯𑖸 𑖪𑖪 𑖪𑖪 𑖨𑖿𑖦𑖸 𑖨𑖿𑖦𑖸 𑖪𑖝𑖿𑖨𑖸 𑖨𑖝 𑖪𑖿𑖨𑖾𑖨𑖿𑖦𑖸 𑖨𑖿𑖦𑖸 𑖪𑖿𑖨𑖾𑖨𑖿𑖦

11_ Kim Cương Trì (Vajra-dhāra):

Tôn này dùng sức mạnh to lớn phá trừ vô minh căn bản của chúng sinh, nên có tên gọi là Đại Lực Kim Cương (Mahā-bala-vajra).

Tôn Hình:Thân màu thịt, hiện hình phẫn nộ, tay trái cầm chày Độc Cổ, khoác Thiên Y

Mật Hiệu là: **Đại Động Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖪) hay VA (𑖯)

Tam Muội Gia Hình là Chày Độc Cổ

Tướng Ấn là: Bổng Ấn

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖨𑖸 𑖨𑖨𑖌 𑖝𑖿𑖫𑖸𑖟 𑖪𑖪 𑖦𑖿𑖫𑖰𑖪𑖟 𑖧𑖿𑖟 𑖧𑖿𑖟 𑖄𑖝 𑖄𑖝 𑖥𑖰𑖥𑖰𑖪𑖟 𑖨𑖝 𑖦𑖿𑖫𑖨𑖿𑖩𑖿𑖟 𑖨𑖿𑖟𑖬

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HE HE_ KIṂCĪRAYASI GṚHṆA GṚHṆA_ KHĀDA KHĀDA_ PARIPŪRAYA_ SARVA KIṂKARĀṆAM _ SVĀPRATIVIJÑĀṂ_ SVĀHĀ

12_ Kim Cương Quyền Bồ Tát (Vajra-muṣṭi):

Tôn này dùng Trí Tuệ Kim Cương phá hoại phiền não, ba độc Tham Sân Si của chúng sinh. Tay cầm cái chày Thập Tự Yết Ma đại biểu cho Sở Hạnh mãnh liệt mau chóng phá trừ phiền não.

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái nắm quyền ngửa lòng bàn tay lên trên, tay phải cầm cái chày Thập Tự Độc Cổ.

Mật Hiệu là: **Bí Mật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Thập Tự Độc Cổ

Tướng Ấn là: Kim Cương Quyền Ấn

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SPHOṬAYA VAJRA-SAṂBHAVE _ SVĀHĀ

13_ Tốn Bà Bồ Tát (Sumbha):

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, tóc kết mão báu, giao ống chân ngồi, tay trái cầm chày Độc Cổ, nâng lên trước vai, tay phải nắm quyền để trước ngực, dựng đứng ngón cái và ngón út, đều co gập ba ngón còn lại

Mật Hiệu là: Tối Thắng Kim Cương

Chữ chủng tử là: MA (𑖨) hay SU (𑖭) hay GṚ (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là : Chày Độc Cổ, hoặc sợi dây

Tướng Ấn là **Giáng Tam Thế Ấn:** Hai tay tác Phẫn Nộ Quyền, tay trái ở dưới, tay phải ở trên, hai lưng bàn tay hướng vào nhau; lúc này hai ngón út cùng móc kết nhau, dựng đứng hai ngón trỏ.

Chuyển bên trái là Tịch Trừ

Chuyển bên phải tức Kết Giới.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖭𑖽𑖨 𑖦𑖭𑖽𑖨 𑖀 𑖪𑖨𑖪𑖨 𑖀 𑖪𑖨 𑖨𑖟𑖨 𑖀 𑖨𑖜𑖨 𑖃 𑖣𑖜𑖫 𑖀 𑖣𑖿

OṂ – SUMBHA NISUMBHA HŪṂ – GṚHṆA GṚHṆA HŪṂ – GṚHṆA APAYA HŪṂ – ĀNAYA HOḤ – BHAGAVAṂ VAJRA HŪṂ PHAṬ

14_ Nguyệt Yểm Phẫn Nộ Bồ Tát (Krodha-candra-lilaka):

Lại xưng là Phẫn Nộ Trì Minh Nguyệt Yểm Tôn, Phẫn Nộ Nguyệt Yểm Tôn, Kim Cương Nguyệt Yểm, Nguyệt Yểm Tôn.

Tôn này hay giáng phục Đại Chướng

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, đội mão Trời, ba mắt 4 cánh tay, hiện hình phẫn nộ, miệng có 4 răng nanh. Hai tay thứ nhất nắm quyền giao cổ tay để trước ngực, tay trái thứ hai giương cánh tay cầm chày Độc Cổ, tay phải thứ hai co khuỷu tay cầm Tam Cổ Kích, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Để La Kim Cương**

Chữ chủng tử là HRĪṂ (𑖪𑖽𑖨𑖿𑖡) hay HRĪḤ (𑖪𑖽𑖨𑖿𑖢)

Tam Muội Gia Hình là: cây Kích Tam Cổ, hay Độc Cổ Kích

Tướng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn (Kim Cương Tuệ Ấn)

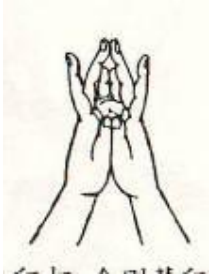

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖢𑖿 𑖢𑖾𑖢𑖿 𑖪𑖾𑖨𑖿𑖚𑖿 𑖪𑖽 𑖧𑖽 𑖨𑖾𑖢𑖿 𑖥𑖾𑖨𑖿

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HRĪṂ HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

Hay 𑖡𑖾𑖢𑖿 𑖢𑖾𑖢𑖿 𑖪𑖾𑖨𑖿𑖚𑖿 𑖪𑖽𑖨𑖿 𑖧𑖽 𑖨𑖾𑖢𑖿 𑖥𑖾𑖨𑖿

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HRĪḤ HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

15_ Hư Không Vô Cấu Trì Kim Cương Bồ Tát (Gaganāmala-vajra-dhāra):

Lại xưng là Hư Không Vô Cấu Chấp Kim Cương Bồ Tát.

Tôn này cầm Kim Cương Trí Ấn của Đại Nhật Như Lai, biểu thị cho Đức **Nhân** trong **năm chuyển,** cũng tức là Tâm Thể Bồ Đề của chúng sinh, dùng Tâm Thể Bồ Đề lìa tất cả phiền não oán địch, trong sạch giống như hư không, cho nên xưng là Hư Không Vô Cấu.

Tôn Hình:Thân màu thịt, tay phải co cánh tay ngửa lòng bàn tay kết Dữ Nguyện Ấn, tay trái dựng quyền cầm chày Độc Cổ để bên trái trước ngực , mặt hướng về bên phải, ngồi trên hoa sen trắng

Mật Hiệu là: **Ly Nhiễm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖪𑖽𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ

Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖦𑖀 𑖦𑖦𑖽 𑖛𑖼𑖦𑖰𑖝𑖿 𑖪𑖪𑖪 𑖢𑖢𑖢𑖢 𑖕𑖕𑖿 𑖥𑖥𑖿 𑖥𑖥𑖿 𑖕𑖕𑖿

16_ Kim Cương Lao Trì Kim Cương Bồ Tát (Śivajra-dhāra):

Tôn này đại biểu cho lời thề bền chắc **hộ thủ tất cả chúng sinh**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm chày Độc Cổ, tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Thủ Hộ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ

Tướng Ấn là: Chùy Ấn

Chân Ngôn là:

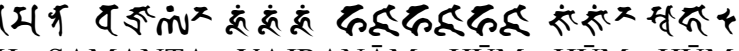

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

17_ Phẫn Nộ Trì Kim Cương Bồ Tát (Vajrāgra-vajra-dhāraḥ):

Lại xưng là Kim Cương Lợi Trì Bồ Tát, Kim Cương Phong Trì Bồ Tát.

Tôn này có đủ Trí Kim Cương rất mạnh bén của Như Lai. Dùng sự tồi phá tất cả sự mê hoặc, phiền não của chúng sinh làm Bản Thệ.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay mở khuỷu tay, ngửa lòng bàn tay tác Dữ Nguyện Ấn, tay trái cầm chày Tam Cổ để trước ngực, dựng đầu gối phải, ngồi trên hoa sen trắng.

Mật Hiệu là:**Uy Mãnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ

Tướng Ấn là: Kích Ấn

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

18_ Kim Cương Sứ Giả (Vajra-ceṭa):

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình phẫn nộ, tay trái cầm cây kích Tam Cổ

Mật Hiệu: **Hộ Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖪𑖾) hay VA (𑖯𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Tam Cổ Kích

Tướng Ấn là: : Phụng Giáo Đao Ấn

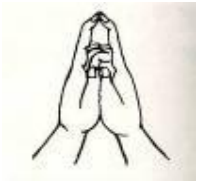

Chân Ngôn là:

𑖦𑖨𑖸 𑖪𑖨𑖦 𑖯𑖫𑖰𑖝𑖸 𑖏𑖏 𑖪𑖾𑖪𑖲𑖨𑖸 𑖧𑖭 𑖧𑖭 𑖐𑖫 𑖐𑖫 𑖧𑖲𑖨𑖲𑖨𑖸 𑖨𑖫 𑖪𑖾𑖦𑖰𑖝𑖸 𑖨𑖏𑖴

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HE HE_ KIṂCĪRAYASI GṚHṆA GṚHṆA_ KHĀDA KHĀDA_ PARIPŪRAYA_ SARVA KIṂKARĀṆAM _ SVĀPRATIVIJÑĀṂ_ SVĀHĀ

19_ Hư Không Vô Biên Siêu Việt Bồ Tát (Gagagānanta-vikirama):

Lại xưng là Việt Vô Lượng Hư Không Bồ Tát, Hư Không Vô Biên Du Bộ Kim Cương Bồ Tát, Hư Không Du Bộ Chấp Kim Cương Bồ Tát

Du Bộ nghĩa là chẳng trụ, thắng tiến, thần biến… dùng tâm Tịnh Bồ Đề ở tất cả Pháp đều không có chỗ trụ mà thường tiến tu vạn hạnh , khởi đại thần biến cho nên có tên là **Hư Không Du Bộ.**

Tôn Hình: Thân màu trắng vàng, tay phải co cánh tay mở khuỷu tay, ngửa lòng bàn tay hướng đầu ngón tay về bên phải, tay trái hướng vào bên trong để trước ngực cầm chày Tam Cổ, dựng đầu gối phải, giao ống chân ngồi trên hoa sen đỏ, đầu áo kéo che vai trái, rũ xuống dưới

Mật Hiệu là:**Quảng Đại Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖥𑖽𑖨𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ

Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖪𑖿 𑖦𑖪𑖌𑖿 𑖛𑖾𑖫𑖰𑖦𑖿𑖥𑖽𑖨𑖿 𑖥𑖥𑖥 𑖪𑖾𑖪𑖾𑖪𑖾 𑖧𑖧𑖿𑖫𑖿

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

20_ Kim Cương Quyền (Vajra-daṇḍa):

Tôn này đồng Thể với Kim Cương Quyền Bồ Tát, tay cầm cây gậy (bổng) tượng trưng cho sự phá trừ phiền não của chúng sinh

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái co khuỷu tay ngửa lòng bàn tay để dưới vú trái, tay phải co khủy tay để dưới vú phải, cầm cây gậy, ngồi trên đài sen

Mật Hiệu là: **Bí Mật Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HÙM (𑖣𑖾𑖿) hay DA (𑖛)
Tam Muội Gia Hình là: cây gậy (bổng) hay chày Thập Tự Độc Cổ

Tướng Ấn là: Kim Cương Quyền Ấn để ở eo, miệng

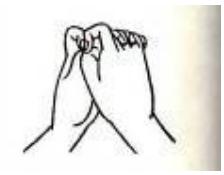

Chân Ngôn là:
𑖦𑖨𑖿𑖥𑖃 𑖥𑖨𑖦𑖾𑖟 𑖛𑖽𑖩𑖿𑖪𑖾𑖛𑖽𑖟𑖿𑖦𑖾𑖟𑖿 𑖨𑖿𑖩𑖾𑖛𑖽𑖟𑖿 𑖨𑖾𑖩𑖿𑖪𑖾𑖩𑖽𑖟𑖿
NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ SPHOṬAYA-VAJRA SAṂBHAVE SVĀHĀ

21_ Kim Cương Tỏa Bồ Tát (Vajra-śaṃkhara):
Lại xưng là Kim Cương Thương Yết La Bồ Tát.
Kim Cương Tỏa là những vòng xích liền nhau, hai đầu xích có chày Kim Cương biểu thị cho sự nhiếp giữ hóa độ chúng sinh ngang ngược khó giáo hóa.
Tôn này biểu thị cho Trí Tuệ của Kim Cương Bộ, hay cột buộc tất cả chúng sinh khiến cho thoát khỏi phiền não, hai chướng **Sở Tri**
Tôn Hình: Thân màu vàng lợt, tay phải cầm sợi xích vàng, tay trái ngửa quyền để ở eo, dựng đầu gối phải, mặt hướng về bên phải, chéo hai bàn chân ngồi trên hoa sen đỏ

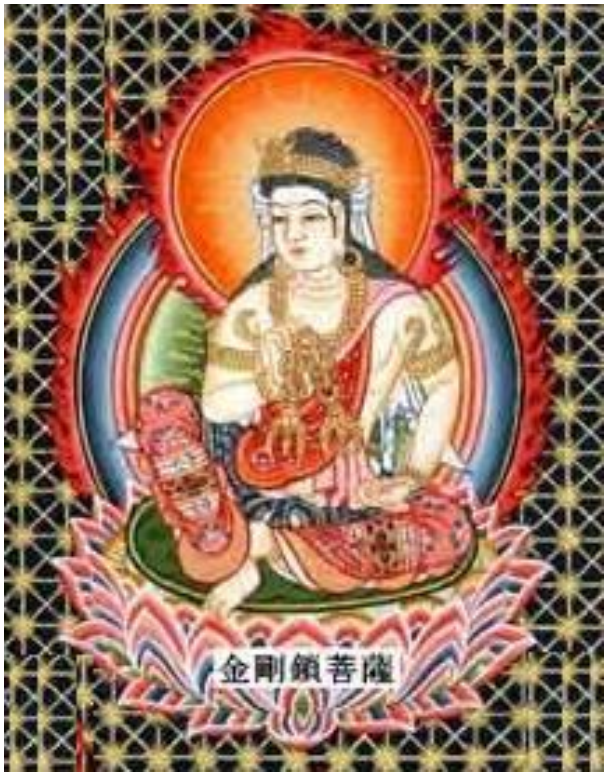

Mật Hiệu là: **Kiên Trì Kim Cương, Kiên Cố Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖪𑖽𑖿) hay BAṂ (𑖦𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Kim Cương Tỏa (móc xích Kim Cương)

Tướng Ấn là: Chuyển Pháp Luân Ấn

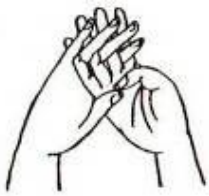

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖃𑖨 𑖥𑖥𑖌 𑖝𑖹𑖰𑖨 𑖝𑖝𑖝𑖯 𑖥𑖩𑖥𑖩𑖯 𑖝𑖹𑖨𑖝 𑖥𑖞𑖝𑖯𑖔𑖕𑖌𑖨𑖌𑖩𑖤

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ BANDHA BANDHĀYA MOṬA MOṬĀYA VAJRODBHAVE SARVATRA APRATIHATE SVĀHĀ

22_ Kim Cương Đồng Tử (Kaṇi-krodha):

Dùng Tôn này là Bản Tôn của pháp tu Tức Tai, Điều Phục… thì xưng là Kim Cương Đồng Tử Pháp, khi tu thời có thể được hiện tướng Tất Địa, hiện thân Kim

Cương Nhi (con nít), thấy chư Phật, được tài bảo, trừ sợ hãi, được các Công Đức của nhóm Văn Trì

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình phẫn nộ, duỗi giương hai cánh tay, tay trái cầm chày Kim Cương, vai phải có hiện bày 7 Đức Phật, tay phải hướng xuống dưới kết Thí Vô Úy Ấn, hai chân dẫm đạp trên hoa sen, dơ cao bàn chân phải, đầu có hào quang, tóc dựng lên trên như dạng lửa rực

Mật Hiệu là: **Sự Nghiệp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HÙM (𑖤𑖿𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ

Tướng Ấn là: **Phẫn Nộ Tâm Mật Ấn.** Chắp hai tay lại giữa rỗng , co ngón vô danh và ngón trỏ vào trong lòng bàn tay, kèm dựng ngón cái đè bên cạnh ngón trỏ, dựng thẳng hai ngón út như răng nanh

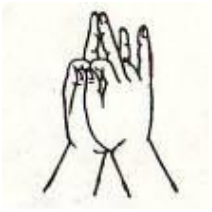

Chân Ngôn là:

𑖤𑖿 𑖪𑖕𑖿𑖚𑖨 𑖏𑖽𑖨 𑖦𑖨 𑖤𑖤 𑖒𑖢

HŪṂ VAJRA-KUMĀRA- KAṆI DHUNI HŪṂ HŪṂ PHAṬ

23_ Kim Cương Trì Bồ Tát (Vajra-dhāra):

Tôn này biểu thị cho nghĩa nắm giữ Trí Đại Không, tồi phá tất cả chướng ngại.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay phải co khuỷu tay hướng lòng bàn tay lên trên cầm đầu bên dưới của cái chày Độc Cổ dựng đứng, tay phải cũng nắm chày Độc Cổ để ở ngực trái, khoác Thiên Y, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Thường Định Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖥𑖽𑖿)
Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ

Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn

Chân Ngôn là:
𑖀𑖨𑖸 𑖪𑖫𑖿 𑖛𑖾𑖰𑖯𑖿 𑖥𑖥𑖥 𑖪𑖪𑖪 𑖦𑖦𑖯𑖿 𑖦𑖦𑖯𑖿 𑖦𑖦𑖯𑖿 𑖥𑖥𑖯𑖿 𑖥𑖥𑖯𑖿 𑖪𑖫𑖿 𑖪𑖫𑖿 _ 𑖪𑖫

Tôn Hình:Thân hiện màu xanh lục nhạt (hay màu thịt), hai tay nắm Quyền dựng đứng ngón trỏ, giao cổ tay để trước ngực, khoác Thiên Y, đai áo tung bay hướng lên trên, chéo hai bàn chân ngồi trên đài sen

Mật Hiệu là: **Tự Tại Kim Cương, Chấp Câu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JAḤ (𑖪𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Hai móc câu

Tướng Ấn là: Hai Quyền, dựng ngón trỏ thành dạng móc câu, giao chéo nhau trước ngực.

Ấn Câu Triệu này biểu thị cho việc***: "Trên y theo sự tự lợi của tất cả Như Lai, dưới đem lại sự lợi ích dẫn dắt chúng sinh***". Tức đối với hai Lợi Tự Tha đều hành, nguyện không ngại, được tự tại

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖾𑖪 𑖪𑖾

OṂ_ VAJRA-RĀJA JAḤ

25_ Trụ Vô Hý Luận Bồ Tát (Aprapace-vihārī):

Lại xưng là Trụ Vô Hý Luận Chấp Kim Cương [Bản khác ghi là: Trì Kim Cương Lợi Bồ Tát (Vajrāgra-dhāra)]

Tôn này trụ ở Đại Không Tuệ, quán sát Thật Tướng của Duyên Khởi, không sinh không diệt, chẳng đoạn chẳng thường, cũng chẳng phải đi đến…. Chỗ đấy đều dứt các hý luận giống như Niết Bàn. Vì cầm giữ Trí Ấn như vậy cho nên có tên gọi là Trụ Vô Hý Luận.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái cầm chày Độc Cổ, dựng đứng đầu gối phải, ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Vô Lượng Ngữ Kim Cương** , hay **Vô Ý Ngữ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ, hoặc chày Tam Cổ

Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

26_ Kim Cương Luân Trì Bồ Tát (Cakra-vajra-dhāra):

Tôn này dùng Trí Tuệ sắc bén của Kim Cương tồi phá tội chướng phiền não

Tôn Hình: Thân màu thịt, úp tay trái để trên đùi trái, tay phải dựng lòng bàn tay để ngang ngực, co ngón giữa và ngón vô danh, dựng đứng ba ngón còn lại

Mật Hiệu là: **Tồi Phục Kim Cương**
Chữ chủng tử là: STRYI (𑖨) hay CA (𑖍)
Tam Muộ Gia Hình là: Bánh xe Kim Cương

Tướng Ấn là: Đại Kim Cương Luân Sám Hối Ấn

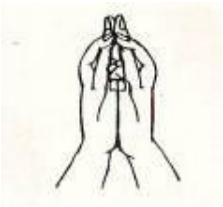

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸 𑖨𑖿𑖫𑖪𑖽𑖦𑖿𑖯𑖾𑖍𑖸𑖫𑖸 𑖯𑖤 𑖦𑖪𑖾𑖍𑖸𑖫𑖺𑖸𑖫𑖸 𑖥𑖸 𑖪𑖲𑖩 𑖪𑖲𑖩 𑖫𑖲𑖏𑖍𑖩 𑖍𑖩 𑖯𑖤 𑖯𑖤 𑖫𑖲𑖏 𑖫𑖲𑖏 𑖪𑖩 𑖪𑖩 𑖪𑖫𑖲𑖏 𑖫𑖲𑖏 𑖪𑖫𑖪𑖩 𑖦𑖿𑖦𑖿𑖩 𑖦𑖫𑖪𑖩 𑖫𑖲𑖏𑖫𑖪𑖩 𑖫𑖲𑖏 𑖪𑖫𑖪𑖩 𑖥𑖸 𑖯𑖤𑖿

NAMAḤ STRIYADHVIKĀNĀṂ SARVA TATHĀGATĀNĀṂ_ĀṂ VIRAJI VIRAJI _ MAHĀ-CAKRA-VAJRI _ SATA SATA_ SARATE SARATE_ TRAYI TRAYI_ VIDHAMATI SAṂBHAṂJANI_ TRAMATI SIDDHI AGRYE TRĀṂ_ SVĀHĀ

27_ Kim Cương Nhuệ Bồ Tát (Vikhyāto- vajra-dhāraḥ):

Tôn này là tên khác của Kim Cương Châm Bồ Tát (Vajra-suci), biểu thị cho Tuệ bền bén của một tướng một duyên

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm hoa sen, bên trên có chày Tam Cổ dựng đứng, dựng đứng đầu gối phải, ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Nhận Tấn Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ () hay SU ()

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ

Tướng Ấn là: Kim Cương Châm Ấn

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ SARVA DHARMA NIRVEDHANI VAJRA-SUCI VARADE_ SVĀHĀ

28_ Dịch Duyệt Trì Kim Cương Bồ Tát (Sarata-vajra-dhāra):

Tôn này đại biểu cho sự an trụ ở Pháp Lạc, cảnh địa vui thích màu nhiệm

Tôn Hình: Thân màu vàng lợt, tay phải dựng đứng chày Độc Cổ trong lòng bàn tay, ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: Hỷ Kim Cương

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( ) hay SU ()

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ

Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

29_ Kim Cương Nha Bồ Tát (Vajra-daṃṣṭra):

Lại xưng là Đại Phương Tiện Bồ Tát, Tồi Phục Ma Bồ Tát.

Tôn này hay ăn nuốt phiền não của tất cả chúng sinh cương cường, hướng họ về Vô Thượng Bồ Đề.

Tôn này biểu thị cho Bản Thệ Đại Bi, hay theo Như Lai phòng hộ chúng sinh, ăn nuốt tất cả Hoặc Nghiệp phiền não của chúng sinh, thường hay đập nát Thiên Ma và tất cả các loài gây chướng

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có một nửa hình chày Tam Cổ , tay phải co 4 ngón tay để ngang ngực, khoác Thiên Y, ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Điều Phục Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖪𑖽𑖨𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Răng nanh trên hoa sen

Tướng Ấn là: Kim Cương Dược Xoa Đại Bi Tam Muội Gia Minh Ấn

Chân Ngôn là:

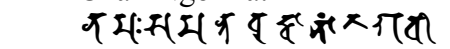

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ GAVĪ BALA ŚATRŪ HŪṂ SVĀHĀ

30_ Ly Hý Luận Bồ Tát (Niṣpra-pañca-vihāri-vajra-dhāra):

Lại xưng là Vô Hý Luận Bồ Tát, hiển thẳng Thật Tướng của Đệ Nhất Nghĩa

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải dựng đứng lòng bàn tay ngang ngực, dựng đứng ngón trỏ, hướng lòng bàn tay ra ngoài, tay trái nắm quyền úp xuống dưới cầm phần trên của chày Độc Cổ, đầu chày ở bên dưới cắm chạm hoa sen , dựng đầu gối phải, ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Chân Hạnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ

Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

31_ Kim Cương Sứ Giả (Vajra-ceṭa)

Tôn Hình: Thân màu xanh, tay phải cầm cây đao

Mật Hiệu là: : **Hộ Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖪) hay VA (𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: cây đao

Tướng Ấn là: Phụng Giáo Đao Ấn

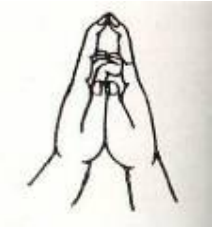

Chân Ngôn là:

𑖀𑖾𑖥𑖻 𑖪𑖫𑖿𑖨 𑖝𑖰𑖟𑖻𑖭 𑖒𑖒 𑖤𑖨𑖲𑖩𑖫𑖻 𑖧𑖰𑖤 𑖧𑖰𑖤𑖻 𑖞𑖝 𑖞𑖝 𑖦𑖲𑖩𑖲𑖩𑖫𑖻 𑖪𑖝 𑖤𑖨𑖲𑖟𑖿𑖧𑖰𑖤𑖰𑖝𑖻 𑖪𑖒𑖼

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HE HE_ KIṂCĪRAYASI GṚHṆA GṚHṆA_ KHĀDA KHĀDA_ PARIPŪRAYA_ SARVA KIṂKARĀṆAM _ SVĀPRATIVIJÑĀṂ_ SVĀHĀ

32_ Trì Diệu Kim Cương Bồ Tát (Suvajra-dhāra):

Lại xưng là Đẳng Diệu Kim Cương Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái đề ngang eo cầm chày Tam Cổ của GIáng Tam Thế Hội, tay phải cầm chày Độc Cổ dựng đứng, ngồi trên hoa sen đỏ

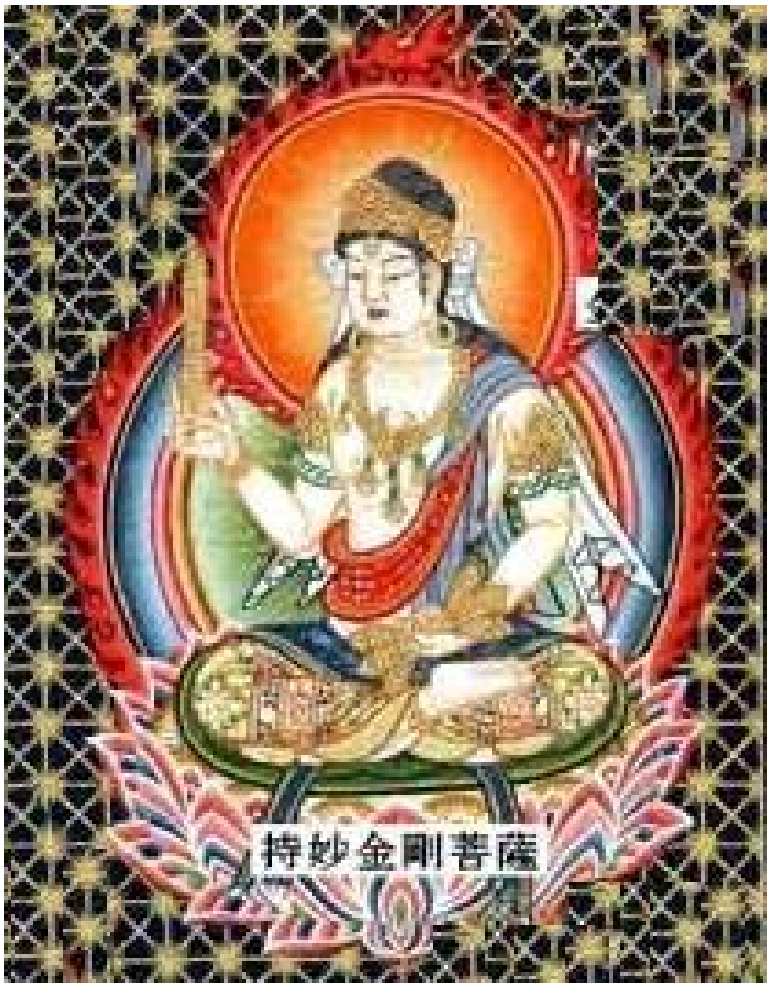

Mật Hiệu là: **Vi Tế Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖪𑖽𑖿)
Tam Muội Gia Hình là: Yết Ma Trấn Đàn

Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn

Chân Ngôn là:
𑖌𑖾𑖪𑖿 𑖢𑖾𑖢𑖿𑖌 𑖪𑖚𑖽𑖿𑖝𑖾𑖿𑖦𑖿 𑖪𑖽𑖪𑖽𑖪𑖽 𑖨𑖿𑖪𑖽𑖪𑖽 𑖧𑖿𑖢𑖿𑖨𑖽𑖩
NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

33_ Trì Luân Kim Cương Bồ Tát (Mahā-cakra-vajra):
Lại nói Tôn này là Trì Kim Cương Lợi Bồ Tát
Tôn này biểu thị cho sự gìn giữ bền chắc Giáo Pháp tối thắng của Kim Cương Bộ
Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, mắt hơi nhìn hướng lên trên, tay phải co cánh tay cầm tràng hạt, tay trái co cánh tay cầm chày Tam Cổ để trước ngực, dựng đứng đầu gối trái, ngồi trên hoa sen trắng

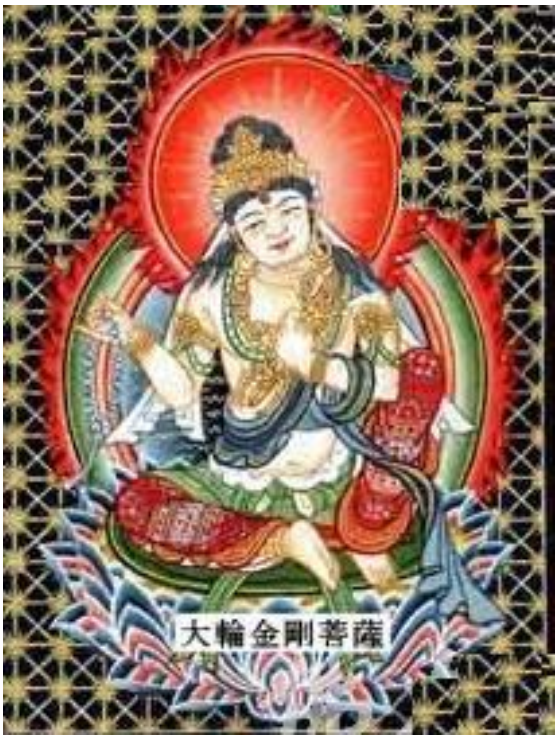

Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HÙM (𑖤𑖿𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ, hoặc chày Độc Cổ

Tướng Ấn là: Trì Địa Ấn

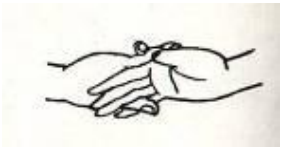

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖰 𑖥𑖨𑖪𑖿𑖮 𑖝𑖻𑖔𑖿𑖚𑖿𑖫 𑖤𑖤𑖤 𑖪𑖿𑖪𑖿𑖪𑖿 𑖤𑖤𑖿𑖧𑖿𑖦

NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ JAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

Kim Cương Thủ Viện đại biểu cho Đức **trên cầu Đại Trí**, tức do Đức **Nội Chứng** của Tỳ Lô Giá Na Như Lai gia trì cho nên từ Nhất Thiết Trí Ấn đều hiện thân **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra) với hình sắc tính loại đều có biểu tượng tùy theo Bản Duyên Tính Dục dẫn nhiếp chúng sinh. Đây cũng là diệu dụng của Thành Sở Tác Trí hay khiến cho ba Nghiệp đồng với Bản Tôn, từ một Môn này được vào Pháp Giới, tức là vào khắp tất cả Pháp Giới Môn

Viện này còn biểu thị cho **Bất Động Địa** (Acalā-bhūmi). Bồ Tát Bát Địa trụ trong **Vô Tướng** (Alakṣaṇa) mà du hành tự tại tùy theo bất kỳ cơ hội nào và tu tập viên mãn **Nguyện Ba La Mật** (Praṇidhāna-pāramitā)

TRÌ MINH VIỆN

Viện này có vị trí ở phương Tây ngay bên dưới Trung Đài Bát Diệp Viện. Viện này có 5 Tôn thuộc nhóm **Bát Nhã Bồ Tát** (Prajña-bodhisatva) nên có tên gọi là **Ngũ Đại Viện**.

Trì Minh được dịch ý từ chữ Phạn Dhāraṇī (Tổng Trì), là tên gọi của Chân Ngôn Mật Chú.

Minh (Vidya) chỉ Thánh Tuệ hay phá trừ hắc ám, chuyển thành nghĩa của Chân Ngôn Đà La Ni. Nhân đây **Trì Minh** (Vidya-dhāra) tức thọ trì Chân Ngôn được truyền thừa, khéo hiểu mật ý của Chân Ngôn, dùng ánh sáng Đại Tuệ của Chân Ngôn chiếu phá Vô Minh hắc ám hiển bày Trí Tuệ chân thật của Như Lai cho nên xưng là Trì Minh.

Trong 5 Tôn của Trì Minh Viện, có 4 Tôn thị hiện tướng phẫn nộ biểu thị cho sự trụ trì Minh Chú của Đại Nhật Như Lai, phụng Bản Thệ ấy, ứng hóa chúng sinh khó độ.

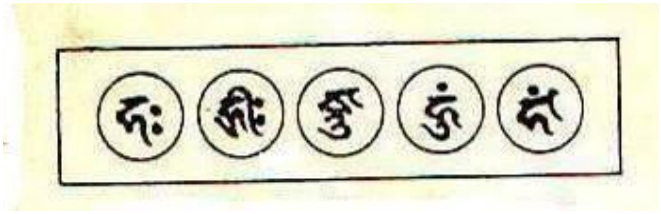

Năm Tôn của Trì Minh Viện được an trí từ trái sang phải là:

1_ Thắng Tam Thế (Tối Thắng Kim Cương) ( )

2_ Đại Uy Đức (Trì Minh Kim Cương, Đại Uy Đức Kim Cương, Diễm Ma Đắc Ca Tôn) ( )

3_ Bát Nhã Bồ Tát (Trí Tuệ Kim Cương) ()

4_ Giáng Tam Thế (Giáng Tam Thế Kim Cương, Phộc Nhật La Hồng Kim Cương) ( )

5_ Bất Động Tôn (Thường Trụ Kim Cương) ( )

Trong đó, ngoại trừ Bát Nhã Bồ Tát, 4 Tôn còn lại đều là Tôn phẫn nộ nên được xưng là **Phẫn Nộ Viện**

Viện này đại biểu cho Diệu Đức **Đoạn Trừ Phiền Não** của Đại Nhật Như Lai, thị hiện **Giáo Lệnh Luân Thân** (Adeśanā-cakra-kāya) của phẫn nộ, giáng phục chúng sinh có tính ác đầy đủ phiền não mãnh liệt với nhóm Ma Chúng.

Nguyên trong Kinh Bản không có ghi nhận **Bát Nhã Ba La Mật Bồ Tát** trong Trì Minh Viện. Nhưng vì xưa nay **Bát Nhã Bồ Tát** đại biểu cho Bát Nhã Diệu Tuệ của Đại Nhật Như Lai mà Viện này lại là Diệu Đức **Đoạn Trừ Phiền Não** của Đại Nhật Như Lai, cho nên các bậc Đạo Sư đã an trí Tôn này ngay chính giữa viện, dùng Bát Nhã Bồ Tát làm **Chính Pháp Luân Thân** (Saddharma-cakra-kāya) của Đại Nhật Như Lai, là Bộ Mẫu của Thai Tạng, tức là cụ thể thực tế của Trí Tuệ Như Lai.

1_ Thắng Tam Thế (Trailokya-vijaya):

Lại xưng là Giáng Tam Thế Minh Vương, Tam Thế Thắng Kim Cương, Thánh Tam Thế Minh Vương, Thắng Tam Thế Kim Cương , hoặc xưng là Kim Cương Hồng Ca La (Vajra-hùm-kàra)

Tôn này biểu thị cho Quả Đức **tồi diệt Hoặc Chướng của chúng sinh**, cùng với Giáng Tam Thế Minh Vương là đồng Thể khác tên. Tôn này hay giáng phục Đại Tự Tại Thiên và là Giáo Lệnh Luân Thân của Phật Bộ.

Trong Trì Minh Viện của Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Đồ La thì chia riêng thành 2 Tôn là Giáng Tam Thế (Giáo Lệnh Luân Thân của Kim Cương Bộ) và Thắng Tam Thế (Giáo Lệnh Luân Thân của Phật Bộ)

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, chung quanh thân có lửa mạnh bao vây, đầu đội mão báu, mặt có ba mắt, ló hai nanh bén nhọn hướng lên trên, hiện tướng phẫn nộ, tay phải cầm cây kích có ba chia, tay trái cầm chày Kim Cương Tam Cổ, ngồi trên bàn đá.

Mật Hiệu là: **Tối Thắng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HAḤ (𑖪𑖾) hay HO (𑖪𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: chày Ngũ Cổ

Tướng Ấn là: Ngoại Ngũ Cổ Ấn (Kim Cương Tuệ Ấn)

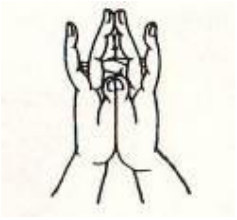

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖨𑖨𑖦 𑖪𑖾𑖫𑖸𑖨𑖸𑖪𑖸𑖪𑖸 𑖪𑖨𑖸𑖨𑖸 𑖨𑖦 𑖦𑖟𑖦𑖦 𑖪𑖨𑖸𑖟𑖸 𑖪𑖾𑖫𑖸𑖨𑖸 𑖪𑖾𑖫𑖸𑖨𑖸 𑖪𑖨𑖸𑖨

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, hiện hình phẫn nộ, 6 mặt 6 cánh tay 6 chân ngồi trên tòa đá sắt sắt (bàn đá khi gõ lên có tiếng vang), lưng có ánh lửa Ca Lân La.

Hai tay trái phải thứ nhất tác Nội Phộc, duỗi thẳng hai ngón giữa cùng dính nhau. Bên trái: tay thứ hai cầm cây kích, tay thứ ba cầm vành xe (luân). Bên phải: tay thứ hai cầm cây kiếm, tay thứ ba cầm cây gậy (bổng)

Mật Hiệu là: **Đại Uy Đức Kim Cương, Trì Minh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HRĪḤ (𑖪𑖽𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: cây gậy (Bổng)

Tướng Ấn là:**Phổ Thông Căn Bản Ấn** (Bổng Ấn)

Hai tay cùng hợp bên trong thành quyền, dựng thẳng hai ngón giữa cùng hợp nhau như hình cây giáo. Tức biểu thị Căn Bản Ấn, cũng đem Ấn Mệnh này làm Bổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖽𑖨𑖿𑖪𑖰𑖦𑖿𑖦𑖿 𑖨𑖼𑖫𑖿 𑖪𑖰𑖏𑖿𑖦𑖰𑖪𑖿𑖦𑖿 𑖥𑖿𑖥𑖿𑖨𑖿 𑖥𑖿𑖥𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿 𑖥𑖿𑖥𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿 𑖥𑖿𑖥𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿 𑖥𑖿𑖥𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿 𑖥𑖿𑖥𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿𑖨𑖿

OṂ_ HRĪḤ ṢṬRI VIKṚTĀNANA HŪṂ SARVA ŚATRŪṂ NĀŚANA STAMBHAYA-STAMBHAYA _ SPHAṬ SPHAṬ SVĀHĀ

3_ Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-pāramita):

Lại xưng là Bát Nhã Ba La Mật Đa Bồ Tát, dịch ý là Trí Tuệ vượt qua bờ bên kia.

Bát Nhã Bồ Tát lại xưng là Bát Nhã Phật Mẫu, đại biểu cho Chính Pháp Luân Thân (Saddharma-cakra-kàya) của Đại Nhật Như Lai.

Tôn Hình: Thân màu thịt, đầu đội mão báu, thân khoác giáp trụ, có ba mắt 6 cánh tay. Bên trái: Tay thứ nhất co khuỷu tay cầm Phạn Khiếp để ngang ngực, tay thứ hai ngửa lòng bàn tay để dưới rốn; tay thứ ba ngửa lòng bàn tay co ngón vô danh, ngón cái đè trên đầu ngón vô danh và duỗi 3 ngón còn lại. Bên phải: tay thứ nhất tác ấn cầm hoa sen, tay thứ hai duỗi để trên đầu gối; tay thứ ba co cánh tay, dựng lòng bàn tay, co ngón vô danh, ngón cái đè trên đầu ngón vô danh và duỗi 3 ngón còn lại, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ.

Ba con mắt đại biểu cho Đức đặc biệt của ba Bộ: Phật Bộ, Liên Hoa Bộ, Kim Cương Bộ. Sáu cánh tay biểu thị cho một thân có đầy đủ 6 Ba La Mật.

Mật Hiệu là: **Đại Tuệ Kim Cương**

Chữ chủng tử là JÑA (𑖜𑖿𑖡)

Tam Muội Gia Hình là: Phạn Khiếp

Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖪 𑖥𑖻𑖪𑖽𑖨 𑖪𑖽𑖨𑖼 𑖪𑖽𑖨𑖼𑖟𑖸 𑖨𑖼𑖟𑖸 𑖪𑖽𑖨𑖼𑖟𑖸 𑖪𑖽𑖨𑖼𑖟𑖸

4_ Giáng Tam Thế (Vajra-hūṃ-kāra):

Lại xưng là Nguyệt Yểm Tôn, Thắng Tam Thế, Tam Thế Thắng, Giáng Tam Thế Kim Cương Bồ Tát. Là Tôn thứ hai trong 5 vị Đại Minh Vương của Mật Giáo, Tôn này đại biểu cho sự giáng phục 3 độc Tham Sân Si và 3 cõi Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới cho nên xưng là Giáng Tam Thế.Tôn này là Giáo Lệnh Luân Thân của Kim Cương Bộ.

Tôn Hình: Thân màu xanh có 3 mặt, 8 cánh tay hoặc 4 mặt 8 cánh tay. Lưng sinh lửa rực, ngồi trên hoa sen.

Hai tay thứ nhất kết Giáng Tam Thế Ấn

Bên trái: tay thứ hai cầm cây cung, tay thứ ba cầm sợi dây, tay thứ tư cầm cây Tam Xoa Kích.

Bên phải: tay thứ hai cầm mũi tên, tay thứ ba cầm cây kiếm, tay thứ tư cầm cái chuông Ngũ Cổ.

Mật Hiệu là: **Tối Thắng Kim Cương**, **Hồng Ca La Kim Cương** (Vajra-Hūṃ-kāra)

Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖪𑖽𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: chày Kim Cương Ngũ Cổ

Tướng Ấn là: **Giáng Tam Thế Ấn**. Hai tay tác Phẫn Nộ Quyền, tay trái ở dưới, tay phải ở trên, hai lưng bàn tay hướng vào nhau; lúc này hai ngón út cùng móc kết nhau, dựng đứng hai ngón trỏ.

Chuyển bên trái là Tịch Trừ

Chuyển bên phải tức Kết Giới.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖨𑖸𑖦𑖨𑖸𑖦 𑖪𑖽𑖿 𑖧𑖫𑖧𑖫 𑖪𑖽𑖿 𑖧𑖫𑖧𑖫 𑖀𑖨𑖪𑖦 𑖪𑖽𑖿 𑖀𑖨𑖪𑖦𑖳 𑖣𑖟𑖦 𑖪𑖽𑖿 𑖧𑖫𑖦

OṂ – SUMBHA NISUMBHA HŪṂ – GṚHṆA GṚHṆA HŪṂ – GṚHṆA APAYA HŪṂ – ĀNAYA HOḤ – BHAGAVAṂ VAJRA HŪṂ PHAṬ

5_ Bất Động Tôn (Acala-nātha):

Lại xưng là Bất Động Kim Cương Minh Vương, Bất Động Tôn, Vô Động Tôn, Vô Động Tôn Bồ Tát… là một trong 5 vị Đại Minh Vương, một trong 8 vị Đại Minh Vương.

Bất Động Minh Vương là ứng hóa thân của Đại Nhật Như Lai, thọ nhận Giáo Mệnh của Đức Như Lai, thị hiện tướng phẫn nộ, thường trụ ở Hỏa Sinh Tam Muội, hay thiêu đốt hết chướng nạn bên trong bên ngoài với các phiền não, tồi diệt tất cả Ma Quân oán địch.

Do Tôn này có thệ nguyện làm tôi tớ của chư Phật, thực hành mọi công việc, nhận thức ăn dư thừa do Hành Giả cúng dường , ngày đêm ủng hộ Hành Giả, khiến người ấy viên mãn Vô Thượng Bồ Đề, cho nên Ngài có tên gọi là Bất Động Sứ Giả, **Vô Động Sứ Giả** (Acala-ceṭaka)

Tôn này là Giáo Lệnh Luân Thân của Đại Nhật Như Lai, hay giáng phục tất cả Ma

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, hiện thân Đồng Tử, nheo một mắt, ngậm miệng, đầu đội hoa sen, tóc kết thành bện dài rũ xuống ngực, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây, ngồi trên bàn đá

Hoa sen trên đầu biểu thị cho **Thức thứ chín** (Amala-vijñāna: Vô Cấu Thức).

Nheo một mắt biểu thị cho việc dùng con mắt của Như Lai, bình đẳng quán sát tất cả chúng sinh không sót một ai.

Ngậm miệng biểu thị cho sự dứt trừ hạt giống Nghiệp Thọ và dứt nghỉ các lời hý luận

Tay phải cầm cây Kiếm, biểu thị cho đoạn trừ Phiền Não Ma. Hoặc thừa lệnh Phẫn Nộ của Như Lai muốn giết hại tất cả niệm của chúng sinh trong tâm, cắt đứt Nghiệp **Thọ** không cùng của chúng sinh khiến họ sinh được Đại Không.

Tay trái cầm sợi dây, biểu thị cho Phương Tiện Tự Tại, dùng bốn Nhiếp Pháp của Tâm Bồ Đề bắt trói những kẻ ngang ngược chẳng chịu hàng phục.

Ngồi trên bàn đá biểu thị cho việc trấn giữ chướng nặng nề khiến cho nó chẳng động, thành núi Diệu Cao Vương của Tâm Tịnh Bồ Đề

Mật Hiệu là **Thường Trụ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HAṂ-MĀṂ () hay HĀṂ () hay MĀṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Tuệ Kiếm

Tướng Ấn là: **Căn Bản Ấn**. Còn gọi là **Châm Ấn, Độc Cổ Ấn**. Tức hai tay Nội Phộc, hai ngón cái để ở bên cạnh hai ngón vô danh, để đầu hai ngón giữa ở mặt hai ngón cái, dựng hợp hai ngón trỏ. Hai ngón trỏ biểu thị cho cây kiếm; hai ngón cái, hai ngón vô danh biểu thị cho sợi dây. Hoặc hai ngón vô danh, hai ngón giữa biểu thị cho bốn Ma, dùng hai ngón cái đè lên tức biểu thị cho nghĩa giáng phục bốn Ma.

Chân Ngôn là::

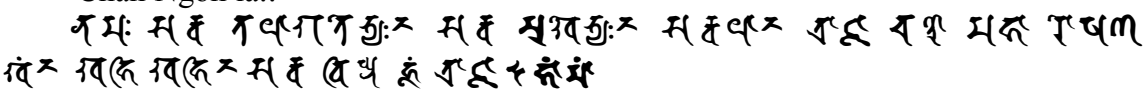

NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ_ SARVA MUKHEBHYAḤ_ SARVATHĀ TRAṬ CAṆḌA MAHĀ-ROSAṆA KHAṂ KHAHI KHAHI_ SARVA VIGHNA HŪṂ TRĀṬ _ HĀṂ MĀṂ

Trì Minh Viện diễn tả sự thị hiện Thần Biến, khéo dùng phương tiện thiện xảo tịnh trừ phiền não của Ta Người, nhập vào Thật Tướng Bình Đẳng, nhiếp hóa chúng sinh khiến cho viên mãn Trí Hạnh, tượng trưng cho hai Đức **Chiết Phục** và **Nhiếp Thọ…** Đây là diệu dụng của Bình Đẳng Tính Trí.

Trì Minh Viện còn biểu thị cho **Viễn Hành Địa** (Dūraṃgama-bhūmi). Bồ Tát Thất Địa đã bỏ xa tình trạng Ngã Chấp của Nhị Thừa. Ở Địa này, Bồ Tát bắt đầu tu tập Đại Bi đối với tất cả chúng sinh và tu tập viên mãn **Phương Tiện Ba La Mật** (Upāya-pāramitā)

THÍCH CA VIỆN

Thích Ca Viện có vị trí tại phương trên của Biến Tri Viện, tức lớp thứ hai ở phương Đông trong Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La, thuộc Phật Bộ

Viện này biểu thị cho việc nói Pháp lợi sinh của Đại Nhật Như Lai, Diệu Đức của phương tiện nhiếp hóa, dùng **Thích Ca Như Lai** (Śākya-muṇi) làm Tôn Chủ cho nên xưng là Thích Ca Viện.

Y theo ý của Kinh **Đại Nhật** thì Đức Thích Ca Như Lai chẳng phải là sinh thân của Đức Phật Đà mà là **Thân biến hóa** (Nirmāṇa-kāya) của Pháp Thân Phật tức **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata)

Các Tôn trong viện Thích Ca gồm có :

a) Thích Ca Như Lai biểu thị cho **Phật Bảo**, Quán Tự Tại Bồ Tát biểu thị cho **Pháp Bảo**, Hư Không Tạng Bồ Tát biểu thị cho **Tăng Bảo**. Cả 3 Tôn này biểu thị cho 3 Đức đầy đủ của Tam Bảo.

Hai Tôn: Vô Năng Thắng Minh Vương và Vô Năng Thắng Minh Phi biểu thị cho Đức **Giáng phục 4 Ma** của Đức Thích Ca khi Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ Đề thành Đạo.

b) Tám Phật Đỉnh biểu thị cho **Quả Đức u thâm huyền diệu** của Như Lai. Các Tôn Tượng này tức đại biểu cho nơi khởi hiện của Phật Trí vô thượng

.) 3 Phật Đỉnh: Quảng Đại Phật Đỉnh, Cực Quảng Đại Phật Đỉnh, Vô Biên Am Thanh Phật Đỉnh biểu thị cho **3 đức tính của 3 Bộ** trong Thai Tạng Giới, hay thỏa mãn tất cả mọi Nguyện

.) 5 Phật Đỉnh: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, Thắng Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh biểu thị cho **5 Trí của Đức Thích Ca Như Lai,** ở trong tất cả Công Đức giống như một loại Chuyển Luân Thánh Vương (Cakra-vartin-rja) có đầy đủ đại thế lực

.) Nhất Thiết Như Lai Bảo, Như Lai Từ, Như Lai Bi, Như Lai Mẫn, Như Lai Hỷ, Như Lai Xả. Sáu Tôn này biểu thị cho con mắt Từ Bi nhìn ngó chúng sinh

.) Như Lai Hào Tướng, Như Lai Nha, Như Lai Thiệt, Như Lai Ngữ, Như Lai Tiếu, Như Lai Xước Khất Để. Sáu Tôn này biểu thị cho **Tự Tính Pháp Thân thường trụ** của Đức Thích Ca Như Lai

.) Đa Ma La Hương Tích Chi Phật, Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật, Luân Bức Tích Chi Phật, Bảo Bức Tích Chi Phật, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diệp Bà, Tu Bồ Đề, Câu Hy La, A Nan, Ca Chiên Diên, Ưu Bà Ly, Câu Hy La, Trí Câu Hy La, Cúng Dường Vân Hải. 14 Tôn này biểu thị cho Công Đức phân biệt đã đầy đủ của Như Lai.

Viện này tổng cộng có 39 Tôn được trình bày như sau

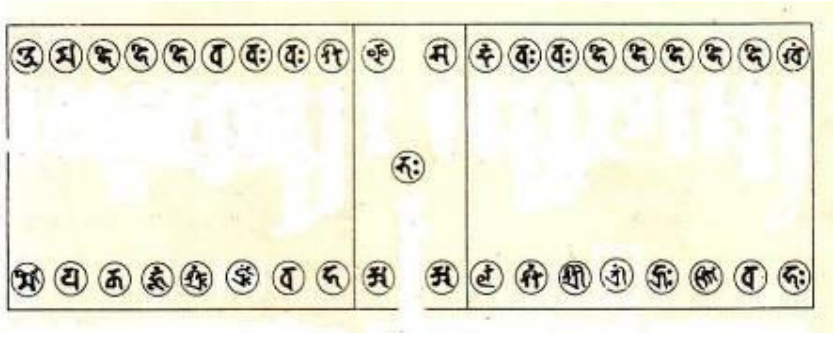

_ Lớp bên trái (từ trái qua phải):gồm 17 Tôn
.) Hàng trên có 9 Tôn
1_ Như Lai Xả (𑖌𑖼)
2_ Như Lai Hỷ (𑖍𑖼)
3_ Xá Lợi Phất (𑖎𑖼)
4_ Ca Diếp Bà (𑖎𑖼)
5_ Tu Bồ Đề (𑖎𑖼)
6_ Đại Mục Kiền Liên (𑖏𑖼)
7_ Đa Ma La Hương Tích Chi Phật (𑖏𑖽)
8_ Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật (𑖏𑖽)
9_ Như Lai Thước Khất Để (𑖐𑖼)
.) Hàng dưới có 8 Tôn:
1_ Như Lai Từ (𑖍𑖼)
2_ Như Lai Mẫn (𑖋𑖼)
3_ Như Lai Bi (𑖊𑖼)
4_ Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh (𑖗𑖼)
5_ Cao Phật Đỉnh (𑖘𑖼)
6_ Chuyển Luân Phật Đỉnh (𑖙𑖼)
7_ Như Lai Hào Tướng (𑖏𑖼)
8_ Nhất Thiết Như Lai Bảo (𑖎𑖼)
_ Lớp chính giữa gồm 5 Tôn
.) Hàng trên có 02 Tôn:
1_ Bên trái: Hư Không Tạng (𑖜𑖼)
2_ Bên phải: Quán Tự Tại (𑖍𑖼)
.) Chính giữa có 01 Tôn là Thích Ca Mâu Ni Như Lai (𑖎𑖽)
.) Hàng bên dưới có hai Tôn
1_ Bên trái: Vô Năng Thắng Phi (𑖌𑖼)
2_ Bên phải: Vô Năng Thắng Kim Cương (𑖌𑖼)
_ Lớp bên phải (từ trái qua phải) gồm 17 Tôn
.) Hàng trên có 9 Tôn:
1_ Như Lai Nha (𑖗𑖼)
2_ Luân Bức Tích Chi Phật (𑖏𑖽)
3_ Bảo Bức Tích Chi Phật (𑖏𑖽)
4_ Câu Hy La (𑖎𑖼)
5_ A Nan (𑖎𑖼)

6_ Ca Chiên Diên (ཀ)
7_ Ưu Bà Lợi (ཀ)
8_ Trí Câu Hy La (ཀ)
9_ Cúng Dường Vân Hải (ཀ)
.) Hàng bên dưới có 8 Tôn:
1_ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh (ཀ)
2_ Thắng Phật Đỉnh (ཀ)
3_ Tối Thắng Phật Đỉnh (ཀ)
4_ Quang Tụ Phật Đỉnh (ཀ)
5_ Trừ Cái Chướng Phật Đỉnh (Tồi Toái Phật Đỉnh) (ཀ)
6_ Như Lai Thiệt (ཀ)
7_ Như Lai Ngữ (ཀ)
8_ Như Lai Tiếu (ཀ)

1_ Thích Ca Mâu Ni Như Lai (Śākya-muṇi):

Śākya-muṇi dịch âm là Thích Ca Văn Ni, Xả Ca Dạ Mâu Ni, Thích Ca Mâu Nẵng, Thích Ca Văn…. lược xưng là Thích Ca, Mâu Ni, Văn Ni. Dịch ý là Năng Nhân, Năng Nhẫn, Năng Tịch, Tịch Mặc, Năng Mãn. Hoặc xưng là Thích Ca Tịch Tĩnh. Lại xưng là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Thích Ca Mâu Ni (Śākya-muṇi) lại được dịch là **Năng Nhân Tịch Mặc** trong đó **Năng Nhân** (Śākya) là dòng họ Thích Ca và **Tịch Mặc** (Muṇi) là bậc Đại Thánh. Như vậy Thích Ca Mâu Ni có nghĩa là Bậc Đại Thánh của dòng họ Thích Ca.

Theo ý nghĩa khác thì **Năng** biểu thị cho Đại Hùng Lực, **Nhân** biểu thị cho Đại Từ Bi, **Tịch Mặc** biểu thị cho Đại Trí Giác. Như vậy Hồng danh **Thích Ca Mâu Ni** biểu thị cho Phước Trí viên mãn của Đấng Toàn Giác.

Trong viện này thì Thích Ca Mâu Ni Phật tượng trưng cho **Phật Bảo.**

Tôn Hình: Hai tay để ngang ngực kết Thuyết Pháp Ấn. Thân màu vàng rực, khoác cà sa màu đỏ, ngồi Kiết Già trên hoa sen

Chữ chủng tử là: BHAḤ (𑖪𑖽𑖹)

Mật Hiệu là: **Tịch Tĩnh Kim Cương.** Biểu thị cho sự xa lìa khỏi 5 Độc của Thế Gian

Tam Muội Gia Hình là: Cái bình bát.

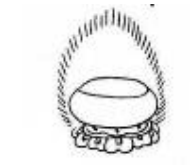

Tướng Ấn là: Kết Cát Tường Ấn hoặc Bát Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖨𑖨𑖦 𑖪𑖭𑖿𑖨𑖸 𑖨𑖦 𑖧𑖽𑖫 𑖢𑖾𑖨𑖦𑖸 𑖨𑖦𑖪𑖨 𑖪𑖨𑖸 𑖦𑖦𑖦 𑖨𑖨𑖨𑖸 𑖨𑖦𑖨𑖨𑖸 𑖨𑖪𑖸

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA KLEŚA NIRSUDANA _ SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA _ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

2_ Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokiteśvara):

Avalokiteśvara dịch âm là A Bà Lô Cát Đế Thước Bát La, A Phộc Lô Chỉ Đề Thấp Phiệt La…Dịch ý là Quán Tự Tại Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát…

Tôn này là vị Bồ Tát có bản nguyện dùng Từ Bi cứu độ chúng sinh.

Trong Viện này thì Quán Tự Tại Bồ Tát là vị theo hầu bên phải Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đại biểu cho **Pháp Bảo** và biểu thị cho Đức **Chân Tướng**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm cây phất trắng, tay trái chống eo, đứng thẳng trên hoa sen.

Mật Hiệu là: **Thanh Tịnh Kim Cương** , hoặc **Chính Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Cây phất trắng, hoặc hoa sen chưa hé nở.

Tướng Ấn là: Bát Diệp Liên Hoa Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖦𑖼 𑖦𑖫𑖼 𑖪𑖽𑖨𑖼𑖦

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SA

3_ **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha, hoặc Gagana-gañja):

Ākāśa-garbha dịch âm là A Ca Xả Nghiệt Bà

Gagana-gañja dịch âm là Nga Nga Nẵng ngạn nhạ.

Tôn này đại biểu cho hai tạng báu **Phước Đức, Trí Tuệ** vô lượng ngang bằng với hư không rộng lớn vô biên.

Lại xưng là Hư Không Dựng Bồ Tát hay tuôn ra vô lượng Pháp Bảo ban bố khắp cho người có mong cầu, lợi ích chúng sinh.

Trong Viện này thì Hư Không Tạng Bồ Tát là vị theo hầu bên trái Đức Thích Ca Mâu Ni Phật và đại diện cho **Tăng Bảo**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải dựng lòng bàn tay, co ngón trỏ ngón giữa cầm cây phất trắng. Tay trái úp quyền để phía trước rốn cầm hoa sen, trên hoa sen có viên ngọc màu xanh lục, khoác Thiên y, đứng thẳng trên tòa hoa sen.

Mật Hiệu là: **Vô Tận Kim Cương**

Chữ chủng tử là: I (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc Như Ý trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Hư Không Tạng Ấn (Hư Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón trỏ để bên dưới hai ngón giữa, đưa ngón cái vào trong lòng bàn tay).

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖫𑖸 𑖪𑖫𑖸𑖟 𑖢𑖼𑖩𑖽𑖯 𑖨𑖽𑖪𑖫𑖸𑖟𑖪𑖾𑖟𑖯 𑖎𑖪𑖼𑖬𑖢𑖴 𑖎𑖢𑖴 𑖥𑖲𑖩𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀKĀŚA SAMANTA-ANUGATA VICITRĀṂ VARA-DHARA_ SVĀHĀ

4_Vô Năng Thắng Phi (Aparājitā-rājñi):

Tôn này là vợ của Vô Năng Thắng Minh Vương.

Tôn này biểu thị cho sức mạnh **Giác Ngộ** của Đức Phật Thích Ca

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, có 3 mắt, khoác Thiên Y.

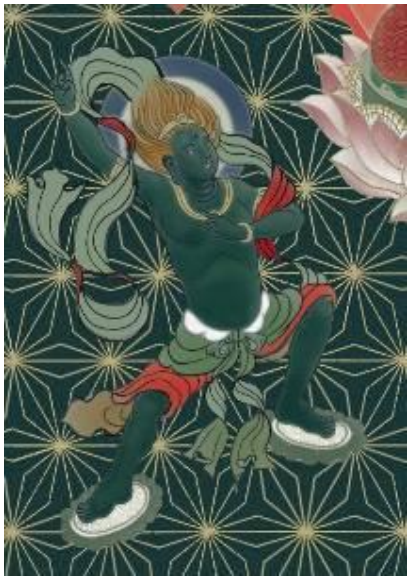

Mật Hiệu là: **Trường Sinh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cây búa lớn, hoặc cầm hoa sen.

Tướng Ấn là: Vô Năng Thắng Minh Phi Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖥𑖸 𑖥𑖥𑖿𑖦 𑖨𑖽𑖦𑖿𑖦𑖰 𑖃𑖪𑖟𑖽𑖦𑖿𑖦𑖰 𑖏𑖿𑖫𑖟𑖽𑖦𑖿𑖦𑖰 𑖧𑖭𑖿𑖫𑖽

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ APĀRAJITE JAYAṂTI TĀḌITE_ SVĀHĀ

5_ Vô Năng Thắng Kim Cương (Aparājitā-vajra):

Aparājitā-vajra dịch âm là A Ba La Nhĩ Đa. Lại xưng là Vô Năng Thắng Bồ Tát, Vô Năng Thắng Minh Vương. Là một trong 8 vị Đại Minh Vương của Mật Giáo.

Khi Đức Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, vừa mới thành Đạo thời dùng sức của Minh Chú **Vô Năng Thắng** giáng phục quân Ma và đẩy lui mọi chướng ngại.

Tôn này được xem là một Hóa Thân của Đức Thích Ca, biểu thị cho sức mạnh chiến đấu và chiến thắng

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, có 4 mặt 4 cánh tay. Bốn mặt đều nhìn ngó giận dữ, tóc dựng dài như lửa rực. Bên phải: tay thứ nhất dựng Quyền duỗi ngón trỏ để trước ngực, tay thứ hai đem ngón giữa, ngón vô danh đè nóng ngón cái và duỗi thẳng ngón trỏ, co khuỷu tay hướng lên trên. Bên trái: tay thứ nhất cầm cây búa, tay thứ hai cầm Tam Kích Xoa.

Mật Hiệu là: **Thắng Diệu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀) hay DHRIṂ (𑖟𑖪𑖨𑖿𑖩) nghĩa là khiến cho chúng sinh trong Pháp Giới lìa bụi dơ

Tam Muội Gia Hình là: Cái miệng lớn trên hoa sen đen, hay cây búa lớn.

Tướng Ấn là: Vô Năng Thắng Ấn (Tay phải để ngang trái tim, làm dạng cầm hoa sen. Tay trái duỗi cánh tay nâng cao lên, duỗi năm ngón tay).

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖫𑖼 𑖪𑖫𑖦𑖾𑖨𑖿𑖢𑖸𑖨𑖿𑖢𑖸 𑖟𑖪𑖨𑖿𑖩 𑖟𑖪𑖨𑖿𑖩 𑖪𑖨𑖿𑖩 𑖪𑖨𑖿𑖩 𑖪𑖟𑖨𑖿𑖩 𑖪𑖟𑖨𑖿𑖩 𑖮𑖛𑖳𑖩

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DHRIṂ DHRIṂ_ RIṂ RIṂ_ JRIṂ JRIṂ_ SVĀHĀ

_Tám Phật Đỉnh biểu thị cho **Quả Đức u thâm huyền diệu** của Như Lai. Các Tôn Tượng này tức đại biểu cho nơi khởi hiện của Phật Trí vô thượng

Ba Phật Đỉnh: Quảng Đại Phật Đỉnh, Cực Quảng Đại Phật Đỉnh, Vô Biên Am Thanh Phật Đỉnh biểu thị cho **3 đức tính của 3 Bộ** trong Thai Tạng Giới, hay thỏa mãn tất cả mọi Nguyện

Năm Phật Đỉnh: Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, Thắng Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh biểu thị cho **5 Trí của Đức Thích Ca Như Lai,** hay 5 Tôn này biểu thị cho Công Đức của **Như Lai Vô Kiến Đỉnh Tướng** (Tướng nhục kế của Như Lai không thể thấy biết được) ở trong tất cả Công Đức giống như một loại **Chuyển Luân Thánh Vương** (Cakra-vartin-rāja) có đầy đủ đại thế lực

1_ Quảng Đại Phật Đỉnh (Mahā-uṣṇīṣa-cakra-vartin):

Mahā-uṣṇīṣa-cakra-vartin lại xưng là Đại Chuyển Luân Phật Đỉnh, Đại Luân Phật Đỉnh, Quảng Sinh Phật Đỉnh, Đại Chuyển Luân Phật Đỉnh, Hội Thông Đại Phật Đỉnh, Hoàng Sắc Phật Đỉnh, Hội Thông Đại Chuyển Luân. Là một trong 3 Phật Đỉnh, hoặc một trong 8 Phật Đỉnh .

Tôn này Biểu thị cho Đức của **Phật Bộ** (Buddha-kulāya) là con đường giác ngộ viên mãn, Lý Trí đầy đủ.

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, thị hiện hình Bồ Tát, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ, tay phải cầm hoa sen bên trên sen có cái chày Độc Cổ dựng đứng, tay trái đem ngón cái vịn ngón giữa, dựng thẳng ngón trỏ, hướng mặt về bên trái.

Mật Hiệu là: **Phá Ma Kim Cương**
Chữ chủng tử là: ṬRŪṂ ()
Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.

Tướng Ấn là Như Ý Bảo Ấn: Hư Tâm Hợp Chưởng, hai tay đem ngón út, ngón cái cùng hợp nhau, hơi co các ngón còn lại như hoa sen nở rộ.

Chân Ngôn là:
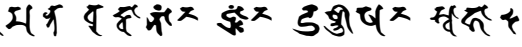
Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Ṭrūṃ uṣṇīṣa svāhā

2_ Cực Quảng Đại Phật Đỉnh (Abhyudgata-uṣṇīṣa):

Abhyudgata-uṣṇīṣa được xưng là Cao Phật Đỉnh, Quảng Sinh Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Tối Cao Phật Đỉnh. Là một trong năm Phật Đỉnh, một trong tám Phật Đỉnh

Thường nhớ niệm Tôn này thì vào lúc đấu chiến, luận lý, tranh tụng thời đều được tốt lành. Nếu viết Chân Ngôn này ở trên đầu thì có thể được sự tốt lành trong sạch, diệt tội được phước và được Biện Tài không ngăn ngại.

Tôn này biểu thị cho Đức của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) là Đại Tuệ Tam Muội của Như Lai hay làm cho rạng rỡ muôn điều lành.

Tôn Hình: Thân màu vàng, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ, tay phải dựng lòng bàn tay co ngón vô danh, tay trái để ở eo lưng cầm hoa sen, trên hoa sen có viên ngọc màu xanh lục (Lục Châu).

Mật Hiệu là : **Nan Đổ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ŚRŪṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc Như Ý trên hoa sen.

Tướng Ấn là **Cao Phật Đỉnh Thủ Ấn:** Chắp hai tay lại, co ngón vô danh cùng cài chéo nhau để bên ngoài, hai ngón út, hai ngón giữa cùng hướng lên trên giữ nhau, duỗi ngón trỏ co lóng thứ ba khiến chẳng dính nhau, giống như hạt lúa mạch, hai ngón cái hơi co.

Chân Ngôn là:

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Śrūṃ uṣṇīṣa svāhā

3_ Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh (Ananta-svara-ghoṣa-cakra-vartin)

Lại xưng là Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh, Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh, là một trong ba Phật Đỉnh, chủ yếu biểu dương Đức Phật Đà dùng vô lượng âm thanh màu nhiệm nói Pháp khiến cho chúng sinh đều được mở rõ sự hiểu biết (khai giải).

Tôn này biểu thị cho Đức của **Kim Cương Bộ** (Vajra Kulāya) là sức tác dụng Trí Tuệ của Như Lai hay nghiền nát 3 chướng (Hoặc, Nghiệp, Khổ) của tất cả chúng sinh.

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, tay trái cầm hoa sen bên trên có cái vỏ ốc (Loa Bối), tay phải dựng đứng lòng bàn tay co ngón trỏ, ngón giữa.

Mật Hiệu là: **Diệu Hưởng Kim Cương**
Chữ Chủng tử là: HŪṂ (𑖪𑖽𑖿)
Tam Muội Gia Hình là: Vỏ ốc trên hoa sen.

Tướng Ấn là **Pháp Loa Ấn**: Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, đem hai ngón trỏ quấn đè bên trên ngón cái sao cho móng ngón tay cùng chạm dính nhau.

Chân Ngôn là:
𑖢𑖾𑖨𑖸 𑖪𑖾𑖢𑖿 𑖥𑖽𑖾𑖨𑖿 𑖪𑖽𑖿 𑖌𑖬𑖿𑖩𑖬𑖿 𑖨𑖿𑖪𑖿
Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Hūṃ jayoṣṇīṣa svāhā
Chân Ngôn chung của 3 Phật Đỉnh này là:
𑖢𑖾𑖨𑖸 𑖪𑖾𑖢𑖿 𑖥𑖽𑖾𑖨𑖿 𑖪𑖽𑖿 𑖪𑖽𑖿 𑖪𑖾𑖿𑖥𑖿 𑖪𑖽𑖿 𑖨𑖾𑖿
Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Hūṃ hūṃ saṃ huṃ_ hūṃ ṭrūṃ

4_ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh (Sitātapatra-Uṣṇīṣa, hay Sitātaptatroṣṇīṣa):

Sitātapatra dịch âm là Tất đát bát đát la, dịch ý là Bạch Tản Cái, Bạch Tán, Bạch Tán Cái. Đây là cái lọng màu trắng chủ về Tịnh Đức của Đức Phật Đà hay che chắn tất cả hữu Tình.

Sitātaptatroṣṇīṣa dịch âm là Tất đát bát đát la Ô Sắt Nị Sa. Dịch ý là Bạch Tản Phật Đỉnh, Tản Cái Phật Đỉnh, Tản Phật Đỉnh, Bạch Tản Cái Phật Đỉnh. Là một trong 5 Phật Đỉnh, một trong 8 Phật Đỉnh.

Tôn này dùng cái lọng Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh làm Bản Thệ.

Tôn này biểu thị cho mọi tướng của Như Lai.

Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen, trên sen có cái lọng trắng. Co cánh tay phải lên trên kèm co 5 ngón, đem ngón cái vịn ngón trỏ. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Dị Tướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: LAṂ ( ) tượng trưng cho ý dùng ánh sáng Trí của **Vô Tướng chẳng thể đắc** che chắn chúng sinh trong Pháp Giới.

Tam Muội Gia Hình là: Cái lọng trắng trên hoa sen, hay là cái lọng.

Tướng Ấn là **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn**: Chưởng trái hơi mở các ngón tay rồi úp chưởng xuống. Tay phải nắm thành quyền, dựng đứng ngón trỏ chỉ vào tâm lòng bàn tay trái thành hình cái lọng

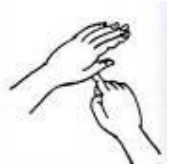

Chân Ngôn là:

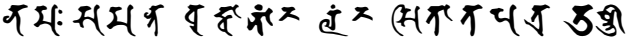

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Laṃ_ sitātapatra-uṣṇīṣa svāhā

5_ Thắng Phật Đỉnh (Jaya-Uṣṇīṣa hay Jayoṣṇīṣa)

Jayoṣṇīṣa dịch âm là Nhạ Dục Ô Sắt Nê Sái. Lại xưng là Thắng Đỉnh Luân Vương, Thắng Phật Đỉnh Chuyển Luân. Là một trong năm Phật Đỉnh, một trong tám Phật Đỉnh.

Do Tôn này đã đoạn trừ gốc rễ của Vô Minh cho nên đã chứng ngộ Niết Bàn vắng lặng, là sự vắng lặng rộng lớn của Như Lai. Sự vắng lặng này không có gì ngang bằng, không gì có thể so sánh, là Đỉnh của Đại Tịch cho nên xưng là Thắng Phật Đỉnh.

Tôn này biểu thị cho Đại Tịch của Như Lai.

Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Bồ Tát. Tay phải cầm hoa sen chưa nở. Tay trái nắm quyền cầm hoa sen, trên sen có cây kiếm chung quanh rực lửa sáng. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Đại Tôn Kim Cương, Vô Tỷ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ŚAṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm báu trên hoa sen

Tướng Ấn là **Đại Tuệ Đao Ấn**: Hai tay tác Kim Cương Hợp Chưởng, co hai ngón trỏ cùng hợp móng ngón, kèm dựng hai ngón cái đè bên cạnh móng hai ngón trỏ.

Chân Ngôn là:

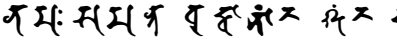

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Śaṃ_ Jaya-uṣṇīṣa svāhā

6_ Tối Thắng Phật Đỉnh (Vijayoṣṇīṣa):

Tối Thắng Phật Đỉnh là một trong 5 Phật Đỉnh , một trong 8 Phật Đỉnh.... chủ yếu làm lộ rõ Đức đặc biệt chuyển bánh xe Pháp của Đức Phật.

Tôn này biểu thị cho Thần Thông thọ lượng bí mật của Như Lai.

Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có để bánh xe, ngồi trên hoa sen

Mật Hiệu là:**Tối Thắng Kim Cương** hoặc **Thượng Hạnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ŚRĪ (𑖯𑖻) hay ŚĪ (𑖯𑖽)

Tam Muội Gia Hình là:Bánh xe Kim Cương trên hoa sen.

Tướng Ấn là **Chuyển Pháp Luân Ấn:** Hai tay để ngược nhau, cùng cài chéo các ngón tay, hai ngón cái cùng hợp đầu ngón.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖰𑖪𑖽𑖨 𑖥𑖨𑖪𑖿𑖦𑖰𑖟𑖿 𑖧𑖪𑖿𑖦𑖰𑖟𑖿 𑖪𑖾𑖯𑖿𑖚𑖰𑖟𑖿 𑖨𑖿𑖭𑖰𑖟𑖿𑖮𑖰𑖟𑖿 𑖨𑖿𑖭𑖰𑖟𑖿

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Śī_sī _ vijaya-uṣṇīṣa svāhā

7_ Quang Tụ Phật Đỉnh (Tejorāśi-uṣṇīṣa):

Tejorāśi-uṣṇīṣa dịch âm là Đế Nhu La Thi Ô Sắt Nê Sái. Là một trong 5 Phật Đỉnh của Mật Giáo, một trong 8 Phật Đỉnh. Lại xưng là Hỏa Tụ Phật Đỉnh, Hỏa Quang Phật Đỉnh, Phóng Quang Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh Luân Vương… Bản Tôn tượng trưng cho Đức đặc biệt của ánh sáng Như Lai chiếu phá hắc ám của chúng sinh cho nên có tên là Quang Tụ Phật Đỉnh

Thường niệm Thánh Hiệu của Quang Tụ Phật Đỉnh hay phá hoại tất cả chướng ngại, khu trừ Quỷ Mỵ khó điều phục, có thể thành tựu tất cả việc Phật rộng lớn.

Tôn này biểu thị cho ánh sáng Định Tuệ của Như Lai hay phá trừ sự ám chướng.

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ. Tay phải dựng nghiêng co ngón vô danh ngón út. Tay trái để ở eo cầm hoa sen, trên sen có hình Phật Đỉnh

Mật Hiệu là: **Thần Thông Kim Cương**

Chữ chủng tử là: TRĪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Hình Phật Đỉnh trên hoa sen, hoặc hình báu trên hoa sen màu vàng.

Tướng Ấn là **Quang Tụ Phật Đỉnh Ấn**: Chắp tay lại giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng), hai ngón vô danh, hai ngón út cùng hợp móng ngón nhập vào trong lòng bàn tay; hai ngón trỏ phụ dính lưng hai ngón giữa, kèm dựng hai ngón cái, liền thành hình của ba con mắt

Chân Ngôn là:

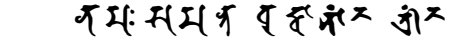

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Trīṃ_ Tejorāśi-uṣṇīṣa svāhā

8_ Trừ Cái Chướng Phật Đỉnh (Tồi Toái Phật Đỉnh_ Vikiraṇoṣṇīṣa)

Vikiraṇoṣṇīṣa lại xưng là Trừ Chướng Phật Đỉnh, Xả Trừ Phật Đỉnh, Tôn Thắng Phật Mẫu, Đỉnh Kế Thắng Phật Mẫu. Gọi đơn giản là Tôn Thắng Mẫu, cùng với Vô Lượng Thọ Phật, Bạch Độ Mẫu được gọi là ba Tôn Trường Thọ (Trường Thọ Tam Tôn)

Trong tất cả Phật Đỉnh thì Tồi Toái Phật Đỉnh hay khử trừ tất cả phiền não nghiệp chướng, phá hoại tất cả sự đau khổ của nẻo uế ác… cho nên lại xưng là Tôn Thắng Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh. Là một trong 5 Phật Đỉnh, một trong 8 Phật Đỉnh

Tôn này biểu thị cho Đỉnh Lực Vô Sở Úy Thần Thông của Như Lai, có năng lực dứt sạch các ô nhiễm của Nghiệp khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui.

Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen , trên sen có để móc câu Độc Cổ. Tay phải co ngón vô danh, dựng đứng lòng bàn tay ngang ngực, ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Trừ Ma Kim Cương**.

Chữ chủng tử là: HRAḤ ( ) hay HRŪṂ ()

Tam Muội Gia Hình là:Móc câu để trên hoa sen.

Tướng Ấn là **Trừ Nghiệp Phật Đỉnh Ấn:** Tay phải tác Liên Hoa Quyền, dựng đứng ngón trỏ co lóng trên như hình móc câu.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖨𑖿𑖦 𑖤𑖾𑖢𑖿𑖨𑖽 𑖨𑖽 𑖪𑖾𑖏𑖿𑖫𑖰𑖪𑖿𑖨𑖽 𑖦𑖿𑖢

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Hrūṃ_ vikiraṇa paṃca-uṣṇīṣa svāhā

_ 6 Tôn Nhất Thiết Như Lai Bảo, Như Lai Từ, Như Lai Bi, Như Lai Mẫn, Như Lai Hỷ, Như Lai Xả biểu thị cho con mắt Từ Bi nhìn ngó chúng sinh

1_ Nhất Thiết Như Lai Bảo (Sarva-tathāgata-maṇi):

Tôn này tức là **Phật Nhãn Phật Mẫu** (Buddha-locana), là nơi hóa hiện của Bát Nhã Trung Đạo Diệu Trí. Là Tổng Mẫu sinh ra chư Phật, Bồ Tát trong hai Bộ **Kim, Thai**. Dùng điều ấy làm Mẫu sinh ra công đức của Phật Bộ, cho nên xưng là Phật Mẫu. Lại do dùng đủ 5 loại mắt cho nên có tên gọi là Phật Nhãn.

Trong Thích Ca Viện thì Phật Nhãn Phật Mẫu lại được xưng là Năng Tịch Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Bảo. Pháp tu ấy chủ về Tức Tai hoặc Giáng Phục. Điều đặc sắc nhất là Tôn này dùng các Tinh Tú làm quyến thuộc.

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, tay phải dựng lòng bàn tay, co ngón giữa ngón vô danh; hơi co ngón út, duỗi ngón cái và ngón trỏ. Tay trái co cánh tay cầm hoa sen bên trên có viên ngọc Như Ý. Hướng mặt về phương bên trái hơi ngước nhìn.

Mật Hiệu là: **Bảo Tướng Kim Cương.**

Chữ chủng tử là: HA (𑖣) hay TA (𑖢)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc Như Ý trên hoa sen, hoặc Phật Đỉnh Nhãn.

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖨𑖼 𑖨𑖨𑖿𑖦 𑖥𑖢𑖵𑖟𑖨𑖿𑖨𑖼 𑖨𑖨𑖿𑖦𑖥𑖾𑖢𑖿𑖠𑖵𑖟𑖨𑖿𑖨𑖼

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖨𑖪𑖿𑖨𑖰𑖫𑖯 𑖨𑖿𑖪𑖼

Oṃ_ mahā-maitreya sphara

3_ Như Lai Bi Bồ Tát (Tathāgata-kāruṇa):

Tathāgata-kāruṇa dịch âm là Đát Tha Nga Đa Ca Lỗ Noa.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt của Tâm **Bi Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y rũ xuống che hai khuỷu tay, hai tay chắp lại, giao ống chân ngồi trên lá sen.

Mật Hiệu là: **Bi Hóa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KA (𑖏) .

Tam Muội Gia Hình là: Hợp Chưởng Ấn, hoặc viên ngọc Như Ý.

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖨𑖪𑖿𑖨 𑖦𑖿𑖬𑖾𑖬𑖿𑖫𑖾 𑖨𑖽𑖦𑖿

Oṃ_ mahā-kāruṇāya sphara

4_ Như Lai Hỷ Bồ Tát (Tathāgata-muditā):

Tathāgata-muditā dịch âm là Đát Tha Nga Đa Mẫu Nĩ Đa.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt của Tâm **Hỷ Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt, mặc áo cà sa che kín vai phải với ngực, ngửa lòng bàn tay phải để trước ngực, co ngón giữa ngón vô danh ngón út. Tay trái cầm lá sen chứa đầy hoa, ngồi trên hoa sen.

Mật Hiệu là: **Xứng Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MA (𑖨) hay MU (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa trên lá sen, hoặc hoa sen màu vàng.

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖼𑖝 𑖥𑖽𑖨𑖼𑖫𑖼𑖦 𑖨𑖼𑖪𑖼𑖢𑖿

Oṃ_ Śuddha-pramudita sphara

5_ Như Lai Xả Bồ Tát (Tathāgata-upekṣa):

Tathāgata-upekṣa dịch âm là Đát Tha Nga Đa Ô Bế Khất Tẩy.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt của Tâm **Xả Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt, lòng bàn tay phải đè trên đùi, hướng ngón cái vào bên trong, hướng 4 ngón còn lại ra ngoài. Tay trái cầm viên ngọc màu trắng, hơi nghiêng mặt về bên trái, giao chéo ống chân ngồi trên lá sen.

Mật Hiệu là: **Bình Đẳng Kim Cương.**

Chữ chủng tử là: Ū (𑖝𑖾) hay PE (𑖦𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc màu trắng.

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

Oṃ_ mahā-upekṣa sphara

6_ Như Lai Mẫn Bồ Tát (Tathāgata-amṛditā):

Tathāgata-amṛditā dịch âm là Đát Tha Nga Đa Mẫu Lật Đề Đa.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ, mặc quần áo có đường viền, rũ ngửa bàn tay phải cầm lá sen chứa đầy hoa. Tay trái cầm viên ngọc báu, trên viên ngọc có lửa rực sáng, giao ống chân ngồi trên lá sen.

Mật Hiệu là: **Giáo Lệnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: YA (), hay MRE (), hay YAṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc báu, hoặc hoa báu

Tướng Ấn là: Bi Niệm Giả Ấn: Úp tay phải che ức ngực, hơi co ngón giữa.

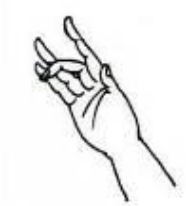

Chân Ngôn là:

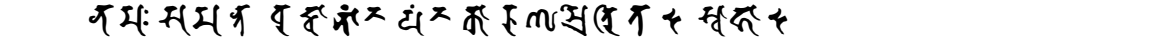

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ YAṂ KĀRUṆĀMREḌITA SVĀHĀ

_ 6 Tôn: Như Lai Hào Tướng, Như Lai Nha, Như Lai Thiệt, Như Lai Ngữ, Như Lai Tiếu, Như Lai Xước Khất Để…biểu thị cho **Tự Tính Pháp Thân thường trụ** của Đức Thích Ca Như Lai

1_ Như Lai Hào Tướng Bồ Tát (Tathāgata-ūrṇa):

Lại xưng là Thích Ca Hào Tướng Bồ Tát, Chân Đa Ma Ni Hào Tướng Bồ Tát.

Tôn này là Bồ Tát chủ về ảnh tượng thuộc Đức đặc biệt của tướng Bạch Hào (sợi lông trắng xoáy tròn theo bên phải ở tam tinh) trong 32 tướng của Như Lai.

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, ngửa lòng bàn tay phải để dưới rốn, tay trái cầm hoa sen bên trên có viên ngọc báu, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Diệu Dụng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA ( ) hoặc HŪṂ ( ) hay TA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Ánh sáng trên hoa sen màu vàng, hoặc viên ngọc báu Như Ý.

Tướng Ấn là: Tay phải làm dạng nắm quyền để ở vai.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖾𑖦𑖿 𑖪𑖢𑖾𑖦𑖾𑖦𑖾𑖦𑖿 𑖨𑖾𑖪𑖢𑖾𑖨𑖾𑖪𑖢

Tướng Ấn là: Như Lai Nha Ấn

Chân Ngôn là:

𑖨𑖾𑖰𑖪 𑖪𑖪𑖦 𑖢𑖦𑖿𑖩𑖽𑖪 𑖦𑖟𑖦𑖪 𑖞𑖽𑖪 𑖠𑖪 𑖠𑖪𑖬𑖽 𑖪𑖬𑖫𑖽𑖩 𑖪𑖦 𑖦𑖟𑖦𑖪𑖽 𑖛𑖯𑖟𑖽 𑖪𑖭𑖽𑖞 𑖧𑖭𑖽

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA DAṂṢṬRA_ RASA RASA-AGRA SAṂPRĀPAKA _ SARVA-TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVA_ SVĀHĀ

3_ Như Lai Thiệt Bồ Tát (Tathāgata-jihva):

Tathāgata-jihva dịch âm là Đát Tha Nga Tha Nỉ Hà Phộc. Tôn này chủ yếu hiển bày tướng lưỡi nói Pháp của Đức Phật Đà, thường làm Đức của lời nói chân thật (chân thật ngữ).

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải duỗi giương ngửa lòng bàn tay lên trên để trước ngực. Tay trái cầm hoa sen nở rộ, trên sen để cái lưỡi, trên lưỡi có lửa rực sáng, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Biệt Thuyết Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JI (𑖚𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Cái lưỡi trên hoa sen

Tướng Ấn là: Như Lai Giáp Ấn

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖨𑖨𑖿𑖦 𑖤𑖿𑖢𑖾𑖨𑖸 𑖦𑖯𑖿𑖟𑖸 𑖨𑖨𑖿𑖦𑖤𑖿𑖢𑖾𑖨

Tam Muội Gia Hình là: Cái môi trên hoa sen, hay hình báu trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Như Lai Ngữ Môn Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖨𑖾𑖥𑖸 𑖥𑖨𑖿𑖦 𑖪𑖽𑖟𑖿𑖠𑖸𑖦𑖿 𑖦𑖀𑖟𑖿𑖠𑖸𑖦𑖿 𑖦𑖀𑖪𑖽𑖟𑖿𑖠𑖸𑖦𑖿 𑖦𑖀𑖪𑖽𑖟𑖿𑖠𑖸𑖦𑖿 𑖥𑖨𑖿𑖦

Tam Muội Gia Hình là: Trong chày Tam Cổ có bộ răng.

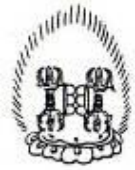

Tướng Ấn là: Hai lòng bàn tay ngửa bên miệng,bung tán.

Chân Ngôn là:

ཨོཾ ཝཛྲཧཱསཿ

OṂ_ VAJRA-HĀSA

6_ Như Lai Thước Khất Để (Tathāgata-śakti):

Śakti dịch ý là cây giáo (sóc) cây thương (thương). Lại xưng là Như Lai Sóc, Như Lai Sóc Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt thuộc các loại phương tiện bảo hộ chúng sinh của Như Lai

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải hướng ra ngoài cầm cây giáo, tay phải để ở eo, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Chúng Hạnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ŚA (ཤཿ)

Tam Muội Gia Hình là: Mâu Kích.

Tướng Ấn là: Tay trái ngửa lòng bàn tay để trên Già Phu, tay phải đem ngón cái vịn ngón vô danh và duỗi thẳng ba ngón còn lại như dạng Tam Kích Xoa.

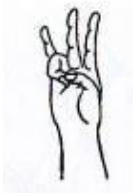

Chân Ngôn là:

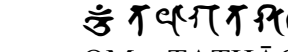

OṂ_ TATHĀGATA- ŚAKTI SVĀHĀ.

_ 14 Tôn: Đa Ma La Hương Tích Chi Phật, Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật, Luân Bức Tích Chi Phật, Bảo Bức Tích Chi Phật, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diệp Bà, Tu Bồ Đề, Câu Hy La, A Nan, Ca Chiên Diên, Ưu Bà Ly, Câu Hy La, Trí Câu Hy La, Cúng Dường Vân Hải biểu thị cho các Công Đức phân biệt đã đầy đủ của Đức Như Lai.

1_ Đa Ma La Hương Tích Chi Phật (Tamāla-patra-pratyeka-buddha):

Tamàla-patra-pratyeka-buddha dịch âm là Tác Đa Ma La Bả Đát La Bát-La Để Duệ Kế Mẫu Đà. Lại xưng là Đa Ma La Bạt Hương Tích Chi Phật, Đa Ma La Diệp Duyên Phật.

Tamāla-patra dịch ý là Hoắc Diệp Hương có tính hiền không có dơ. Đây là loại hương do Hoắc Diệp chế tạo thành, là thứ tối thắng trong các loại hương.

Tôn này đồng thể với Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật, biểu thị cho **Thắng Đức** của Đấng Phật Đà.

Tôn Hình: Hình Như Lai hơi gầy ốm, toàn thân màu vàng trắng. Tay trái nắm góc áo cà sa để trước ngực. Tay phải co cánh tay giương lòng bàn tay và co ngón vô danh ngón út, ngồi trên tòa hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Uân Huân Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VAḤ (𑖯𑖾𑖨𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.

Tướng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖡𑖾𑖢𑖸 𑖪𑖢𑖸𑖟 𑖥𑖹𑖨𑖾𑖢𑖸𑖦𑖽𑖯𑖾𑖨𑖽
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAḤ

2_ Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật (Candana-gandha-pratyeka-buddha):

Pratyeka-buddha (Tích Chi Phật) dịch ý là Duyên Giác, hay Độc Giác. Do tự mình quán sát mà chẳng tuân theo người nào khác, quán ngộ lý của 12 Nhân Duyên mà đắc Đạo.

Tôn Hình: Thân màu vàng, dựng lòng bàn tay trái, hướng tâm chưởng ra ngoài. Tay phải cầm góc áo cà sa.

Mật Hiệu là: **Thanh Lương Kim Cương.**
Chữ chủng tử là: VAḤ (𑖯𑖾𑖨𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.

Tướng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖪𑖾𑖨𑖿 𑖥 𑖢𑖿𑖨𑖰𑖪 𑖨𑖾𑖦𑖸

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAḤ

3_ Luân Bức Tích Chi Phật (Nemi-pratyeka-buddha):

Nemi-pratyeka-buddha lại xưng là Luân Phúc Tích Chi Phật, Luân Bức GIả, Luân Phúc Giả. Là một trong 4 vị Duyên Giác thuộc Thích Ca Viện.

Tôn này do quán sự luân hồi của 12 Nhân Duyên mà có tên gọi.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt **tồi phá chúng sinh** của Đức Phật

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay trái cầm góc áo cà sa, tay phải nắm quyền để ngang ngực, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Tồi Chướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VAḤ (𑖨𑖸)

Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.

Tướng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖢𑖸 𑖪𑖾𑖫𑖿𑖦 𑖥𑖼𑖨𑖿𑖨𑖰𑖪𑖸𑖩𑖸 𑖨𑖸𑖃

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAḤ

33_ Bảo Bức Tích Chi Phật (Ratna-nemi-pratyeka-buddha):

Ratna-nemi dịch âm là La Đát Na Nỉ Nhĩ. Trong đó **Ratna** là báu, **Nemi** là căm xe. **Ratna-nemi** có nghĩa là Luân Bảo Viên Mãn

Ratna-nemi-pratyeka-buddha là một trong 4 vị Duyên Giác thuộc Thích Ca Viện.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, hiển hình Như Lai, tay phải hướng lòng bàn tay ra ngoài để ngang ngực. Tay trái cầm hai góc áo cà sa để dưới rốn, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Viên Tịch Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VAḤ (𑖃𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.

Tướng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.

Chân Ngôn là:

ཨོཾ་སམན་ཏ་བུདྡྷཱ་ནཱཾ་ཝཿ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAḤ

5_ Xá Lợi Phất (Śāri-putra):

Śāri-putra dịch âm là Xá Lợi Phất Đa, Xá Lợi Phất La, Xá Lợi Phất Đát La, Xá Lợi Phất Đa La, Sa Lợi Phú Đa La, Sa Lợi Phất Đát La, Xá Lợi Phất Đa La. Dịch ý là Thu Lộ Tử , Cù Dục Tử. Phạn Hán cùng dịch là Xá Lợi Tử, Xá Lê Tử. Ngài là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca, do Trí Tuệ vượt hẳn mọi người trong Chúng nên được tôn xưng là bậc **Trí Tuệ Đệ Nhất.**

Xưa dịch là **Thân Tử** tức đã sai lầm đem chữ **Śāri** (loài chim Xá Lợi) dùng thành chữ **Śarīra** (thân thể)

Tiếng Phạn **Putra** dịch ý là đức con (tử). Mẹ của Ngài là nữ luận sư Bà La Môn ở tại thành Vương Xá của nước Ma Già Đà, lúc sinh ra thời dùng con mắt của loài chim Xá Lợi, nên có tên gọi là Xá Lợi. Do đó tên gọi Xá Lợi Phất tức là đứa con của bà Xá Lợi. Tên gọi riêng của Ngài là Upatīsya, dịch âm là Ưu Ba Đề Sa, Ưu Ba Đề Xả, Ưu Ba Đế Tu… Dịch ý là Đại Quang (Ánh sáng to lớn) tức theo cha mà có tên gọi này.

Thuở ấu thơ, Xá Lợi Phất có hình mạo đoan nghiêm, tu tập các kỷ nghệ, thông hiểu bốn bộ **Phệ Đà** (Veda). Năm 16 tuổi đã có thể ngồi luận nghị khuất phục người khác khiến cho con em giòng Quý Tộc phải quy phục.

Từ nhỏ Xá Lợi Phất đã kết bạn với Mục Kiền Liên và cùng nhau theo vị Thầy Ngoại Đạo là Sanjaya-vairatti-putra để học Đạo, khoảng 7 ngày 7 đêm liền quán thông Giáo Chỉ của vị ấy và được 250 người trong chúng Hội tôn làm bậc Thượng Thủ. Nhưng Ngài vẫn cảm thấy mình chưa thực sự đạt được sự giải thoát rốt ráo.

Sau này Xá Lợi Phất được Tỳ Khưu **Mã Thắng** (Aśvajit) tuyên nói Pháp **Nhân Duyên** (Hetu-pratyaya) nên hiểu ngộ chút ít liền cùng với Mục Kiền Liên kéo theo Đồ Chúng quy y Đức Phật Đà.

Khi đắc quả A La Hán, Xá Lợi Phất thường phụ giúp Đức Phật giáo hóa chúng sinh và trọn đời nêu gương sáng cho Đồ Chúng noi theo.

Tôn Hình: Hiện bày hình Tỳ Kheo, thân màu thịt, chắp hai tay ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (𑖪𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn

Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn

Chân Ngôn là:
𑖦𑖾𑖨𑖸𑖫𑖨𑖿𑖟𑖽𑖨𑖿𑖢𑖿𑖪𑖿𑖕𑖿𑖫𑖿𑖩𑖿𑖪𑖿𑖩𑖿𑖨𑖿𑖫𑖿𑖩𑖿𑖨𑖿𑖢𑖿𑖪𑖿𑖢𑖿𑖪𑖿𑖢𑖿𑖪

Tôn Hình: Hiện bày hình Sa Môn, thân màu thịt, tay phải nắm quyền duỗi giương ngón trỏ. Tay trái nắm góc áo cà sa, hướng mặt về bên trái, ngồi trên tòa hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Diệu Dụng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA (𑖪) hay HE (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn

Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸 𑖫𑖫𑖦 𑖪𑖽𑖟𑖾𑖨𑖾𑖫𑖸

Tôn Hình: Hiện bày hình Tỳ Kheo, thân màu thịt. Tay trái nắm góc áo cà sa đưa lên ngang ngực. Tay phải giương lòng bàn tay hướng ra ngoài, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Ly Trần Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (𑖪𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn

Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn

Chân Ngôn là:
𑖦𑖨𑖸 𑖪𑖨𑖿𑖦 𑖥𑖿𑖟𑖸𑖨𑖿𑖦𑖸𑖫𑖿𑖫𑖸 𑖥𑖿𑖟𑖸𑖨𑖿𑖦𑖸𑖫𑖿𑖫𑖸 𑖦𑖨𑖸𑖪𑖿𑖪

ngự, được nghe Đức Phật nói về tội lỗi của sự sân hận nên Ngài tự trách mình và sám hối lỗi lầm. Sau này được quả Tu Đà Hoàn, lại chứng quả A La Hán.

Tôn Hình: Hiện bày hình Tỳ Kheo, thân màu thịt. Tay trái nắm góc áo cà sa đưa lên ngang vai. Tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Vô Tướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖪𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn

Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖪𑖨𑖿𑖦 𑖦𑖽𑖟𑖿𑖟𑖾𑖨𑖸𑖨𑖿𑖦𑖾𑖨𑖸𑖨𑖿𑖦 𑖪𑖾𑖨𑖸𑖨𑖿𑖦𑖾𑖨𑖸

Căn cứ vào Kinh **Phật Bản Hạnh Tập, quyển 31, phẩm Na La Đà xuất gia** thời **Ca Chiên Diên** là con thứ hai của vị Bà La Môn **Đại Ca Chiên Diên** ở tụ lạc **Tiền Hầu Thực**, tên gọi của Ngài là **Na La Đà** (Nālaka). Thoạt tiên Ngài vào trong núi **Tần Đà** thuộc khu vực lân cận của thành **Ưu Thiền Gia Ni** theo ông ngoại là Tiên Nhân **A Tư Đà** học tập giáo nghĩa của Phệ Đà (Veda). Sau khi tiên **A Tư Đà** nhìn thấy tướng tốt trang nghiêm của Thái Tử **Tất Đạt Đa** lúc mới sinh ra và dự đoán ngày sau vị này sẽ thành Phật cho nên khi mệnh chung tiên A Tư Đà đã để lại lời nhắn khuyên Ca Chiên Diên nên lễ Đức Thích Tôn làm Thầy.

Sau khi Ngài xuất gia, quy y Phật xong thời tùy theo họ chính mà xưng là **Đại Ca Chiên Diên**. Ngài siêng năng tu hành chẳng biếng trễ nên chứng được quả A La Hán.Khi Đức Phật diệt độ, Ngài vẫn còn sống và thuận theo việc giáo hóa, luận chiến với nhóm Ngoại Đạo.

Ở trong chúng Đệ Tử của Đức Phật thời Ngài được tôn xưng là bậc **Luận Nghị Đệ Nhất.**

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, dựng lòng bàn tay phải, co ngón vô danh ngón út. Tay trái cầm góc áo cà sa để trước ngực, ngồi trên tòa lá sen.

Mật Hiệu là: **Biện Tài Kim Cương** , hoặc **Dũng Tuyền Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HE (𑖭)
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn

Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖼 𑖥𑖥𑖽𑖪𑖿𑖦𑖾𑖨𑖿𑖩𑖪𑖿𑖫𑖾𑖭𑖽𑖯𑖽𑖨𑖾𑖩

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖨𑖪𑖦𑖿𑖥𑖰𑖟𑖿

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖃 𑖥𑖥𑖨𑖪𑖟𑖿𑖦𑖾𑖍𑖓𑖬𑖫𑖾𑖕𑖨𑖟𑖨𑖾𑖍𑖓𑖾𑖢𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

12_ Câu Hy La (Kauṣṭhila):

Câu Hy La lại xưng là **Ma Ha Câu Hy La** (Mahā-kauṣṭhila), Ma Ha Câu Sắt Chỉ La, Câu Sắt Để La. Dịch ý là Đại Tất, Đại Đỗ Trì, Đại Thắng. Là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca.

Sau khi theo Đức Phật Đà xuất gia thời Câu Hy La đắc quả A La Hán, chứng được lý **năm Uẩn đều trống rỗng** (Ngũ Uẩn giai Không) cho nên xưng là **Ngộ Không.**

Kinh **Tạp A Hàm, quyển 12** ghi rằng: "Khi Câu Hy La ở tại núi Kỳ Xà Quật thời Xá Lợi Phất đi đến hỏi về nghĩa của 12 Nhân Duyên, Câu Hy La mỗi mỗi trả lời. Xá Lợi Phất khen ngợi Ngài đã đạt rõ Trí Tuệ, khéo điều thuận không có sợ hãi như viên ngọc vô giá trên đỉnh đầu"

Kinh **Tăng Nhất A Hàm, quyển 3 , phẩm Đệ Tử** ghi nhận Ma Ha Câu Hy La có đủ 4 Biện Tài.

Kinh **Tạp A Hàm**: quyển 9, quyển 10, quyển 14 cùng với các Kinh Trung **A Hàm**: quyển 7, Kinh **Câu Hy La:** quyển 58, Kinh **Đại Câu Hy La…** cũng ghi chép việc luận Pháp giữa Câu Hy La và Xá Lợi Phất. Có điều sự tích **về cuộc sống của Ngài thì chẳng rõ.**

Ngoài ra, ở Kinh **Soạn Tập Bách Duyên,** quyển 19**; Đại Trí Độ Luận** quyển 1**; Hữu Bộ Tỳ Nại Gia Xuất Gia Sự,** quyển 1, quyển 2 đều nói Câu Hy La tức là Trường Trảo Phạm Chí, cậu của Xá Lợi Phất.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, tay trái cầm góc áo cà sa, ngồi trên lá sen.

Mật Hiệu là: **Ngộ Tính Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖬)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn

Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn

Chân Ngôn là:

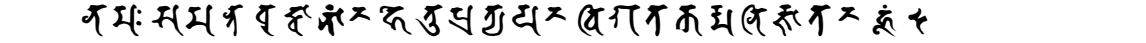

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

13_ Trí Câu Hy La Bồ Tát (Jñāna-kauṣṭhila):

Tôn này chủ về Đức đặc biệt **Tinh Tiến** của Đức Phật. Tay cầm hoa sen chưa hé nở biểu thị cho sự Từ Hộ nuôi nấng hạt giống Tâm Bồ Đề của chúng sinh.

Tôn Hình: Thân màu thịt, chắp hai tay lại, trong lòng bàn tay cầm hoa sen chưa hé nở, ngồi ngay thẳng trên lá sen.

Mật Hiệu là: **Chính Viên Kim Cương,** hay **Túc Tuệ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE ( )

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở, hoặc hứng hoa.

Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn

Chân Ngôn là:

ནཱ་མཿསམནྟ་བུདྡྷཱནཱཾ་ཧེ་ཏུ་པྲ་ཏྱ་ཡཱ་ཝི་གཏ་ཀརྨ་ནིརྫཱ་ཏཱ་ཧཱུྃ།

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪṂ

14_ Cúng Dường Vân Hải (Pūja-megha-sāgaraḥ):

Pūja-megha-sāgaraḥ dịch âm là Bố Nhạ Mê Già Sa Kiệt La, dịch ý là biển mây cúng dường (cúng dường vân hải)

Tôn này biểu thị cho việc cúng dường khắp tất cả, rộng làm Phật Sự.

Tôn Hình: Hiện hình Sứ Giả, hai tay cầm lá sen, trên lá để hoa sen, quỳ ngồi trên tòa lá sen. Hoặc cầm cái mâm vàng, trên mâm chứa đầy hoa.

Mật Hiệu là: **Phổ Phú Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KHAṂ (ཁཾ) hay PU (པུ)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa trên lá sen.

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

ནཱ་མཿསརྦ་ཏ་ཐཱ་གཏེ་བྷྱོ་བིཤྭ་མུ་ཁེ་བྷྱཿསརྦ་ཐཱ་ཁཾ་འུད་གཏེ་སྤྷ་ར་ཧཱི་མཾ་གག་ན་ཀཾ་སྭཱ་ཧཱ།

NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYO VIŚVA-MUKHEBHYAḤ SARVATHĀ KHAṂ UDGATE SPHARA HĪMAṂ GAGANAKAṂ SVĀHĀ

Do Đại Nhật Như Lai (Mahā-vairocana) đã dùng 2 Đức **Trí** (Jñāna) **Bi** (Kāruṇa) hiện thân thành **Thích Ca Mâu Ni Như La**i (Śākya-muṇi) để hóa độ chúng sinh. Vì thế Đức Thích Ca Mâu Ni là thân biến hóa của Đức Đại Nhật, biểu thị cho Bản Địa Pháp Thân vô dị và là nghĩa của quả đức u huyền

Đức Phật Thích Ca nhập vào Tam Muội **Bảo Xứ** (Dựa vào Tam Muội này mà Như Lai xuất hiện ở đời để nuôi lớn mầm giống Phật) tuyên nói **Tự Tâm Chân Ngôn** cùng với **Tâm Chân Ngôn** của các hàng quyến thuộc, cho nên 39 Tôn trong viện Thích Ca thuộc **Thai Tạng Giới Mạn Đà La** (Garbhadhātu-maṇḍala) biểu thị cho phương tiện Nhiếp Hóa , Thuyết Pháp Lợi Sinh của Đại Nhật Như Lai.

Viện này còn biểu thị cho **Hiện Tiền Địa** (Abhimukhī-bhūmi). Bồ Tát ở Địa này giữ mãi Tính **Bình Đẳng** đối với Tịnh và Bất Tịnh đồng thời tu tập viên mãn **Tuệ Ba La Mật** (Prajña-pāramitā).

VĂN THÙ VIỆN

Văn Thù Viện có vị trí tại phương trên của Thích Ca Viện, tức lớp thứ ba ở phương Đông trong Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La, thuộc Phật Bộ.

Do dùng Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát làm Chủ Tôn cho nên gọi là Văn Thù Viện.

Viện này là sự **mở thấy chứng ngộ** thuộc ba loại trang nghiêm không tận của Đại Nhật Như Lai, đại biểu cho Bát Nhã Diệu Tuệ

Viện này gồm có 25 Tôn được trình bày như sau:

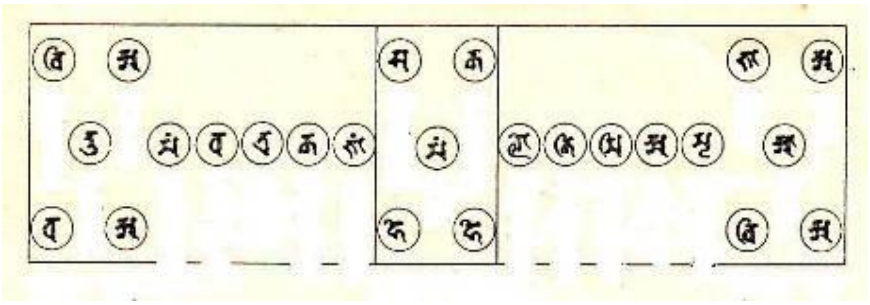

_ Lớp bên trái có 10 Tôn

.) Hàng trên có 2 Tôn:

1_ Phì Xa Gia (𑖪)

2_ A nhĩ Đa (𑖁)

.) Hàng giữa có 6 Tôn:

1_ Đồng Mẫu Lô (𑖩)

2_ Diệu Âm Bồ Tát (𑖌)

3_ Nguyệt Quang Bồ Tát (𑖏)

4_ Vô Cấu Quang (𑖎)

5_ Bảo Quan Bồ Tát (𑖆)

6_ Quang Võng Bồ Tát (𑖍)

.) Hàng dưới có 2 Tôn:

1_ Xả Gia (𑖫)

2_ A Ba La Nhĩ Đa (𑖁)

_ Lớp giữa có 5 Tôn

.) Hàng trên có 2 Tôn:

1_ Đại Thánh Quán Âm (𑖀)

2_ Đại Thánh Phổ Hiền (𑖆)

.) Hàng giữa có 01 Tôn là Văn Thù (𑖌)

.) Hàng dưới có 2 Tôn:

1_ Bất Khả Việt Thủ Hộ (𑖬)

2_ Tương Hướng Thủ Hộ (𑖬)

_ Lớp bên phải gồm có 10 Tôn

.) Hàng trên có 2 Tôn

1_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (𑖀)
2_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (𑖀)
.) Hàng giữa có 6 Tôn
1_ Kế Thiết Ni Đồng Tử (𑖀)
2_ Ưu Bà Kế Thiết Ni Đồng Tử (𑖁)
3_ Chất Đát La Đồng Tử (𑖂)
4_ Địa Tuệ Đồng Tử (𑖃)
5_ Triệu Thỉnh Đồng Tử (𑖄)
6_ Bất Tư Nghị Tuệ Đồng Tử (𑖄)
.) Hàng dưới có 2 Tôn
1_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (𑖀)
2_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (𑖀)

1_ Văn Thù Bồ Tát (Mañjuśrī) là Tôn ở chính giữa Viện và xưng là **Ngũ Kế Văn Thù.**

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, hiện hình Đồng Tử, đỉnh đầu có 5 búi tóc. Tay phải ngửa lòng bàn tay hướng đầu ngón tay về bên phải. Tay trái cầm hoa sen xanh bên trên có chày Tam Cổ dựng đứng, ngồi trên hoa sen trắng.

Thân màu vàng ròng biểu thị cho sự bền chắc của Tuệ thâm sâu.

Đỉnh đầu có 5 búi tóc biểu thị cho việc thành tựu đầy đủ 5 Trí của Như La.

Nhân làm duyên cho Nhân Duyên của Bản Thệ mà thị hiện làm hình Đồng Chân Pháp Vương Tử.

Hoa sen xanh biểu thị cho sự chẳng nhiễm dính các Pháp.

Kim Cương Trí Tuệ Ấn biểu thị cho việc hay dùng ánh sáng Trí chiếu soi khắp Pháp Giới

Mật Hiệu là:**Bát Nhã Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MAṂ (𑖨𑖾𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ trên hoa sen, hay rương Kinh Phạn.

Tướng Ấn là **Văn Thù Sư Lợi Ấn**: Chắp hai tay lại, giữa trống rỗng. Các ngón giữa, vô danh giao kết cùng giữ nhau. Đem hai ngón trỏ để trên hai ngón cái như hình móc câu

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖨𑖿 𑖥𑖨𑖌𑖿 𑖦𑖭𑖾𑖯𑖿 𑖧𑖧 𑖏𑖨𑖿𑖫𑖾𑖯𑖿 𑖝𑖿𑖨𑖾𑖯𑖿 𑖝𑖿𑖨𑖾𑖯𑖿 𑖦𑖭𑖾𑖯𑖿 𑖨𑖾𑖩𑖿𑖩𑖾𑖯𑖿 𑖨𑖾𑖩𑖿𑖩𑖾𑖯𑖿 𑖦𑖭𑖾𑖯𑖿 𑖨𑖿𑖭𑖾𑖯𑖿 𑖦𑖭𑖾𑖯𑖿 𑖦𑖭𑖾𑖯𑖿 𑖦

Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen nở rộ.

Tướng Ấn là: Bát Diệp Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖯 𑖯𑖾𑖫𑖿 𑖥𑖿𑖨𑖰𑖯

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ SA

3_ Đại Thánh Phổ Hiền (Ārya-samanta-bhadra, hoặc Viśva-bhadra):

Samanta-bhadra dịch âm là Tam Mạn Đa Bạt Đà La, Tam Mạn Đà Bạt Đà, Bật Thâu Bạt Đà. Dịch ý là Biến Cát Bồ Tát.

Do thân tướng của Bồ Tát này ở khắp tất cả mọi nơi đều thuần một sự Diệu Thiện cho nên gọi là Phổ Hiền.

Phổ Hiền Bồ Tát đại biểu cho Lý Đức và Định Đức của tất cả chư Phật. Ngài còn đại biểu cho tất cả Hạnh Bồ Tát, tượng trưng cho tinh thần Đại Thừa cứu cánh, đại biểu cho Bản Thể **Hạnh Đức** của tất cả Bồ Tát.

Trong Mật Giáo thì Phổ Hiền Bồ Tát đồng thể với Kim Cương Tát Đoả.

Tại Văn Thù Viện thì Tôn này biểu thị cho Hạnh Nguyện rộng lớn

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen bên trên có chày Tam Cổ, ngồi trên đài sen.

Mật Hiệu là: **Chân Như Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KA (𑖏)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ trên hoa sen

Tướng Ấn là: Nội Ngũ Cổ Ấn

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖪𑖦𑖨𑖿𑖩𑖯 𑖪𑖨

OṂ_ SAMANTA-BHADRĀYA SVĀHĀ

4_ Bất Khả Việt Thủ Hộ (Durdharṣa-dvāra-pāla):

Durdharṣa-dvāra-pāla lại xưng là Nan Trì, Nan Thắng, Đối Hộ Môn, Phụng Giáo Giả, Vô Năng Kiến Giả thường thủ hộ bên phải cửa nẻo bên trong (Nội Môn), vâng nhận Giáo Sắc của Đức Như Lai giúp giữ cửa Pháp (Pháp Môn)

Tôn Hình:Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để ngang ngực, hướng mặt về bên trái, giao hai ống chân mà ngồi

Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖪), hay KHA (𑖑)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

Tướng Ấn là: Bất Khả Việt Thủ Hộ Ấn.

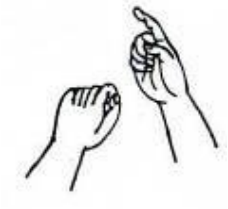

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸 𑖯𑖯𑖦 𑖢𑖪𑖽𑖨𑖸 𑖦𑖟𑖷 𑖯𑖨𑖲𑖫𑖷𑖽𑖨𑖸 𑖦𑖨𑖢𑖷 𑖯𑖦 𑖦𑖢𑖦𑖲𑖩𑖽𑖨𑖸 𑖩𑖪𑖺𑖸𑖨𑖸

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ DURDHARṢA, MAHĀ-ROṢAṆA KHĀDAYA _ SARVA TATHĀGATA- AJÑAṂ KURU_ SVĀHĀ

5_ Tương Hướng Thủ Hộ (Abhimukha-dvāra-pāla):

Abhimukha-dvāra-pāla có vị trí cùng đối với **Bất Khả Việt Thủ Ho** cho nên xưng là **Tương Hướng Thủ Hộ**. Xưng đầy đủ là Tương Hướng Thủ Hộ Môn Giả, hoặc là Đối Diện Hộ Môn Giả, Tương Hướng Kim Cương

Tôn này cũng vâng nhận Giáo Sắc của Đức Như Lai giúp giữ cửa Pháp (Pháp Môn)

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái cầm cây kiếm, tay phải nắm quyền duỗi thẳng ngón trỏ, hướng mặt về bên phải, giao ống chân mà ngồi

Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (𑖪), hay KHA (𑖑)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

Tướng Ấn là: Tương Hướng Thủ Hộ Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖽 𑖥𑖾𑖫𑖽𑖟𑖸𑖨𑖽𑖦𑖽 𑖥𑖪𑖽𑖟𑖽𑖨𑖽𑖦𑖽 𑖪 𑖥𑖪𑖽𑖟𑖽𑖨𑖽𑖦𑖽 𑖥𑖪𑖽𑖟𑖽𑖨𑖽𑖦𑖽 𑖧𑖪𑖽𑖨𑖽𑖦𑖽 𑖑𑖪𑖽𑖟𑖽𑖨𑖽𑖦𑖽 𑖑𑖪𑖽𑖟𑖽𑖨𑖽𑖦𑖽 𑖑𑖪𑖽𑖟𑖽𑖨𑖽𑖦𑖽 𑖥𑖾𑖫𑖽 𑖥𑖪𑖽𑖟𑖽𑖨𑖽𑖦

Tôn Hình: Hình Đồng Tử màu vàng, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải cầm sợi dây, ngồi trên toà hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Sắc Tướng Kim Cương**, tức nghĩa *tướng trang nghiêm của Diệu Tuệ*

Chữ chủng tử là: JAṂ (𑖜𑖾), tức nghĩa *Sinh chẳng thể đắc*

_Tam Muội Gia Hình là: Móc câu, hoặc sợi dây.

Tướng Ấn là: Quang Võng Câu Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖥𑖸 𑖪𑖥𑖌 𑖝𑖹𑖨𑖾𑖰 𑖏𑖏 𑖒𑖪𑖽𑖰 𑖪𑖟𑖨𑖫 𑖦𑖽𑖟 𑖧𑖿𑖰 𑖦𑖭𑖼

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE HE KUMĀRA MĀYĀGATA_ SVABHĀVA STHITA_ SVĀHĀ

7_ Bảo Quan Bồ Tát (Ratna-kuṭa, hoặc Ratna-makuṭa):

Ratna-makuṭa dịch âm là La Đát Na Ma Câu Tra. Lại xưng là Bảo Quan Đồng Tử, Bảo Quan Đồng Tử Bồ Tát.

Bảo Quan (cái mão báu) dịch ý là trang nghiêm tượng trưng cho Đức đặc biệt **Phước Tuệ Trang Nghiêm** của Văn Thù Bồ Tát, hay làm lợi ích cho tất cả chúng sinh khiến cho kẻ ấy được Phước Tuệ trang nghiêm.

Tôn Hình:Thân màu vàng, tay phải ngửa lòng bàn tay ngang ngực, cầm Tam BIện Bảo Châu. Tay trái mở khuỷu tay cầm hoa sen xanh, bên trên hoa có cái mão báu. Ngồi Bán Già trên toà hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Trang Nghiêm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KA ( )

Tam Muội Gia Hình là:Viên ngọc báu, hoặc mão báu trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

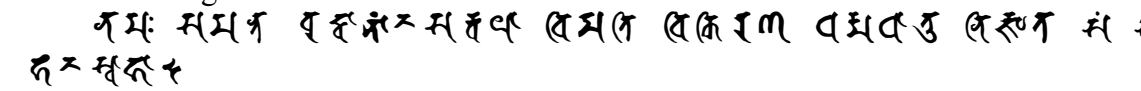

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVATHĀ-VIMATI-VIKIRAṆA-DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA SAṂ SAṂ HA _ SVĀHĀ

8_ Vô Cấu Quang Bồ Tát (Vimala-prabha):

Vimala-prabha lại xưng là Vô Cấu Quang Đồng Tử., là một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này chủ yếu biểu hiện cho Lý **Tất Cánh Không** của Văn Thù Bồ Tát, dùng Bản Tính trong sạch không dơ phóng toả ánh sáng ra bên ngoài cho nên xưng là Vô Cấu Quang Bồ Tát.

Tôn Hình: Hình Đồng Tử, tay phải cầm cái bát báu bằng Mã Nãođể dưới rốn. Tay trái cầm hoa sen xanh chưa hé nở. Ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Ly Trần Kim Cương**

Chữ chủng tử là: TRA ()

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở.

Tướng Ấn là:Quang Võng Câu Ấn.

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE KUMĀRA_ VICITRA GATI_ KUMĀRAM ANUSMARA_ SVĀHĀ

9_ Nguyệt Quang Bồ Tát (Candra-prabha):

Candra-prabha lại xưng là Nguyệt Tịnh Bồ Tát, Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho việc gìn giữ kho báu Chính Pháp

Tôn Hình: Quyền phải để ngang eo, cầm hoa sen, bên trên hoa có nửa vành trăng. Tay trái dựng quyền cầm hoa sen chưa nở. Ngồi ngay thẳng trên đài sen.

Mật Hiệu là: **Uy Đức Kim Cương**

Chữ chủng tử là: CA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen để nửa vành trăng.

Tướng Ấn là: Chấp Liên Hoa Ấn.

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ CANDRA-PRABHĀYA_ SVĀHĀ

10_ Diệu Âm Bồ Tát (Mañju-ghoṣa):

Diệu Âm Bồ Tát biểu thị cho Đức **Thuyết Pháp** của Văn Thù Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Đồng Tử, tóc có 3 búi, tay phải cầm hoa sen xanh, tay trái cầm rương Kinh Phạn, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Cát Tường Kim Cương**
Chữ chủng tử là: KI (𑖑𑖿), hay MAṂ (𑖦𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn.

Tướng Ấn là: Kế Bảo Ni Đao Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼𑖨𑖼 𑖨𑖨𑖌𑖿𑖟𑖽𑖦𑖼 𑖒𑖒 𑖏𑖨𑖿𑖑𑖼 𑖒𑖨𑖿𑖟𑖽𑖦𑖼 𑖨𑖿𑖫𑖿𑖨𑖏𑖽𑖦𑖼 𑖨𑖾𑖩𑖿𑖫𑖼
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE HE KUMĀRIKE_ DAYĀJÑANĀṂ SMARA PRATIJÑAṂ _ SVĀHĀ

Hay 𑖀𑖾𑖨𑖌𑖏
A RA PA CA NA

11_ Đồng Mẫu Lô (Tumburu):

Tumburu dịch âm là Đô Mâu Lô, Đồng Mẫu Lô. Lại xưng là Đâu Mâu Lô Thiên, Đồng Mẫu La Thiên.

Tôn này là anh của 4 chị em Nữ Thiên, cũng là quyến thuộc của chư Thiên trong Dục Giới.

Tôn này là một biểu hiện của Đức Phật Tỳ Lô Giá Gia, còn 4 chị em Nữ Thiên (Aparājitā, Ajitā, Jayā, Vijayā) ở chung quanh tượng trưng cho 4 đặc tính **Thường, Lạc, Ngã, Tịnh** của Niết Bàn

Tôn Hình: Thân màu đen đỏ, răng trên cắn môi dưới, tay phải cầm cây gậy Độc Cổ, tay trái nắm quyền để cạnh eo duỗi ngón giữa ngón trỏ, khoác Thiên Y, giao ống chân ngồi trên tòa Cát Tường

Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: TU ( ), hay KA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bổng).

Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.

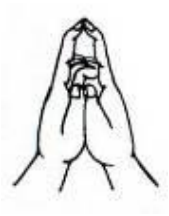

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

12_ A nhĩ Đa (Ajitā):

Ajitā dịch âm là A Nhĩ Đa, dịch ý là Vô Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyến thuộc của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho **Tịnh Đức** của Niết Bàn

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Đồng Nữ , quyền trái chống eo, tay phải cầm cây gậy Độc Đổ, giao ống chân ngồi trên toà Cát Tường. (hình bên trên)

Mật Hiệu là: **Kim Cương**
Chữ chủng tử là: A (𑖀)
Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bổng).

Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖡𑖾𑖥𑖸 𑖥𑖾𑖥𑖪 𑖦𑖭𑖼𑖟𑖸𑖬 𑖥𑖾 𑖃𑖨𑖝𑖪𑖝𑖸𑖬 𑖨𑖭𑖸
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

13_ A Ba La Nhĩ Đa (Aparājitā):
Aparājitā dịch ý là Vô Năng Thắng, là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyến thuộc của Văn Thù Bồ Tát.
Tôn này biểu thị cho **Ngã Đức** của Niết Bàn.
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Đồng Nữ, quyền trái chống eo, tay phải cầm cây gậy Độc Cổ, giao ống chân mà ngồi.(hình bên dưới)

Mật Hiệu là: **Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bổng).

Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖪𑖸 𑖪𑖪𑖿𑖟 𑖥𑖿𑖤𑖰𑖨𑖸 𑖧𑖾 𑖃𑖨𑖿𑖨𑖯𑖰𑖨𑖸 𑖮𑖿𑖭𑖸

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

14_ Nị Giả Khiếp Gia (Vijayā):

Vijayā dịch âm là Nị Giả Gia, Vĩ Nhạ Gia, Tỳ Xã Gia, Vi Thệ Gia, Vi Nhạ Dã. Dịch ý là Tối Thắng, Vô Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyến thuộc của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho **Lạc Đức** của Niết Bàn.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay cầm chày Bán Độc Cổ, tay trái co cánh tay để ở eo. (hình bên trên)

Mật Hiệu là: **Kim Cương**
Chữ chủng tử là: VI (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bổng).

Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖨𑖨𑖦 𑖪𑖽𑖟𑖺𑖸 𑖨𑖸 𑖪𑖨𑖾𑖫𑖪𑖾𑖯𑖸 𑖮𑖽𑖤𑖾
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

15_ Xả Gia (Jayā):
Jayā dịch âm là Nhạ Gia, Thệ Gia, Xả Gia, Bán Giả Gia. Dịch ý là Thắng, Tôn Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ Thiên, quyến thuộc của Văn Thù Bồ Tát.
Tôn này biểu thị cho **Thường Đức** của Niết Bàn.
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay cầm chày Bán Độc Cổ, tay trái co cánh tay để ở eo. (hình bên dưới)

Mật Hiệu là: **Kim Cương**
Chữ chủng tử là: VA (𑖪), hay JA (𑖕), hay KA (𑖏)
Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Bổng).

Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖪𑖨𑖦 𑖢𑖲𑖝𑖰𑖦𑖸 𑖨𑖾 𑖪𑖾𑖨𑖨𑖬𑖪𑖰𑖪𑖸 𑖧𑖭𑖰
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ _

Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Nghi Quỹ, quyển 4 ghi rằng: "Bốn chị em là quyến thuộc của Văn Thù Bồ Tát, Bồ Tát thân cận của nhóm ấy thường đi lại trên Đại Địa để cứu độ chúng sinh"

16_ Kế Thiết Ni Đồng Tử (Keśinī):
Keśinī lại xưng là Phát Đoan Nghiêm, là một trong 5 vị Sứ Giả của Văn Thù Bồ Tát.
Tôn này biểu thị cho Hóa Trí Thanh Tịnh
Tôn Hình: Thân màu vàng, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm hoa sen xanh, hiện hình Đồng Tử.

Mật Hiệu là: **Diệu Tuệ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: LO (𑖪), hay KE (𑖓), hay KILI (𑖓𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm bén, hay cây đao lớn.

Tướng Ấn là: Kiếm Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖀 𑖥𑖥𑖦 𑖪𑖨𑖝𑖾𑖀 𑖓𑖨 𑖓𑖓 𑖏𑖥𑖪𑖓𑖾𑖀 𑖕𑖬𑖝𑖾𑖀 𑖥𑖪 𑖪𑖦𑖏𑖾𑖀 𑖥𑖓𑖓𑖴

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ KILI HE KUMĀRIKE_ DAYĀJÑANĀṂ SMARA PRATIJÑAṂ _ SVĀHĀ

17_ Ưu Bà Kế Thiết Ni Đồng Tử (Upakeśinī):

Upakeśinī lại xưng là Tiểu Kế Thiết Ni Đồng Tử, Ô Ba Đồng Tử, Kế Thất Ni Đồng Tử, Ô Ba Kế Thiết Ni Đồng Tử.

Upa là tiếp cận, lệ thuộc. **Ke'sinì** là mái tóc đẹp của cô gái. **Upake'sinì** dịch ý là người nữ có mái tóc đẹp.

Ô Ba Kế Thiết Ni Đồng Tử là một trong 5 vị Sứ Giả, một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Tam Muội **Năng Thí** của Văn Thù Bồ Tát

Tôn Hình: Hiện hình Đồng Nữ, đỉnh đầu có ba búi tóc, toàn thân màu vàng. Tay phải để trước ngực cầm cây kích Độc Cổ, biểu thị cho Diệu Đức Sắc bén của Tôn này. Khoác Thiên Y , ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Mật Trì Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KI (𑖑𑖿), hay DILI (𑖤𑖭𑖿), hay U (𑖌)

Tam Muội Gia Hình là: Luân La, hay cây kích.

Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón giữa như cây kích.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸 𑖪𑖫𑖸𑖨 𑖥𑖽𑖩𑖰𑖪𑖾𑖤𑖭𑖿 𑖤𑖭𑖿𑖨𑖽𑖦𑖾𑖩𑖰𑖪𑖾𑖤𑖭𑖿 𑖑𑖾 𑖏𑖪𑖾𑖑𑖿𑖪𑖾𑖩𑖰𑖪𑖾 𑖧𑖯𑖿𑖦𑖸

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DILI BHINDHAYĀ-JÑĀNAṂ_ HE KUMĀRIKE_ SVĀHĀ

18_ Chất Đát La Đồng Tử (Citraḥ):

Citraḥ có nghĩa là Nhiễm Sắc. Là một trong 5 vị Sứ Giả của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Đức **Phổ Hiện Sắc Thân** của Văn Thù Bồ Tát

Tôn Hình:Thân màu vàng, tay phải cầm cây gậy (trượng), trên gậy có nửa vành trăng, trên nửa vành trăng để vành trăng đầy. Tay trái cầm hoa sen xanh, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Cát Tường Kim Cương**
Chữ chủng tử là: MI (𑖨), hay MILI (𑖨𑖭), hay MṚ (𑖨𑖽)
Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy (Trượng).

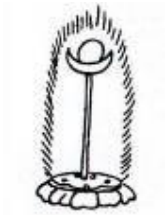

Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trỏ và ngón cái.

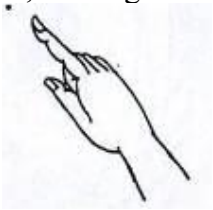

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖢𑖸 𑖪𑖪𑖿𑖟 𑖉𑖿𑖤𑖰𑖪𑖨𑖭 𑖪𑖿𑖟 𑖪 𑖮𑖿𑖫𑖸

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ MILI CITRA_ SVĀHĀ

19_ Địa Tuệ Đồng Tử (Vasumati):

Vasumati dịch âm là Phộc Tô Ma Đế. Lại xưng là Tài Tuệ Đồng Tử, Trì Tuệ Đồng Tử, Địa Tuệ Đồng Tử. Là một trong 5 vị Sứ Giả, một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Đồng Nữ có ba búi tóc. Tay phải duỗi hướng về bên phải cầm phan phướng. Dựng quyền trái trước ngực cầm hoa sen xanh có lá nhỏ. Ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay HILI (𑖪𑖽𑖨), hay KṚ (𑖟𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Phan phướng.

Tướng Ấn là: Tay trái nắm quyền,dựng thẳng ngón út, ngón vô danh.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖫𑖸 𑖫𑖫𑖦 𑖢𑖟𑖿𑖨𑖽𑖪 𑖎 𑖧𑖨𑖲 𑖟𑖦𑖎𑖵𑖽 𑖧𑖎𑖹

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HILI HE SMARA JÑĀNA-KETU_ SVĀHĀ

20_ Triệu Thỉnh Đồng Tử (Ākarṣāya, hay Ākarṣanī):

Ākarṣāya dịch âm là A Yết La Tẩy Dã, A Ca La Tẩy Dã. Lại xưng là Triệu Thỉnh Đồng Tử, Triệu Câu Đồng Tử, Câu Triệu Đồng Tử. Là một trong 5 vị Sứ Giả của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Đức **triệu thỉnh chúng sinh đến ở Bồ Đề Đạo** của Văn Thù Bồ Tát.

Tôn Hình: Hiện hình Đồng Tử hoặc hình Đồng Nữ, đỉnh đầu có ba búi tóc, toàn thân màu vàng. Tay phải để trước ngực cầm cây kích Độc Cổ. Tay trái cầm hoa sen xanh có lá nhỏ. Ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Phổ Tập Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MṚ (𑖨𑖽), hay A (𑖀), hay AḤ (𑖀𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu, biểu thị cho nghĩa *Triệu thỉnh câu dẫn*

Tướng Ấn là: Tay phải tác Liên Hoa Quyền, duỗi ngón trỏ rồi hơi co lại như móc câu.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖾 𑖪𑖫𑖰 𑖢𑖿𑖨𑖼𑖻 𑖥𑖪𑖿𑖦𑖻 𑖪𑖟 𑖪𑖽 𑖥𑖪𑖻 𑖪𑖫𑖵𑖻 𑖧𑖿𑖪𑖼

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀKARṢAYA SARVA KURU AJÑAṂ KUMĀRASYA_ SVĀHĀ

21_ Bất Tư Nghị Tuệ Đồng Tư (Acintya-mati):

Acintya-mati là một trong 8 Đại Đồng Tử của Văn Thù Bồ Tát

Tôn Hình:Thân màu thịt, hai tay cầm cây gậy (trượng), trên gậy có nửa vành trăng, quỳ ngồi trên hoa sen

Mật Hiệu là: (không rõ)

Chữ chủng tử là: Ā (𑖁) hay A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy Độc Cổ (Độc Cổ Bổng).

Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖪𑖨𑖽𑖟 𑖥𑖼𑖢𑖸𑖪𑖸 𑖨𑖾 𑖪𑖾𑖨𑖼𑖟𑖽𑖪𑖾𑖟𑖸 𑖨𑖢𑖸𑖫

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ _

22_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kiṃkarīnī):

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây kích Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên trên)

Mật Hiệu là: (chưa rõ)

Chữ chủng tử là: JA (𑖏), hay KI (𑖑)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao

Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖫𑖸 𑖪𑖫𑖸𑖦 𑖢𑖿𑖨𑖰𑖪𑖿 𑖨𑖾 𑖎𑖪𑖰𑖎𑖰𑖎𑖿𑖪𑖿 𑖥𑖲𑖩𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

23_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kiṃkarīnī):

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây kích Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên dưới)

Mật Hiệu là: (chưa rõ)

Chữ chủng tử là: VI (𑖪), hay KI (𑖓)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao

Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖨𑖸 𑖪𑖨𑖿𑖟 𑖥𑖲𑖩𑖽𑖨𑖾 𑖪𑖿 𑖪𑖾𑖫𑖪𑖿𑖪𑖾 𑖮𑖭𑖼

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

24_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kiṃkarīnī):

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây gậy Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên trên)

Mật Hiệu là: (chưa rõ)

Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay KI (𑖏)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao

Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.

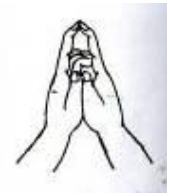

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖪𑖦 𑖨𑖹𑖰𑖨𑖿 𑖃𑖽 𑖀𑖪𑖾𑖫𑖾𑖨𑖿 𑖥𑖨𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

25_ Văn Thù Phụng Giáo Giả (Kiṃkarīnī):

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, hai tay cầm cây gậy Độc Cổ, Quỳ ngồi trên hoa sen. (hình bên dưới)

Mật Hiệu là: (chưa rõ)

Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay KI (𑖏)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao

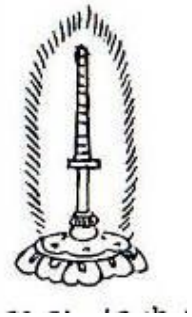

Tướng Ấn là: Chư Phụng Giáo Giả Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸 𑖪𑖫𑖦 𑖢𑖭𑖽𑖨𑖸 𑖀𑖾 𑖪𑖾𑖫𑖟𑖰𑖪𑖸 𑖮𑖨𑖼

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

Văn Thù Viện biểu thị cho Trí Tuệ của Đại Nhật Như Lai, hay đoạn trừ tất cả lý luận, lại ban cho Phước Đức, nhưng vẫn dùng Trí Đức làm gốc.

Viện này còn biểu thị cho **Nan Thắng Địa** (Sudurjayā-bhūmi). Bồ Tát ở Địa này tu tập viên mãn **Thiền Định Ba La Mật** (Dhyāna-pāramitā), nhân đó mà đạt được sự tương ứng của Nhị Đế (Tục Đế và Chân Đế) trong hoạt động tâm linh.

ĐỊA TẠNG VIỆN

Địa Tạng Viện có vị trí ở phương Bắc, sát cạnh bên trái của Quán Âm Viện trong Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La.

Do viện này dùng Địa Tạng Bồ Tát làm Chủ Tôn nên xưng là Địa Tạng Viện.

Các Tôn trong Viện này như Đại Địa bền chắc chẳng hoại, Tâm Bồ Đề kiên cố hay trụ giữ vạn vật. Lại như mọi loại kho báu của Đại Địa, đầy đủ căn lành của Tâm Bồ Đề như đồng với Địa Tạng hay sinh ra mọi báu của tất cả Công Đức, giáo hoá chúng sinh về Diệu Đức của nhóm Nhẫn Nhục, Tinh Tiến…Vì thế Địa Tạng Viện tức là hành động thực tiễn **Đại Bi Cứu Tế** của Liên Hoa Bộ.

Viện này có 9 Tôn được trình bày từ trên xuống dưới như sau:

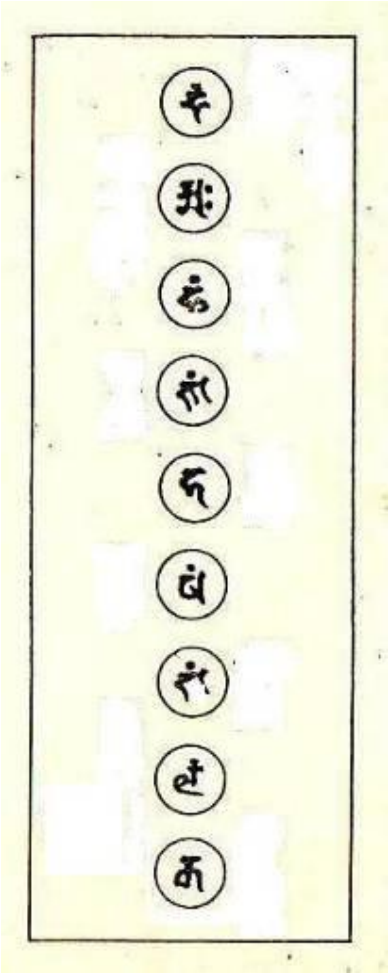

1_ Trừ Nhất Thiết Ưu Não (𑖀𑖿)

2_ Bất Không Kiến (𑖁𑖽𑖿)

3_ Bảo Ấn Thủ (𑖂𑖿)

4_ Bảo Quang (𑖃𑖿)

5_ Địa Tạng (𑖄𑖿)

6_ Bảo Thủ (𑖅𑖿)

7_ Trì Địa (𑖆𑖿)

8_ Kiên Cố Thâm Tâm (𑖇𑖿)

9_ Nhật Quang Bồ Tát (𑖨𑖽)

1_ Trừ Nhất Thiết Ưu Não Bồ Tát (Sarva-Śokatamoghāta-mati):

Sarva-Śokatamoghāta-mati lại xưng là Trừ Nhất Thiết Ưu Ám Bồ Tát, Trừ Ưu Ám Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Bản Thệ **trừ tất cả ưu não ám tối của chúng sinh**

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, dựng đứng khuỷu tay phải, hơi ngửa lòng bàn tay hướng về bên phải. Tay trái cầm cành cây, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Đại Xá Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DAṂ (𑖣𑖾𑖨𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Cành cây

Tướng Ấn là: Trừ Nghi Quái Kim Cương Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖥𑖸 𑖪𑖪𑖿𑖨 𑖥𑖲𑖩𑖰𑖟𑖪𑖿𑖨 𑖧𑖝𑖿𑖕𑖟 𑖦𑖿𑖝𑖰

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VIMATI-CCHEDAKA _ SVĀHĀ

2_ Bất Không Kiến Bồ Tát (Amogha-darśana):

Amogha-darśana là vị Bồ Tát dùng 5 loại mắt: mắt thịt, mắt Trời, mắt Tuệ, mắt Pháp, mắt Phật nhìn khắp sự bình đẳng, sai biệt của chúng sinh trong Pháp Giới, hay trừ tất cả nẻo ác khiến chuyển hướng về Chính Đạo Bồ Đề, Niết Bàn cứu cánh. cho nên gọi là **Bất Không Kiến**.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có lửa rực sáng kèm với con mắt, mũi, miệng. Tay phải dựng lòng bàn tay, hướng tâm lòng bàn ra bên ngoài, ngồi trên hoa sen đỏ.

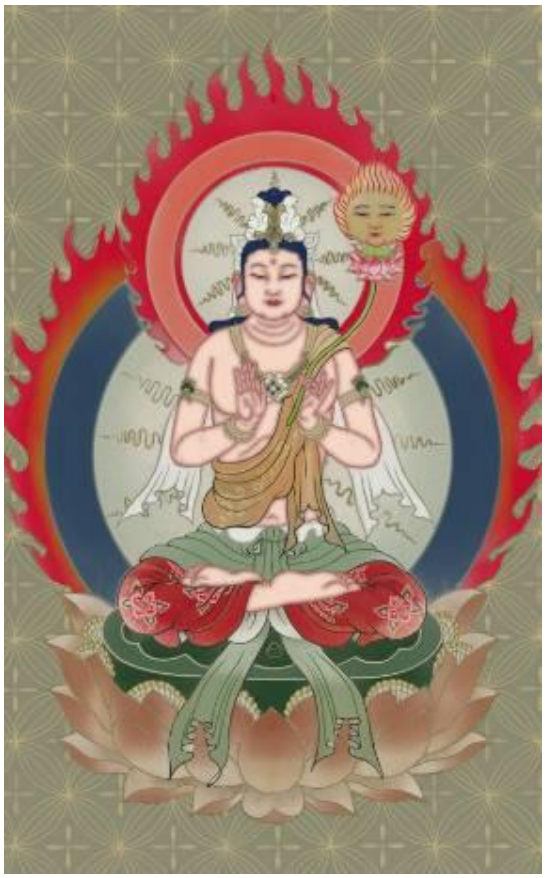

Mật Hiệu là: **Phổ Quán Kim Cương**

Chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Đầu Phật trên hoa sen, hay khuôn mặt ánh sáng trên hoa sen.

Tướng Ấn là:Phật Nhãn Ấn.

Chân Ngôn là:

OṂ_ AMOGHA-DARŚANĀYA AḤ _ SVĀHĀ

3_ Bảo Ấn Thủ Bồ Tát (Ratna-mudrā-hasta):

Ratna-mudrā-hasta dịch âm La Đát Nẵng Mộ Nại La Hạ Tát Đa, là vị Bồ Tát này dùng **Ấn Trị** quyết định chứng quả vị Tam Bồ Đề (Saṃbodhi: Chính Giác).

Tôn này biểu thị cho **Tam Muội Gia Bản Thệ Môn** của Địa Tạng Bồ Tát, cứu tế chúng sinh.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái rũ trên đầu gối cầm hoa sen, trên hoa có chày Độc Cổ. Co cánh tay phải để trước ngực, ngửa lòng bàn tay cầm vành trăng. Ngồi Kiết Già trên tòa hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Chấp Trì Kim Cương**, hoặc **Chấp Cật Kim Cương**
Chữ chủng tử là: PHAṂ (𑖨𑖾) , hay HAṂ (𑖤𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ trên ngọc báu.

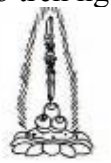

Tướng Ấn là: Ngoại Ngũ Cổ Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖨𑖸 𑖪𑖫𑖦 𑖎𑖤𑖰𑖝𑖿 𑖡𑖦 𑖨𑖪𑖰𑖝𑖿 𑖮𑖾𑖟𑖰
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RATNA NIRJĀTA _ SVĀHĀ

4_ Bảo Quang Bồ Tát (Ratna-kalā, hay Ratnākara):

Ratnàkara dịch âm là La Đát Nẵng Ca La. Lại xưng là Bảo Xứ Bồ Tát, Bảo Sinh Bồ Tát, Bảo Tác Bồ Tát, Bảo Chưởng Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho việc dùng lòng bàn tay tuôn ra mọi báu ban bố cho chúng sinh

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải tác Thí Vô Uý Ấn. Tay trái dựng lòng bàn tay, co ngón trỏ ngón giữa cầm hoa sen, trên sen có chày Tam Cổ. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là:**Tường Thụy Kim Cương**
Chữ chủng tử là: JAṂ (𑖚𑖾)

Tam Muộ Gia Hình là: Chày Liên Hoa Tam Cổ hoặ chày Tam Cổtrên ngọ báu.

Tướng Ấn là: Bảo Xứ BồTát Ấn.

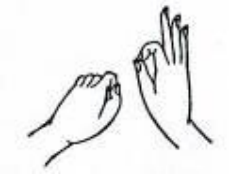

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖨𑖨𑖪 𑖤𑖭𑖽𑖨𑖸 𑖏 𑖨𑖫𑖨𑖫𑖸 𑖥𑖫𑖸

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE MAHĀ MAHĀ _ SVĀHĀ

5_ Địa Tạng Bồ Tát (Kṣiti-garbha):

Kṣiti-garbha dịch âm là Khất Xoa Để Ngiệt Bà, nghĩa là đất hoặc Trú Xứ, hoặc hàm tàng (che dấu bên trong).

Địa Tạng Bồ Tát giống như Đại Địa hay nâng chịu tất cả Nghiệp Tội của chúng sinh mà an nhẫn chẳng động, đầy đủ Định Tuệ, hay biết rõ tất cả Bí Tạng.

Địa Tạng là vị Bồ Tát tự thề cứu độ hết chúng sinh trong sáu nẻo thì mới nguyện thành Phật.

Tôn này biểu thị cho Đại Nguyện **Nhẫn Nhục, Tinh Tiến** cứu độ tất cả chúng sinh

Tôn Hình: Hiện hình Bồ Tát, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có cây phướng báu Như Ý. Tay phải cầm viên ngọc báu. Ngồi trên hoa sen

Mật Hiệu là: **Bi Nguyện Kim Cương**, hay **Dữ Nguyện Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HA (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Cây phướng Bảo Châu trên hoa sen.

Tướng Ấn là:Địa Tạng Kỳ Ấn (Nội Phộc, duỗi dựng hai ngón giữa).

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸 𑖪𑖾𑖫𑖿𑖦 𑖦𑖭𑖿𑖟𑖸𑖪𑖿𑖪𑖸𑖪𑖸𑖪𑖸 𑖨𑖾𑖫𑖿𑖨𑖸𑖟𑖸 𑖪𑖽𑖪𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HA HA HA VISMAYE _ SVĀHĀ

6_ Bảo Thủ Bồ Tát (Ratna-pāṇi):

Ratna-pāṇi dịch âm là La Đát Nẵng Bá Ni. Lại xưng là Bảo Chưởng Bồ Tát.

Do viên ngọc Như Ý tại bàn tay hay khiến cho ước nguyện của tất cả chúng sinh được đầy đủ cho nên xưng là Bảo Thủ Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho việc dùng viên ngọc báu Như Ý của Tâm Bồ Đề thanh tịnh hay thành mãn Tất Địa của Thế Gian và Xuất Thế Gian.

Tôn Hình: Tay trái để ở eo cầm hoa sen, trên hoa có chày Kim Cương Tam Cổ, trên chày có vòng hoa lửa của viên ngọc báu. Tay phải duỗi lòng bàn tay nâng viên ngọc báu ngang ngực, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Mãn Túc Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SAṂ (ཾ)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ trên báu.

Tướng Ấn là:Bảo Thủ Bồ Tát Ấn.

Chân Ngôn là:

ཨོཾ་ སམན་ ཏ་ བུདྡྷཱ་ ནཱཾ་ རཏྣ་ ཨུདྦྷ་ བ་ སྭཱཧཱ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RATNA-UDBHAVA _ SVĀHĀ

7_ Trì Địa Bồ Tát (Dharaṇi-dhāra):

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt giống như Đại Địa hay giữ gìn vạn vật, nuôi lớn Tâm Bồ Đề của chúng sinh.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay trái cầm hoa sen, trên hoa có chày Tam Cổ. Tay phải tác Thí Vô Uý Ấn. Ngồi trên hoa sen.

Mật Hiệu là: **Nội Tu Kim Cương, Tịnh Giới Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JAṂ (𑖜𑖾) hay ṄAṂ (𑖞𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Bên trên ngọc báu có hai đầu Kim Cương Nhất Cổ chính giữa có hình Ngũ Cổ, hoặc Chày Tam Cổ trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Kim Cương Bộ Tam Muội Gia Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖨𑖸 𑖪𑖨𑖦 𑖛𑖭𑖽𑖟 𑖎𑖬𑖩𑖎𑖬𑖟 𑖥𑖮𑖫

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DHARAṆI-DHĀRA _ SVĀHĀ

6_ Kiên Cố Thâm Tâm Bồ Tát (Dṛḍhādhyāsaya):

Dṛḍhādhyāsaya dịch âm là Niết Lý Nại Địa Dã Xã dã, Địa Lợi Đát Địa Dã Xả Dạ. Lại xưng là Kiên Cố Tuệ Bồ Tát, Kiên Cố Bồ Tát, Kiên Cố Ý Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho sự **Nội Chứng** của Địa Tạng Bồ Tát là Tâm Đức bền chắc của Đại Địa.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen nở rộ, trên hoa có Yết Ma Kim Cương rực lửa. Tay trái nắm quyền hướng lên trên đặt trên đùi. Ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Siêu Việt Kim Cương**

Chữ chủng tử là: LAṂ (𑖤𑖿) hay ṆAṂ (𑖡𑖿)
Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma trên báu.

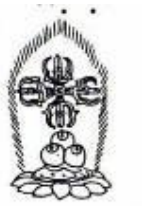

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng, hơi cách lìa ngón cái ngón trỏ.

Chân Ngôn là:
𑖨𑖾𑖥𑖰 𑖥𑖾𑖥𑖟 𑖎𑖹𑖦𑖽𑖨𑖿𑖦𑖰 𑖎𑖹𑖦𑖽𑖪𑖿𑖦𑖰 𑖥𑖾𑖪𑖽𑖦𑖰 𑖥𑖢𑖾
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VAJRA SAṂBHAVA _ SVĀHĀ

9_ Nhật Quang Bồ Tát (Sūrya-prabha):
Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt như ánh sáng mặt trời hay trừ ưu não ám tối cho chúng sinh của Địa Tạng Bồ Tát.
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen để vành mặt trời. Ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Uy Đức Kim Cương**
Chữ chủng tử là: AḤ (𑖀𑖾) hay KA (𑖏)

Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời.

Tướng Ấn là: Hai tay, 2 đầu ngón trỏ, 2 đầu ngón cái cùng tiếp chạm nhau. Giương mở 3 ngón còn lại như hình mặt trời phóng ánh sáng.

Chân Ngôn là:

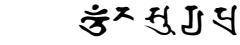

ON _ SŪRYA-PRABHĀYA_ SVĀHĀ

Trong Viện này thì 6 Tôn: Địa Tạng (Kṣitigarbha), Bảo Xứ (Ratnakāra), Bảo Thủ (Ratna-pāṇi), Trì Địa (Dharaṇi-dhāra), Bảo Ấn Thủ (Ratna-mudrā-hasta), Kiên Cố Ý (Dṛḍhādhyāsaya) được hợp xưng là **sáu Địa Tạng** biểu thị cho 6 Tôn hóa độ sáu nẻo

Viện biểu thị cho Bi Môn của Quán Âm, hay cứu mê tình của 9 Giới.

Viện này còn biểu thị cho **Diệm Tuệ Địa** (Arcis-matī-bhūmi). Bồ Tát ở Địa này tu tập viên mãn **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā), nhân đó càng lúc càng tăng gia năng lực Quán Hạnh.

TRỪ CÁI CHƯỚNG VIỆN

Trừ Cái Chướng Viện có vị trí thuộc lớp thứ hai ở phương Nam, sát cạnh bên phải của Kim Cương Thủ Viện trong Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La.

Do viện này dùng Trừ Cái Chướng Bồ Tát làm Chủ Tôn nên xưng là Trừ Cái Chướng Viện, biểu thị cho Man Đa La của Đức trừ hết tất cả cái chướng của nhóm Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng.

Đức thù thắng màu nhiệm của Viện này là dùng viên ngọc báu Như Ý trong Tâm Bồ Đề ban cho tất cả chúng sinh không còn sợ hãi và thành mãn ước nguyện.

Viện này gồm có 9 Tôn được trình bày từ trên xuống dưới như sau:

1_ Bi Mẫn Tuệ Bồ Tát (𑖀𑖽)

2_ Phá Ác Thú (𑖃𑖿)

3_ Thí Vô Úy (𑖁)

4_ Hiền Hộ (𑖂)

5_ Trừ Cái Chướng Bồ Tát (𑖄𑖾)

6_ Bi Mẫn Bồ Tát (𑖀𑖽)

7_ Từ Phát Sinh Bồ Tát (𑖇)

8_ Chiết Chư Nhiệt Não (𑖈)

9_ Bất Tư Nghị Tuệ Bồ Tát (𑖅)

1_ Bi Mẫn Tuệ Bồ Tát (Kāruṇāmreḍita):

Kāruṇāmreḍita lại xưng là Cứu Ý Tuệ Bồ Tát, Trung Mẫn Bồ Tát, Cứu Hộ Bồ Tát. Vị Bồ Tát này có Bản Thệ trừ tất cả khổ, do trừ khổ cho nên có tên gọi là Cứu Hộ.

Tôn này biểu thị cho việc dùng Trí Tuệ của Như Lai cứu hộ chúng sinh khiến cho chúng sinh trong 9 cõi cùng vào Phật Quả.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, ngửa lòng bàn tay phải để trước ngực, đem ngón cái ngón vô danh cùng vịn nhau (với nghĩa **trừ khổ**). Tay trái chống eo (với nghĩa **che giúp**)

Mật Hiệu là: **Cứu Hộ Kim Cương**
Chữ chủng tử là: YAṂ (𑖪𑖾𑖿) hay VI (𑖯𑖲)
Tam Muội Gia Hình là: Bi Thủ Ấn, hoặc hoa sen chưa hé nở.

Tướng Ấn là: Bi Niệm Giả Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖨𑖿𑖫𑖸 𑖥𑖨𑖦𑖿 𑖦𑖽𑖟𑖿𑖨𑖯𑖾𑖿𑖪𑖾𑖿 𑖏𑖳𑖪𑖾𑖿 𑖥𑖳𑖫𑖲𑖦𑖾𑖯𑖿𑖪𑖾𑖿 𑖥𑖽𑖩𑖰
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ YAṂ_ KĀRUṆĀMṚḌITA_ SVĀHĀ

2_ Phá Ác Thú Bồ Tát (Apāya-jaha):

Apāya-jaha lại xưng là Trừ Nhất Thiết Ác Thú Bồ Tát, Xả Ác Đạo Bồ Tát. Lược xưng là Trừ Ác Thú Bồ Tát (Sarva-apāya-jahaḥ).

Tôn này biểu thị cho việc hay trừ tất cả nẻo ác.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, co tay trái để trước ngực, ngửa lòng bàn tay phải lên trên đem ngón cái ngón trỏ cùng vịn nhau và duỗi thẳng các ngón còn lại. Tay phải hướng ra bên ngoài buông rũ xuống, hơi co 5 ngón tay. Ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Trừ Chướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DHVAṂ (𑖥𑖾𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Tay Phát Khởi, hoặc cành cây.

Tướng Ấn là: Thí Vô Uý Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖨𑖸 𑖪𑖫𑖦 𑖢𑖽𑖪𑖰 𑖥𑖪𑖰 𑖧𑖿𑖢𑖽𑖥𑖰 𑖪𑖪𑖰𑖢𑖰

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ DHVAṂSANAṂ ABHYUDDHĀRAṆI SATVA-DHĀTUṂ _ SVĀHĀ

3_ Thí Vô Úy Bồ Tát (Abhayaṃdadaḥ):

Abhayaṃdadaḥ xưng đầy đủ là Thí Nhất Thiết Vô Uý Bồ Tát.

Tôn này dùng sự bạt trừ mọi loại sợ hãi ưu hoạnh của tất cả chúng sinh làm Bản Thệ.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải kết Thí Vô Uý Ấn, tay trái tác Kim Cương Quyền để trên đầu gối, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Tự Tại Kim Cương**

Chữ chủng tử là: RA (𑖪), hay RASANAṂ (𑖪𑖯𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Tay Thí Vô Úy.

Tướng Ấn là: Thí Vô Uý Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖫𑖿 𑖯𑖫𑖦 𑖨𑖹𑖦𑖿𑖢𑖸𑖨𑖿 𑖪𑖯𑖽𑖿 𑖃𑖨𑖿𑖨𑖿𑖎𑖪𑖿𑖎𑖪𑖿 𑖥𑖲𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RASANAṂ ABHAYAṂDADA _ SVĀHĀ

4_ Hiền Hộ Bồ Tát (Bhadra-pāla):

Bhadra-pāla dịch âm là Bạt Nại La Ba La Bồ Tát, Bạt Đà Ba La Bồ Tát, Bạt Đà Hoà Bồ Tát, Phát Nại La Bá La Bồ Tát. Lại xưng là Hiền Hộ Trưởng Giả, Hiền Hộ Thắng Thượng Đồng Chân, Thiện Hộ Bồ Tát. Là một trong 8 vị Đại Bồ Tát hoặc một trong 16 vị Đại Bồ Tát đời Hiền Kiếp.

Trong Viện này thì Hiền Hộ Bồ Tát được xưng là **Trừ Nghi Quái Bồ Tát** (Kauṭūhalaḥ), hoặc Trừ Nghi Cái Bồ Tát. Do Tôn này dùng Trí Tuệ của **Như Lai Kim Cương** (Tathāgata-vajra) khéo trừ khử sự Nghi Hối của chúng sinh cho nên được xưng là **Trừ Nghi Hối Bồ Tát**.

Tôn này biểu thị cho việc đoạn trừ sự nghi hoặc của tất cả chúng sinh.

Tôn Hình:Thân màu thịt, hiện hình nữ, tay trái nâng cái bình báu, tay phải cầm chày Độc Cổ, ngồi trên hoa sen đỏ.

Chày Độc Cổ là Trí **Nhất Thực** của Như Lai, biểu thị cho một Pháp Giới của chữ A (𑖀)

Cái bình báu biểu thị cho việc khéo hộ giúp 5 Trí trong Tâm Địa của chúng sinh, cho nên được xưng là Hiền Hộ

Mật Hiệu là:**Xảo Tế Kim Cương,** biểu thị cho việc dùng ánh sáng Tuệ **Nhất Thực** của Như Lai cứu tế chúng sinh ở nơi hắc ám

Chữ chủng tử là: VI (𑖯), hay ASANAṂ (𑖀𑖪𑖽𑖨𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương Độc Cổ, hoặc Hiền Bình Bán Độc Cổ Chử.

Tướng Ấn là: Cứu Hộ Tuệ Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖪𑖌 𑖟𑖭𑖾𑖫 𑖏 𑖨𑖏𑖨𑖏 𑖀𑖿 𑖙𑖕𑖽𑖫 𑖀𑖏𑖰

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE MAHĀ MAHĀ _ SMARA PRATIJÑAṂ_ SVĀHĀ

5_ Trừ Cái Chướng Bồ Tát (Sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhin):

Sarva-nirvaraṇa-viṣkaṃbhin lại xưng là Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Bồ Tát, Giáng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại Bồ Tát, Khí Chư Ấm Cái Bồ Tát. Là Chủ Tôn của Trừ Cái Chướng Viện.

Tôn này biểu thị cho việc dùng Nhân của Tâm Tịnh Bồ Đề khiến cho tiêu trừ tất cả phiền não, tất cả chướng ngại

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen, trên hoa có viên ngọc Như Ý. Tay phải kết Thí Vô Uý Ấn biểu thị cho ý ***dùng viên ngọc Như Ý trong Tâm Bồ Đề ban cho tất cả chúng sinh viên mãn ước nguyện.***

Mật Hiệu là: **Ly Não Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ĀḤ (𑖀𑖾𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc báu trên hoa sen, hoặc cây phướng báu.

Tướng Ấn là: Trừ Cái Chướng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖸 𑖪𑖨𑖌 𑖎𑖞𑖰𑖪𑖽𑖦𑖾𑖥𑖸 𑖪𑖎 𑖃𑖌𑖾𑖫𑖾𑖌𑖽𑖦𑖾𑖩𑖾𑖩 𑖩𑖾 𑖩𑖽𑖪 𑖪𑖾𑖫𑖾𑖩𑖾𑖥𑖸

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀḤ SATVA HĪTA ABHYUDGATA_ TRĀṂ TRĀṂ_ RAṂ RAṂ_ SVĀHĀ

6_ Bi Mẫn Bồ Tát (Kāruṇāmṛditaḥ):

Kāruṇāmṛditaḥ lại xưng là Bi Tuyền Chuyển Bồ Tát.

Tôn này là tên gọi khác của Cứu Hộ Tuệ Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay trái dựng quyền đem ngón cái, ngón trỏ và ngón giữa cầm hoa Mẫu Đơn. Tay phải ngửa lòng bàn tay để trước rốn hơi co ngón giữa và ngón út, cầm lá cỏ, bên trên có hoa sen nở rộ.

Mật Hiệu là: **Bi Niệm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: YAṂ (𑖪𑖽𑖦𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Bi Thủ Ấn, hoặc hoa sen chưa hé nở

Tướng Ấn là: Bi Mẫn Giả Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖸 𑖪𑖨𑖌 𑖎𑖞𑖰𑖪𑖽𑖦𑖾𑖥𑖸 𑖏𑖾𑖫𑖾𑖩𑖾𑖌𑖽𑖦𑖾𑖩𑖾𑖩 𑖩𑖾 𑖩𑖽𑖪 𑖪𑖾𑖫𑖾𑖩𑖾𑖥𑖸

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ KĀRUṆĀMṚḌITA_ SVĀHĀ

7_ Từ Phát Sinh Bồ Tát (Mahā-maitrya-abhudgataḥ):

Mahā-maitrya-abhudgataḥ dịch âm là Ma Ha Mỗi Thương Lý Dã Tỳ Du Ổn Nghiệt Đa. Dịch ý là Từ Phát Sinh. Lại xưng là Đại Từ Sinh Bồ Tát, Đại Từ Khởi Bồ Tát, Từ Mẫn Tuệ Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho việc chúng sinh tự phát sinh Từ Bi

Tôn Hình:Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Từ Niệm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: ṬHAṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Tay cầm hoa, hoặc rương Kinh Phạn.

Tướng Ấn là:Đại Từ Sinh Ấn (Tay phải làm dạng cầm hoa).

Chân Ngôn là:

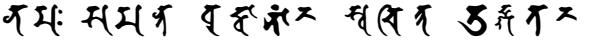

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SVACITTA-UDGATA_ SVĀHĀ

8_ Chiết Chư Nhiệt Não Bồ Tát (Sarva-dāha-praśamita):

Sarva-dāha-praśamita lại xưng là Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não Bồ Tát. Lược xưng là Trừ Nhiệt Não Bồ Tát. Là vị Bồ Tát có Bản Thệ phá trừ tất cả nhiệt não của tất cả chúng sinh.

Tôn này biểu thị cho việc dùng Pháp của **Nhân xa lìa** (Ly Nhân) mà hoàn thành nguyện của tất cả chúng sinh đồng thời khiến cho họ trừ tất cả nhiệt não.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải để trên đầu gối, làm tay Dữ Nguyện. Co tay trái để trước ngực cầm rương Kinh Phạn. Ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Ly Bố Uý Kim Cương**

Chữ chủng tử là: I (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Tay Dữ Nguyện.

Tướng Ấn là: Thí Vô Uý Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖿 𑖥𑖥𑖪 𑖢𑖵𑖟𑖿𑖨𑖿 𑖏 𑖝𑖿𑖢 𑖝𑖿 𑖙𑖪𑖿 𑖦𑖿𑖨𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HE VARADA_ VARA PRĀPTA_ SVĀHĀ

9_ Bất Tư Nghị Tuệ Bồ Tát (Acintya-mati-datta):

Tôn này có Bản Thệ: dùng Trí Tuệ chẳng thể nghĩ bàn ban cho chúng sinh để đoạn trừ sự ngu si của chúng sinh.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu, viên ngọc có lửa sáng. Co dựng cánh tay phải hướng lòng bàn tay vào bên trong. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Nan Trắc Kim Cương**

Chữ chủng tử là: U (𑖌)

Tam Muội Gia Hình là:Viên ngọc báu, hoặc tay báu.

Tướng Ấn là: Bất Tư Nghị Tuệ Ấn.

Chân Ngôn là:

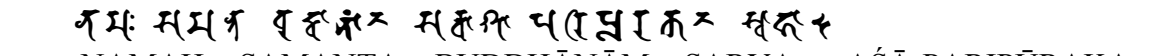

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SARVA AŚĀ-PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

Viện này biểu thị cho Trí Môn của Kim Cương, trừ chướng ngại cho chúng sinh.

Viện này còn biểu thị cho **Phát Quang Địa** (Prabhā-karī-bhūmi): Bồ Tát tại Địa này tu tập viên mãn **Nhẫn Nhục Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā) và thoát khỏi những mê vọng của **Tu Đạo** (Bhāvana-mārga)sau khi đã đạt được Nội Quán thâm sâu

HƯ KHÔNG TẠNG VIỆN

Hư Không Tạng Viện này có vị trí thuộc lớp thứ hai ở phương Tây, ngay bên dưới Trì Minh Viện. Do Hư Không Tạng Bồ Tát là Chủ Tôn nên có tên gọi là Hư Không Tạng Viện.

Viện này đại biểu cho Bi Trí Hợp Nhất, hàm chứa vạn Đức, hay trao cho chúng sinh tất cả báu màu nhiệm kèm Trí Đức đầy đủ nhưng dùng Phước Đức làm gốc. Trong đó:

Hư Không Tạng Bồ Tát: Tay phải cầm cây kiếm biểu thị cho Trí Đức. Tay trái cầm hoa sen biểu thị cho Phước Đức. Tôn này và các quyến thuộc biểu thị cho Đức của Phật Bộ

Thiên Thủ Quán Âm dùng Liên Hoa Bộ Quán Âm Viện làm Nhân Hạnh để sinh ra Quả Đức. Tôn này và các quyến thuộc biểu thị cho Đức của Liên Hoa Bộ

Kim Cương Tạng Vương Bồ Tát dùng Kim Cương Bộ Kim Cương Thủ Viện làm Nhân Hạnh để sinh ra Quả Đức. Tôn này và các quyến thuộc biểu thị cho Đức của Kim Cương Bộ

10 vị Ba La Mật Bồ Tát: 5 vị Bồ Tát **Đàn, Giới, Nhẫn, Tiến, Thiền** biểu thị cho Phước Môn. 5 vị Bồ Tát **Bát Nhã, Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí** biểu thị cho Trí Môn.

Viện này gồm có 28 Tôn được trình bày như sau:

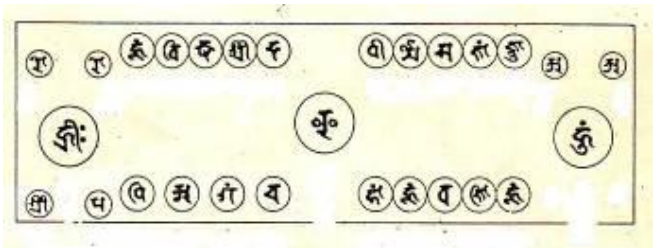

_ Hàng trên từ trái qua phải có 14 Tôn

1_ Phi Thiên (𑖀)

2_ Phi Thiên (𑖀)

3_ Thiền (𑖂)

4_ Tiến (𑖇)

5_ Nhẫn (𑖆)

6_ Giới (𑖅)

7_ Đàn (𑖄)

8_ Tuệ (𑖈)

9_ Phương (𑖉)

10_ Nguyện (𑖊)

11_ Lực (𑖋)

12_ Trí (𑖌)

13_ Sứ Giả(𑖍)

14_ Sứ Giả(𑖍)

_ Hàng giữa từ trái qua phải có 3 Tôn

1_ Thiên Thủ (𑖁)

2_ Hư Không Tạng (𑖌𑖿)

3_ Kim Cương Tạng (22 mặt, 108 tay) (𑖤𑖿)

_ Hàng dưới từ trái qua phải có 11 Tôn kèm 2 hoa sen

1_ Công Đức Thiên (𑖦𑖽)

2_ Bà Tô Đại Tiên (𑖨𑖽)

3_ Bất Không Câu Quán Thế Âm (𑖩𑖿)

4_ Phẫn Nộ Câu Quán Thế Âm (𑖬𑖿)

5_ Sinh Niệm Xứ Bồ Tát (𑖭𑖿)

6_ Cộng Phát Trí Chuyển Luân Bồ Tát (𑖮𑖿)

7_ Vô Cấu Thệ BồTát (𑖯𑖿)

8_ Tô Bà Hồ(𑖰𑖿)

9_ Kim Cương Châm (𑖱𑖿)

10_ Tô Tất Địa Già La BồTát (𑖲𑖿)

11_ Mạn Đồ La Bồ Tát (𑖳𑖿)

12_ Liên (Sen)

13_ Liên (sen)

_

1_ Hư Không Tạng Bồ Tát (Ākāśa-garbha, hay Gagana-gañja):

Tôn này hay tuôn ra Pháp Bảo vô lượng ban cho khắp điều ước muốn, làm lợi lạc cho chúng sinh. Là Chủ Tôn của Hư Không Tạng Viện trong Thai Tạng Giới Man Đa La

Tôn Hình: Thân màu thịt, đầu đội mão Ngũ Phật, co cánh tay phải cầm cây kiếm, chung quanh cây kiếm toả lửa sáng. Tay trái để bên cạnh eo cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu Như Ý. Ngồi trên hoa sen báu.

Hiện thân màu thịt biểu thị cho nghĩa Nhân của vạn hữu tức là Quả, Nhân Quả chẳng phải hai.

Đầu đội mão Ngũ Phật biểu thị cho Quả Đức của Tôn này có đầy đủ vạn Đức.

Tay phải cầm cây kiếm báu biểu thị cho Trí của Nội Chứng mà 5 Ba La Mật Bồ Tát: Tuệ, Phương, Nguyện, Lực, Trí …do đây sinh ra.

Tay trái cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu. Viên ngọc báu có một múi, ba múi hoặc 5 múi. Viên ngọc có một múi (Nhất Biện Bảo Châu) biệu thị cho Tâm Bồ Đề của một Thật Tướng. Ba múi biểu thị cho 3 Bộ của Thai Tạng Giới: Đại Định, Tuệ, Trí. Viên ngọc báu có 5 múi (Ngũ Biện Bảo Châu) biểu thị cho 5 Trí của Kim Cương Giới, cũng tức biểu thị cho Phước Đức của Nội Chứng, từ đây tuôn ra 5 Ba La Mật Bồ Tát: Đàn, Giới, Nhẫn, Tiến, Thiền… 10 vị Ba La Mật Bồ Tát thuộc Yết Ma y theo hai Nghiêm **Phước Trí** của Hư Không Tạng Bồ Tát mà hiện ra, thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Mật Hiệu là:**Như Ý Kim Cương**
Chữ chủng tử là: I (𑖦)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm báu

Tướng Ấn là: Hư Không Ấn.

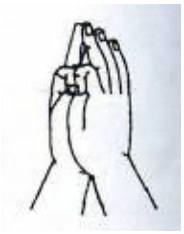

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖪𑖾 𑖪𑖪𑖿𑖨 𑖥𑖲𑖩𑖾𑖯 𑖪𑖪𑖿𑖨𑖥𑖲𑖨𑖿𑖨𑖾𑖯 𑖦𑖭𑖿𑖟 𑖥𑖲 𑖥𑖲𑖯 𑖽𑖭𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀKĀŚA SAMANTA ANUGATA VICITRĀṂ-VARA DHARA_ SVĀHĀ

2_Đàn Ba La Mật Bồ Tát (Dāna-pāramitā-bodhisatva):

Dāna-pāramitā dịch âm là Đàn Na Ba La Mật Đa. dịch ý là Bố Thí Đáo Bỉ Ngạn.

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma, tay trái cầm cái mâm Kim Cương, trên mâm chứa đầy hoa hoặc quả trái. Tay phải dựng lòng bàn tay, co ngón cái, ngón giữa cùng vịn nhau, giao ống chân ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là:**Phổ Thí Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Quả trái ngon ngọt.

Tướng Ấn là Đàn Ba La Mật Ấn: Ngửa lòng bàn tay phải co độ Nhẫn (Ngón giữa phải) cùng vịn Thiền độ (ngón cái phải), các ngón khác đều duỗi thẳng

Chân Ngôn là:

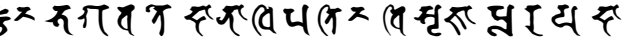

Oṃ_ bhagavate dānādhipati visṛja pūraya dānaṃ svāhā

Do kết Ấn, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp keo kiệt trong vô lượng Kiếp, đắc được Phước của ba loại Thí là: **Tư Sinh Thí**, **Vô Úy Thí**, **Pháp Thí…** tức viên mãn **Đàn Ba La Mật** (Dāna-pāramitā). Đời này được giàu có, đầy đủ tư duyên, Tâm được tự tại, thọ mệnh lâu dài.

3_ Giới Ba La Mật Bồ Tát (Śīla-pāramitā-bodhisatva):

Śīla-pāramitā dịch âm là Thi La Ba La Mật Đa, dịch ý là Giới Đáo Bỉ Ngạn. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát và thường dùng hương Giới để trang nghiêm nghiệp của Thân Khẩu Ý.

Tu học Pháp Môn của Giới Ba La Mật Bồ Tát ắt hết thảy tội vi phạm vào 4 Trọng Cấm, hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phạm vào 8 tội nặng đều được trong sạch, ngày sau tuỳ theo ước nguyện được sinh về cõi Phật thắng diệu trong sạch

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình:Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Dựng lòng bàn tay phải , co cong ngón trỏ và ngón giữa, tay cầm cây gậy ngắn, đầu gậy có viên ngọc báu ba múi toả lửa sáng. Úp lòng bàn tay trái trên đầu gối, mắt hướng về bên phải nhìn xuống dưới. Giao ống chân ngồi trên hoa sen.

Mật Hiệu là: **Thi La Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Śī ( )

Tam Muội Gia Hình là: Viên Ngọc báu

Tướng Ấn là: Giới Ba La Mật Ấn, hai tay cài chéo các ngón bên trong rồi nắm thành quyền, dựng thẳng hai ngón cái.

Chân Ngôn là:

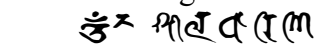

Oṃ_ Śīla-dhāriṇi bhagavate hūṃ haḥ

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp phá Giới trong vô lượng Kiếp, được Công Đức của 3 loại Giới là: **Nhiếp Luật Nghi Giới**, **Nhiếp Thiện Pháp Giới**, **Nhiêu Ích Hữu Tình Giới…** tức viên mãn **Giới Ba La Mật** (Śīla-pāramitā) thường dùng hương Giới trang nghiêm nghiệp thân khẩu ý. Hết thảy việc vi phạm **bốn Trọng Cấm** (4 loại Cấm Giới rất nghiêm trọng của Tỳ Khưu), **Bật Sô** (Bhikṣu) **Bật Sô Ni** (Bhikṣunī) phạm tám **Tha Thắng Tội** (Ba La Di: tội nặng của

Tỳ Khưu) thảy đều thanh tĩnh, ngày sau tùy theo Nguyện được sinh về cõi cõi Phật Tịnh Diệu.

4_ Nhẫn Nhục Ba La Mật Bồ Tát (Kṣānti-pāramitā-bodhisatva):

Kṣānti-pāramitā dịch âm là Khất Xoa Để Ba La Mật Đa, dịch ý là Nhẫn Đáo Bỉ Ngạn. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Tay phải hơi co ngón giữa, ngón vô danh, ngón út, dựng lòng bàn tay hướng về thân. Tay trái cầm cái mâm vàng hướng về trái tim. Ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Đế Sát Kim Cương**, hoặc **Đế Lợi Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Kṣa ( ) hay Kṣaṃ ()

Tam Muội Gia Hình là: Cái gương báu

Tướng Ấn là Nhẫn Nhục Ba La Mật Ấn: Dựa theo Giới Ba La Mật Ấn, đem Tiến Lực (2 ngón trỏ) hợp nhau như cây kim, kèm đứng Thiền Trí (2 ngón cái).

Chân Ngôn là:

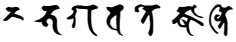

Oṃ_ bhagavate kṣānti-dhāriṇi hūṃ phaṭ

Do kết Ấn này tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp giận ghét trong vô lượng kiếp, đắc được Công Đức của ba loại Nhẫn là: **Hại Oán Nại Nhẫn**, **An**

Thọ Khổ Nhẫn, **Đế Sát Pháp Nhẫn**. Tức viên mãn **Nhẫn Nhục Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā). Nghi dung đoan nghiêm khiến người ưa nhìn, chẳng khởi ganh ghét, đều đến gần gũi phụ giúp, **Thắng Giải** (Adhimokṣa) thâm sâu, tùy niệm biến hóa.

5_ Tinh Tiến Ba La Mật Bồ Tát (Vīrya-pāramitā-bodhisatva):

Vīrya-pāramitā dịch âm là Vi Lợi Dã Ba La Mật Đa, dịch ý là Tinh Tiến Đáo Bỉ Ngạn. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Tay trái cầm cây kích Độc Cổ. Dựng đứng lòng bàn tay phải, co ngón vô danh với ngón út, biểu thị cho Thệ Cú (câu thề nguyện) của dũng mãnh tinh tiến.

Mật Hiệu là:**Tuệ Hộ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Vi (), hoặc Vī ()

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kích

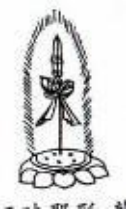

Tướng Ấn là Tinh Tiến Ba La Mật Ấn: Dựa theo Nhẫn Ba La Mật An, mở bẻ Tiến Lực (2 ngón trỏ) liền thành.

Chân Ngôn là:

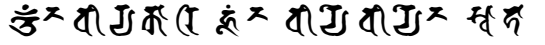

Oṃ_ vīrya-kāri hūṃ, vīrye vīrye svāhā

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp giải đãi, lười biếng, đắc được ba loại Tinh Tiến là: **Bị Giáp Tinh Tiến**, **Nhiếp Thiện Pháp Tinh Tiến**, **Lợi Lạc Hữu Tình Tinh Tiến**, tức viên mãn **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā) thân tâm an vui, xa lìa các bệnh tật, không có khổ não, đều được *thành biện* (thành công) Nguyện ***Phước Trí*** của **Xuất Thế Gian** (Lokottara)

6_ Thiền Ba La Mật Bồ Tát (Dhyāna-pāramitā-bodhisatva):

Dhyāna-pāramitā dịch âm là Địa Dã Tha (Thiền Na) Ba La Mật Đa, dịch ý là Tĩnh Lự Đáo Bỉ Ngạn. Lược xưng là Thiền Ba La Mật, là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tu học Pháp Môn của Thiền Na Ba La Mật Bồ Tát sẽ hay viên mãn Thiền Ba La Mật, thân tâm nhẹ nhàng linh hoạt, hết thảy thần thông đều được thành tựu, các Ma chẳng thể xâm hại, tất cả Nghiệp Chướng thảy đều tiêu diệt.

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, khoác áo Yết Ma, tay kết Pháp Giới Định Ấn, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Chính Định Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Hūṃ ( ), hoặc Dhyā ()

Tam Muội Gia Hình là: Định Ấn.

Tướng Ấn là Di Đà Định Ấn: Liền ngồi Kiết Già, ngửa lòng bàn tay trái đặt trên Già Phu, ngửa lòng bàn tay phải đặt trên tay trái, để hai độ Thiền Trí (2 ngón cái) cùng chạm móng nhau.

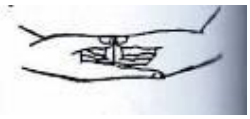

Chân Ngôn là:

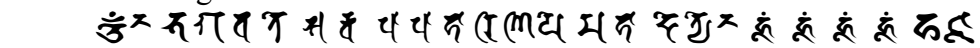

Oṃ_ bhagavate sarva-pāpāhāriṇiye, mahā-detye hūṃ hūṃ hūṃ hūṃ phaṭ

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp tán loạn trong vô lượng Kiếp, đắc được ba loại Tĩnh Lự là: **An Trụ Tĩnh Lự**, **Dẫn Phát Tĩnh Lự**, **Biện Sự Tĩnh Lự**, tức viên mãn **Thiền Ba La Mật** (Dhyāna-pāramitā). Thân tâm nhẹ nhàng lanh lợi, mau được thành tựu Thần Thông đã tu, các Ma chẳng dám xâm nhiễu, tất cả nghiệp chướng thảy đều tiêu diệt.

7_ Bát Nhã Ba La Mật Bồ Tát (Prajñā-pāramitā-bodhisatva):

Prajñā-pāramitā dịch ý là Tuệ Đáo Bỉ Ngạn. Lại xưng là Tuệ Ba La Mật Bồ Tát, là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tu trì Pháp Môn của Bát Nhã Ba La Mật Bồ Tát sẽ hay chứng được Trí Tuệ viên mãn của Bát Nhã Ba La Mật mà ngộ giải Pháp của Thế Gian với Xuất Thế Gian. Rộng lớn thông đạt 5 Minh của Bồ Tát là: Thanh Minh, Nhân Minh, Y Phương Minh, Công Xảo Minh, Nội Minh.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải để cạnh eo cầm cây kiếm. Tay trái dựng lòng bàn tay, co ngón trỏ ngón giữa và duỗi giương 3 ngón còn lại. Hơi dựng đầu gối phải, khoác áo cà sa.

Mật Hiệu là: **Đại Tuệ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DHĪ (𑖥𑖿), hoặc PRA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm báu

Tướng Ấn là Phạn Khiếp Ấn: Tay trái duỗi năm ngón bằng phẳng, ngửa đặt dưới trái tim, đem tay phải che ở trên tay trái.

Chân Ngôn là:

Oṃ_ dhīḥ śrī śrūta vijaye svāhā

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp ngu si trong vô lượng Kiếp, đắc được ba loại Tuệ là: **Nhân Không Vô Phân Biệt Tuệ**, **Pháp Không Vô Phân Biệt Tuệ**, **Câu Không Vô Phân Biệt Tuệ**, tức viên mãn **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña-pāramitā), đắc được thông minh Trí Tuệ, ***ngộ giải*** (lĩnh ngộ hiểu rõ) Pháp **Thế Gian** (Loka) và **Xuất Thế Gian** (Lokottara), thông đạt rộng rãi nghĩa lý thâm sâu của **năm Minh** [Panca-vidyā-sthānāni: gồm có ***Thanh Minh*** (Śabda-vidyā), ***Công Xảo Minh*** (Śilpa-karma-vidyā), ***Y Phương Minh*** (Cikitsā-vidyā), ***Nhân Minh*** (Hetu-vidyā), ***Nội Minh*** (Adhyātma-vidyā)]

8_ Phương Tiện Ba La Mật Bồ Tát (Upāyā-pāramitā-bodhisatva):

Upāyā-pāramitā dịch ý là Phương Tiện Đáo Bỉ Ngạn, là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tu học Pháp Môn của Phương Tiện Ba La Mật Bồ Tát có thể tiêu trừ Nghiệp chất chồng trong vô lượng kiếp để đắc được phương tiện khéo léo của sự Hồi Hướng, phương tiện khéo léo cứu tế chúng sinh.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, co khuỷu tay phải cầm sợi dây. ngửa bàn tay trái để trước ngực nhận đầu sợi dây. Ngồi trên toà hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Cứu Cánh Kim Cương**, hoặc **Cứu Cánh Thiện Xảo Kim Cương**
Chữ chủng tử là: Mai (𑖦𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây

Tướng Ấn là Phương Tiện Ba La Mật Ấn: Tay phải: Tuệ (ngón út) Phương (ngón vô danh) nắm Trí độ (ngón cái). Tay trái: Đàn (ngón út) Giới (ngón vô danh) nắm Thiền độ (ngón cái). Hai tay cùng nắm lại, Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) quay lưng lại với nhau,dựng thẳng như cây kim, duỗi bằng Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng trụ bên cạnh nhau.

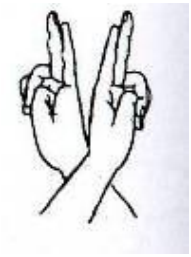

Chân Ngôn là:
𑖌𑖾𑖿 𑖦𑖪 𑖦𑖨 𑖪𑖻𑖿𑖕 𑖧𑖪
Oṃ_ mahā-maitra-citte svāhā
Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống Nghiệp phương tiện không khéo léo trong vô lượng Kiếp, được hai loại Phương Tiện khéo léo là: **Hồi Hướng Phương Tiện Thiện Xảo**, **Bạt Tế Hữu Tình Phương Tiện Thiện Xảo**, tức viên mãn **Phương Tiện Ba La Mật** (Upāya-pāramitā). Tu trì **sáu Ba La Mật** (Saḍ-pāramitā) của **Thế Gian** (Loka). Do Ấn Chân Ngôn này tương ứng **Du Già** (Yoga) chỉ

thực hiện chút ít công nghiệp sẽ mau được thành tựu Phước Đức rộng nhiều, đều đến **Cứu Cánh** (Uttara) thành **Tư Lương** (Sambhāra) của **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi).

9_ Nguyện Ba La Mật Bồ Tát (Praṇidhāna-pāramitā-bodhisatva):

Praṇidhāna-pāramitā dịch âm là Ba La Ni Na Ba La Mật Đa, dịch ý là Thệ Nguyện Đáo Bỉ Ngạn. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Bồ Tát này dùng nhóm 5 Đại Nguyện làm Nội Chứng, dùng sự hoá độ chúng sinh làm Bản Thệ.

Tu trì Pháp Môn của Nguyện Ba La Mật Bồ Tát có thể tiêu trừ Nghiệp chất chồng trong vô lượng kiếp, được hai loại Thắng Nguyện: một là **Cầu Vô Thượng Bồ Đề Nguyện**, hai là **Lợi Lạc Hữu Tình Nguyện**, viên mãn Nguyện Ba La Mật. Trong khoảng từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật, mọi mong cầu thuộc Thượng Nguyện thù thắng của Thế Gian với Xuất Thế Gian đều được viên mãn.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, khoác áo Yết Ma. Dựng lòng bàn tay phải hướng cạnh tay ra ngoài, co ngón vô danh với ngón út. Dựng đứng lòng bàn tay trái, hơi ngửa hướng lên trên, co ngón trỏ ngón giữa cầm **Lộc Thủy Nang** (Parisrāvaṇa: Cái túi lọc nước khử trùng), Ngồi bán Già trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Thành Tựu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖯), hoặc SAM (𑖰) có ý là thành tựu, viên mãn. Biểu thị cho sự viên mản tất cả chúng sinh thành tựu Thệ Nguyện

Tam Muội Gia Hình là: Thuỷ Nang (Parisrāvaṇa: Cái túi lọc nước khử trùng)

Tướng Ấn là Thí Vô Uý Ấn: Tay phải dựng thẳng năm ngón, đưa lòng bàn tay hướng ra ngoài làm thế Thí Vô Úy.

Chân Ngôn là:

Oṃ_ Kāruṇi ha ha ha saṃ

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp **Nguyện ác** trong vô lượng Kiếp, đắc được hai loại Thắng Nguyện là: **Cầu Vô Thượng Bồ Đề Nguyện**, **Lợi Lạc Hữu Tình Nguyện**, tức viên mãn **Nguyện Ba La Mật** (Praṇidhāna-pāramitā) từ lúc bắt đầu phát Tâm cho đến khi thành Phật, ở trong khoảng giữa ấy, mọi mong cầu Thế gian và Xuất Thế gian với Thượng Nguyện Thù Thắng đều được viên mãn.

10_ Lực Ba La Mật Bồ Tát (Bala-pāramitā-bodhisatva):

Bala-pāramitā dịch âm là Phộc La Ba La Mật Đa, tức là ý có đủ sức mạnh đến được bờ bên kia. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tu học Chân Ngôn của Bồ Tát này sẽ tiêu trừ nghiệp chồng chất của tâm ý kém cỏi, đắc được sức tinh tiến lựa chọn quyết định và sức tu tập, điều phục tất cả phiền não, đoạn trừ tất cả **Hoặc Nghiệp**, lúc tu Đạo thời được quyết định Thắng Giải. Tất cả bạn bè của Thiên Ma tà ác chẳng thể cải biến được chí hướng của người ấy, và được Thánh Quả chẳng thoái chuyển.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình:Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Tay phải giang duỗi cùi chỏ, tay cầm lá sen, trên lá có một con sư tử. Tay trái nắm quyền chống eo, hướng mặt về bên phải nhìn vật đang cầm. Hai bàn chân: chân phải bên trong, chân trái bên ngoài cùng giao chéo nhau, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Dũng Lực Kim Cương**
Chữ chủng tử là: Jaṃ (𑖜𑖾), hoặc Ba (𑖨𑖾), hay Jaḥ (𑖜𑖿)
Tam Muội Gia Hình là: Con sư tử trên lá sen.

Tướng Ấn là Lực Ba La Mật Ấn: Dựa theo Giới Ba La Mật Ấn lúc trước, đều dựng Thiền Trí (2 ngón cái) Tiến Lực (2 ngón trỏ) Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) sao cho cùng hợp đầu ngón.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖰 𑖛𑖨𑖪𑖽 𑖥𑖪𑖟𑖿 𑖛𑖾𑖰 𑖣 𑖣 𑖣 𑖛𑖾𑖰 𑖜𑖿

Oṃ_ damani mudite, hūṃ ha ha ha hūṃ jaḥ

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống nghiệp ***ý kém cỏi*** của Thế Gian và Xuất Thế Gian trong vô lượng Kiếp, đắc được hai loại Lực là: **Tư Trạch Lực**, **Tu Tập Lực**, tức viên mãn **Lực Ba La Mật** (Bala-pāramitā). Đối với các pháp đối trị, giáng phục các phiền não, cắt đứt các Hoặc Chướng. Lúc tu Đạo thì quyết định **Thắng Giải** (Adhimokṣa), tất cả Thiên Ma bạn ác chẳng dám dời đổi, đắc được ***bất thoái chuyển*** (Avaivartika).

11_ Trí Ba La Mật Bồ Tát (Jñāna-pāramitā-bodhisatva):

Jñāna-pāramitā dịch âm là Nhạ Nương Nẵng Ba La Mật Đa. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Tay phải dựng lòng bàn tay cầm rương Kinh Phạn với một bộ phận của rương Kinh thòng xuống dưới. Ngửa lòng bàn tay trái để trước ngực, co ngón vô danh ngón út. Ngồi trên hoa sen trắng.

Mật Hiệu là: **Viên Mãn Kim Cương**

Chữ chủng tử là: Jña (𑖜𑖿𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn

Tướng Ấn là Trí Ba La Mật Ấn: Hai tay cài chéo nhau bên ngoài rồi nắm quyền, dựng thẳng Đàn Tuệ (2 ngón út) trợ giao nhau chút ít, co đầu Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ tròn trịa, dựng thẳng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) sao cho đầu ngón hợp nhau.

Chân Ngôn là:

Oṃ_ mahā-jñāna-kāri hūṃ svāhā

Do kết Ấn này, tụng Chân Ngôn ba biến, liền diệt hạt giống **Câu Sinh Ngã Chấp** và hạt giống **Câu Sinh Pháp Chấp** trong vô lượng Kiếp, đắc được hai loại Thọ Dụng Trí là: **Thọ Dụng Pháp Lạc Trí**, **Thành Tựu Hữu Tình Trí** [thiếu: *tức viên mãn* ***Trí Ba La Mật*** (Jñāna-pāramitā)]. Chặt đứt hai loại **Chướng** (Avaraṇa) là: **Phiền Não Chướng** (Kleśāvaraṇa) và **Sở Tri Chướng** (Jñeyāvaraṇa). Chứng được tất cả các Pháp như Huyễn, như dợn nước dưới nắng (dương diệm), như mộng, như ảnh tượng, như tiếng vang (cốc hưởng), như quang ảnh, như bóng trăng dưới nước (thủy nguyệt), như biến hóa, như **Nhân Đà La võng** (Indra-jāla: lưới trời Đế Thích), như hư không; chẳng bao lâu mãn túc **mười Địa** (Daśa-bhūmi), trụ **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha-bhūmi) làm Đại pháp sư.

12_ Cộng Phát Ý Chuyển Luân Bồ Tát (Saha-cittotpāda-dharma-cakra):

Saha-cittotpāda-dharma-cakra dịch âm là Sa Ha Chất Đô Đát Bả Đà Đạt Ma Chước Yết La. Lại xưng là Cộng Phát Tâm Pháp Chuyển Bồ Tát, đồng với Tôn Tài Phát Tâm Chuyển Pháp Luân Bồ Tát trong Kinh **Bát Nhã Lý Thú**

Tôn Hình: Thân màu thịt. Dựng đứng lòng bàn tay phải cầm giữ hoa sen, trên sen có bánh xe. Ngửa lòng bàn tay trái lên trên, để một cái chày Độc Cổ trên lòng bàn tay. Hướng về bên trái, ánh mắt nhìn xuống bên dưới, ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu là: **Pháp Luân Kim Cương**

Chữ chủng tử là: CA ( )

Tam Muộ Gia Hình là: Bánh xe vàng trên hoa sen

Tướng Ấn là: Chuyển Pháp Luân Ấn.

Chân Ngôn là:

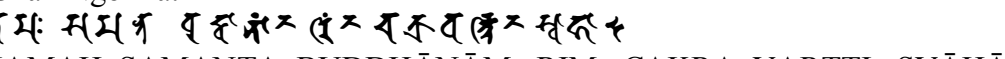

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RIṂ_ CAKRA VARTTI_ SVĀHĀ

13_ Sinh Niệm Xứ Bồ Tát (Smṛti-sajātyaḥ):

Smrti-sajàtyah có ý chỉ vị Bồ Tát sinh ra phương pháp và Trí Tuệ. Lại xưng là Ức Niệm Sinh Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho 4 Hạnh Đức: **Từ, Bi, Hỷ, Xả** của Hư Không Tạng Bồ Tát

Tôn Hình:Thân màu thịt. Tay phải cầm hoa sen, trên hoa sen là vành trăng có Pháp Loa. Tay trái duỗi ngón trỏ, hơi co các ngón khác để ngang ngực rồi ngửa lên. Ngồi Bán Già trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Ức Trì Kim Cương**

Chữ chủng tử là: GAṂ (𑖜𑖾), hay GA (𑖜)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma trên hoa sen. Hoặc Thương Khư (Pháp Loa)

Tướng Ấn là: Thương Khư Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖺 𑖪𑖫𑖨 𑖤𑖿𑖩𑖪𑖰𑖜𑖾 𑖇𑖫𑖨𑖤𑖰𑖪 𑖥𑖺

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ GATAṂ _ DHARMA-SAṂBHAVA _ SVĀHĀ

14_Phẫn Nộ Câu Quán Tự Tại Bồ Tát: tên Phạn là Amogha-krodha-aṃkuśa-rāja dịch âm là A Mục Khư Cú Lộ Đà Ương Cú Xả La Nhạ, dịch nghĩa là Phẫn Nộ Câu Vương. Lại xưng là Phẫn Nộ Câu Bồ Tát

Trong **Hư Không Tạng Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này có ba mặt bốn cánh tay. Mặt chính màu thịt, mặt bên trái màu xanh, mặt bên phải màu xanh lục, mỗi mặt đều có 3 con mắt, trên mặt có vị Hoá Phật. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm sợi dây. Bên Phải: tay thứ nhất cầm Thiết Câu, tay thứ hai tác Dữ Nguyện Ấn. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Trì Câu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay O (𑖃)

Tam Muội Gia Hình là: Việt Câu (móc câu có lưỡi búa)

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng Ấn, hoặc Liên Hoa Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖨𑖌 𑖥𑖽𑖦𑖾𑖪 𑖎𑖝𑖟𑖿𑖪 𑖧𑖭𑖼

Namaḥ samanta buddhānāṃ_ Kuvalaya svāhā

15_ Bất Không Câu Quán Tự Tại Bồ Tát có tên Phạn là Amogha-aṃkuśa, dịch âm là A Mộ Già Ương Câu Xả, dịch nghĩa là Bất Không Câu. Lại xưng là Bất Không Câu Quán Tự Tại Bồ Tát.

Bồ Tát này có Bản Thệ là dùng móc câu Đại Bi dẫn nhiếp chúng sinh, hay câu triệu Thánh Trí của chư Phật nhập vào tâm của chúng sinh và hay câu triệu tất cả chúng sinh nhập vào cảnh giới của chư Phật, ý nguyện ấy quyết định chẳng trống rỗng (Amogha: bất không).

Trong **Hư Không Tạng Viện** của **Thai Tạng Giới Man Đa La** thì Tôn này có thân màu thịt, có bốn mặt bốn cánh tay. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen bên trên có móc câu, tay thứ hai cầm sợi dây. Bên phải: Tay thứ nhất cầm móc câu, tay thứ hai cầm chày Tam Cổ.

Mật Hiệu là: **Hoá Hiện Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DHI (𑖥) hay DHIRAṂ (𑖥𑖿𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu dựng đứng trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Bát Diệp Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖢𑖾𑖦𑖾𑖪𑖾𑖦𑖾𑖪𑖾𑖦𑖾𑖪

27 đầu mặt xếp thành 5 tầng, biểu thị cho 9 cõi hiển Phật Giới, tức hiển thị cho 10 Giới Thể, trong đó :

25 mặt biểu thị cho 25 Hữu là 6 nẻo luân hồi sinh tử, gồm có

4 nẻo ác là Địa Ngục, Ngạ Quỹ, Súc Sinh, Tu La (A Tu La).

4 châu là : Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Cu Lâu Châu.

6 trời Dục giới là: Tứ Thiên Vương, Đao Lợi Thiên, Diễm Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên,Tha Hóa Tự Tại Thiên

4 trời Sắc Giới là: Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền .

3 trời : Vô Tưởng Thiên, Tĩnh Cư Thiên, A Na Hàm Thiên.

4 trời Vô Sắc Giới : Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ .

Mặt thứ 26 biểu thị cho Quả Nhị Thừa .

Bồ Tát Đương Tôn không có mặt riêng.

Mặt thứ 27 là mặt Phật ở trên đỉnh đầu biểu thị cho Pháp Giới .

40 tay (tức 40 pháp) biểu thị cho 5 Trí Tuệ của Như Lai nhằm minh họa cho vạn đức cứu cánh . Trong đó:

a. Như Lai Bộ (Tathāgata-kulāya): biểu thị cho Pháp Giới Thể Tính Trí (Dharma-dhātu-prakṛti-jñāna) là cái Trí thâm nhập khắp nơi của Pháp Giới, 8 tay thuộc Bộ này là: Hóa Phật, Dây Lụa, Thí Vô Úy, Phất Trần Trắng, Bàng Bài, Việt Phủ, Kích Báu, Dương Liễu minh họa cho pháp **Tức Tai** (Śāntika) là pháp tiêu trừ các loại bệnh nạn,việc ác của thân mình hoặc người khác.

b. Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya)**:** biểu thị cho **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) là cái Trí phản chiếu mọi sự vật mà không dính mắt vào sự vật nào, cũng không bị sự vật ấy động chạm hay lay động được. Có 8 tay thuộc Bộ này là Bạt Chiết La (Tam Cổ Kim Cương), Chày Kim Cương (Độc Cổ Kim Cương) Kiếm báu,Cung điện, Bánh xe vàng (Kim Luân), Bát báu, Nhật Tinh Ma Ni, Nguyệt Tinh Ma Ni minh họa cho pháp **Điều Phục** (Abhicāruka) là pháp tu chiết phục các nhóm ác hoặc điều phục các người ác.

c. Bảo Bộ (Ratna-kulāya)**:** biểu thị cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) là cái trí phô bày tâm thức Từ Bi Bình Đẳng. Tám tay thuộc Bộ này là: Ngọc Như Ý, Kinh Báu, cây Cung Báu, Hoa Sen Trắng, Hoa Sen xanh, Chuông báu, Hoa Sen tím,Chùm Bồ Đào minh họa cho pháp **Tăng Ích** (Puṣṭika) là pháp tu tăng ích về Trí Huệ, phước đức, thọ mệnh cho mình và người khác .

d. Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya): biểu thị cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna) là sự quán tưởng của Trí xem xét mọi tướng chung, tướng riêng của các pháp mà không hề bị ngăn ngại. Tám tay thuộc Bộ này là: Hợp Chưởng, Gương báu, Ấn báu,Vòng ngọc, Hồ Bình, Quân Trì Bình, Hoa Sen hồng , Tích Trượng minh họa cho pháp **Kính Ái** (Vaśikaraṇa) là pháp tu cho mình và người khác được Chư Phật, Bồ Tát gia hộ hoặc muốn được Quân Vương và mọi người yêu thương giúp đở .

e. Yết Ma Bộ (Karma-kulāya): biểu thị cho Thành Sở Tác Trí (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) là cái trí khéo léo thi hành mọi việc của thế gian chuyển chúng thành phương tiện giải thoát . Tám tay thuộc Bộ này là: Thiết Câu, Đỉnh Thượng Hóa Phật, Tràng Hạt, Hoa Báu, mũi Tên Báu, Rương báu, Độc Lâu, Mây Ngũ Sắc minh họa cho pháp **Câu Triệu** (Ākarṣaṇi) là pháp triệu thỉnh Bản Tôn, chư Thần. Thông thường thì pháp này thường được nhiếp trong Kính Ái .

_Mật Hiệu là: **Đại Bi Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HRĪḥ (𑖪𑖽𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen nở rộ.

Tướng Ấn là: **Cửu Phong Bát Hải Ấn**. Hai tay tác Kim Cương Hợp Chưởng, hơi cong lưng bàn tay cách xa nhau, hai ngón giữa cùng hợp với nhau, chia mở dựng thẳng hai ngón cái và hai ngón út

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖪𑖨 𑖦𑖾

Oṃ_ Vajra-dharma Hrīḥ

17_ Bà Tô Đại Tiên (Vasu-ṛṣī):

Vasu-ṛṣī lại gọi là Bà Tự Tra, Phộc Tư Tiên, Bà Tư Tiên, Bà Tô Tiên Nhân. Gọi lược là Bà Tư, Bà Tra. tức là vị Tiên trong thời đại Phệ Đà của Ấn Độ. Tôn này cũng là một trong 7 vị Đại Tiên, một trong 10 vị Đại Tiên, một trong 28 Bộ Chúng.

Trong Mật Giáo thì Tôn này là một vị theo hầu Đức Thiên Thủ Quán Âm và là một trong 28 Bộ Chúng của Quán Âm.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hình Tiên Nhân tu khổ hạnh. Nâng bàn tay phải tựa thế búng ngón tay. Tay trái cầm cây gậy Tiên. Đứng thẳng ở bên trái, phía trước Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát

Mật Hiệu là:chưa rõ

Chữ chủng tử là: PA (𑖦), hoặc RṢAṂ (𑖭𑖽𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy Tiên

Tướng Ấn là: Thành Tự Trì Minh Tiên Ấn.

Chân Ngôn là:

_𑖌𑖾𑖰 𑖪𑖨𑖿𑖟 𑖤𑖢𑖿𑖩𑖰𑖪𑖿𑖟𑖽𑖨𑖿𑖟 𑖭𑖢𑖿𑖩𑖰𑖨𑖿𑖟 𑖮𑖢𑖿𑖩𑖰𑖪𑖿𑖟 𑖮

Tôn Hình:Thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ, tay cầm nhiều hoa. Đứng thẳng ở bên phải, phía trước Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát

Mật Hiệu là:**Hộ Pháp Kim Cương**
Chữ chủng tử là: ŚRĪ ( )
Tam Muội Gia Hình là: hoa tràn đầy, hay viên ngọc báu

Tướng Ấn là: Bát Diệp Ấn (Cát Tường Thiên Nữ Ấn)

Chân Ngôn là:

Oṃ_ mahā-śrīye svāhā
Hay
Oṃ_ mahā-śrīyaye svāhā

19_ Phi Thiên (Devatā):

Phi Thiên là Thiên Nhân bay trong hư không đem nhóm hương, hoa, ca, vũ cúng dường chư Phật Bồ Tát.

Tôn này là một trong hai vị **Hoa Cúng Dường Nữ Sứ** biểu thị cho nghĩa của biển mây cúng dường

Tôn Hình: Hình Thiên Nữ bay trên hư không, rải hoa cúng dường

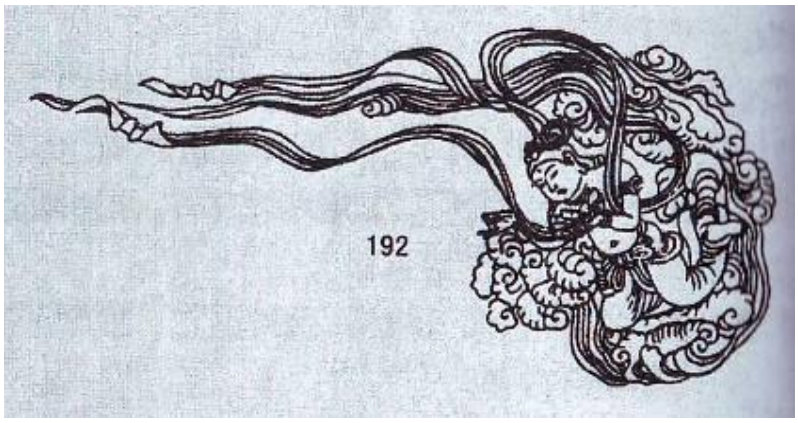

Chữ chủng tử là: RO (𑖪)

20_ Phi Thiên (Devatā)

Tôn này là một trong hai vị **Hoa Cúng Dường Nữ Sứ** biểu thị cho nghĩa của biển mây cúng dường

Tôn Hình: Hình Thiên Nữ bay trên hư không, rải hoa cúng dường

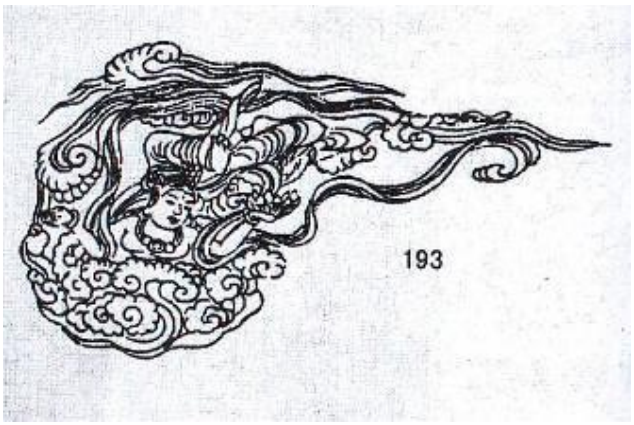

Chữ chủng tử là: RO (𑖪)

21_ Vô Cấu Thệ Bồ Tát (Vimala-gata):

Vimala-gata dịch âm là Vĩ Ma La Nga Đế. Lại xưng là Hư Không Vô Cấu Bồ Tát (Ākāśa-vimala, hay Gagana-vimala).

Tôn này biểu thị cho Đức **không nhiễm dơ** của Hư Không Tạng Bồ Tát

Tôn Hình: Tay phải tác Thí Nguyện Ấn. Tay trái co ngón trỏ, ngón giữa cầm sợi dây hoa sen. Ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Minh Triệt Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HĀṂ (𑖪𑖾𑖨𑖿), hay HAṂ (𑖪𑖾𑖨𑖿)
Tam Muộ Gia Hình là: Sợi dây hoa sen

Tướng Ấn là: Hai tay kết Đao Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖽𑖨𑖸𑖥𑖸 𑖥𑖫𑖦𑖿 𑖦𑖪𑖿𑖥𑖫𑖦𑖿𑖥𑖫𑖦𑖿𑖥𑖫𑖦

Tôn Hình: Thân màu thịt. Hướng lòng bàn tay phải ra ngoài rồi ngửa lên như Thí Vô Uý Ấn. Dựng lòng bàn tay trái cầm hoa sen xanh, trên sen có sợi dây hoa sen xanh chưa hé nở. Dựng đầu gối trái, ngồi trên hoa sen.

Mật Hiệu là: **Tất Địa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ ( )

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây hoa sen xanh trên hoa sen. Hoặc chày Độc Cổ trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Thanh Liên Hoa Ấn.

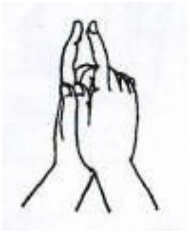

Chân Ngôn là:

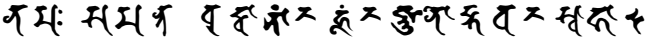

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HŪṂ _ JÑĀNA-UDBHAVA _ SVĀHĀ

23_ Kim Cương Châm Bồ Tát (Vajra-sūci):

Vajra-sūci dịch âm là Phộc Nhật La Tô Chỉ. Lại xưng là Đại Lực Kim Cương Châm Bồ Tát.

Cây Kim (Sūci) có nghĩa là Trí sắc bén. Do Tôn này hay dùng Trí sắc bén của Kim Cương, quán đạt tất cả các Pháp cho nên có tên gọi là Kim Cương Châm.

Tôn Hình: Thân màu thịt. Dựng lòng bàn tay trái co ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh để cầm hoa sen, trên sen có chày Độc Cổ dựng đứng. Ngửa lòng bàn tay phải, hướng đầu ngón tay về bên phải, hơi co ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh. Ngồi trên hoa sen trắng.

Mật Hiệu là:**Tinh Tiến Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA ( ), hay HŪṂ ()

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ trên hoa sen

Tướng Ấn là: Kim Cương Châm Ấn

Chân Ngôn là:

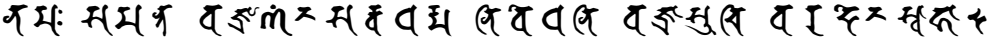

NAMAḤ SAMANTA VAJRĀṆĀṂ_ SARVA DHARMA NIRVEDHANI VAJRA-SŪCI VARADE_ SVĀHĀ

24_ Tô Tất Địa Già La Bồ Tát (Susiddhi-kara):

Susiddhi-kara dịch ý là Diệu Thành Tựu Nghiệp Giả. Lại dịch là Tô Tất Địa Yết La Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Đức của **Vạn Pháp Diệu Thành Tựu** hay thành tựu tất cả Tác Nghiệp thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, cho nên xưng là Diệu Thành Tựu

Tôn Hình: Thân màu trắng vàng. Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, hướng đầu ngón tay xuống dưới để trước ngực. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu là: **Thành Tựu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JI (ཛྲཱ) là nghĩa giáng phục tất cả Chướng, thành tựu Công Đức. Đây tức biểu thị cho nghĩa vạn Đức sinh ra thành tựu.

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm, có ý nghĩa là đoạn trừ chướng ngại

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng. Hoặc Quân Đồ Lợi Ấn

Chân Ngôn là:

ཨོཾ་ སམཱ དྷཱ་ཀ་ར་ ཝཛྲ་ ཛྲཿ ཧཱ་ ཧཱ་ ཧཱ་

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ JI _ VAJRA- STHIRA BUDDHE PŪRVARA-ATMA MANTRA SARA _ SVĀHĀ

25_ Mạn Đồ La Bồ Tát (Mahà-cakra):

Mahà-cakra dịch âm là Ma Ha Chước Yết La, dịch ý là Đại Luân. Tôn này dùng thành Mạn Đồ La làm Bản Thệ cho nên xưng là Mạn Đồ La Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu đen, mặt là tướng phẫn nộ, 3 mắt 6 cánh tay, tóc lửa dựng ngược lên. Hai tay thứ nhất tác quyền, kết Tiểu Kim Cương Luân Ấn để trên đỉnh đầu. Bên phải: tay thứ hai dựng quyền để trước ngực cầm chày Tam Cổ, tay thứ ba hướng về bên phải cầm cây kiếm. Bên trái: tay thứ hai dựng khuỷu tay hướng về bên trái cầm bánh xe, tay thứ ba hướng về bên trái rũ xuống co ngón trỏ cầm phần đầu của chày Độc Cổ. Ngồi trên hoa sen.

Mật Hiệu là:**Đại Luân Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HŪṂ (), hay MAṂ ()

Tam Muộ Gia Hình là: Bánh xe.

Tướng Ấn là: Tiểu Kim Luân Ấn.

Chân Ngôn là:

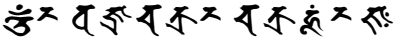

26_Kim Cương Tạng Bồ Tát (Aṣṭottara-śata-bhūja-vajra-dharaḥ)

Aṣṭottara-śata-bhūja-vajra-dharaḥ dịch âm là A Sắt Tra Đa La Xả Đa Bộ Nhạ Phộc Nhật La Đà Lạc. Dịch ý là Nhất Bách linh Bát Tý Kim Cương Trì, tức là Kim Cương Tạng Vương Bồ Tát. Lược xưng là Kim Cương Tạng.

Tôn này đại biểu cho **Trí Đức** của Hư Không Tạng Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu đen xanh có 22 mặt, trong đó có một mặt là Phật. Có 108 cánh tay biểu thị cho sự đối trị với 108 loại phiền não. Tay cầm 108 loại vũ khí phá trừ phiền não như chày Độc Cổ, bánh xe, sợi dây, cây kiếm, móc câu, rương Kinh Phạn, cây gậy, cây gậy hình hoa…. Ngồi trong hoa sen báu.

Mật Hiệu là: **Bí Mật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HUṂ ( ), hay HŪṂ ()

Tam Muội Gia Hình là:Hoa sen trên miệng bình. Hoặc chày Ngũ Cổ.

Tướng Ấn là: Kim Cương La Xà Nhất Thiết Kiến Pháp Ấn.

Chân Ngôn là:

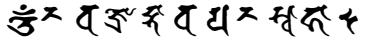

Oṃ_ Vajra-udbhāvaya svāhā

27_ Phi Thiên Sứ Giả (Devatā):

Tôn này là một trong hai vị **Hoa Cúng Dường Nữ Sứ** biểu thị cho nghĩa của biển mây cúng dường

Tôn Hình: Hình Thiên Nữ bay trên hư không, một tay cầm hoa, một tay rải hoa cúng dường

Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay RO (𑖪)

28_ Phi Thiên Sứ Giả (Devatā):

Tôn này là một trong hai vị **Hoa Cúng Dường Nữ Sứ** biểu thị cho nghĩa của biển mây cúng dường

Tôn Hình: Hình Thiên Nữ bay trên hư không, một tay cầm hoa, một tay rải hoa cúng dường

Chữ chủng tử là: A (𑖀) hay RO (𑖪)

Viện này biểu thị cho sự hợp nhất của Bi Trí , bao chứa vạn Đức, hay tùy theo nguyện của chúng sinh ban cho tất cả báu, kể cả cho đủ Trí Đức, tuy nhiên vẫn dùng Phước Đức làm căn bản.

Viện này còn biểu thị cho **Ly Cấu Địa** (Vimalā-bhūmi). Bồ Tát tại Địa này tu tập viên mãn **Giới Ba La Mật** (Śīla-pāramitā) và hoàn toàn vô nhiễm đối với Giới Hạnh.

TÔ TẤT ĐỊA VIỆN

Tô Tất Địa Viện có vị trí ở ngay bên dưới Hư Không Tạng Viện, thuộc lớp thứ ba ở phương Tây của Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La.

Tô Tất Địa (Susiddhi) nghĩa là khéo thành tựu. biểu thị cho sự thành tựu 3 Bộ (Phật Bộ, Liên Hoa Bộ, Kim Cương Bộ) của Thai Tạng Giới.

Do **Tô Tất Địa Yết La Bồ Tát** (Susiddhi-kara) là quyến thuộc của Hư Không Tạng Bồ Tát được xếp bày trong Hư Không Tạng Viện, lại là Chủ Tôn của Viện này cho nên Tô Tất Địa Yết La Viện biểu thị cho tác dụng của việc khéo thành tựu mọi Hạnh Nguyện của Hư Không Tạng Bồ Tát

Viện này có 8 Tôn được minh hoạ từ trái qua phải như sau:

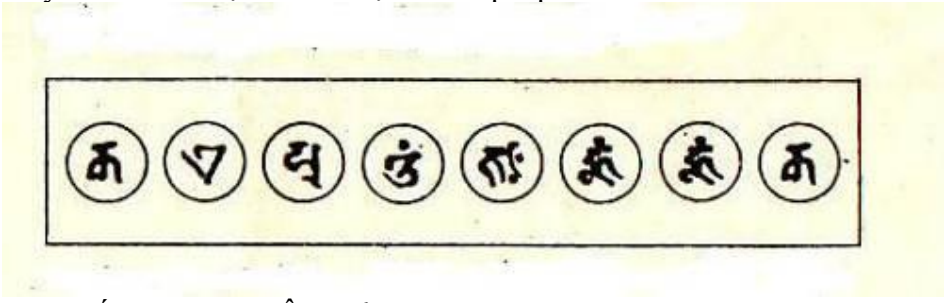

1_ Thập Nhất Diện Quán Âm (𑖀𑖿)
2_ Nhất Kế La Sát (𑖍𑖿)
3_ Khổng Tước Vương Mẫu (𑖎𑖿)
4_ Bất Không Cúng Dường (𑖌𑖿)
5_ Bất Không Kim Cương (𑖏𑖿)
6_ Kim Cương Quân Đồ Lợi (𑖐𑖿)
7_ Kim Cương Tướng Bồ Tát (𑖐𑖿)
8_ Kim Cương Minh Vương (𑖀𑖿)

1_ Bất Không Cúng Dường Bảo Bồ Tát (Ārya-amogha-pūja-maṇi):

Ārya-amogha-pūja-maṇi, dịch âm là A Lợi Gia A Mộ Già Bố Nhạ Ma Ni, dịch ý là Thánh Bất Không Cúng Dường Bảo. Lại xưng là Bất Không Cúng Dường Bồ Tát, Cúng Dường Bảo Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho việc đem Trí Tuệ báu thuộc Công Đức của **Diệu Thành Tựu** (Susiddhi) ban cho chúng sinh trong Pháp Giới

Tôn Hình: Thân màu thịt, có 4 cánh tay. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen bên trên có viên ngọc báu, tay thứ hai cầm sợi dây. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây kiếm, tay thứ hai cầm cây kích Tam Cổ. Ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu: **Như Ý Kim Cương**
Chữ Chủng Tử là: OṂ (𑖌𑖼)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc báu. Hoặc chày Tam Cổ.

Tướng Ấn là: **Phổ Cúng Dường Ấn**. Kim Cương Hợp Chưởng, hai ngón trỏ cùng chạm đầu ngón như hình báu, kèm đứng hai ngón cái.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖨𑖰𑖓𑖸-𑖥𑖪𑖕𑖸-𑖨𑖪𑖰 𑖥𑖨𑖰 𑖕𑖨𑖰𑖫𑖸 𑖛𑖰𑖏𑖰𑖏𑖰 𑖥𑖨𑖰𑖫𑖸 𑖨𑖪𑖰𑖏𑖰 𑖨𑖪𑖰𑖏𑖰 𑖨𑖪

Trong hai loại vật cầm giữ thì **lông đuôi chim công** tượng trưng cho **Định siêu việt**, còn **hoa sen** tượng trưng cho **Trí Tuệ thanh tịnh**

Mật Hiệu là: **Phật Mẫu Kim Cương** (Buddha-māta-vajra), hoặc **Hộ Thế Kim Cương** (Lokapāla-vajra)

Bạch Bảo Khẩu Sao ghi nhận: chữ Chủng Tử VAṂ (𑖪𑖾) là **Thủy Đại**, chúng hữu tình dùng nước để làm tươi nhuận Tính Mệnh. Tính của nước hay làm cho các chỗ khô cạn sinh trưởng, nước như vậy hay cầm giữ vật. Nay Khổng Tước Minh Vương làm lợi ích cho chúng sinh ví như nước đó cầm giữ vạn vật cho nên dùng **Thủy Đại** làm chữ Chủng Tử.

.) Chữ chủng tử MA (𑖨) nghĩa là Ngô Ngã, nhập vào chẳng thể được, là nghĩa Tức Tai

.) Chữ chủng tử YU (𑖪) là mỗi một dấu vết trên Thể của Pháp Giới **sáu Đại**, các Pháp trợ nhau bước vào gia trì thành tựu các Pháp

_Tam Muội Gia Hình là: Lông đuôi chim công

Lông đuôi chim công tượng trưng cho **Định siêu việt**, hoặc tượng trưng cho sự cát tường, thanh tịnh và vĩnh cửu.

Hai tay tác Nội Phộc, dựng thẳng hai ngón cái, hai ngón út cùng trụ nhau

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖨𑖪𑖽 𑖪𑖿 𑖨𑖪𑖼

OṂ_ MAYŪRĀ KRĀNTE SVĀHĀ

3_ Nhất Kế La Sát (Ekajaṭā-rākṣasah):

Nhất Kế La Sát: tên Phạn là **Eka-jaṭā-rākṣasaḥ**, dịch âm là Ế Ca Nhạ Tra, dịch nghĩa là Nhất Kế La Sát. Lại xưng là Nhất Kế La Sát Vương Bồ Tát, Nhất Kế La Sát Quán Âm.

Thọ trì Chân Ngôn của Tôn này, hay tồi phá Thiên Ma, Dược Xoa ác, La Sát. Quỷ Thần độc ác với sự nguy hại của tất cả bệnh tật, nước, lửa, trộm cướp... cũng hay chận đứng các oán địch

Tôn Hình: Toàn thân màu xanh lục, tóc màu đỏ, đầu đội mão đầu lâu, 3 mặt 4 cánh tay, hiện tướng giận dữ. Bên phải: Tay thứ nhất cầm cây Kiếm, tay thứ hai cầm Việt Phủ Câu (cây Búa có cái móc câu). Bên trái: Tay thứ nhất cầm sợi dây rũ xuống, tay thứ hai cầm chày Tam Cổ. Ngồi trên Hoa Sen đỏ.

Mật Hiệu: **Điển Lôi Kim Cương**. Tôn này dùng Đại Bi Trí Tuệ hiện bày hình phẫn nộ giáng phục sự phiền não của chúng sinh cho nên được tên gọi này

Chữ Chủng Tử là: E (𑖌)

Tam Muội Gia Hình là:Cây kiếm. Hoặc móc câu.

Tướng Ấn là: Hai tay: ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa hướng vào bên trong cùng cài chéo nhau, bên phải đè bên trái, dựng thẳng 2 ngón vô danh cùng trụ nhau, 2 ngón út cùng đè nhau.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖌𑖌𑖏𑖪𑖽 𑖍𑖍 𑖨𑖿𑖬𑖰𑖟𑖽𑖦 𑖨𑖾𑖫

EHYEHI EKAJAṬA MAMA MUKHAJĀYA SVĀHĀ

4_ Thập Nhất Diện Quán Âm (Ekādaśa-mukha):

Thập Nhất Diện Quán Âm có tên Phạn là Ekādaśa-mukha Avalokiteśvara, dịch âm là Ế Ca Na Xà Mục Khư A Phộc Lộ Chỉ Đế Thấp Phộc La. Dịch nghĩa là Thập Nhất Diện Quán Tự Tại, Thập Nhất Diện Quán Thế Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm.

Ekādaśa-mukha dịch âm là Nhất Ca Na Xá Mục Khư, dịch ý là Thập Nhất Tối Thắng, hoặc Thập Nhất Thủ.

Tôn này là Hóa Thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, bởi vì có đủ 11 đầu mặt, cho nên thường gọi là Thập Nhất Diện Quán Âm. Trong sáu Quán Âm là vị Chủ Tể cứu độ chúng sinh trong nẻo A Tu La..

Trong Quán Âm Bộ Tộc đặc biệt dùng Tôn này là Tôn của Diệu Thành Tựu, biểu thị cho tướng **Thành Tựu** của Nhân Đức với Quả Đức.

Tôn Hình: Thân có 4 cánh tay, ngồi xếp bằng trên Hoa Sen, hai bên mặt chính đều có 1 mặt, bên trên có 5 mặt, lại ở trên nữa có 3 mặt, hợp với mặt chính nên thành 11 mặt . Bên phải tay thứ nhất Kết Thí Vô Úy Ấn, tay thứ hai cầm Tràng Hạt. Bên trái tay thứ nhất cầm Hoa Sen, tay thứ hai cầm bình Quân Trì.

_ 11 mặt biểu thị cho Đức thành tựu của 11 Địa.

Mặt trên cùng là mặt Phật biểu thị cho Đức thành tựu Phật Quả của Địa thứ mười một, cũng có ý nói là: "Người đáng được dùng thân Phật để cứu độ thì hiện thân Phật để nói Pháp".

10 mặt còn lại biểu thị cho Diệu Tướng viên mãn đầy đủ Nhân Hạnh của 10 Địa, tức thành tựu Diệu Quả đã được.

_ 4 cánh tay biểu thị cho 4 Trí Nội Chứng

Tay cầm hoa sen biểu thị cho Diệu Quán Sát Trí

Tay cầm bình Quân Trì biểu thị cho Bình Đẳng Tính Trí.
Tay cầm ràng Hạt biểu thị cho Đại Viên Kính Trí
Tay tác Thí Vô Uý Ấn cho Thành Sở Tác Trí.

Mật Hiệu là **Biến Dị Kim Cương,** hoặc **Từ Mẫn Kim Cương**
Chữ Chủng Tử là: KA (𑖏), hoặc SA (𑖯)

Chủng Tử là KA (𑖏) là chữ lược của Kāruṇika (Bậc có tâm Bi) biểu thị cho Tác Nghiệp, dùng phương tiện Đại Bi tế độ chúng sinh, tạo tác nghiệp lành thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian.

Chủng tử là SA (𑖯) biểu thị cho sự khai mở Tâm Bồ Đề vốn có của tất cả chúng sinh.

Tam Muội Gia Hình là: Táo Bình.

Tướng Ấn là: **Thập Nhất Diện Quán Tự Tại Bồ Tát Ấn**. Hai tay, bên phải đè bên trái cùng cài chéo các ngón tay rồi chắp lại. Đem Ấn để trên đỉnh đầu.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖮𑖽𑖏𑖿𑖬𑖰𑖪 𑖨𑖿𑖩𑖽
OṂ_ LOKEŚVARA HRĪḤ

Hay 𑖌𑖼 𑖮𑖽𑖏𑖿𑖬𑖼𑖝𑖰 𑖨𑖿𑖩𑖽
OṂ_ LOKE-JVALA HRĪḤ

5_ Bất Không Kim Cương (Amogha-vajra):

Tôn này đồng Thể với **Kim Cương Vương Bồ Tát** (Vajra-rāja) là một trong 4 vị Bồ Tát thân cận của Đức **A Súc Như Lai** (Akṣobhya) trong Kim Cương Giới.

Bất Không Kim Cương Bồ Tát dùng Trí Tuệ thuộc Tính Không rộng lớn của Như Lai phá **chấp** của phàm phu và sự chấp trước nghiêng về Không của hàng Nhị Thừa, hay hoàn thành mọi nghiệp. Cho nên được xưng là Bất Không Kim Cương

Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay để ngang trái tim kết Ấn, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu: **Biện Sự Kim Cương**

Chữ Chủng Tử là: JAḤ (𑖪), hay HŪṂ (𑖤𑖽𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Tay Ấn. Hoặc móc câu Kim Cương

Tướng Ấn là: Giao chéo 2 quyền ôm trước ngực, duỗi co ngón trỏ làm hình móc câu.

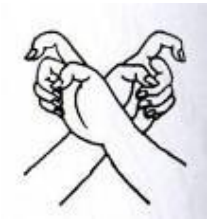

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖿𑖫 𑖪𑖪

OṂ_ VAJRA-RĀJA JAḤ

6_ Kim Cương Quân Đồ Lợi (Vajra-kuṇḍali):

Kuṇḍali dịch âm là Quân Đồ Lợi, dịch ý là ***cái bình***. Trong Mật Giáo cái bình là tượng trưng cho **Cam Lộ**, cho nên lại dịch là **Cam Lộ Quân Đồ Lợi**.

Kim Cương Quân Đồ Lợi (Vajra-kuṇḍali) có vị trí tại Tô Tất Địa Viện trong Thai Tạng Mạn Đồ La, là 1 trong 5 Đại Minh Vương của Mật Giáo, là Giáo Lệnh Luân Thân (Thân phẫn nộ) của Đức Phật Bảo Sinh ở phương nam.

Quân Đồ Lợi Minh Vương dùng phương tiện Từ Bi, thành chứng Đại Uy Nhật Luân để chiếu diệu cho người tu hành. Và rưới rót nước Cam Lộ, dùng để tẩy rửa đất Tâm của chúng sinh. Do đó lại xưng là **Cam Lộ Quân Đồ Lợi Minh Vương** (Amṛte-kuṇḍali, A Mật Lợi Đế Minh Vương).

Ngoài ra, do thị hiện tượng phẫn nộ, hình mạo lại tựa như thân Dạ Xoa, cho nên cũng xưng là **Quân Đồ Lợi Dạ Xoa Minh Vương** (Kuṇḍalī-yakṣas).

Lại cũng có Thuyết, xưng vị ấy là " **Đại Tiểu Minh Vương** ".

Pháp **Quân Đồ Lợi Minh Vương** phần lớn dùng để Điều Phục, hoặc Tức Tai, Tăng Ích làm phương diện. Nếu như người tu hành mỗi ngày trước khi ăn, dâng cúng một ít thức ăn, sau đó niệm tụng **Quân Đồ Lợi Minh Vương Tâm Chú** bảy biến, thì bất luận ở nơi nào đều được sự gia hộ của Minh Vương.

Ngoài ra, **Quân Đồ Lợi Chân Ngôn** cũng thường được dùng để phụ trợ cho việc tu trì ***Mật Pháp khác***, hoặc dùng để gia trì vật cúng.

Tôn Hình: Thân màu vàng lợt, ngồi trên hoa sen đỏ.

Mật Hiệu:**Cam Lộ Kim Cương**

Chữ Chủng Tử là: HŪṂ (𑖪𑖽𑖨𑖿𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ.

Tướng Ấn là: **Quân Đồ Lợi Tam Muội Gia Ấn**

Hai ngón út cùng hợp bên trong, kèm co hai hai ngón vô danh đè ở khoảng giữa, kèm duỗi hai ngón giữa rồi co hai ngón trỏ trụ ở lóng đầu tiên của ngón giữa sao cho không chạm lưng ngón, như chày Tam Cổ, kèm duỗi hai ngón cái ở khoảng giữa ngón giữa với ngón vô danh và đè lên lưng ngón vô danh.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖼𑖨 𑖪𑖽𑖨𑖿𑖨𑖿𑖨

𑖦𑖼𑖨𑖿 𑖧𑖿𑖪 𑖪𑖾𑖫𑖿𑖫𑖪𑖿𑖨

𑖌𑖁 𑖫𑖿𑖪𑖽𑖫𑖿𑖪𑖽 𑖪𑖽𑖪𑖽𑖪𑖽 𑖫𑖦𑖫𑖦 𑖫𑖦𑖫𑖦 𑖥𑖼𑖪𑖿 𑖨𑖿 𑖫𑖽𑖪𑖿 𑖧𑖫𑖿

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ŚCAṆḌA MAHĀ-VAJRA-KRODHĀYA

OṂ_ HURU HURU TIṢṬA TIṢṬA BANDHA BANDHA HANA HANA AMṚTE HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

7_ Kim Cương Tướng Bồ Tát (Vajra-sena):

Vajra-sena dịch âm là Phộc Nhật La Chế Na, dịch ý là Kim Cương Quân, Kim Cương Tướng.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay để trước ngực kết Ấn, ngồi trên hoa sen đỏ.

Chữ Chủng Tử là: HŪṂ () hay NI ()

HŪṂ () biểu thị cho nghĩa Giáng Phục

hay NI () biểu thị cho nghĩa Danh Tướng tốt đẹp

Tam Muội Gia Hình là: Tay Ấn.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

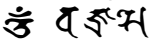

OṂ_ VAJRA-SENA SVĀHĀ

8_ Kim Cương Minh Vương Bồ Tát (Vidya-uttama):

Kim Cương Minh Vương Bồ Tát, tên Phạn là Vidya-uttama, dịch âm là Vĩ Nễ Dã Đa Ma. Dịch ý là Minh Chí Cao, hay Minh Vương Chí Cao. Lại xưng là Kim Cương Minh Vương. Là vị Bồ Tát có vị trí ở đầu cùng bên phải tại **Tô Tất Địa Viện** trong **Thai Tạng Giới Man Đa La**

Tôn Hình: Thân màu thịt, hai tay để trước ngực kết Ấn, ngồi trên hoa sen đỏ

Mật Hiệu: **Trì Minh Kim Cương**

Chữ Chủng Tử là: KA ( ), hoặc HA ( ), hay HÙM ()

Tam Muội Gia Hình là: Tay Ấn.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

OṂ_ VAJRA-VIDYA-RĀJA SVĀHĀ

Tô Tất Địa Viện biểu thị cho Đức thành tựu của hai lợi : Tự Lợi, Lợi Tha. Viện này còn biểu thị cho **Hoan Hỷ Địa** (Pramuditā-bhāmi). Bồ Tát ở Địa này tu tập viên mãn **Bố Thí Ba La Mật** (Dāna-pāramitā), được bản tính Hiền Thánh đầu tiên, đạt đến Tịnh Lạc khi đã đoạn trừ mê hoặc ở Kiến Đạo (Darśana-mārga) và đã hoàn toàn chứng đắc 2 thứ Tính Không (Nhân Không và Pháp Không).

NGOẠI KIM CƯƠNG BỘ VIỆN

Ngoại Kim Cương Bộ Viện ở tại vòng ngoài cùng của **Thai Tạng Giới Hiện Đồ Mạn Đa La** nên xưng là Tối Ngoại Viện.

Các Tôn của Viện này thuần dùng chư Thiên làm đầu, sau này còn có vô số tạp loại các hàng Rồng, Dạ Xoa…thuộc sáu nẻo trong ba cõi.

Do các Tôn của Viện này, tuy phần lớn có tên gọi là Kim Cương nhưng chỉ dùng cho Thiên Bộ, vì thế Viện này còn được xưng là Chư Thiên Bộ

Viện này biểu thị cho **Đại Bi Đẳng Lưu Thân** của Đại Nhật Như Lai, diễn tả Đức **tùy loại ứng hóa**, cùng **Thánh Pháp** là ***Lý không hai***. Đây là phương tiện thiện xảo của chư Phật nhiếp trì chúng sinh , giúp cho họ vượt qua các Tâm của chúng sinh đạt được Sơ Địa để nhận Chính Pháp.

Viện này gồm có 205 Tôn

_ Phương Đông có 40 Tôn thuộc nhóm Nhật Thiên, Đế Thích Thiên, Phạm Thiên…(dãy bên trên, từ trái sang phải)

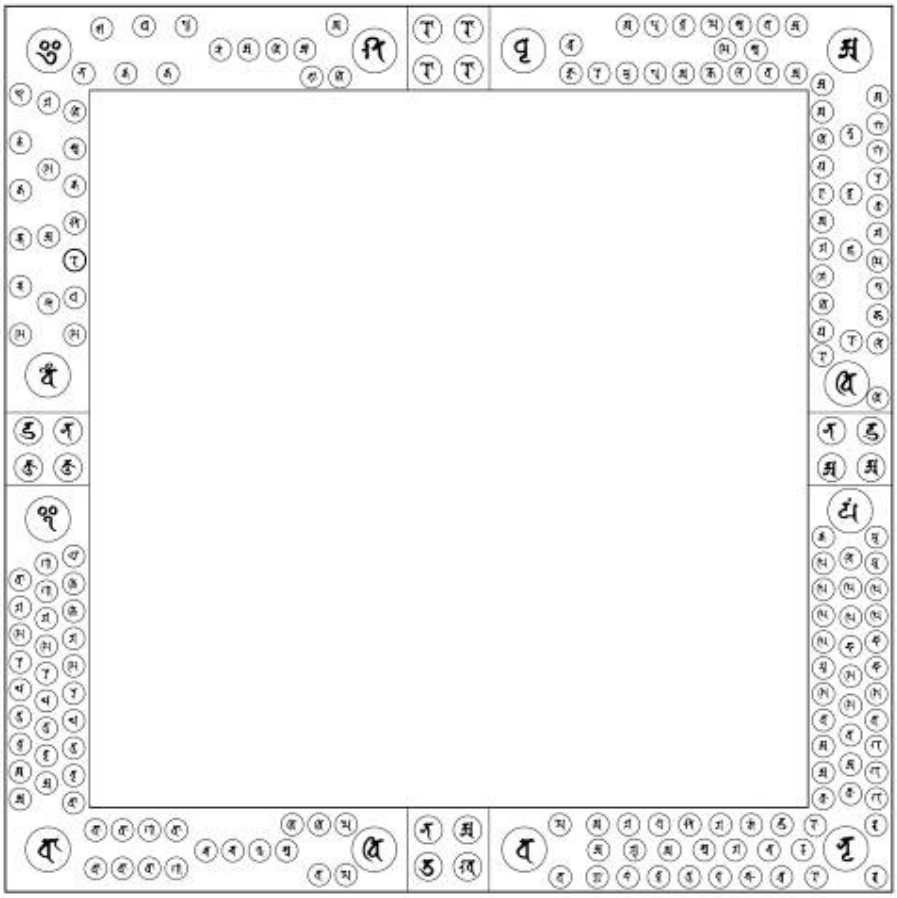

1_ Y Xá Na Thiên (𑖌𑖼)

2_ Hỷ Diện Thiên (𑖖)

3_ Thường Túy Thiê n (𑖍)

4_ Khí Thủ Thiên Hậu (𑖏)

5_ Khí Thủ Thiên (𑖏)

6_ Kiên Lao Địa Thần Hậu (𑖎)

7_ Kiên Lao Địa Thần (𑖑)

8_ Phi Tưởng Thiên (𑖌𑖽𑖦𑖨𑖯𑖽𑖦𑖨)
9_ Vô Sở Hữu Xứ Thiên (𑖀𑖬𑖨𑖯𑖽𑖦𑖨)
10_ Thức Vô Biên Xứ Thiên (𑖢𑖨𑖯𑖽𑖦𑖨)
11_ Không Vô Biên Xứ Thiên (𑖀𑖬𑖨𑖯𑖽𑖦𑖨)
12_ Nhạ Gia (𑖭𑖨𑖯𑖽𑖦𑖨)
13_ Nhật Thiên (𑖀𑖬𑖨)
14_ Vi Nhạ Gia (𑖢𑖨𑖯𑖽𑖦𑖨)
15_ Đế Thích Thiên (𑖌𑖨𑖨)
16_ Thủ Môn Thiên (𑖤𑖨)
17_ Thủ Môn Thiên Nữ (𑖤𑖨)
18_ Thủ Môn Thiên (𑖤𑖨)
19_ Thủ Môn Thiên Nữ (𑖤𑖨)
20_ Trì Quốc Thiên (𑖤𑖨)
21_ Đại Phạm Thiên (𑖌𑖨)
22_ Mão Tú (𑖦𑖨)
23_ Tất Tú (𑖤𑖨)
24_ Tuy Tú (𑖬𑖨)
25_ Sâm Tú (𑖀𑖬𑖨)
26_ Quỷ Tú (𑖧𑖨)
27_ Tỉnh Tú (𑖧𑖨)
28_ Liễu Tú (𑖀𑖬𑖨)
29_ Ngưu Mật Cung (𑖤𑖨)
30_ Bạch Dương Cung (𑖀𑖨)
31_ Phu Phụ Cung (Nam) (𑖀𑖨)
32_ Phu Phụ Cung (Nữ) (𑖀𑖨)
33_ Tuệ Tinh (𑖦𑖨)
34_ Lưu Tinh (𑖀𑖨)
35_ Nhật Diệu (𑖬𑖨)
36_ Nhật Diệu Quyến Thuộc (𑖬𑖨)
37_ Bà Tô Tiên Hậu (𑖢𑖨)
38_ Bà Tô Đại Tiên (𑖢𑖨)
39_ Hoả Thiên Hậu (𑖀𑖬𑖨)
40_ Hoả Thiên (𑖀𑖬𑖨)

1_ Y Xá Na Thiên (Īśāna):

Īśāna dịch âm là Y Xá Na Thiên, dịch ý là Lạc Dục hay Tự Tại Chúng Sinh Chủ, tức nghĩa là người Tư Phối. Lại xưng là Y Già Na Thiên, hoặc Y Sa Thiên, Đại Tự Tại Thiên. Là một trong Hộ Thế Bát Phương (tám vị hộ giúp đời ở tám phương), một trong 12 vị Trời, hoặc một trong Thần Hộ Pháp ở mười phương, thủ hộ phương Đông Bắc. Lại có thuyết nói vị ấy khi xưa được xưng là **Ma Ê Thủ La Thiên** (Maheśvara).

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, hiện tướng phẫn nộ, quát mắng ba độc Tham Sân Si, trên mặt có 3 mắt, thân dùng đầu lâu làm Anh Lạc, tay trái cầm vật khí chứa đầy máu ngựa thồ để uống, tay phải cầm cây kích Tam Cổ

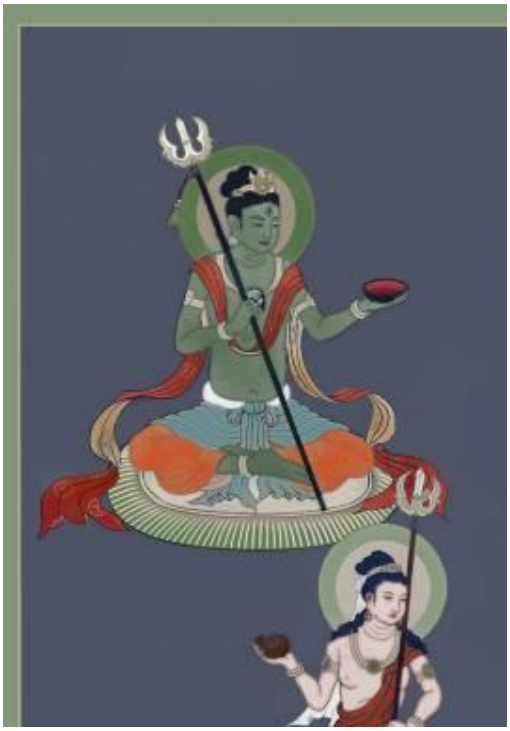

3 mắt biểu thị cho sự giáng phục 3 vọng chấp: thô, tế, cực tế

Đầu lâu biểu thị cho vô minh căn bản. Dùng đầu lâu làm Anh Lạc biểu thị cho nghĩa **phiền não tức Bồ Đề**

Tay trái cầm vật khí chứa đầy máu ngựa thồ để uống, biểu thị cho ăn nuốt hết phiền não

Tay phải cầm cây kích Tam Cổ biểu thị cho việc dùng cái Mâu của 3 Bình Đẳng giết hại phiền não, hai chướng Sở Tri, nghĩa là Không Nhân Chấp, Pháp Chấp.

Chữ chủng tử là: I (𑖌𑖴) hay Ī (𑖍𑖴)

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kích Tam Cổ , biểu thị cho việc điều phục chúng sinh.

Tướng Ấn là: **Y Xá Na Thiên Ấn.** Tay phải nắm quyền để ở eo lưng, tay trái đều co ngón vô danh, ngón út, dựng thẳng ba ngón còn lại và hơi rời nhau. Đây tức là hình Tam Cổ.

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ RUDRĀYA SVĀHĀ

2_ Hỷ Diện Thiên (Nandī-mukha)

Hỷ Diện Thiên là quyến thuộc của Y Xá Na Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải duỗi ra, hướng lòng bàn tay lên trên, tay trái nắm quyền, duỗi thẳng ngón trỏ biểu thị cho sự vui thích.

Chữ chủng tử là: NA (𑖦), hay RO (𑖬)

Tam Muội Gia Hình là: cái chén (hay cái cốc).

Tướng Ấn là Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖫𑖪𑖨𑖭𑖽𑖮𑖯𑖮𑖯𑖰𑖩𑖽𑖫𑖭𑖬𑖨𑖪𑖫𑖯𑖪𑖨𑖭𑖲𑖪𑖩𑖽𑖲𑖪𑖩𑖽𑖫𑖯𑖪𑖨𑖭𑖽𑖫𑖯𑖪𑖨𑖭𑖩𑖽𑖮𑖨𑖪𑖫𑖯𑖪𑖨𑖭𑖽𑖫𑖯𑖪𑖨𑖭𑖩𑖽

Chữ chủng tử là: SA (𑖯) hay RO (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: cái chén.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖯𑖺𑖦𑖽𑖨𑖿𑖩𑖰𑖪𑖿𑖩𑖰𑖨𑖰𑖪𑖿𑖨𑖿𑖯𑖪𑖿𑖨𑖰𑖪𑖿𑖨𑖰𑖪𑖿𑖨𑖰

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖼𑖪𑖿𑖟𑖨𑖽𑖦𑖨𑖦𑖨𑖦𑖨𑖦𑖩𑖽𑖦𑖼𑖞𑖿

Chữ chủng tử là: KA (𑖏) hay RO (𑖬).

Tam Muội Gia Hình là: cái chén.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖪𑖨𑖯𑖽𑖰𑖭𑖭𑖏𑖏𑖨𑖿𑖰𑖫𑖰𑖫𑖏𑖨𑖿𑖰𑖫𑖰𑖫𑖏𑖨𑖿𑖰𑖫𑖰𑖫

Chữ chủng tử là: DHA (𑖣), hay RO (𑖬)
Tam Muội Gia Hinh là: cái bát.

Tướng Ấn là: Bát Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸 𑖪𑖫𑖿𑖟 𑖥𑖨𑖽𑖩𑖸 𑖧𑖿𑖢𑖰𑖪𑖲𑖩𑖸 𑖯𑖨𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ PṚTHIVĪYE SVĀHĀ

7_ Kiên Lao Địa Thần (Pṛthivi):

Pṛthivi dịch âm là Bỉ Lý Để Tỳ, Bát La Thể Phệ, Bệ Lý Thể Vi. Lại xưng là Kiên Lao, Kiên Lao Địa Thiên, Địa Thần Thiên, Kiên Lao Địa Kỳ, Trì Địa Thần, Địa Thiên. Là một trong 20 Thiên thuộc Sắc Giới, là vị Thần trông coi đất đai.

Khi Đức Phật Đà mới thành Đạo thời Địa Thần này đã hiện ra để chứng minh, từ dưới Đất nhảy vọt lên, khom người cung kính, nâng cái bình bảy báu chứa đầy hương hoa để cúng dường.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, đội mão báu, tay trái cầm cái bát, trong bát có hoa tươi. Hướng lòng bàn tay phải ra bên ngoài để trước ngực. Ngồi trên toà hình tròn.

Chữ chủng tử là: PṚ (𑖦), hay RO (𑖬)

Tam Muội Gia Hình là: Cái bát.

Tướng Ấn là: Bát Ấn.

Chân Ngôn là:

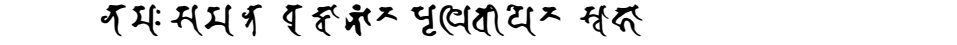

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ PṚTHIVĪYE SVĀHĀ

8_ Phi Tưởng Thiên (Naivasaṃjñāyatana):

Tâm Định của hàng Trời này đến chỗ Tịnh Diệu, là cảnh giới Thiền Định tối cao trong Thiền Định của Thế Gian.

Phi Tưởng là ngay trong Cảnh Định đã trải qua, diệt trừ Tâm Niệm của tướng thô nhưng trong đó còn có Tâm Tưởng nhỏ nhiệm. Có điều do rất nhỏ nhiệm nên không có Pháp vận tưởng và khó dùng duyên quán sát, vì thế xưng là Phi Tưởng.

Lại nữa do còn có tâm niệm nhỏ nhiệm sâu xa cho nên xưng là Phi Phi Tưởng. Lại xưng là Phi Phi Tưởng Thiên, Vô Tư Tưởng Diệc Vô Vô Tưởng Thiên, Hữu Tưởng Vô Tưởng Trí Thiên, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ Thiên. Là cõi Trời thứ tư thuộc Vô Sắc Giới. Vị Trời này trụ ở đỉnh của Tam Giới Cửu Địa cho nên xưng là Hữu Đỉnh Thiên.

Tôn Hình: Thân màu vàng chói, hiện hình Hoá Phật ngồi trong lầu gác có hai tầng.

Chữ chủng tử là: RO ( ) hay NAI ()

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

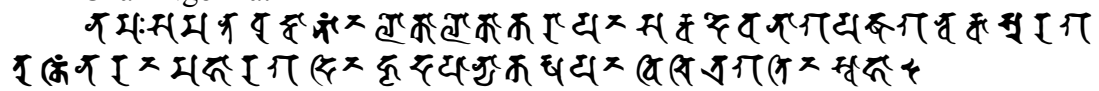

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

9_ Vô Sở Hữu Xứ Thiên (Ākiñcana-ayatana):

Ākiñcana-ayatana là vị Trời ở cõi Trời thứ ba của 4 cõi Trời Vô Sắc. Cảnh Giới Thiền Định của vị Trời này là **Vô Sở Hữu Xứ Định.** Lúc chứng nhập Định này thời tự tâm vui vẻ vắng lặng chặt đứt mọi niệm, tất cả Tâm Tưởng đều chẳng sinh khởi, lúc này tướng của tâm sen còn chẳng thể nhìn thấy, huống chi là tướng mạo của tất cả các Pháp. Bởi thế trong Tâm không có chỗ phân biệt, cho nên gọi là Vô Sở Hữu Xứ Định.

Tôn Hình: Thân màu vàng chói, hiện hình Hoá Phật ở trong lầu gác hai tầng.

Chữ chủng tử là : RO (), hay A ()

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

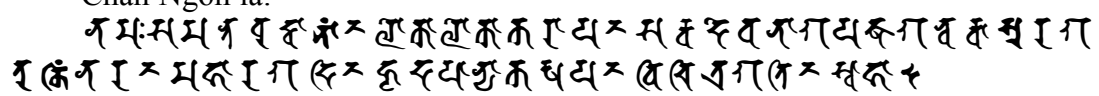

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

10_ Thức Vô Biên Xứ Thiên (Vijñāna-anantya-ayatana):

Vijñāna-anantya-ayatana là cõi Trời thứ hai của 4 cõi Trời Vô Sắc. Lại xưng là Thức Vô Biên Xứ, Vô Biên Thức Xứ, Thức Vô Biên Xứ Địa, Vô Lượng Thức Xứ

Thiên, Thức Nhập Xứ. Lược xưng là Thức Xứ, chỉ Yểm Ly Không Vô Biên Xứ Thiên, là Quả Báo do Định của Thức Vô Biên đã chiêu cảm. Tức nhóm mắt thanh tịnh suy tư tướng của 6 loại Thức, quán sát chiếu rõ Thức Tướng vô biên. Dùng sự suy tư Thức Tướng vô biên mà tu Gia Hạnh, triển chuyển dẫn khởi Định Vô Sắc thứ hai mà xưng là Thức Vô Biên Xứ

Tôn Hình: Thân màu vàng chói, hiện hình Hoá Phật ở trong lầu gác hai tầng

Chữ chủng tử là: RO (𑖪), hay VI (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖫𑖫𑖦 𑖨𑖾𑖫𑖫𑖦𑖦𑖾𑖫𑖫𑖦𑖦𑖾𑖫𑖫𑖦𑖦

Chữ chủng tử là: RO (𑖪), hay Ā (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là:Cung điện.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖨𑖽𑖪𑖿𑖥𑖰𑖪𑖿𑖥𑖰𑖦𑖿𑖪

Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay JA (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: Cây cung.

Tướng Ấn là:Như Lai Ngữ Môn Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖾𑖿 𑖪𑖬𑖕𑖪𑖬𑖾 𑖭𑖪𑖽
OṂ_ JAYA VIJAYA SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖾𑖿 𑖣𑖦𑖧𑖬𑖾 𑖭𑖪𑖽
OṂ_ MAHĀ-GAṄAPĀTHA SVĀHĀ

13_ Nhật Thiên (Āditya):
Āditya dịch âm là A Nê Để Gia. Lại xưng là Nhật Thiên Tử, Nhật Thần
Tại Ấn Độ đem sức sáng tạo, Thần Cách Hoá xưng là Nhật Thiên. Sau lại xưng riêng là **Thái Dương Thần** (Sūrya).
Sau khi truyền vào Mật Giáo thì thành một trong 20 Thiên. Tức Đại Nhật Như Lai vì lợi ích chúng sinh cho nên trụ vào **Phật Nhật Tam Muội,** tuỳ duyên hiện ra ở đời, lúc phá các Ám thời Tâm Bồ Đề tự nhiên khai hiển giống như ánh sáng của Thái Dương chiếu soi chúng sinh, cho nên xưng là Nhật Thiên.
Tôn này có 2 vị Phi là **Thệ Gia** (Jayā) và **Vi Thệ Gia** (Vijaya)
Tôn Hình:Thân màu thịt đỏ, khoác Thiên Y, hai tay đều cầm hoa sen, ngồi trên xe có năm con ngựa màu đỏ.

Chữ chủng tử là: A (𑖀)
Tam Muội Gia Hình là: Kim Cương Luân.

Tướng Ấn là: Co hai ngón vô danh chạm lưng ngón, hai ngón cái đè bên cạnh hai ngón vô danh, Hai đỉnh đầu ngón giữa trụ nhau, dựng thẳng hai ngón trỏ hai ngón út.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖾𑖫𑖪𑖿 𑖥𑖨𑖫𑖑𑖾𑖦𑖿 𑖀𑖤𑖾𑖑𑖾𑖦𑖿 𑖨𑖪𑖰𑖑𑖿
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ ĀDITYĀYA SVĀHĀ

14_ Vi Xà Gia (Vijayā):

_Vi Xà Gia, tên Phạn là **Vijayā**, dịch âm là Nị Giả Gia, Vĩ Nhạ Gia, Tỳ Xã Gia, Vi Thệ Gia, Vi Nhạ Dã. Dịch ý là Tối Thắng, Vô Thắng. Là một trong 4 chị em Nữ

Thiên, là em gái của Jayā, một trong hai Phi của Nhật Thiên. Biểu thị cho **Trí Đức** của Nhật Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây cung, tay phải cầm mũi tên, hướng mặt về bên phải.

Chữ chủng tử là: VI (वि)

Tam Muội Gia Hình là: Cung tên.

Tướng Ấn là: Như Lai Ngữ Môn Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖬𑖽𑖪𑖬𑖼 𑖨𑖪𑖾

OṂ_ JAYA VIJAYA SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖼 𑖣𑖪𑖬𑖼 𑖨𑖪𑖾

OṂ_ MAHĀ-GAṄAPĀTHA SVĀHĀ

15_ Đế Thích Thiên (Śakra-devānāṃ-indra):

Śakra-devānāṃ-indra dịch âm là Thích Ca Đề Hoàn Nhân Đà La . Lược xưng là Thích Đề Hoàn Nhân, Thích Ca Đề Bà. Lại xưng là **Đế Thích** (Śakra) và còn có tên gọi riêng là **Nhân Đà La** (Indra), Kiều Thi Ca, Sa Bà Bà, Thiên Nhãn...

Nguyên Indra là vị Thần của Ấn Độ Giáo, là Thần Lôi Vũ có địa vị tối cao trong các chư Thần, ngồi trên xe có ngựa kéo, vung múa Chày Kim Cương ngăn trị loài Ma ác và đấu tranh với hàng A Tu La.

Sau này khi du nhập vào Phật Giáo thì trở thành vị Hộ Pháp và được xưng là Đế Thích Thiên, là một trong 12 vị Trời, Chủ của cõi Tam Thập Tam Thiên, trấn giữ phương Đông, cư trú tại thành Thiện Kiến thuộc cõi Trời Đao Lợi trên đỉnh núi Tu Di.

Theo sự ghi chép của Kinh Điển thì Tôn này là vị Bà La Môn ở nước Ma Già Đa, do tu Phước Đức của nhóm Bố Thí mà được sinh lên cõi Trời Đao Lợi làm vị Thiên Chủ

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình phẫn nộ, tay trái nắm quyền để bên eo, khoác Thiên Y và Giáp Trụ.

Chữ chủng tử là: ŚA (𑖮)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.

Tướng Ấn là: Nhẫn Ba La Mật Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖨𑖨𑖿𑖭 𑖥𑖸𑖪𑖿𑖨𑖾𑖦𑖿𑖦𑖾𑖨𑖿 𑖮𑖏𑖿𑖬𑖲𑖪

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ŚAKRĀYA - SVĀHĀ

16_ Thủ Môn Thiên (Dvāra-pāla):

Dvāra-pāla dịch âm là Ná Phộc La Bát La, có nghĩa là người giữ cửa, thủ hộ cửa Đông của Kim Cương Ngoại Viện

Tôn Hình:Thân màu thịt, tay trái cầm cây kiếm, tay phải cầm hoa sen, hướng mặt về bên trái, dựng đầu gối trái mà ngồi.

Chữ chủng tử là: RO (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Tuệ Kiếm.

Tướng Ấn là: Bất Khả Việt Thủ Hộ Ấn.

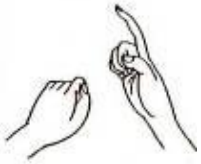

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖨𑖯𑖝𑖿𑖩𑖰𑖨𑖾𑖪𑖿𑖫𑖽𑖦𑖿

Tướng Ấn là: Bất Khả Việt Thủ Hộ Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖀𑖨𑖪𑖀𑖟𑖿𑖦𑖽𑖀 𑖨 𑖟𑖕𑖪𑖭𑖿𑖬𑖀𑖫𑖀𑖭𑖟𑖪𑖿𑖩

Tướng Ấn là: Tương Hướng Thủ Hộ Ấn.

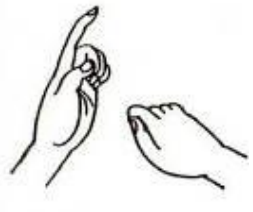

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖪𑖽 𑖪𑖦𑖾𑖫𑖰𑖝𑖾𑖦𑖾𑖨𑖪𑖽 𑖨𑖾 𑖀𑖪𑖾𑖨𑖾𑖫𑖾𑖔𑖾 𑖨𑖾 𑖦𑖪𑖾𑖝𑖾𑖫𑖾𑖔𑖾 𑖑𑖾𑖫𑖾𑖔𑖾 𑖑𑖾𑖫𑖾𑖔𑖾 𑖨𑖾 𑖑𑖾𑖫𑖾𑖔𑖾 𑖨𑖾 𑖦𑖪𑖾𑖝

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖨𑖪𑖽𑖭𑖰𑖟𑖨𑖰𑖪𑖨𑖰𑖫𑖽𑖪𑖰𑖟𑖰𑖪𑖽𑖨𑖰𑖟𑖰𑖪𑖽𑖨𑖰𑖟𑖰𑖪𑖽𑖨

Chữ chủng tử là: DHṚ (𑖥𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Cây đao. Biểu thị cho Bản Thệ là khen thưởng các điều lành, trừng phạt các việc ác, hộ trì Quốc Thổ, bảo vệ chúng sinh

_Trì Quốc Thiên Thủ Ấn :

Hai tay nắm quyền, cái chéo nhau, dựng đứng ngón trỏ

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖥𑖿𑖨𑖵𑖿 𑖨𑖨 𑖪𑖫𑖦𑖯 𑖪𑖦

OṂ _ DHṚTA-RĀṢṬRA _ RĀ RĀ _ PRAMADANA SVĀHĀ

21_ Đại Phạm Thiên (Mahā-Brahma-deva):

Mahā-Brahma-deva dịch âm là Ma Ha Phạm La Hạ Ma, dịch ý là cực trong sạch tinh khiết. Lại xưng là Phạm Vương, Phạm Thiên, Đại Phạm, Phạm Đồng Tử, Thế Chủ Thiên, Sa Bà Thế Giới Chủ

Theo Ấn Độ Giáo thì Phạm Thiên là vị Chủ Tể sáng tạo ra Trời Đất và muôn vật. Sau này khi du nhập vào Phật Giáo thì Phạm Thiên là vị Chủ Tể của cõi Sơ Thiền thuộc **Sắc Giới** (Rūpa-dhātu) và là một trong 20 Thiên, một trong 28 Bộ của Thiên Thủ Quán Âm

Tôn Hình: Thân màu thịt, đầu đội mão tóc búi, có 4 mặt, mỗi mặt đều có 3 mắt, thân có 4 cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất tác Dữ Nguyện Ấn, tay thứ hai cầm cây kích. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm cái bình.

Chữ chủng tử là: BRA (𑖪𑖽)

Tam Muội Gia Hình là :Hoa sen hồng, tay Thí Nguyện.

Tướng Ấn là: Nguyệt Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖨𑖿𑖬𑖰𑖟𑖿𑖤𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾 𑖥𑖿𑖭𑖰𑖪𑖿𑖨𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾 𑖮𑖿𑖯𑖾𑖦𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ PRAJĀPATAYE_ SVĀHĀ

22_ Mão Tú (Kṛtikā)

Kṛtikā (Mão Tú) dịch âm là Khất Lật Để Ca, lại có tên gọi là Mao Đầu. Là một trong 7 Tú ở phương Đông

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen bên trên có ngôi sao (hình 231)

Chữ chủng tử là: RO (𑖪) , hay KṚ (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là **Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn**: Chắp tay chắc thật. Kèm 2 Không (2 ngón cái) dựng thẳng ngang trái tim, đem 2 Không (2 ngón cái) triệu mời.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖫𑖿𑖥𑖵𑖟𑖿𑖤𑖰𑖨𑖿𑖟𑖿𑖤𑖰𑖨𑖿𑖟𑖿𑖤𑖰𑖨𑖿

Chữ chủng tử là: RO (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖽𑖦𑖪𑖿𑖨𑖾𑖫𑖽 𑖌𑖻𑖭𑖿𑖪 𑖦𑖵𑖩𑖽𑖫𑖾𑖭𑖽 𑖥𑖲𑖟𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖌𑖾𑖥𑖽𑖦𑖪𑖿𑖨𑖾𑖫𑖽 𑖪𑖩𑖽𑖫𑖾𑖭𑖽 𑖌𑖻𑖭𑖿𑖪 𑖥𑖲𑖟𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ROHIṆĪ- NAKṢATRA _ SVĀHĀ

24_ Tuy Tú (Mṛgaśira):

Mṛgaśira (Tuy Tú) lại xưng là Lộc Thủ Tú. Là một trong 7 Tú ở phương Đông

Tôn Hình: Úp lòng bàn tay phải để trước ngực, dựng lòng bàn tay trái cầm hoa sen bên trên sen có ngôi sao, giao ống chân mà ngồi. (hình 233)

Chữ chủng tử là: RO (𑖪), hay MṚ (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖽𑖥𑖪𑖟𑖿𑖦𑖽𑖌𑖿 𑖌𑖿𑖫𑖪 𑖦𑖵𑖫𑖲𑖽𑖌𑖿 𑖨𑖿𑖫𑖽𑖩𑖲

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖌𑖾𑖥𑖽𑖥𑖪𑖟𑖿𑖦𑖽𑖌𑖿 𑖨𑖪𑖫𑖰𑖪𑖩 𑖌𑖿𑖫𑖪𑖽 𑖨𑖿𑖫𑖽𑖩𑖲

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ MṚGAŚAIRA-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

25_ Sâm Tú (Ārdra):

Ārdra (Sâm Tú) dịch âm là Át Đại La. Dịch ý là Dịch Thấp, Mê Thấp, Vị Thấp. Lại xưng là Sinh Sản Tú, Sinh Dưỡng Tú. Là một trong 7 Tú ở phương Đông

Tôn Hình: Ngửa lòng bàn tay phải để trước rốn. Dựng đứng lòng bàn tay trái, co ngón trỏ ngón giữa cầm hoa sen, trên hoa sen có ngôi sao. Giao ống chân mà ngồi. (hình 234)

Chữ chủng tử là: RO (𑖪), hay A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖼𑖪𑖿𑖨𑖽𑖟𑖿𑖦𑖾𑖯𑖿 𑖌𑖕𑖿𑖫𑖪𑖿 𑖦𑖵𑖭𑖿𑖫𑖲𑖯𑖾𑖯𑖿 𑖥𑖲𑖩𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖌𑖾𑖥𑖼𑖪𑖿𑖨𑖽𑖟𑖿𑖦𑖾𑖯𑖿 𑖥𑖳𑖭𑖿 𑖌𑖕𑖿𑖫𑖪𑖿 𑖥𑖲𑖩𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀRDRA-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

26_ Quỷ Tú (Puṣya):

Puṣya (Quỷ Tú) dịch âm là Bố Sái. Lại xưng là Xí Thịnh, Tăng Ích. Là một trong 7 Tú ở phương Đông

Tôn Hình:Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình 235)

Chữ chủng tử là: PU (𑖨), hay PRA (𑖩)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖸𑖦𑖿𑖨𑖰𑖪𑖿𑖩𑖰 𑖦𑖿𑖪𑖰𑖟𑖰𑖨𑖰 𑖦𑖽𑖭𑖰𑖟𑖰𑖨𑖰 𑖥𑖾𑖪

Chữ chủng tử là: PRA (𑖦), hay A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖽𑖪𑖿𑖨𑖾𑖯𑖰𑖟𑖾𑖩𑖽 𑖌𑖹𑖫 𑖦𑖵𑖟𑖨𑖪𑖾𑖩𑖽 𑖥𑖻𑖫𑖰

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖌𑖾𑖥𑖽𑖪𑖿𑖨𑖾𑖯𑖰𑖟𑖾𑖩𑖽 𑖥𑖨𑖪𑖿 𑖌𑖹𑖫𑖾 𑖥𑖻𑖫𑖰

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ĀŚLEṢA-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

29_ Ngưu Mật Cung (Vṛṣa-vimana):

Vṛṣa-vimana lại xưng là Ngưu Cung, Kim Ngưu Cung, Mật Ngưu Cung, Trì Ngưu Thần Chủ. Là một trong 3 cung ở phương Đông

Tôn này chủ về việc nuôi dưỡng cầm thú (súc mục)

Tôn Hình: Con bò đực màu vàng đỏ.

Chữ chủng tử là: JA (𑖔), hay VṚ (𑖪), hay KA (𑖓)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖨𑖫𑖟 𑖦𑖪𑖽𑖠𑖟𑖨𑖽𑖨 𑖪𑖪𑖽𑖟𑖫𑖟𑖨𑖽𑖨 𑖨𑖪𑖽𑖟𑖫

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:

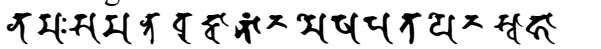

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ MEṢA-PATAYE_ SVĀHĀ

31_ Phu Phụ Cung (Nam) (Mithuna-vimana):

Mithuna-vimana lại xưng là Phu Phụ Cung, Âm Dương Cung, Song Nữ Cung, hoặc Song Điểu Thần Chủ. Là một trong 3 Cung ở phương Đông.

Tôn này chủ về việc mang thai, con cháu

Tôn Hình: Nam hướng mặt về bên phải, cùng đối với nữ

Chữ chủng tử là: JE ( ), hay MI (), hay KA ()

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖀𑖾𑖥𑖸 𑖥𑖥𑖀 𑖦𑖽𑖟𑖾𑖨𑖸𑖪𑖀𑖨𑖾𑖟𑖸𑖪𑖀𑖨𑖾𑖟𑖸𑖪𑖀𑖨𑖾𑖟

Chữ chủng tử là: JE (𑖪), hay KE (𑖨), hay HE (𑖬)
Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc đỏ trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Tuệ Tinh Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸𑖫𑖿𑖦𑖽𑖦𑖿𑖩𑖾𑖩𑖨𑖨𑖿𑖨𑖽𑖾𑖫𑖿𑖦𑖽𑖨𑖿𑖦𑖿𑖧𑖽𑖨𑖿𑖦𑖽𑖨𑖿𑖦𑖽𑖨𑖿𑖦

Chữ chủng tử là: JE (𑖪𑖿), hay NI (𑖦𑖿)

Tam Muội Gia Hình là:Viên ngọc đỏ trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Tuệ Tinh Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖼𑖨𑖼𑖟𑖸𑖩𑖽𑖪𑖿𑖪𑖿𑖪𑖿𑖦𑖿𑖨𑖽𑖨𑖼𑖟𑖿𑖪𑖿

Tôn Hình: Thân màu thịt. Tay phải cầm vành mặt trời, Tay trái để ở eo, khoác Thiên Y. Dùng cỗ xe có ba con ngựa làm toà ngồi.

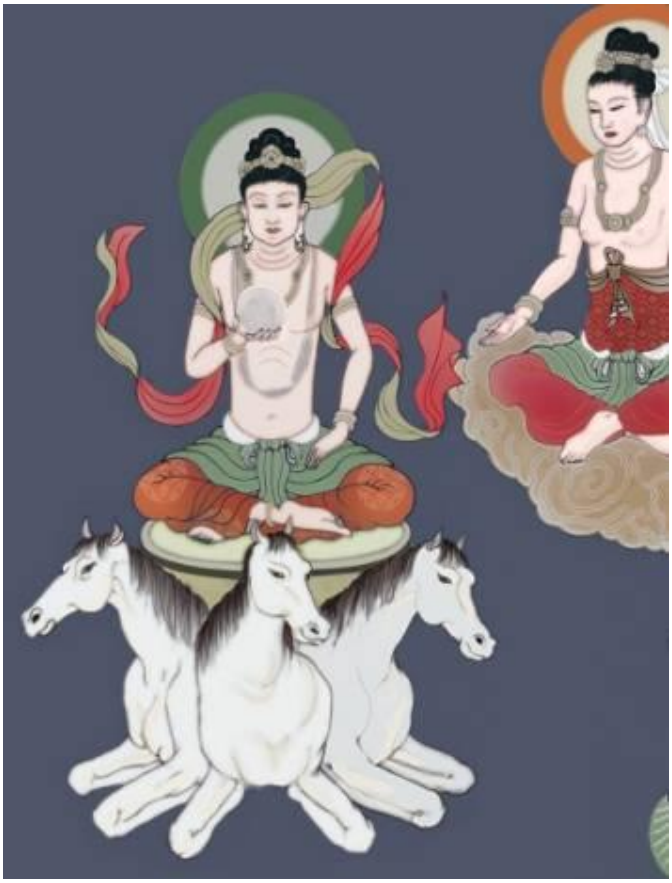

Chữ chủng tử là: RO (𑖪), hay SU (𑖭), hay A (𑖀)
Tam Muội Gia Hình là:Vành mặt trời.

Tướng Ấn là:Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖾𑖫𑖀𑖯𑖰𑖟𑖿𑖨𑖽𑖬𑖿𑖭𑖽𑖯𑖽𑖭𑖼
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ SŪRYĀYA_ SVĀHĀ

Hay 𑖦𑖾𑖫 𑖪𑖫𑖪𑖽𑖬
𑖦𑖾𑖬𑖿𑖨 𑖫𑖰 𑖦𑖾𑖭𑖪 𑖪𑖲𑖬
𑖌𑖃 𑖀𑖫𑖍𑖨𑖿 𑖨𑖿𑖪𑖼 𑖭𑖼𑖭𑖼
NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ SŪRYA SARVA NAKṢATRA-RĀJĀYA.
OṂ _ AMOGHA-SYA (Danh vị…) ŚATRI _ SVĀHĀ

36_ Nhật Diệu Quyến Thuộc (Sūrya-parivāraḥ):
Sūrya-parivāraḥ là quyến thuộc của Nhật Diệu. Lại xưng là Phích Lịch Tinh
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, tay trái đè trên đùi trái

Chữ chủng tử là: JAṂ (𑖛), hay SU (𑖭)
Tam Muội Gia Hình là:Vành mặt trời.

Tướng Ấn là:Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

ནཱ་མཿསམནྟ་བུདྡྷཱནཱཾ་ལོཀ་ཨལོཀཱ་ཀ་རཱཡ་སརྦ་དེ་ཝ་ནཱ་ག་ཡ་ཀྵ་ག་ན་དྷ་ར་བ་ཨ་སུ་ར་ག་རུ་ཌ་ཀིཾ་ནར་མོ་ཧཱ་རཱ་ག་དི་ཧྲྀ་དཱ་ཡ་ཨ་ནྱ་ཨཱ་ཀ་ར་ཥཱ་ཡ་ཝི་ཙི་ཏྲ་ག་ཏི་སྭཱ་ཧཱ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

37_ Bà Tô Tiên Hậu (Vasvì):

Vasvì là vợ của Bà Tô Tiên.)

Tôn Hình: Thân màu thịt. Tay phải để trước ngực cầm hoa sen khép cánh với lá sen. Tay trái để bên eo cầm hoa sen nở rộ. Giao ống chân mà ngồi.

Chữ chủng tử là: VA (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen nở rộ.

Tướng Ấn là: Nhất Thiết Chư Tiên Ấn.

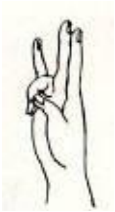

Chân Ngôn là:

𑖦𑖨𑖸𑖩𑖨𑖿𑖬 𑖪𑖾𑖰𑖯𑖿𑖟𑖨𑖿𑖟𑖨𑖿𑖯𑖽𑖟𑖿𑖥𑖩𑖿𑖩𑖨𑖿𑖯

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, thân trên không mặc áo . Tay phải cầm hoa sen, tay trái cầm tràng hạt.

Chữ chủng tử là: VA (𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: Chuỗi tràng hạt.

Tướng Ấn là: Nhất Thiết Chư Tiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖪𑖟 𑖥𑖾𑖦𑖪𑖟𑖨𑖿𑖤𑖾𑖦𑖿×𑖯𑖨𑖳𑖟𑖽𑖨𑖿𑖩𑖾𑖫𑖿 𑖮𑖿𑖣𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ VASIṢṬA ṚṢIṂ _ SVĀHĀ

39_ Hoả Thiên Hậu (Agnayī):

Agnayī là vợ của Hoả Thiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng. Co hai cánh tay rồi ngửa lòng bàn tay, ngồi trong lửa rực.

Chữ chủng tử là: A (𑖀)
Tam Muội Gia Hình là: Táo Bình.

Tướng Ấn là: Hỏa Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖡𑖾𑖫𑖪𑖿𑖨𑖽𑖦𑖀𑖫𑖾
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ AGNIYE_ SVĀHĀ

40_ Hoả Thiên (Agni):

Agni là vị Trời thủ hộ phương Nam trong 8 vị Trời Hộ Thế, cũng là một trong 20 Thiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Tiên Nhân ngồi trong lửa rực, có một mặt 4 cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất để trước ngực cầm Tam Giác Ấn, tay thứ hai cầm tràng hạt. Bên trái: tay thứ nhất để ở đầu gối cầm Táo Bình, tay thứ hai cầm cây gậy Tiên.

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Tam Giác Ấn.

Tướng Ấn là: Hỏa Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖾𑖥𑖿𑖪𑖨𑖿𑖩𑖀𑖀𑖿𑖀𑖒𑖿𑖦𑖾𑖪𑖿𑖪𑖾 𑖭𑖾𑖫𑖿𑖪𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ AGNAYE_ SVĀHĀ

_ Phương Nam có 65 Tôn thuộc nhóm Hỏa Thiên, Diễm Ma Thiên, A Tu La…(dãy bên phải, từ trên xuống dưới).

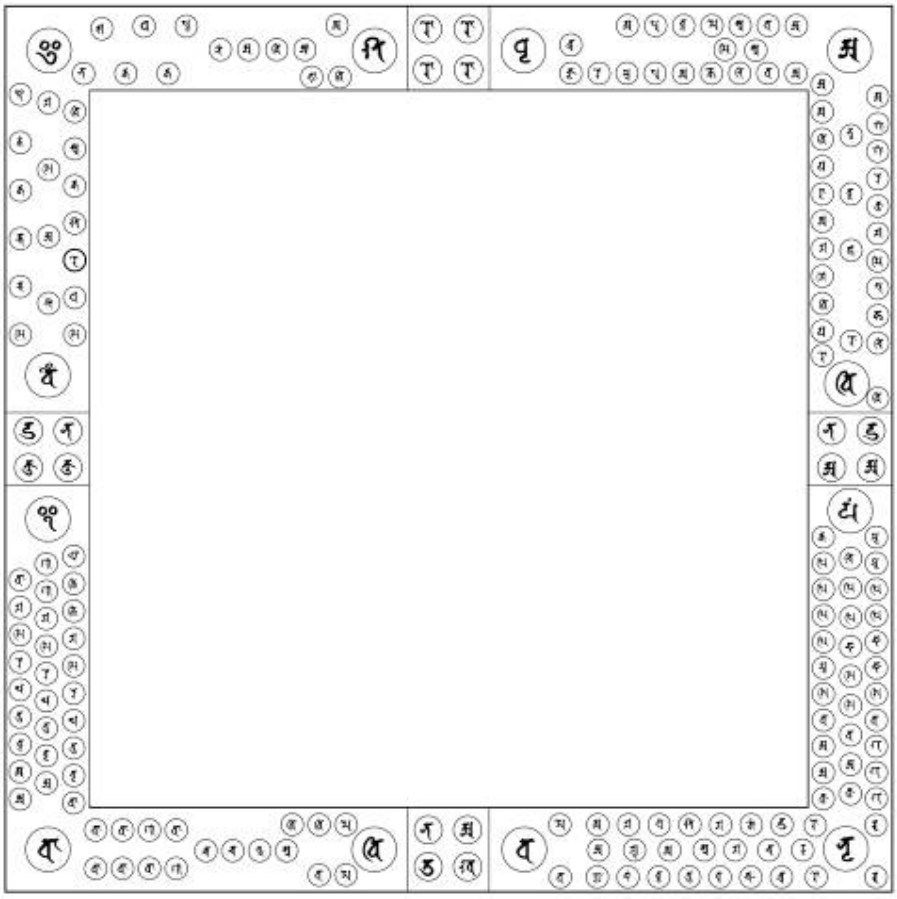

1_ A Nghệ La Tiên (𑖀𑖰)
2_ A Nghệ La Tiên Hậu (𑖀𑖰)
3_ Cù Đàm Tiên (𑖍𑖼)
4_ Cù Đàm Tiên Hậu (𑖍𑖼)
5_ A Điệt Lý Tiên (𑖀𑖰)
6_ Tỳ Lý Cù Tiên (𑖕𑖳)
7_ Tỳ Nữu Nữ (𑖝𑖲)
8_ Tự Tại Nữ (𑖟𑖿)
9_ Dạ Ma Nữ (𑖜𑖰)
10_ Hiền Bình Cung (𑖎𑖿)
11_ Ma Kiệt Cung (𑖠𑖰)
12_ Song Ngư Cung (𑖠𑖽)
13_ La Hầu Tinh (𑖟𑖿)
14_ Mộc Tinh (𑖤𑖳)
15_ Hoả Tinh (𑖀𑖰)
16_ Tinh Tú (𑖠𑖰)
17_ Chẩn Tu ù (𑖌𑖲)
18_ Kháng Tú (𑖫𑖼)

19_ Trương Tú (𑖦)
20_ Dực Tú (𑖯)
21_ Giác Tú (𑖭)
22_ Đê Tú (𑖫)
23_ Dược Xoa Trì Minh Nữ (𑖱)
24_ Dược Xoa Trì Minh (𑖰)
25_ Dược Xoa Trì Minh Nữ (𑖱)
26_ Tăng Trưởng Thiên (𑖫)
27_ Tăng Trưởng Thiên Sứ Giả (𑖫)
28_ Nan Đà Long Vương (𑖲)
29_ Ô Ba Nan Đà Long Vương (𑖵)
30_ A Tu La (𑖤)
31_ A Tu La (𑖤)
32_ Diệm Ma Thiên (𑖴 hay 𑖶)
33_ Hắc Ám Thiên Nư (𑖷)
34_ Thái Sơn Phủ Quân (𑖭)
35_ Quỷ Chúng (𑖸)
36_ Đoạt Nhất Thiết Mệnh (𑖸)
37_ Tỳ Xá Gia ø (𑖩)
38_ Tỳ Xá Già (𑖩)
39_ Tỳ Xá Già (𑖩)
40_ Tỳ Xá Già (𑖩)
41_ Tỳ Xá Già (𑖩)
42_ Tỳ Xá Già (𑖩)
43_ Tỳ Xá Già (𑖩)
44_ Tỳ Xá Già (𑖩)
45_ Đồ Cát Ni (𑖬)
46_ Đồ Cát Ni (𑖬)
47_ Đồ Cát Ni (𑖬)
48_ Tử Quỷ (𑖸)
49_ Trì Minh Thành Tựu Tiên Chúng (𑖧)
50_ Trì Minh Thành Tựu Tiên Chúng (𑖧)
51_ Trì Minh Thành Tựu Tiên Chúng (𑖧)
52_ Trì Minh Thành Tựu Tiên Chúng (𑖧)
53_ Ma Ni A Tu La (𑖪)
54_ Ma Ni A Tu La Quyến Thuộc (𑖪)
55_ Ma Ni A Tu La Quyến Thuộc (𑖪)
56_ A Tu La (𑖤)
57_ A Tu La Quyến Thuộc (𑖤)
58_ A Tu La Quyến Thuộc (𑖤)
59_ Ca Lâu La Vương (𑖮)
60_ Ca Lâu La (𑖮)
61_ Ca Lâu La (𑖮)

62_ Cưu Bàn Trà (𑖨)
63_ Cưu Bàn Trà (𑖨)
64_ La Sát Đồng (𑖭)
65_ La Sát Nữ (𑖭)

1_ A Nghệ La Tiên (Aṅgira- Ṛṣi):

Aṅgira-Ṛṣi lại xưng là Ương Kỳ La Tiên, Ương Yết La Tư Tiên, Ương Kỳ Lạt Tứ Tiên. Dịch ý là Thân Hãn Dịch Tiên.

A Nghệ La Tiên là vị Tiên Nhân thuộc Ấn Độ cổ xưa, một trong 7 vị Đại Tiên, một trong 10 vị Đại Tiên, một trong 10 vị Prajāpati. Do chẳng sinh từ bào thai mà sinh ra từ mồ hôi (hãn dịch) nên có tên gọi này.

Tôn này là một trong 5 vị quyến thuộc của Hoả Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Tiên Nhân. Tay phải cầm xương quai hàm, dựng thẳng trên đầu gối phải. Tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có cái bình. (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Hồ Bình.

Tướng Ấn là:Thành Tựu Trì Minh Tiên Chúng.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖨𑖽𑖪 𑖩𑖑𑖟 𑖦𑖻𑖯𑖟 𑖥𑖑𑖟

OṂ_ AṄGIRA MAHĀ-ṚṢIṂ_ SVĀHĀ

2_ A Nghệ La Tiên Hậu (Aṅgirasī-ṛṣi):

Aṅgirasī-ṛṣi là vợ của A Nghệ La Tiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Thiên Nữ, tay phải dựng duỗi 5 ngón để ngang ngực, ngón cái vịn lóng thứ hai của ngón trỏ. Tay trái tác Dữ Nguyện Thủ. (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Hồ Bình.

Tướng Ấn là:Thành Tựu Trì Minh Tiên Chúng.

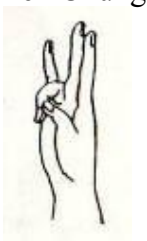

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖨𑖪 𑖨𑖏 𑖣𑖬𑖯 𑖧𑖏𑖲

OṂ_ AṄGIRA MAHĀ-ṚṢIṂ_ SVĀHĀ

3_ Cù Đàm Tiên (Gautama-ṛṣi)

Gautama-ṛṣi lại xưng là Cù Đàm Đại Tiên, Cù Đàm Tiên. Là vị Tiên Nhân ở thời đại rất cổ xưa của Ấn Độ, một trong 7 vị Đại Tiên, một trong 10 vị Prajāpati

Tôn này là một trong 5 vị quyến thuộc của Hoả Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ. Tay phải nắm quyền để ngang ngực, co khuỷu tay phải để trên đầu gối phải. Tay trái cầm cái bình. (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: GAU (𑖒𑖼)

Tam Muội Gia Hình là: Thí Vô Uý Ấn.

Tướng Ấn là:Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.

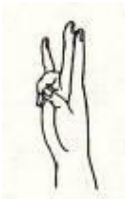

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖒𑖪 𑖪𑖝 𑖜𑖿 𑖒𑖰𑖫𑖝𑖲𑖝

OṂ_ GAUTAMA MAHĀ-ṚṢIṂ GARGHA_ SVĀHĀ

4_ Cù Đàm Tiên Hậu (Gautamī-ṛṣī):

Gautamī-ṛṣī là vợ của Cù Đàm Tiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình Thiên Nữ, hai tay cầm cây kích Độc Cổ. (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: GAU (𑖜𑖼)
Tam Muội Gia Hình là: Thí Vô Uý Ấn.

Tướng Ấn là:Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.

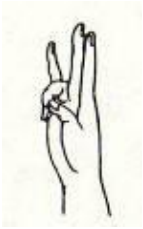

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖜𑖼𑖨𑖫 𑖫𑖍 𑖦𑖾 𑖜𑖘𑖲 𑖯𑖽𑖪𑖾
OṂ_ GAUTAMA MAHĀ-ṚṢIṂ GARGHA_ SVĀHĀ

5_ A Điệt Lý Tiên (Atreye-ṛṣi):
Atreye-ṛṣi là một trong 5 vị quyến thuộc của Hỏa Thiên
Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ. Co dựng cánh tay phải nắm Liên Hoa Quyền để ngang vai, duỗi thẳng ngón út. Tay trái nắm quyền để ngang eo cầm hoa sen chưa nở.

Chữ chủng tử là: A (𑖀)
Tam Muội Gia Hình là: Hồ Bình. Hay hoa sen chưa nở

Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.

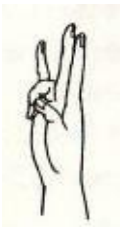

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖨𑖰𑖪 𑖨𑖝𑖼 𑖦𑖿𑖬𑖾𑖩 𑖨𑖝𑖼

OṂ_ ATREYE MAHĀ-ṚṢIṂ _ SVĀHĀ

6_ Tỳ Lý Cù Tiên (Bhṛgautama-ṛṣi):

Bhṛgautama-ṛṣi là một trong 5 vị quyến thuộc của Hoả Thiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ. Co khuỷu tay phải đè lòng bàn tay trên đùi phải. Tay trái nắm quyền để ngang eo cầm lá sen, trên lá sen có chày Tam Cổ.

Chữ chủng tử là: BHṚ (𑖪𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm. Hay chày Tam Cổ trên lá sen.

Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.

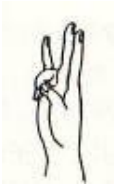

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖽𑖨𑖿𑖫 𑖫𑖭 𑖦𑖰𑖼 𑖯𑖭

OṂ_ BHṚGAUTAMA MAHĀ-ṚṢIṂ _ SVĀHĀ

7_ Tỳ Nữu Nữ (Viṣṇavī):

Viṣṇavī là một trong 7 vị Mẫu Nữ Thiên, là quyến thuộc của Diêm Ma Vương. Có thuyết cho rằng Tôn này là quyến thuộc của Phạm Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, hình Thiên Nữ. Tay phải nắm quyền để trước rốn (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: VI (𑖰), hay MA (𑖫)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe báu.

Tướng Ấn là:Nguyệt Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖰𑖬𑖰𑖼 𑖯𑖭𑖿

OṂ_ VIṢṆAVI_ SVĀHĀ

8_ Tự Tại Nữ (Raudrī):

Tôn Hình: (hình chính giữa)

Chữ chủng tử là: RO (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: cây kích Độc Cổ.

Tướng Ấn là: Lỗ Đạt La Hậu Ấn.

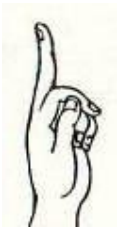

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖪𑖽𑖨𑖿 𑖮𑖿𑖦𑖾
OṂ_ RAUDRĪ _ SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖼 𑖩𑖰𑖓𑖽𑖨𑖿 𑖮𑖿𑖦𑖾
OṂ_ UMĀ-DEVI _ SVĀHĀ

9_ Dạ Ma Nữ (Yamī):
Yamī tức Dạ Ma Thiên Phi, là một trong 7 vị Mẫu Thiên
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ, tay trái cầm cây kích Tam Cổ. (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: YA (𑖬)
Tam Muội Gia Hình là: Cái chuỳ.

Tướng Ấn là: Chuỳ Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖨𑖸𑖪𑖽𑖦𑖼 𑖧𑖿𑖪𑖾𑖟𑖼

OṂ_ MĀTṚBHYAḤ_ SVĀHĀ

10_ Hiền Bình Cung (Kumbha-vimana):

Kumbha-vimana là một trong 3 Cung ở phương Nam. Lại xưng là Hiền Cung, Bảo Bình Cung hoặc Thủy Khí Thần Chủ, chủ về việc kiên quyết thắng.

Tôn Hình: Trong cái bình báu có cắm hoa sen búp nụ

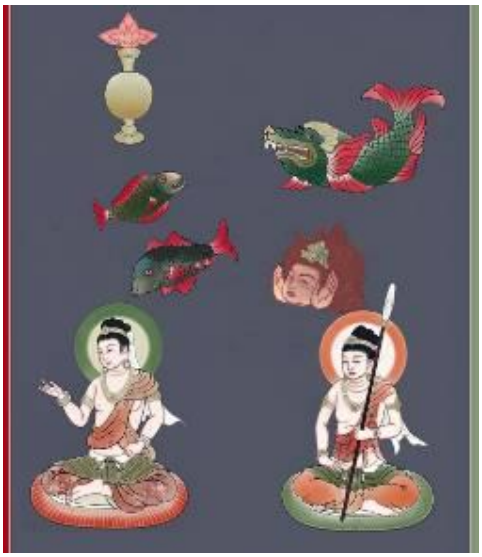

Chữ chủng tử là: KU (𑖌), hay MA (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖫𑖪𑖿 𑖥𑖪𑖫𑖪𑖿𑖠𑖾𑖨𑖿𑖢𑖾𑖨𑖾𑖨𑖿𑖢𑖾𑖨𑖾𑖨𑖿𑖢𑖾𑖨

Chữ chủng tử là: MI (𑖦𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖜𑖾𑖢𑖧𑖪𑖿𑖩𑖰𑖏𑖽𑖜𑖿𑖦𑖽𑖭𑖿𑖟𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ MĪNA-PATAYE_ SVĀHĀ

13_ La Hầu Tinh (Rāhu):

Rāhu là một trong 9 Diệu, tức Hoàng Phan Tinh, lại xưng là Thực Thần. Lúc gặp mặt trời, mặt trăng tức là Thực (mặt trời, mặt trăng bị ăn)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình phẫn nộ, đầu tóc dựng lên trên, hai tay để bên lỗ tai.

Chữ chủng tử là: RĀ (𑖪𑖾), hay RA (𑖪𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

Tướng Ấn là:Kim Cương Hợp Chưởng, mở dựng hai ngón cái.

Chân Ngôn là:

𑖜𑖾𑖢𑖧𑖪𑖿𑖩𑖰𑖏𑖽𑖟𑖾 𑖪𑖾𑖑𑖟𑖿𑖨𑖿𑖫 𑖪𑖿𑖦𑖽𑖭𑖿𑖟𑖿𑖞

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ OṂ RĀHUNA-ASURA-RĀJĀYA _ SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖾𑖥𑖽𑖨𑖿𑖪𑖽 𑖾𑖰𑖪𑖨𑖸𑖪𑖽 𑖨𑖸𑖪𑖽 𑖥𑖾𑖫𑖽 𑖨𑖸𑖪𑖽

OṂ _ RĀHUNA ASURA-RĀJĀYA SOMA ŚATUNAYA (Danh vị…) ŚĀNTI KARI _ SVĀHĀ

14_ Mộc Diệu (Vṛhaspati):

Vṛhaspati là một trong 7 Diệu, một trong 9 Diệu. Lại xưng là Tuế Tinh, Nhiếp Đề.

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, ngửa lòng bàn tay phải lên trên co ngón giữa ngón vô danh cùng với ngón cái vịn nhau. Tay trái nắm quyền để ngang eo, giao ống chân mà ngồi (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: VṚ (𑖮𑖿𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là:Kim Cương Hợp Chưởng, mở dựng hai ngón cái.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖥𑖾𑖫𑖽 𑖥𑖪𑖿𑖨𑖸𑖪𑖽 𑖡𑖪𑖿𑖭𑖸 𑖡𑖾𑖰𑖫𑖾𑖪𑖿𑖭𑖾 𑖨𑖸𑖪𑖽𑖤

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖾𑖮𑖿𑖨𑖾𑖫𑖾𑖪𑖽 𑖨𑖸𑖪𑖽𑖤

OṂ _ VṚHASPATI ŚRI _ SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖾 𑖮𑖿𑖨𑖾𑖫𑖾𑖥 𑖫𑖾𑖩𑖾𑖪𑖽𑖪 𑖫𑖾𑖭 𑖥𑖾𑖪𑖾 𑖨𑖸𑖪𑖽

OṂ_ VṚHASPATIDHA MAPITHAVNAYA (Danh vị…) MALA VARTHADI _ SVĀHĀ

15_ Hoả Diệu (Aṅgāraka):
Aṅgāraka là một trong 7 Diệu, một trong 9 Diệu. Lại xưng là Huỳnh Hoặc Tinh.
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây kích (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: A (𑖀)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Độc Cổ.

Tướng Ấn là: Hỏa Thiên Triệu Thỉnh Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖀𑖿𑖒𑖼𑖑 𑖀𑖪𑖽𑖼 𑖨𑖿𑖦𑖼
OṂ _ AṄGĀRAKA-ŚRI-AROGYA _ SVĀHĀ

16_ Tinh Tú (Maghā):
Maghā là một trong 7 Tú ở phương Nam.

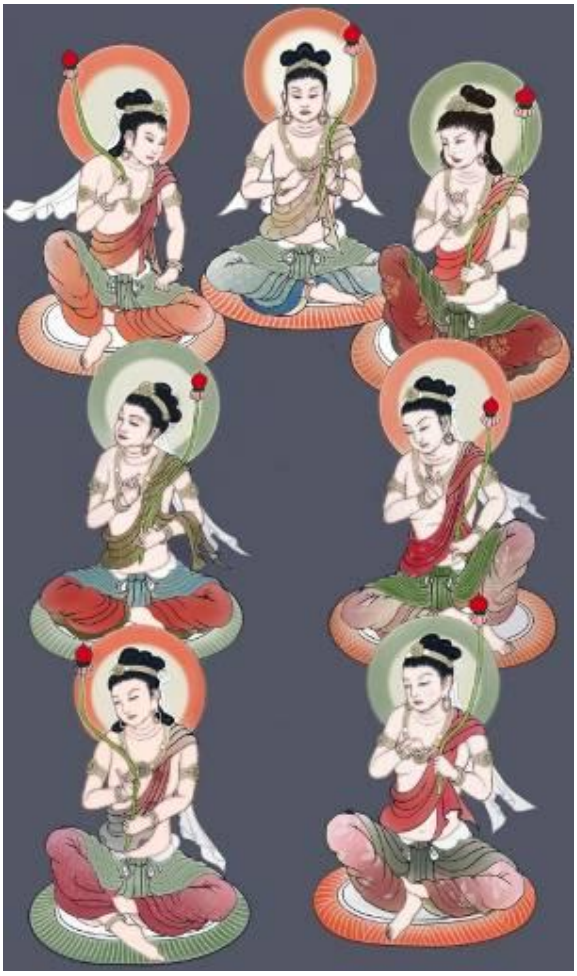

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen, trên sen để ngôi sao (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: MA (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖨𑖿𑖪𑖰 𑖦𑖽𑖟 𑖝𑖲𑖪𑖰𑖨𑖿𑖪𑖰 𑖦𑖽𑖟𑖕𑖿𑖫𑖰 𑖥𑖲𑖩𑖽𑖟𑖰

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖾𑖫𑖿 𑖥𑖪𑖰 𑖦𑖽𑖟𑖰 𑖥𑖲𑖩𑖽𑖟𑖰

OṂ _ MAGHĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

17_ Chẩn Tú (Hastā):

Hastā là một trong 7 Tú ở phương Nam

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen để ngôi sao. Tay phải úp lòng bàn tay để ngang ngực (hình ở giữa)

Chữ chủng tử là: HA (𑖣)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖨𑖿𑖪𑖰 𑖦𑖽𑖟 𑖝𑖲𑖪𑖰𑖨𑖿𑖪𑖰 𑖦𑖽𑖟𑖕𑖿𑖫𑖰 𑖥𑖲𑖩𑖽𑖟𑖰

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖾𑖨 𑖪𑖰𑖫 𑖨𑖎𑖿𑖟𑖾 𑖮𑖪𑖰

OṂ _ HASTĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

18_ Kháng Tú (Svātī):

Svātī là một trong 7 Tú ở phương Nam

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải dựng lòng bàn tay để trước ngực, co ngón cái, ngón giữa, ngón vô danh. Tay trái để trước rốn cầm hoa sen , trên sen để ngôi sao (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: SVA (𑖮) hay SVĀ (𑖯)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖨𑖃𑖪𑖰𑖫 𑖨𑖎𑖿𑖟𑖾 𑖮𑖪𑖰

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖾𑖨 𑖮𑖯𑖰 𑖨𑖎𑖿𑖟𑖾 𑖮𑖪𑖰

OṂ _ SVĀTĪ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

19_ Trương Tú (Pūrva-phalgunī):

Pūrva-phalgunī lại xưng là Tiền Phả Cầu Ni, Tiền Đức Tú, Sơ Phá Cầu, Gian Thác Thiên. Là một trong 7 Tú ở phương Nam

TÚ này có 2 ngôi sao (hoặc nói là 3 ngôi sao, 6 ngôi sao), chủ Thiện Thiên, thuộc Bà Tẩu Thần

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải dựng lòng bàn tay để trước ngực, co ngón cái, ngón giữa, ngón vô danh. Tay trái để trước rốn cầm hoa sen , trên sen để ngôi sao (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: MI (𑖨), hay PĀ (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸𑖥𑖿𑖢𑖵𑖟𑖿𑖩𑖾𑖯𑖰𑖪𑖾𑖨𑖿𑖫𑖾𑖩𑖽𑖟𑖿𑖪𑖾𑖨𑖿𑖫𑖾𑖭

Chữ chủng tử là: PHA (𑖦), hay MI (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖨𑖫𑖪𑖿𑖤𑖾𑖩𑖽𑖟𑖿 𑖌𑖗𑖿𑖫 𑖥𑖲𑖛𑖹𑖨𑖽𑖟𑖿 𑖦𑖿𑖭𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖿𑖢𑖽𑖟𑖿 𑖤𑖿𑖫𑖽𑖟𑖿𑖪𑖿𑖨𑖿 𑖌𑖗𑖿𑖫𑖽𑖟𑖿 𑖦𑖿𑖭𑖿

OṂ _ UTTARA-PHALAGUNĪ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

21_ Giác Tú (Citrā):

Citrā dịch âm là Chất Đa La, dịch nghĩa là Thải Sắc cho nên được gọi là Thải Hoạ Tú. Là một trong 7 Tú ở phương Nam

Tôn Hình: Thân màu thịt, dựng lòng bàn tay phải co ngón trỏ ngón giữa ngón vô danh. Quyền trái để trước rốn, hai tay cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao. Dựng đầu gối phải, giao ống chân mà ngồi (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: CI (𑖌), hay MI (𑖥)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

ཨ་མཿསམན྄ཏ བུདྡྷཱནཱཾ_ ནཀྵ་ཏྲ ནིརྫཊནིཡེ_ སྭཱཧཱ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay ཨོཾ ཙི་ཏྲ་ནཀྵ་ཏྲ་ སྭཱཧཱ

OṂ _ CITRĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

22_ Đê Tú (Viśākhā):

Viśākhā là một trong 7 Tú ở phương Nam

Tôn Hình: Thân màu thịt, ngửa lòng bàn tay phải để trước ngực. Tay trái để trước vú cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao. Dựng đầu gối phải, giao ống chân mà ngồi (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: VI (𑖪), hay A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

ནཱ་མཿསམནྟ་བུདྡྷཱ་ནཱཾ་ནཀྵ་ཏྲ་ནིརྫ་ཌཱ་ཎིཡེ་སྭཱ་ཧཱ།

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

Hay ཨོཾ་ཝི་ཤཱ་ཁཱ་ནཀྵ་ཏྲ་སྭཱ་ཧཱ།

OṂ _ VIŚĀKHĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

23_ Dược Xoa Trì Minh Nữ (Yakṣa-vidya-dharī):

Yakṣa-vidya-dharī là Sứ Giả của **Dược Xoa Trì Minh** (Yakṣa-vidya-dhara)

Tôn Hình: Thân màu thịt, trên lòng bàn tay phải có một cái chày Độc Cổ dựng đứng, quỳ gối ngồi trên toà tròn (hình bên trên)

Chữ chủng tử là: RO (ཪོ)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.

Tướng Ấn là:Hai tay Nội Phộc, Ngón cái và ngón út cùng đè nhau, dựng thẳng ngón trỏ ngón giữa.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖨𑖨𑖿𑖌 𑖪𑖾𑖢𑖿𑖢𑖰𑖦𑖿𑖦 𑖪𑖓𑖿𑖔𑖪𑖿𑖢𑖪𑖿𑖕𑖪𑖲

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ YAKṢA-VIDYA-DHARĪ

24_ Dược Xoa Trì Minh (Yakṣa-vidya-dhara):

Yakṣa-vidya-dhara là một trong các vị Trì Minh Tiên, là quyến thuộc của Tăng Trưởng Thiên.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, đầu đội mão báu, cau mày trợn mắt giận dữ. Tay pải để ngang ngực cầm cây kiếm. Tay trái nắm quyền duỗi ngón cái, ngón út để trước eo. Giao ống chân ngồi trên toà tròn (hình ở giữa)

Chữ chủng tử là: YA (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

Tướng Ấn là: Hai tay Nội Phộc, dựng thẳng 2 ngón vô danh, hơi co hai ngón trỏ như hình móc câu.

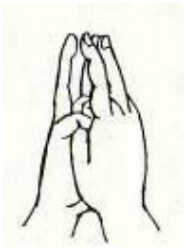

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖨𑖼𑖟𑖿𑖦𑖵𑖪

26_ Tăng Trưởng Thiên (Virūḍhaka):

Virūḍhaka dịch âm là Tỳ Lỗ Đà Ca. Lại xưng là Tỳ Lưu Đa Thiên, Tỳ Lưu Ly Thiên, Tỳ Lưu Đồ Ca Thiên, Tỳ Lâu Lặc Thiên, Tỳ Lâu Lặc Ca Thiên, Tỳ Lâu Lặc Xoa Thiên. Là một trong bốn vị Thiên Vương, một trong 20 Thiên, một trong 16 vị Thiện Thần. Lại xưng là Nam Phương Thiên

Tôn này là vị vua thống lãnh hàng **Cưu Bàn Trà** (Kumbhaṇḍha: Ung Hình Quỷ) và **Bế Lệ Đa** (Preta: Ngạ Quỷ) Ngài cư ngụ tại Thành Thiện Kiến thuộc Lưu Ly Đóa ở phía Nam núi Tu Di.

Do Ngài có Bản Thệ là làm tăng trưởng uy đức của mình và của người cho nên có Đức Phần làm cho vạn vật sinh trưởng và nuôi lớn căn lành cho các chúng sinh. Vì thế Ngài có tên là Tăng Trưởng Thiên Vương , vị Thần Thủ Hộ ở phương Nam

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình phẫn nộ, thân khoác giáp trụ, tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để cạnh eo (hình phía trái bên trên)

Chữ chủng tử là: VI (वि)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm, hoặc cây kích.

Tướng Ấn là:Tăng Trưởng Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖨𑖨𑖌𑖿𑖎𑖾𑖦𑖾𑖫𑖿𑖪𑖾𑖦𑖾𑖫𑖿𑖪𑖾𑖦𑖾𑖫𑖿𑖪

Tướng Ấn là: Tăng Trưởng Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖨𑖸𑖩𑖨𑖪𑖾𑖭𑖽𑖟𑖿𑖩𑖽𑖟𑖿𑖩𑖽𑖏𑖿𑖟𑖽𑖩𑖾𑖩𑖽𑖟𑖿𑖩𑖽𑖪

Chữ chủng tử là: NA (𑖦)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

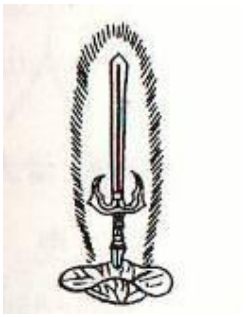

Thủ Ấn là **Chư Long Ấn**: Đem ngón tay phải hợp lưng bàn tay trái sao cho móng tay trụ trong lòng bàn tay trái, hướng tay trái về thân, triệu vời ba lần.

Chân Ngôn là:

𑖨𑖾𑖫𑖵𑖪𑖿𑖤𑖰𑖟𑖾𑖨𑖿𑖤𑖰𑖦𑖾𑖨𑖿𑖤𑖰𑖪𑖾𑖥𑖿𑖥𑖾

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ NANDOPANANDĀYA _ SVĀHĀ

hay 𑖨𑖾𑖫𑖵𑖪𑖿𑖤𑖰𑖟𑖾𑖨𑖿𑖤𑖰𑖪𑖾𑖥𑖿𑖥𑖾

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ NANDĀYA _ SVĀHĀ

29_ Ô Ba Nan Đà Long Vương (Upananda-nāga-rāja):

Upananda-nāga-rāja là em của Nan Đà Long Vương, cùng với Nan Đà Long Vương là Đại Hộ Pháp Long Vương của Phật Giáo.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây Rồng, trên đầu có 7 cái đầu Rồng.

Chữ chủng tử là: U (𑖌)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

_ Thủ Ấn là **Nan Đà Bạt Nan Đà Nhị Long Vương Ấn**:
Hai tay đều tự duỗi giương mười ngón, hai ngón cái cùng cài chéo nhau.
Ngón cái phải đè ở trên ngón cái trái, tức là **Nan Đà Long Vương Ấn**
Ngón cái trái để ở trên ngón cái phải tức là **Bạt Nan Đà Long Vương Ấn.**
Ấn này lại có tên là Cửu Đầu Long Ấn, Nhất Thiết Long Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖾𑖨𑖪𑖿 𑖥𑖨𑖽𑖟𑖿𑖠𑖽𑖟𑖿𑖠𑖪𑖟 𑖨𑖿𑖪𑖿
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ NANDOPANANDĀYA _ SVĀHĀ
hay 𑖌𑖾𑖨𑖪𑖿 𑖥𑖨𑖽𑖟𑖿𑖠𑖽𑖟𑖿𑖠𑖪𑖟 𑖨𑖿𑖪𑖿
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ UPANANDĀYA _ SVĀHĀ

30_ A Tu La (Asura):
Asura lại xưng là A Tố La, A Tô La, A Tố Lạc, A Tu Luân... Xưng lược là Tu La. Dịch ý là Phi Thiên, Bất Đoan Nghiêm, Phi Đồng Loại.
A Tu La là một trong các vị Thần cổ đại của Ấn Độ, là một trong tám Bộ Trời Rồng
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, tay trái để cạnh eo, dựng đầu gối phải, giao ống chân mà ngồi.

Chữ chủng tử là: A (𑖀)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

Tướng Ấn là: A Tu La Ấn.

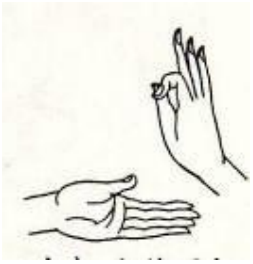

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖨𑖼𑖪𑖿𑖤𑖾𑖩𑖽𑖦𑖾𑖩𑖽𑖦𑖾𑖩𑖽𑖦

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ASURĀ GARALAYAṂ RAṬAṂ RAṬAṂ DHVAṂ TAṂ PRA_ A A PRĀ _SVĀHĀ

Hay 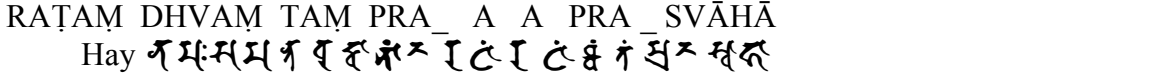

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ RAṬAṂ RAṬAṂ DHVAṂ TAṂ PRA _SVĀHĀ

32_ Diễm Ma Thiên (Yama):

Theo Ấn Độ Giáo thì Yama là vị Trời Dạ Ma, một vị Thần Quang Minh. Sau khi mất, Ngài vào cõi U Minh làm Chủ Tể của cõi Hắc Am chuyên phán xét tội ác của người chết nên có tên là Tử Vương. Ở Địa Ngục thì Yama chuyên cai trị Nam Tội Nhân, còn em gái là Yami chuyên cai trị Nữ tội nhân, nên được gọi là Song Vương. Hai anh em đều là con của **Nhật Thần** (Vivasvat) và **Thời Gian Thần** (Saranyu)

Do Yama chuyên trừng phạt cột trói tội nhân nên có tên là **Phộc Vương** (Bandha-rāja). Vì phán quyết và ngăn chận hạnh ác của những người bị đọa vào Địa Ngục nên có tên là Già Chỉ Vương hoặc Tịnh Tức Vương . Do Yama luôn thẩm vấn và phán xét tội nhân một cách vô tư nên có tên là **Bình Đẳng Vương** (Samatā-rāja).

Truyền Thuyết cho rằng: Yama nguyên là vị vua của xứ **Vệ Xá Li** (Vaiśali). Trong một trận chiến tranh đẫm máu, Ngài nguyện làm vua của Địa Ngục và được tái sinh làm Diêm Vương thống lãnh 18 Âm Cung, 8 vị Tướng Quân và 8000 ngục tốt. Ngài cư trú trong cái thành to lớn làm bằng 7 báu, ngang dọc 60 Do Tuần, thọ hưởng sự vui sướng vô thượng. Nhưng mỗi ngày 3 lần, Yama và các Tướng Sĩ phải chịu hình phạt bị đổ đồng sôi vào miệng cho đến khi đền trả hết tội ác. Do Yama nhận chịu cả 2 Quả Báo sướng khổ nên có tên là Song Vương.

Sau này tuy Mật Giáo ghi nhận Ya Ma vào Thiên Bộ là **Diễm Ma Thiên** (Yama-deva) nhưng Giáo Đồ Phật Giáo vẫn xem Ngài là Thủy Tổ của Thế Giới Quỷ, Tổng Quản của Âm Giới, Thần Chủ của Địa Ngục ở núi Thiết Vi. Thuộc Hạ thân cận của Ngài là Hắc Ám Thiên Nữ, Thái Sơn Phủ Quân và 2 vị Thần chuyên ghi chép việc Thiện Ác có tên chung là Song Đồng.

Yama-rāja là một trong 8 vị Trời Hộ Thế, một trong 20 Thiên, một trong 12 Thiên. Là vua của chúng Quỷ

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình phẫn nộ, tay trái cầm cây gậy đầu người, tay phải để trước ngực ngửa lòng bàn tay tác Dữ Nguyện Ấn. Ngồi trên con trâu trắng, buông rũ bàn chân trái (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: VAI (𑖯𑖰), hay YAṂ (𑖬𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy đầu người. Biểu thị cho nghĩa chúng sinh khó có thể được giải thoát mà thường hay bị nguy khốn ở cảnh giới Địa Ngục.

Tướng Ấn là: Đàn Noa Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖺𑖫𑖪𑖽𑖨𑖿𑖩𑖰𑖨𑖿𑖤𑖰𑖫𑖿𑖫𑖰𑖬𑖿𑖫𑖰𑖯𑖿𑖯𑖪𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ VAIVASVATĀYA SVĀHĀ

Hoặc Chân Ngôn là: (Trích trong Đà La Ni Tập Kinh)

𑖌𑖾 𑖬𑖫𑖰𑖪𑖿 𑖄𑖜𑖿 𑖯𑖜𑖿 𑖨𑖜𑖿𑖑 𑖨𑖪𑖿

OṂ_ YAMA-RĀJA UGRA-VĪRYA ĀGACCHA SVĀHĀ

33_ Hắc Ám Thiên Nữ (Kāla-rātrī):

Kāla-rātrī lại xưng là Hắc Dạ Thiên, Ám Dạ Thiên, thuộc một trong 7 vị Mẫu Thiên, là **hậu phi của Diêm Ma Vương**.

Tôn này có Bản Thệ là gia hộ cho chúng sinh tiêu trừ sự sợ hãi, lỗi lầm, tai vạ

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải ngửa lòng bàn tay, tay trái cầm cây gậy, đầu cây gậy là cái vòng, bên trong có hình đầu người. Giao hai ống chân mà ngồi, ngửa nhìn Diêm Ma Vương (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: KA (𑖏)

Tam Muội Gia Hình là: Cây phướng. Hay cây gậy, bên trên có cái vòng

Tướng Ấn là: Tay trái nắm quyền, dựng đứng ngón giữa.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖫𑖸𑖪𑖿𑖥𑖾𑖨𑖽𑖏𑖿𑖨𑖾𑖪𑖿𑖭𑖾𑖟𑖿𑖟𑖾𑖪𑖿𑖭𑖾𑖕𑖿𑖩𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ KĀLA-RĀTRĪYE SVĀHĀ

34_ Thái Sơn Phủ Quân (Citra-gupta):

Citra-gupta dịch âm là Chất Đa La Cấp Đa, dịch ý là Phụng Giáo Quan. Lại xưng là Thái Sơn Phủ Quân, hoặc xưng là Chất Đát La Cấp Đa Tấn Ngục Giả.

Trung Quốc gọi Tôn này là Chủ Ty Thần của Đông Nhạc Thái Sơn thuộc Minh Phủ.

Phật Giáo đem Thái Sơn Phủ Quân phối trí với vị thư ký của Diêm Ma Vương, ghi chép các nghiệp thiện ác của nhân gian, cũng là một trong 10 vị vua của Minh Giới (cõi âm) và xưng là Thái Sơn Vương

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây bút, tay trái cầm cây gậy Đàn Noa, đầu gậy có cái vòng, trong cái vòng hiện mặt người (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: CI (𑖌𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy đầu người.

Tướng Ấn là:Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖨𑖾𑖥𑖿𑖦𑖸𑖩𑖾𑖪𑖿𑖨𑖾𑖫𑖿𑖟𑖿𑖭𑖿𑖔𑖿𑖮𑖿𑖟𑖿𑖯

Chữ chủng tử là: MR (𑖨), hay RO (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông.

Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖡𑖾𑖫𑖪𑖽𑖟𑖿𑖦𑖾 𑖨𑖭𑖪𑖿𑖕𑖾 𑖧𑖭𑖿
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_MṚTYU-GAṆA_ SVĀHĀ
Hay 𑖡𑖾𑖫𑖪𑖽𑖟𑖿𑖦𑖾 𑖐𑖩𑖯𑖪𑖿𑖕𑖾 𑖧𑖭𑖿
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

36_ Đoạt Nhất Thiết Mệnh (Mṛtyu):
Mṛtyu là một trong các quyến thuộc của Diệm Ma Thiên
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói, tay phải cầm cái túi da, tay trái cầm hoa (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: MṚ (𑖨𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)

Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖨𑖫𑖌 𑖪𑖜𑖾𑖦𑖾 𑖨𑖽𑖬𑖾 𑖥𑖢𑖟

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_MṚTYU_ SVĀHĀ

Hay𑖌𑖾𑖨𑖫𑖌 𑖪𑖜𑖾𑖦𑖾 𑖐𑖫𑖪𑖟𑖌𑖦𑖾 𑖥𑖢𑖟

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

37_ Tỳ Xá Già (Piśāca):

Piśāca lại xưng là Tất Xá Già Quỷ, Tý Xa Giá Quỷ. Dịch ý là Quỷ ăn máu thịt, Quỷ ăn tinh khí con người, Quỷ điên cuồng, Quỷ hút máu.

Piśāca nguyên là ma quỷ trong thần thoại cổ xưa của Ấn Độ. Bụng của nó như biển xanh, cổ họng như cây kim... thường cùng với A Tu La, La Sát dắt díu nhau.

Trong Phật Giáo thì quỷ đói tức là loài quỷ này. Quỷ này ăn nuốt tinh khí của con người, ăn máu thịt là loại hơn hết trong hàng quỷ đói

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói, tay phải cầm một đoạn của cánh tay bị chặt đứt. Tay trái cầm vật khí chứa đầu máu (hình ở giữa)

Chữ chủng tử là: PI (𑖥)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)

Tướng Ấn là:Tỳ Xá Già Ấn (Mãn Nguyện Dương Trượng Ấn)

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖦𑖪 𑖥𑖽𑖩𑖰𑖪𑖽𑖦𑖾𑖨𑖽 𑖥𑖨𑖾𑖥𑖨𑖾 𑖧𑖭𑖽 𑖧𑖭𑖽

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

38_ Tỳ Xá Già (Piśāca):

Piśāca là loài quỷ ăn nuốt tinh khí của con người, là loài hơn hẳn trong hàng quỷ đói

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói, tay trái cầm một đoạn của cánh tay bị chặt đứt. Tay phải nâng vật khí chứa đầy máu (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: PI (𑖥)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)

Tướng Ấn là:Tỳ Xá Già Ấn (Mãn Nguyện Dương Trượng Ấn)

Chân Ngôn là:

𑖨𑖾𑖰𑖪𑖾𑖯𑖿𑖦𑖵𑖟𑖿𑖨𑖼𑖪𑖨𑖨𑖽𑖟𑖿𑖧𑖭𑖟

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

39_ Tỳ Xá Già (Piśāca):

Piśāca là loài quỷ ăn máu thịt, ăn nuốt tinh khí của con người.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói (hình 286)

Chữ chủng tử là: PI (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)

Tướng Ấn là:Tỳ Xá Già Ấn (Mãn Nguyện Dương Trượng Ấn)

Chân Ngôn là:

𑖨𑖾𑖰𑖪𑖾𑖯𑖿𑖦𑖵𑖟𑖿𑖨𑖼𑖪𑖨𑖨𑖽𑖟𑖿𑖧𑖭𑖟

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

40_ Tỳ Xá Gia (Piśāca):
Piśāca là loài quỷ ăn máu thịt, ăn nuốt tinh khí của con người.
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói (hình 287)

Chữ chủng tử là: PI (𑖥𑖿)
Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)

Tướng Ấn là:Tỳ Xá Già Ấn (Mãn Nguyện Dương Trượng Ấn)

Chân Ngôn là:
𑖦𑖾𑖨𑖸 𑖯𑖾𑖦𑖿𑖢𑖾 𑖦𑖿𑖢𑖲𑖥𑖾𑖦𑖾𑖨𑖾𑖨𑖸𑖪𑖾𑖨𑖸𑖪𑖾
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

41_ Tỳ Xá Già (Piśāca):
Piśāca là loài quỷ ăn máu thịt, ăn nuốt tinh khí của con người.
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói (hình 288)

Chữ chủng tử là: PI (𑖥)
Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)

Tướng Ấn là:Tỳ Xá Già Ấn (Mãn Nguyện Dương Trượng Ấn)

Chân Ngôn là:
𑖦𑖾𑖫𑖪𑖿𑖟𑖀𑖨𑖾𑖯𑖰𑖞𑖿𑖥𑖾𑖥𑖾𑖟𑖿𑖭𑖿𑖟𑖿
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

42_Tỳ Xá Già (Piśāca):
Piśāca là loài quỷ ăn máu thịt, ăn nuốt tinh khí của con người.
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói (hình 289)

Chữ chủng tử là: PI (𑖥)
Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)

Tướng Ấn là:Tỳ Xá Già Ấn (Mãn Nguyện Dương Trượng Ấn)

Chân Ngôn là:
𑖦𑖾𑖫𑖪𑖿𑖟𑖀𑖨𑖾𑖯𑖰𑖞𑖿𑖥𑖾𑖥𑖾𑖟𑖿𑖭𑖿𑖟𑖿
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

43_Tỳ Xá Già (Piśāca):

Piśāca là loài quỷ ăn máu thịt, ăn nuốt tinh khí của con người.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói, một tay cầm vật khí chứa đầy máu, một tay cầm một đoạn của cánh tay bị chặt đứt

Chữ chủng tử là: PI (𑖦𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)

Tướng Ấn là:Tỳ Xá Già Ấn (Mãn Nguyện Dương Trượng Ấn)

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖫𑖪𑖽 𑖯 𑖨𑖾𑖫𑖰𑖝𑖾𑖦𑖦𑖿𑖦𑖦𑖿𑖦 𑖧𑖾𑖫𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

44_ Tỳ Xá Già (Piśāca):

Piśāca là loài quỷ ăn máu thịt, ăn nuốt tinh khí của con người.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình quỷ đói, một tay cầm vật khí chứa đầy máu, một tay cầm một đoạn của cánh tay bị chặt đứt

Chữ chủng tử là: PI (𑖦𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)

Tướng Ấn là:Tỳ Xá Già Ấn (Mãn Nguyện Dương Trượng Ấn)

Chân Ngôn là:

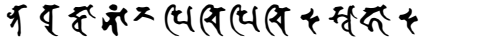

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

45_ Đồ Cát Ni (Ḍakiṇī):

Ḍakiṇī dịch âm là Noa Cát Trữ, Noa Chĩ Nễ, Đồ Kỳ Ni, Đồ Chỉ Ni, Đồ Cát Nễ, Đà Kỳ Ni, Tra Chỉ Ni... Dịch ý là Không Hành Mẫu.

Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 10 ghi nhận rằng: "Đồ Cát Ni là quyến thuộc của Đại Hắc Thiên, là một loài quỷ Dạ Xoa có sức Thần Thông, hay biết được kỳ hạn chết của con người trước 6 tháng, liền chuẩn bị trước để lấy trái tim của kẻ ấy mà ăn rồi thay thế bằng vật khác, cho đến khi người ấy mệnh chung thời bắt đầu thông báo điều hư hoại"

Người tu Pháp này có thể được Thần Thông , thành tựu lớn. Đức Đại Tỳ Lô Giá Na Phật vì trừ loài này cho nên dùng Pháp Môn của Giáng Phục Tam Thế hoá làm Đại Hắc Thần để thâu nhiếp khiến chúng quy mệnh Đức Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình quỷ đói, tay phải cầm cái bát, tay trái để trước ngực (Hình 292)

Chữ chủng tử là: DA (𑖣)
Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)

Tướng Ấn là: Đồ Cát Ni Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖡𑖾𑖫𑖾𑖪𑖿𑖨𑖿𑖤𑖾𑖦𑖿𑖢𑖾𑖦𑖿𑖥𑖾𑖪𑖿𑖫𑖿𑖟𑖾𑖫𑖿𑖣𑖿𑖣𑖾𑖪𑖿𑖣𑖿𑖣𑖾𑖪𑖿𑖫𑖿𑖟𑖾𑖫

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)

Tướng Ấn là: Đồ Cát Ni Ấn.

Chân Ngôn là:

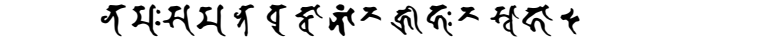

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ HRĪḤ HAḤ_ SVĀHĀ

47_ Đồ Cát Ni (Ḍakiṇī):

Ḍakiṇī là loài quỷ Dạ Xoa

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, hiện hình quỷ đói, tay phải nâng cái bát, tay trái cầm con dao (Hình 294)

Chữ chủng tử là: DA ()

Tam Muội Gia Hình là: Kiếp Ba (Kapāla:cái bát)

Tướng Ấn là: Đồ Cát Ni Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖨𑖼𑖪𑖿𑖟𑖾𑖦𑖽𑖨𑖿𑖩𑖾𑖪𑖽𑖨𑖿𑖩𑖾𑖨𑖽𑖨𑖿𑖩𑖾𑖨𑖽𑖨𑖿𑖩𑖾𑖨

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình đồng tử, tay trái cầm cái túi da thú, tay phải cầm cây gậy (bổng)

Chữ chủng tử là: SI (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông.

Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.

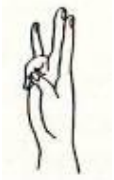

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖥𑖸𑖪𑖿𑖟𑖾𑖩𑖿𑖩𑖽𑖨𑖾𑖪𑖿𑖟𑖾

Chữ chủng tử là: SI (𑖦𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông.

Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.

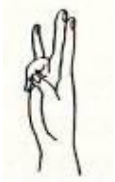

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖨𑖸𑖥𑖿𑖦𑖾𑖪𑖰𑖟𑖿𑖤𑖿𑖟𑖾𑖪𑖰𑖟𑖿𑖤𑖿𑖟𑖾𑖨𑖸𑖥𑖿𑖦

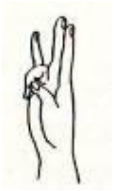

Chân Ngôn là:

ན་མ་སམ་ན་ད་ཧ་ནཱ་ཧཱ་ཎཱ་ཾ་གུ་ཡཱ་ཡཱ་ཧཱ་ཎཱ་ཾ་ཧཱ་ཎཱ་ཾ་ཤྭཱ་ཧཱ།

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ GU Ī _ GU I _ MAṂ SAṂTE _ BHUTĀNĀṂ _ SVĀHĀ

Hay ན་མ་སམ་ན་ད་ཧ་ནཱ་ཧཱ་ཎཱ་ཾ་གུ་ཡཱ་ཡཱ་ཧཱ་ཎཱ་ཾ་ས་ནེ་ཤྭཱ་ཧཱ།

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ GU Ī _ GU I _ MAṂ SANE _ SVĀHĀ

52_Trì Minh Thành Tựu Tiên Chúng (Siddha-vidya-dhara):

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình đồng tử, tay trái cầm cái túi da thú

Chữ chủng tử là: SI (ཤི)

Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông.

Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.

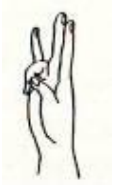

Chân Ngôn là:

ན་མ་སམ་ན་ད་ཧ་ནཱ་ཧཱ་ཎཱ་ཾ་གུ་ཡཱ་ཡཱ་ཧཱ་ཎཱ་ཾ་ཧཱ་ཎཱ་ཾ་ཤྭཱ་ཧཱ།

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ GU Ī _ GU I _ MAṂ SAṂTE _ BHUTĀNĀṂ _ SVĀHĀ

Hay ན་མ་སམ་ན་ད་ཧ་ནཱ་ཧཱ་ཎཱ་ཾ་གུ་ཡཱ་ཡཱ་ཧཱ་ཎཱ་ཾ་ས་ནེ་ཤྭཱ་ཧཱ།

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ GU Ī _ GU I _ MAṂ SANE _ SVĀHĀ

53_ Ma Ni A Tu La (Bandhirasura):

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để ngang eo (hình ở giữa).

Chữ chủng tử là: BA (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖥𑖾𑖥𑖪𑖯𑖿𑖨𑖽𑖨𑖨𑖫𑖫𑖭𑖿𑖨𑖽𑖥𑖾𑖫𑖯𑖪𑖪𑖫𑖪𑖿𑖨𑖽𑖨𑖪𑖪𑖿𑖨𑖽𑖨𑖪𑖪𑖿𑖨𑖽𑖨𑖪

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay phải cầm cây gậy, đầu gậy là nửa vành trăng (hình bên trái).

Chữ chủng tử là: BA (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖢𑖾𑖩𑖽𑖪𑖿𑖨𑖾𑖨𑖾𑖨𑖍𑖟𑖿𑖢𑖾𑖪𑖿𑖦𑖾𑖟𑖿𑖨𑖾𑖫𑖿𑖭𑖿

Chữ chủng tử là: BA (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖪𑖽 𑖧𑖭𑖰𑖫𑖪𑖽𑖫𑖪𑖽𑖪𑖿𑖭𑖨

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖦𑖼𑖪𑖿𑖨𑖾𑖦𑖼𑖪𑖿𑖨𑖾𑖦𑖼𑖪𑖿𑖨

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây kích Độc Cổ (hình bên phải).

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy. Hoặc cây kích.

Tướng Ấn là: A Tu La Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖌𑖼𑖟𑖿𑖦𑖨𑖽𑖥𑖨𑖿𑖪𑖿𑖨𑖽𑖫𑖿𑖨𑖽𑖫𑖿𑖢𑖿𑖥𑖽𑖥𑖨𑖿𑖥𑖨𑖽𑖫𑖨𑖨𑖿𑖢

Bồ Tát Tòng Đâu Suất Thiên Giáng Thần Mẫu Thai Thuyết Quảng Phổ Kinh, quyển 7 lại ghi rằng: "Kim Xí Điểu Vương có thân dài tám ngàn do tuần, hai cánh, mỗi cánh dài bốn ngàn do tuần, dùng Rồng làm thức ăn"

Tôn Hình: Thân người đầu chim có hai cánh chim sau lưng, màu vàng ròng, hai tay cầm nắm các con Rồng.

Chữ chủng tử là: GA (𑖜)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (ống sáo).

Tướng Ấn là: **Ca Lâu La Ấn**, lại gọi là Kim Xí Điểu Vương Ấn. Hai ngón cái giao quấn nhau, giương mở hai bàn tay như thế xoải cánh, kết hình của Kim Xí Điểu, động ba lần như dạng bay.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖦𑖿𑖨𑖪𑖿𑖥𑖽

OṂ_ KṢIPA SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖼 𑖦𑖯 𑖥𑖽

OṂ_ PAKṢA SVĀHĀ

_Bản khác dùng Chân Ngôn là:

𑖀𑖾𑖥𑖢𑖾 𑖥𑖨𑖪𑖿𑖠𑖾𑖨𑖿𑖦𑖾𑖟𑖾𑖨𑖿𑖦𑖾𑖟𑖾𑖨𑖿𑖦𑖾𑖟

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖦 𑖨𑖿𑖪𑖾

OṂ_ KṢIPA SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖼 𑖦𑖯 𑖨𑖿𑖪𑖾

OṂ_ PAKṢA SVĀHĀ

61_ Ca Lâu La Nữ (Garuḍī):

Garuḍī là một trong 8 Bộ Trời Rồng

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, thân người đầu chim, trương cánh, cầm vỏ ốc (Pháp Loa) nhìn ngó thổi loa (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: GA (𑖜)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (Pháp Loa Bối: vỏ sò).

Tướng Ấn là: Ca Lâu La Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼𑖦 𑖨𑖿𑖪𑖾

OṂ_ KṢIPA SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖼 𑖦𑖯 𑖨𑖿𑖪𑖾

OṂ_ PAKṢA SVĀHĀ

62_ Cưu Bàn Đồ (Kuṃbhaṇḍa):

Kuṃbhaṇḍa dịch âm là Câu Bàn Đồ, Cứu Bàn Đồ, Cung Bàn Đồ, Cưu Mãn Noa... dịch ý là Ung Hình Quỷ, Đông Qua Quỷ, Yểm Mỵ Quỷ. Là một trong hai bộ tộc Quỷ của Tăng Trưởng Thiên Vương. Đôi khi loài Cưu Bàn Trà có mình người đầu ngựa và còn gọi là Dược Thần

Tôn Hình: Thân màu thịt, thân người đầu ngựa, để cái trống trước bụng, hai tay đánh vỗ

Chữ chủng tử là: KU ( )

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (cái trống).

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

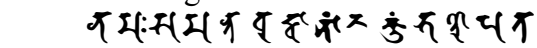

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ KUṂBHAṆḌA-PATAYE_ SVĀHĀ

63_ Cưu Bàn Đồ (Kuṃbhaṇḍa):

Kuṃbhaṇḍa là quyến thuộc của Tăng Trưởng Thiên Vương

Tôn Hình: Thân màu thịt, thân người đầu ngựa, hai tay cầm cái nạo bạt, đánh vỗ

Chữ chủng tử là: KU (𑖓)
Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (cái nạo bạt).

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng

Chân Ngôn là:
𑖡𑖾𑖫𑖪𑖨𑖿𑖦𑖽𑖟𑖨𑖿𑖨𑖽𑖦

Tướng Ấn là: Đao Ấn.

Chân Ngôn là:

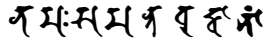

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RĀKṢASĀDHIPATAYE SVĀHĀ

65_ La Sát Đồng Nữ (Rākṣasī):

Rākṣasī là quyến thuộc của La Sát Thiên

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình đồng nữ

Chữ chủng tử là: RA ()

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy.

Tướng Ấn là: La Sát Nữ Ấn.

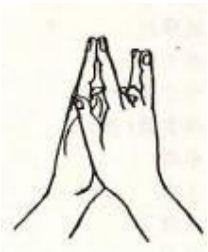

Chân Ngôn là:

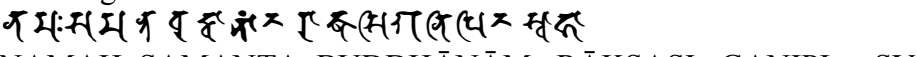

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RĀKṢASI GANIPI - SVĀHĀ

_ Phương Tây có 48 Tôn thuộc nhóm La Sát Thiên, Thủy Thiên, Đại Tự Tại Thiên…(dãy bên dưới, từ phải qua trái)

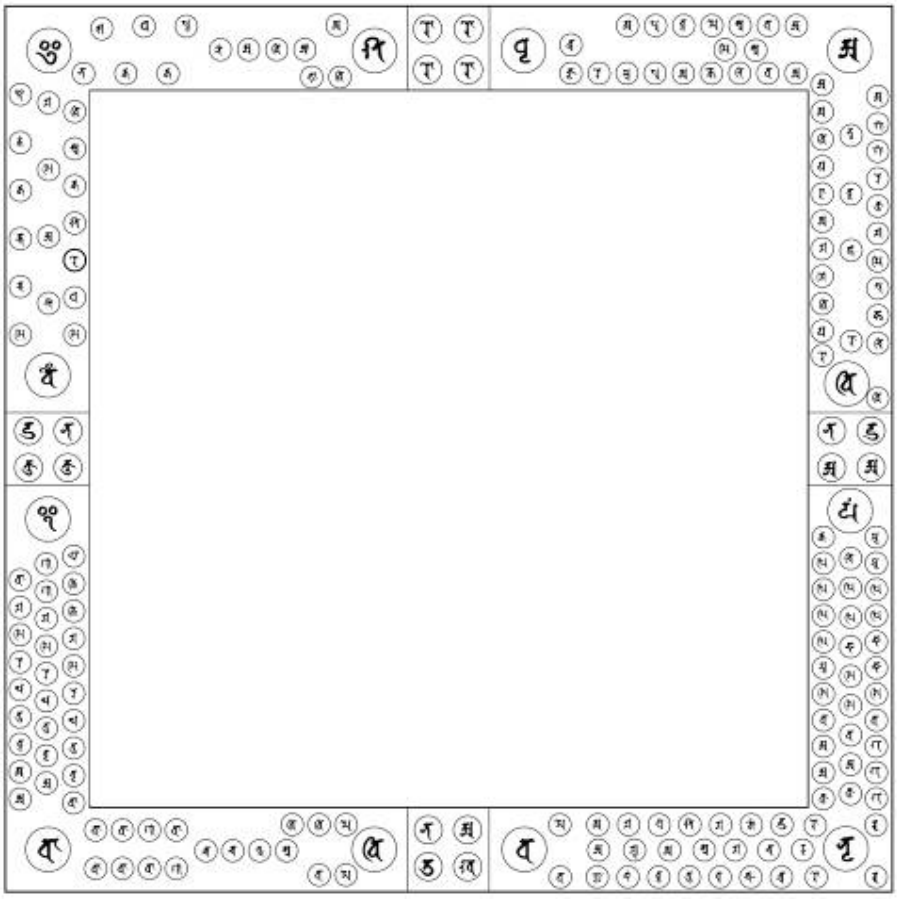

1_ Niết Lý Để Vương ( )
2_ La Sát Nữ ( )
3_ La Sát Nư õ ( )
4_ Đại Tự Tại Thiên ( )
5_ Đại Tự Tại Thiên Phi ( )
6_ Phạm Thiên Nữ ()
7_ Đế Thích Nữ ( )
8_ Cưu Ma Lợi ( )
9_ Giá Văn Trà ( )
10_ Ma Noa Xá (nữ) ()
11_ Ma Noa Xá (nam) ( )
12_ Thuỷ Diệu ( )
13_ Thổ Diệu ( )

14_ Nguyệt Diệu (𑖭)
15_ Xứng Cung (𑖮)
16_ Yết Trùng Cung (𑖯)
17_ Cung Cung (𑖰)
18_ Nữ Tú (𑖱)
19_ Ngưu Tú (𑖲)
20_ Đẩu Tú (𑖳)
21_ Vĩ Tú (𑖴)
22_ Cơ Tú (𑖵)
23_ Phòng Tú (𑖶)
24_ Tâm Tú (𑖷)
25_ Thuỷ Thiên Quyến Thuộc (𑖸)
26_ Thuỷ Thiên (𑖹)
27_ Nan Đà Long Vương (𑖺)
28_ Ô Ba Nan Đà Long Vương (𑖻)
29_ Đối Diện Thiên (𑖼)
30_ Nan Phá Thiên (𑖽)
31_ Quảng Mục Thiên (𑖾)
32_ Thuỷ Thiên (𑖿)
33_ Thuỷ Thiên Phi (𑗀)
34_ Thuỷ Thiên Phi Quyến Thuộc (𑗁)
35_ Na La Diên Thiên (𑗂)
36_ Na La Diên Thiên Phi (𑗃)
37_ Biện Tài Thiên (𑗄)
38_ Cưu Ma La Thiên (𑗅)
39_ Nguyệt Thiên (𑗆)
40_ Nguyệt Thiên Phi (𑗇)
41_ Cổ Thiên (𑗈)
42_ Ca Thiên (𑗉)
43_ Ca Thiên (𑗊)
44_ Nhạc Thiên (𑗋)
45_ Phong Thiên Phi (𑗌)
46_ Phong Thiên Quyến Thuộc (𑗍)
47_ Phong Thiên Quyến Thuộc (𑗎)
48_ Phong Thiên (𑗏)

1_ Niết Lý Để Vương (Nirṛtiḥ):

Nirṛtiḥ dịch âm là Niết Lý Để, Niết Lý Đế, Nễ Lý Để. Tức La Sát Thiên thuộc 8 Phương Thiên, một trong 20 Thiên.

Tôn hình: Thân màu thịt đỏ, trợn mắt nhìn áo giáp. Hướng cánh tay trái ra bên ngoài, đem ngón cái vịn ngón út ngón vô danh, dựng ngón trỏ ngón giữa, tác Đao Ấn. Tay phải cầm cây kiếm để cạnh eo, ngồi trên đài tròn.

Chữ chủng tử là: NṚ (𑖦) hay RĀ (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: cây kiếm

Tướng Ấn là: Đao Ấn Tay phải nắm quyền an ở eo phải. Tay trái dựng đứng năm ngón dính nhau, lóng giữa của Địa Thủy (ngón út và ngón vô danh), đem đầu ngón Không (ngón cái) đè móng Địa Thủy (ngón út và ngón vô danh) liền thành.

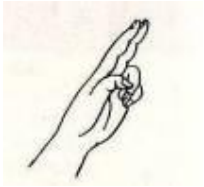

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖨𑖪𑖿𑖟𑖸𑖦𑖿𑖨𑖽 𑖢𑖿𑖨𑖰𑖫𑖿𑖟𑖽 𑖨𑖾𑖪𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RĀKṢASA ADHIPATAYE_ SVĀHĀ

Hay 𑖡𑖾𑖨𑖪𑖿𑖟𑖸𑖦𑖿𑖨𑖽 𑖃𑖦𑖿𑖩𑖽 𑖨𑖾𑖪𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_NAIRṚTYE_ SVĀHĀ

Hay 𑖡𑖾𑖨𑖪𑖿𑖟𑖸𑖦𑖿𑖨𑖽 𑖦𑖿𑖩𑖽 𑖨𑖾𑖪𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NṚTYE SVĀHĀ

2_ La Sát Nữ (Rākṣasī):

La Sát (Rākṣasa) là tên gọi loài quỷ ác. Lại gọi là La Sát Sa, La Xoa Sa, A Lạc Sát Sa. Dịch ý là Khả Uý (đáng sợ), Tốc Tật Quỷ, Hộ Giả. Nữ La Sát là **La Sát Tư** (Rākṣasī), La Sát Kỳ.

Ràksasì là một trong hai nữ La Sát tuỳ tòng Niết Lý Đế Vương

Tôn hình: Thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ, tay trái cầm vật khí chứa đầy máu, quỳ thẳng lưng trên toà (hình bên trái, phía trên)

Chữ chủng tử là: RO (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: cây Kiếm

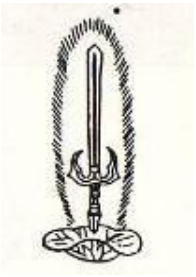

Tướng Ấn là: La Sát Nữ Ấn

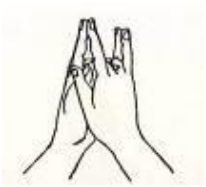

Chân Ngôn là:
𑖡𑖾𑖫𑖾𑖪 𑖯𑖰𑖫𑖰𑖟𑖾𑖦𑖰𑖨𑖾𑖪 𑖪𑖨𑖾𑖫𑖪𑖾𑖫𑖾𑖪𑖾𑖫𑖾𑖪 𑖫𑖾𑖨𑖾

Tam Muội Gia Hình là: cây Kiếm

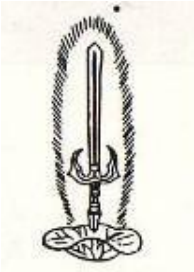

Tướng Ấn là: La Sát Nữ Ấn

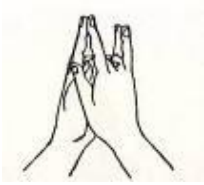

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ RĀKṢASI-GAṆIMI SVĀHĀ

4_ Đại Tự Tại Thiên (Maheśvara):

Maheśvara dịch âm là Ma Ê Thủ La, Mạc Ê Y Thấp Phạt La. Lại gọi là Tự Tại Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Thiên Chủ.

Vị Trời này nguyên là Thần Chủ **Thấp Bà** (Śiva) của Bà La Môn Giáo và xưng tán vị Trời này là Bản Thể của Thế Giới. Tất cả vật Hữu Mệnh hoặc Vô Mệnh trong Tam Giới đều do Ma Hê Thủ La Thiên sinh ra.

Lại dùng Thân của Ma Hê Thủ La mà nói: Hư Không là cái đầu, Đất là cái thân,Nước là thứ tiểu tiện, tất cả Chúng Sinh là loài trùng trong bụng, Gió là mạng sống, Lửa là hơi ấm, Tội Phước là nghiệp, tất cả Sinh Diệt Niết Bàn đều là Ma Hê Thủ La

Phàm tất cả sự vui buồn sướng khổ của Nhân Gian đều do vị Trời này. Lúc vị Trời này vui thì tất cả chúng sinh đều được an lạc. Khi vị Trời này giận thì chúng Ma hiện ra, đất nước nhiễu loạn, tất cả Chúng Sinh đều tùy theo mà chịu khổ. Nếu Thế Giới này đoạn diệt thì tất cả vạn vật cùng quy vào trong Trời Đại Tự Tại. Sự tận diệt này là cách thức biểu hiện của Đại Tự Tại Thiên Thần.

Xong trừ sát thương, bạo ác… là tính cách bên ngoài. Vị Thiên này cũng có đủ tính cách cứu hộ trị liệu nên dùng diện mạo của vị Thần Cát Tường để hiện ra.

Sau này, khi đã du nhập vào Phật Giáo thì vị Thần **Thấp Bà** (Śiva) liền trở thành vị Thần Hộ Pháp của Phật Giáo. Ngài là vị Thần có uy lực to lớn, biết rõ lượng nước mưa của Đại Thiên Thế Giới và cư ngụ tại Trời Tứ Thiền thuộc **Sắc Phạm Thiên Giới** (Rūpa-brāhma-loka)

Tôn hình: Thân màu tím đen, một mặt ba mắt, trên mão báu có nửa vành trăng ngửa, ngồi trên con trâu, buông thõng ống chân trái xuống dưới, tay trái cầm cây kích Tam Cổ (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: RU (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Tam Cổ.

Tướng Ấn là: Đại Tự Tại Thiên Ấn

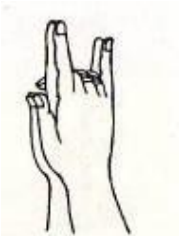

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖫𑖦𑖪𑖨𑖽𑖯 𑖌𑖫𑖕𑖿𑖪𑖾𑖫 𑖦𑖾𑖬𑖾

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ OṂ MAHEŚVARĀYA _ SVĀHĀ

Hay 𑖌𑖫 𑖡𑖍𑖕𑖾 𑖫𑖕𑖿𑖪𑖾𑖫 𑖦𑖾𑖬𑖾

OṂ_ EHYEHI MAHEŚVARĀYA _ SVĀHĀ

5_ Đại Tự Tại Thiên Phi (Uma):

Uma nguyên là Tôn được sùng bái đặc biệt của Bà La Môn Giáo Thần Phi Phái thuộc Ấn Độ cổ đại. Lại xưng là **Đỗ Nhĩ Gia** (Durgā) hoặc **Tuyết Sơn Thần Nữ** (Pārvati). Trong thần thoại Ấn Độ thì Ô Ma Phi có đầy đủ sức Thần Lực lớn, thường nhận lời thỉnh cầu của chư Thiên đánh lui A Tu La Thiên mà hiển hiện hình tượng 10 cánh tay, tóc rối loạn, cỡi sư tử, chặt đầu giết A Tu La Vương.

Sau này khi du nhập vào Mật Giáo thời sức uy thần chẳng có đủ như xưa, được ghi nhận là Phi của Đại Tự Tại Thiên, mẹ của **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka).

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, cỡi con dê, tay trái cầm cây kích Tam Cổ (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: U (𑖌𑖼)
Tam Muội Gia Hình là: Cái bát

Tướng Ấn là: Đại Tự Tại Thiên Phi Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖡𑖾𑖢𑖸𑖪𑖿 𑖦𑖪𑖾𑖢𑖸𑖪𑖿𑖨𑖾𑖢𑖸𑖪𑖿 𑖌𑖪𑖾𑖨𑖾 𑖥𑖪𑖾𑖨𑖾 𑖥𑖾𑖩𑖾
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ UMA JAMI SVĀHĀ
Hay 𑖡𑖾𑖢𑖸𑖪𑖿 𑖦𑖪𑖾𑖢𑖸𑖪𑖿𑖨𑖾𑖢𑖸𑖪𑖿 𑖌𑖪𑖾𑖧𑖿𑖨𑖾 𑖥𑖾𑖩𑖾
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ UMA-DEVI SVĀHĀ

6_ Phạm Thiên Nữ (Brāhmī):

Brāhmī dịch âm là Một La Hám Nhĩ, Mạt La Hứ Nhĩ, Mạt La Nhĩ…tức là vợ của Phạm Thiên. Lại xưng là Phạm Thiên Phi, Phạm Thiên Hậu hoặc Đại Phạm Minh Phi.

Phạm Thiên (Brahma) vốn trong sạch lìa Dục nên không có Phi Hậu. Do đó xưng **Phi** trong Mật Giáo tức đại biểu có Đức thuộc tính nữ của Phạm Thiên.

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, tay phải co cánh tay nắm quyền, tay trái co cánh tay để ngang ngực cầm hoa sen (hình bên dưới)

Chữ chủng tử là: BRA (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa nở.

Tướng Ấn là: Phạm Thiên Nữ Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖾𑖫𑖫𑖿𑖪𑖨𑖽𑖟𑖿𑖦𑖸𑖼 𑖧𑖭𑖿𑖦𑖪𑖨𑖸𑖼 𑖧𑖭𑖿𑖪𑖰𑖼𑖟𑖸
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ PRAJĀPATAYE_ SVĀHĀ

7_ Đế Thích Nữ (Aindrī):
Aindrī là nữ của Đế Thích Thiên, một trong 7 Mẫu Nữ Thiên
Tôn hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen búp nụ, ngửa lòng bàn tay trái lên trên (hình bên trên)

Chữ chủng tử là: AI (𑖡)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen búp nụ.

Tướng Ấn là: Nhẫn Ba La Mật Ấn.

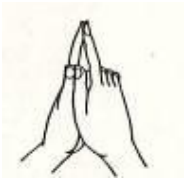

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ŚAKRĀYA - SVĀHĀ

8_ Cưu Ma Lợi (Kaumārī):

Kaumārī lại xưng là Câu Ma Lợi Thiên, Câu Ma La Thiên, Kiêu Ma Lợi Thiên. Là một trong các quyến thuộc của Đại Tự Tại Thiên, một trong 7 Mẫu Nữ Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm cây thương, tay phải nắm quyền (hình bên phải)

Chữ chủng tử là:KAU ()

Tam Muội Gia Hình là: cây kích Độc Cổ.

Tướng Ấn là: Cưu Ma Lợi Ấn.

Chân Ngôn là:

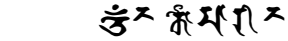

OṂ _ KAUMĀRĪ _ SVĀHĀ

9_ Giá Văn Trà (Cāmuṇḍā):

Cāmuṇḍa dịch âm là Tả Muộn Noa, Giả Môn Noa, Già Muộn Noa... tức Tật Đố Nữ, Nộ Thần. Là quyến thuộc của Diễm Ma Thiên, người đứng đầu trong 7 Mẫu Nữ Thiên.

Tôn hình: Thân người đầu heo, thân màu đen đỏ. Tay phải cầm đầu lâu và cái bát. Tay trái nắm quyền để ở đầu gối (hình ở giữa)

Chữ chủng tử là: CA ()

Tam Muội Gia Hình là: Xương đầu lâu.

Tướng Ấn là: Giá Văn Trà Ấn

Chân Ngôn là:

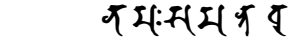

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ CĀMUṆḌĀYE _ SVĀHĀ

10_ Ma Noa Xá (nữ) (Manusyā):

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái đè trên bắp đùi, nâng dựng tay phải để trước ngực (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: MA (𑖨) hoặc I (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Tay Ấn.

Tướng Ấn là: Độc Cổ Ấn.

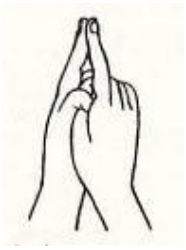

Chân Ngôn là:

𑖌𑖨𑖼𑖨𑖪𑖾𑖟𑖿𑖦𑖼𑖰𑖼 𑖧𑖝 𑖆𑖭 𑖨𑖝 𑖨𑖞 𑖨𑖼 𑖮𑖿𑖪𑖾

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ICCHĀ PARAṂ MANO-MAYE ME SVĀHĀ

11_ Ma Noa Xá (nam) (Manusya):

Manusya dịch âm là Mạt Nô Sa, Ma Nô Xà, Ma Tước hoặc Ma Tước Sứ.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải co cánh tay ngửa lòng bàn tay, tay trái ngửa lòng bàn tay để trên đùi

Chữ chủng tử là: MA (𑖨) hoặc I (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Tay Ấn.

Tướng Ấn là: Độc Cổ Ấn.

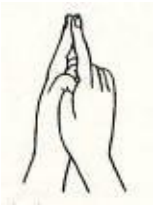

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖨𑖪𑖿𑖤𑖰𑖟𑖸𑖽𑖿𑖦𑖭𑖿𑖦𑖽𑖿𑖨𑖪𑖾𑖨𑖿𑖣𑖿

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ICCHĀ PARAṂ MANO-MAYE ME SVĀHĀ

12_ Thuỷ Diệu (Budha):

Budha là một trong 7 Diệu hoặc 9 Diệu. Lại xưng là Thuỷ Tinh, Trích Tinh, Thuỷ Đại Diệu, Thuỷ Tinh (tinh tuý của nước)

Tôn hình: Thân màu thịt, chắp hai tay lại, đầu đội mão báu **Tinh Nguyệt** (mặt trăng có ngôi sao), ngồi Bán Già.

Chữ chủng tử là: BU (𑖨𑖿)

Tam Muội Gia Hình là:Ngôi sao trên cái bình.

Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.

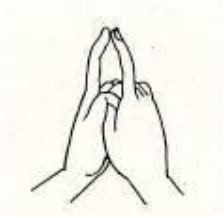

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖢𑖾𑖦𑖿𑖨𑖸𑖪𑖽𑖟𑖿𑖨𑖸𑖪𑖽𑖡𑖿𑖭𑖨𑖿𑖨𑖸𑖪𑖽𑖭𑖿𑖭𑖰𑖟𑖽𑖨𑖿𑖨𑖸𑖪𑖽𑖭𑖿𑖭𑖰𑖟𑖽𑖭𑖿𑖭𑖰𑖟𑖽𑖭𑖿𑖭𑖰𑖟

Chữ chủng tử là: ŚA (𑖪), hoặc PṚ (𑖥)

Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy Tiên.

Tướng Ấn là: Bát Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖨𑖸𑖪𑖨𑖿𑖭𑖰𑖟𑖾𑖦𑖿𑖯𑖰𑖦𑖿𑖭𑖨𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖭𑖨𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖭𑖨𑖿𑖪𑖾

Chữ chủng tử là: SU (𑖯), hay SĀ (𑖮)

Tam Muội Gia Hình là: Con thỏ trên nửa vành trăng.

Tướng Ấn là: Nguyệt Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖪𑖿 𑖥𑖿𑖨𑖰𑖫𑖾𑖦𑖿 𑖦𑖽𑖿 𑖨𑖽𑖭𑖪𑖾𑖫𑖾𑖦𑖿 𑖯𑖽𑖭𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖌𑖾𑖫𑖪𑖾𑖦𑖿 𑖯𑖽𑖭𑖿

OṂ_ SOMA-ŚRI_ SVĀHĀ

Hoặc 𑖌𑖿 𑖨𑖪𑖦𑖽𑖿 𑖦𑖽𑖿 𑖢𑖾𑖫𑖪 𑖨𑖽𑖨 𑖯𑖽𑖭𑖿

OṂ _ CANDRA-NAKṢATRA-RĀJĀYA (Danh vị…) ŚATRI _ SVĀHĀ

15_ Xứng Cung (Tulā-vimana):

Tulā-vimana là một trong 3 Cung ở phương Tây. Lại xưng là Xứng Lượng Cung, Thiên Xứng Cung.

Tôn hình: Thân màu thịt, hiện tướng Lão Tiên Nhân cởi trần. Tay trái để ngang ngực. Tay phải cầm cái cân

Chữ chủng tử là: TU (𑖢), hoặc JO (𑖮), hoặc RAḤ (𑖪𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖾𑖢𑖽 𑖢𑖼𑖤𑖦𑖽𑖨𑖼𑖫𑖽 𑖨𑖫𑖰𑖟𑖾
OṂ_ TULĀ-PATAYE_ SVĀHĀ

16_ Yết Trùng Cung (Vṛścika-vimana):
Vṛścika-vimana là một trong 3 cung ở phương Tây
Tôn hình: Thân màu đen đỏ, hiện hình bên ngoài của con Bò Cạp

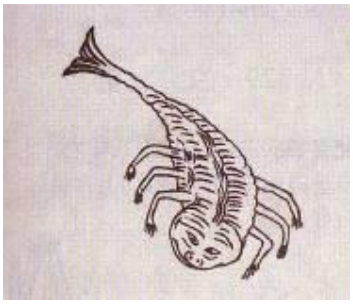

Chữ chủng tử là: VṚ (𑖯𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖾𑖯𑖽𑖨 𑖪𑖿𑖫𑖰𑖪𑖾𑖯𑖾 𑖮𑖭𑖿𑖨𑖾
OṂ_ VṚŚCIKA-PATAYE_ SVĀHĀ

17_ Cung Cung (Dhanu-vimana):
Dhanu-vimana là một trong 3 Cung ở phương Tây. Lại xưng là Nhân Mã Cung, Xạ Thần Chủ. Chủ về việc vui họp chợ được tiền.
Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm mũi tên, tay trái cầm cây cung, hiện tư thế Thiên Nhân đi bộ.

Chữ chủng tử là: DHAṂ (𑖥𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖥𑖦𑖪 𑖨𑖯𑖰𑖟𑖼 𑖮𑖿𑖣𑖿𑖤
OṂ_ DHANU-PATAYE_ SVĀHĀ

18_ Nữ Tú (Śravaṇā):
Śravaṇā là một trong 7 Tú ở phương Tây

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: ŚRA (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖫𑖿𑖪𑖿𑖦𑖽𑖌𑖿𑖦𑖾𑖌𑖿𑖪𑖿𑖦𑖽𑖌𑖿𑖪𑖿𑖦𑖽𑖌𑖿𑖪𑖿𑖦𑖽

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖼𑖪𑖿𑖨𑖽𑖦𑖿𑖩𑖽 𑖌𑖿𑖫𑖪 𑖦𑖾𑖫𑖿𑖫𑖼𑖪𑖽 𑖥𑖿𑖨𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖌𑖾𑖥𑖼𑖪𑖿𑖨𑖽𑖦𑖿𑖩𑖽 𑖥𑖿𑖨𑖾

OṂ _ AVṚJĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

20_ Đẩu Tú (Uttara-aṣādhā):

Uttara-aṣādhā là một trong 7 Tú ở phương Tây. Lại xưng là Đại Quang, hoặc Hậu A Sa Trà

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình chính giữa).

Chữ chủng tử là: MA (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖼𑖪𑖿𑖨𑖽𑖦𑖿𑖩𑖽 𑖌𑖿𑖫𑖪 𑖦𑖾𑖫𑖿𑖫𑖼𑖪𑖽 𑖥𑖿𑖨𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖌𑖾𑖨𑖽𑖪𑖿𑖤𑖰𑖨𑖿𑖮𑖾𑖪𑖿𑖨𑖽𑖪𑖿𑖮𑖾𑖪𑖿𑖥𑖾𑖩𑖰𑖟𑖿
OṂ _ UTTARA-ĀṢĀDHĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

21_ Vĩ Tú (Mūla):

Mūla dịch âm là Mâu Lam, Mộ La là một trong 7 Tú ở phương Tây. Lại xưng là Thần Thiên, Căn Nguyên Tú.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao, giao ống chân mà ngồi. (hình thứ ba đếm từ bên trái)

Chữ chủng tử là: MU (𑖦), hay ŚA (𑖬)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖨𑖽𑖪𑖿𑖤𑖰𑖨𑖿𑖮𑖾𑖪𑖿𑖨𑖽𑖪𑖿𑖮𑖾𑖪𑖿𑖥𑖾𑖩𑖰𑖟𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖌𑖾𑖦𑖽𑖪𑖿𑖮𑖾𑖪𑖿𑖥𑖾𑖩𑖰𑖟𑖿

OṂ _ MŪLA-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

22_ Cơ Tú (Pūrva-Āṣādhā):

Pūrva-Āṣādhā là một trong 7 Tú ở phương Tây

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (Hình thứ tư đếm từ bên trái)

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖥𑖾𑖪𑖿𑖨 𑖡𑖽𑖟 𑖢𑖾𑖦𑖩𑖾𑖥 𑖧𑖾𑖦𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖌𑖾 𑖥𑖿𑖢𑖾𑖪𑖽𑖫 𑖡𑖽𑖟𑖾 𑖧𑖾𑖦𑖿

OṂ _ PŪRVA-ĀṢĀDHĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

23_ Phòng Tú (Anurādhā):

Anurādhā là một trong 7 Tú ở phương tây

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình thứ nhất đếm từ bên trái)

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖨𑖼𑖪𑖿𑖤𑖾𑖨𑖽𑖦𑖾𑖌𑖿𑖫𑖾𑖦𑖽𑖫𑖾𑖨𑖼𑖪𑖿𑖤𑖾𑖨𑖽𑖦𑖾𑖌𑖿𑖫𑖾𑖦𑖽𑖫𑖾𑖨𑖼𑖪𑖿𑖤𑖾𑖨𑖽𑖦𑖾𑖌𑖿𑖫𑖾𑖦𑖽𑖫𑖾𑖨𑖼𑖪𑖿𑖤𑖾𑖨𑖽𑖦𑖾𑖌𑖿𑖫𑖾𑖦𑖽𑖫𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖌𑖾𑖨𑖼𑖪𑖿𑖤𑖾𑖨𑖽𑖦𑖾𑖌𑖿𑖫𑖾𑖦𑖽𑖫𑖾

OṂ _ ANURĀDHA-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

24_ Tâm Tú (Jyeṣṭhā):

Jyeṣṭhā là một trong 7 Tú ở phương Tây

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao (hình thứ hai đếm từ bên trái)

Chữ chủng tử là: JO (𑖖𑖼)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖫𑖖𑖿 𑖥𑖰𑖢𑖿𑖠𑖨𑖿𑖪𑖿 𑖌𑖕𑖿𑖪𑖿𑖢𑖿𑖭𑖿 𑖦𑖵𑖫𑖿𑖭𑖿𑖪𑖿𑖢𑖿𑖭𑖿𑖪𑖿 𑖥𑖨𑖿𑖪𑖿 𑖦𑖵𑖫𑖿𑖭𑖿𑖪𑖿 𑖥𑖨𑖿𑖪𑖿 𑖥𑖨𑖿𑖪𑖿 𑖥𑖨

26_ Thuỷ Thiên (Varuṇa):

Varuṇa dịch âm là Phộc Lỗ Noa, Phộc Lâu Na, Bà Lâu Na, Phạt Lâu Noa. là một trong 20 Thiên của Mật Giáo, một trong 8 Phương Tiên Hộ Thế.

Tôn này là vị Thần Hộ Thủ của phương Tây, là vua của loài Rồng. Nguyên là vị Thần ở Thiên Không của Bà La Môn Giáo thời Ấn Độ cổ xưa, chủ của sông nước, chủ quản Tế Tự, duy trì Đạo Đức.

Tôn hình: Thân màu tím đen. Tay trái để ngang ngực cầm hoa sen, trên sen có ngôi sao. Tay phải cầm cây kiếm (hình trên bên phải)

Chữ chủng tử là: VA (वं)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng (Long Sách).

Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

ཨོཾ་ བུ་དྷ་ཤྲཱི་ སྭཱཧཱ

OṂ_ BUDHA-ŚRI_ SVÀHÀ

Hay:

ནཿསམནྟ་བུདྡྷཱནཱཾ་ ཨཔཾཔཏཡེ་ སྭཱཧཱ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ APAṂPATAYE SVĀHĀ

27_ Nan Đà Long Vương (Nanda-nāga-rāja):

Nanda-nāga-rāja là một trong 8 vị Đại Long Vương, là vị Long Vương thủ hộ cực lớn trong Phật Giáo.

Vị Long Vương hay hay thuận ứng với tâm người, điều hoà mưa gió, rất được người đời vui vẻ cho nên có tên gọi là Hỷ Long Vương

Tôn hình: Thân màu thịt, trên đầu có 7 cái đầu Rồng. Tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây Rồng (Long Sách)

Chữ chủng tử là: NA (𑖦)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

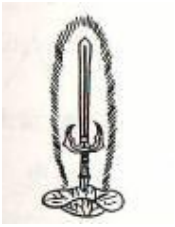

Thủ Ấn là **Chư Long Ấn**:

Chân Ngôn là:
𑖦𑖾𑖫𑖦𑖪𑖿𑖨𑖽𑖦𑖭𑖦𑖭𑖪𑖽𑖨𑖪𑖽𑖦𑖭𑖪𑖽𑖨𑖪𑖽𑖮𑖰𑖟𑖿
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ NANDOPANANDĀYA _ SVĀHĀ
hay 𑖦𑖾𑖫𑖦𑖪𑖿𑖨𑖽𑖦𑖭𑖪𑖽𑖮𑖰𑖟𑖿
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ NANDĀYA _ SVĀHĀ

28_ Ô Ba Nan Đà Long Vương (Upananda-nāga-rāja):

Upananda-nāga-rāja là em của Nan Đà Long Vương, là Đại Hộ Pháp Long Vương của Phật Giáo.

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây Rồng, trên đầu có 7 cái đầu Rồng.

Chữ chủng tử là: U (𑖌)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

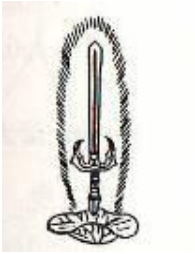

_ Thủ Ấn là **Nan Đà Bạt Nan Đà Nhị Long Vương Ấn**:

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖸𑖪𑖿𑖤 𑖥𑖨𑖿𑖦𑖰𑖨𑖿𑖦𑖰𑖟𑖿 𑖦𑖨𑖿𑖦𑖰𑖨𑖿𑖦𑖰𑖪𑖿𑖟𑖿 𑖪𑖿𑖟𑖿𑖦𑖰𑖪𑖿𑖟𑖿

Tướng Ấn là: Tương Hướng Thủ Hộ Ấn.

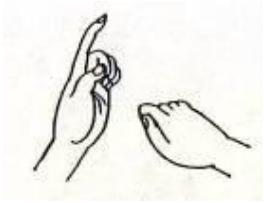

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖼𑖌𑖿𑖩𑖾𑖦𑖰𑖪𑖾𑖨𑖿𑖫

31_ Quảng Mục Thiên (Virūpākṣa):

Virūpākṣa dịch âm là Tỵ Lưu Ba Ha Xoa, Tỳ Lộ Ba Ha Khất Xoa, Tỳ Lâu Bà Xoa, Tỳ Lỗ Bạc Xoa, Tỳ Lâu Bác Xoa. Lại xưng là Ác Mục Thiên, Xú Mục Thiên, Tạp Ngữ Chủ Thiên, hoặc Phi Hảo Báo Thiên.

Do Ngài có Bản Thệ trừng phạt người có tội khiến họ phải gặp các điều cay đắng, sau đó mới có thể khởi Tâm Đạo nên Ngài thường dùng Thiên Nhãn Thanh Tịnh quán sát độ trì cho chúng sinh ở Diêm Phù Đề . Vì thế Ngài có tên là Quảng Mục Thiên Vương, vị Thần Thủ Hộ ở phương Tây

Tôn này là một trong 4 vị Thiên Vương, một trong 20 Thiên. một trong 16 vị Thiện Thần. Là vị vua thống lãnh hàng **Rồng** (Nāga) và **Phú Đan Na** (Pūtana: Xú Quỷ) Ngài cư ngụ tại thành Chu La Thiện Kiến thuộc Bạch Ngân Đóa ở phía Tây núi Tu Di

Tôn hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y, giáp trụ. Tay phải cầm cây kích Tam Cổ. Tay trái nắm quyền để trên đùi.

Chữ chủng tử là: VI (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Tam Cổ.

Tướng Ấn là: Quảng Mục Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸𑖪𑖿𑖦𑖾𑖨𑖰𑖫𑖾𑖢𑖿𑖤𑖪𑖿 𑖧𑖾𑖫𑖸𑖪𑖿 𑖪𑖭𑖿𑖨𑖰𑖥𑖭𑖿𑖤𑖪𑖿𑖫𑖾𑖢𑖿𑖤𑖪𑖿𑖫𑖾𑖢𑖿𑖤𑖪𑖿𑖫𑖾𑖢

Chữ chủng tử là: VA (𑖯), hoặc A (𑖀)
Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng.

Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖨𑖫𑖖𑖿𑖟𑖾𑖦𑖰𑖀𑖪𑖿𑖨𑖰𑖟𑖰 𑖥𑖽𑖩
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ APAṂPATAYE SVĀHĀ

33_ Thuỷ Thiên Phi (Varuṇanī):
Varuṇanī là Phi của Thuỷ Thiên
Tôn hình: Thân màu thịt vàng trắng, trên đầu có 9 cái đầu Rồng, tay phải cầm sợi dây Rồng, tay trái để trên đùi (hình chính giữa)

Chữ chủng tử là: ME (𑖦𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng.

Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖢𑖾𑖯𑖽 𑖥𑖢𑖾𑖢𑖾𑖯𑖽 𑖦𑖾𑖨𑖾𑖥𑖾𑖯𑖽 𑖧𑖾𑖪𑖽

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ APAṂPATAYE SVĀHĀ

34_ Thuỷ Thiên Phi Quyến Thuộc (Varuṇanī-parivāra):

Varuṇanī-parivāra là quyến thuộc của Thuỷ Thiên Phi.

Tôn hình: Thân màu thịt, trên đầu có 8 cái đầu Rồng, tay phải cầm cây kích, tay trái cầm sợi dây Rồng (hình bên trái phía dưới)

Chữ chủng tử là: ME (𑖦𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Rồng.

Tướng Ấn là: Thuỷ Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

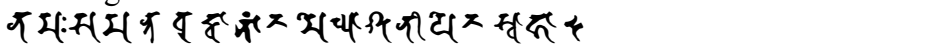

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ MEGHĀŚANĪYE SVĀHĀ

35_ Na La Diên Thiên (Nārāyaṇa):

Nārāyaṇa dịch ý là Kiên Cố Lực Sĩ, Kim Cương Lực Sĩ, Câu Toả Lực Sĩ, Nhân Trung Lực Sĩ, Nhân Sinh Bản Thiên. Lại xưng là Na La Diên Na Thiên, Na La Dã Noa Thiên.

Na La Diên (Nārāyaṇa) nguyên là vị Thần cổ xưa của Ấn Độ có sức mạnh to lớn. Đây là vị Trời trong **Dục Giới** (Kāma-loka). Lại xưng là **Tỳ Nữu Thiên** (Viṣṇu). Người muốn cầu có nhiều sức mạnh thì nên tinh thành cầu đảo cúng dường vị Trời này ắt được nhiều thần lực

Đại Nhật Kinh Sớ , quyển 10 cũng ghi nhận vị Trời này là tên riêng của Tỳ Nữu Thiên, là Hóa Thân của Đức Phật, thường cỡi con chim **Ca Lâu La** (Garuḍa: Kim Xí Điểu) du hành trong hư không.

Ấn Độ cổ đại thì xưng tán vị Trời này là Mẫu của Phạm Thiên và thường xướng tụng câu Chú " OṂ NAMO NĀRĀYAṆĀYA" ắt có thể bay lên Trời.

Sau khi du nhập vào Mật Giáo thì Tôn này và **Uế Tích Kim Cương** (Uchuṣma) được xưng chung là Nhị Vương Tôn, thủ hộ cửa chùa

Tôn hình: Thân màu xanh đen, cỡi chim Ca Lâu La, buông thõng bàn chân phải, để lòng bàn tay trái trên eo. Tay phải co lên trên, dựng ngón trỏ nâng một bánh xe. Thân có 3 mặt, mặt chính là mặt Bồ Tát có 3 con mắt, mặt bên phải là mặt voi trắng, mặt bên trái là mặt heo đen, đầu đội mão báu.

Chữ chủng tử là: VI (𑖪𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe vàng.

Tướng Ấn là: Na La Diên Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖨𑖯 𑖥𑖵𑖨𑖾𑖦𑖾𑖫𑖾𑖭𑖾𑖨𑖾𑖫𑖾𑖦𑖾𑖨𑖾𑖫𑖾𑖦𑖾𑖨𑖾𑖫𑖾𑖦

Chữ chủng tử là: VI (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe báu.

Tướng Ấn là: Nguyệt Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖸𑖨𑖿𑖦 𑖥𑖰𑖪𑖾 𑖪𑖿𑖪𑖾 𑖨𑖽𑖫𑖲

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ VIṢṆUVI_ SVĀHĀ

37_ Biện Tài Thiên (Sarasvatī):

Biện Tài Thiên Nữ (Sarasvati-Devī). Theo Ấn Độ Giáo và Bà La Môn Giáo cổ đại thì Tôn này là Văn Nghệ Thần Nữ. Lại còn gọi là Đại Biện Thiên, Đại Biện Tài Thiên Nữ, Đại Biện Tài Công Đức Thiên, Đại Thánh Biện Tài Thiên Thần, Diệu Âm Thiên, Mỹ Âm Thiên và gọi tắt là Biện Thiên.

Theo **Lê Câu Phệ Đà** (Rig-veda) thì Tôn này là tên gọi của con sông và là vị Thần Sông Rạch hay trừ uế cho con người; ban cho con người sự giàu có, tiền của, con cháu và sự dũng cảm.

Theo Phạm Thư và **Ma Ha Bà La Đa** (Sử Thi Mahā-Bharata) thì Tôn này là Ngôn Ngữ Thần Nữ. Sau này là vợ của Phạm Thiên tức là Nữ Thần của ngôn ngữ và tri thức. Tương truyền Tôn này là người sáng tạo ra Mẫu Tự Thiên Thành Thể và Phạn Ngữ, chưởng quản thi ca âm nhạc. Là người bảo hộ cho kẻ học nghệ thuật hòa tấu. Sau này lại là Nữ Thần của trí tuệ và hùng biện. Có lúc lại thấy Tôn này là vợ của Tỳ Thấp Noa (Viṣṇu) cùng với **Cát Tường Thiên Nữ** (Śrī-devī) đồng nhận Tín Ngưỡng phổ biến.

Khi du nhập vào Phật Giáo thì Tôn này là người thủ hộ thọ trì **Kinh Kim Quang Minh** (Suvarṇa-prabhāsottama-sutra)

Tôn hình:Thân màu thịt trắng, tay trái cầm cây đàn Tỳ Bà, tay phải búng gảy

Chữ chủng tử là: SU (𑖯), hoặc SA (𑖮)
Tam Muội Gia Hình là: Cây đàn Không Hầu

Tướng Ấn là: Diệu Âm Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖾𑖮𑖾𑖪𑖿𑖟𑖿𑖤𑖰𑖨𑖿𑖮𑖪𑖿𑖯𑖨𑖿𑖯𑖭
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ SARASVATYAI - SVĀHĀ

38_ Cưu Ma La Thiên (Kumāra):

Kumāra lại xưng là Cu Ma La Thiên, Cưu Ma La Già Thiên, Câu Ma La Thiên. Là một trong 20 Thiên hộ thế, tức là Phạm Thiên ở cõi Sơ Thiên. Do dung mạo như Đồng Tử nên có tên gọi này.

Tôn hình: Thân màu vàng, hiện hình Đồng Tử có 6 mặt. Tay phải cầm cây kích Tam Cổ, cỡi con Công

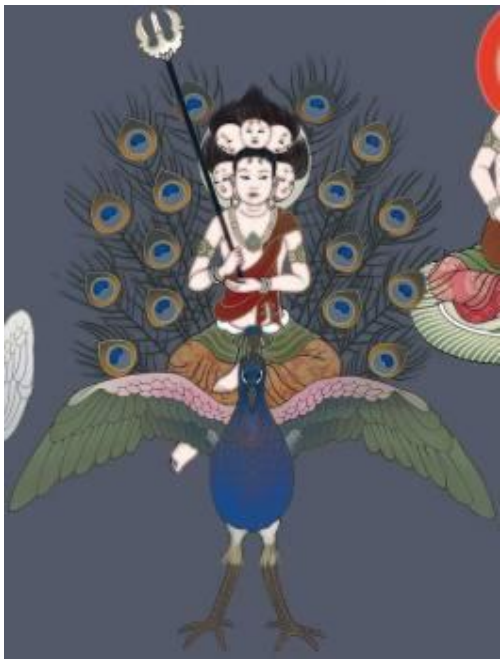

Chữ chủng tử là: SKA (𑖮𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Độc Cổ.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼:𑖦𑖪𑖌𑖿𑖨𑖾𑖦𑖿𑖦𑖿𑖦𑖿𑖕𑖿𑖦𑖾𑖦𑖨𑖿𑖫𑖾𑖦𑖿𑖫𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

39_ Nguyệt Thiên (Candra):

Candra dịch âm là Chiên Đà La, Chiến Đạt La. Lại xưng là Nguyệt Thiên Tử, Bảo Cát Tường Thiên Tử. Bà La Môn Giáo của Ấn Độ đã Thần Cách Hoá mặt trăng thành Nguyệt Thiên.

Tôn này là một trong 20 Thiên, một trong Thiên Bộ thủ hộ Phật Pháp

Tôn hình:Thân màu thịt trắng, ngồi trên ba con ngỗng. Tay trái để ngang ngực. Tay phải cầm cây gậy, đầu gậy có hình nửa mặt trăng

Chữ chủng tử là: (𑖢)

Tam Muội Gia Hình là: Cái bình màu trắng.

Tướng Ấn là: Nguyệt Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼𑖨𑖪𑖽𑖟𑖿𑖦𑖼𑖰 𑖪𑖿𑖭𑖨𑖰 𑖥𑖿𑖢𑖼

40_ Nguyệt Thiên Phi (Candra-parivārā):
Candra-parivārā là Phi của Nguyệt Thiên
Tôn hình: Thân màu thịt trắng, tay trái để trước ngực cầm hoa sen

Chữ chủng tử là: CA (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen xanh.

Tướng Ấn là: Nguyệt Thiên Ấn.

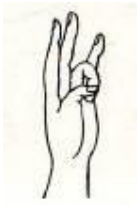

Chân Ngôn là:

𑖨𑖾𑖫𑖪𑖽 𑖥𑖵𑖦𑖽𑖨𑖾𑖫𑖽 𑖥𑖵𑖦𑖪𑖿𑖨𑖿𑖫𑖾𑖪𑖽 𑖪𑖽𑖫𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ CANDRA-PARIVĀRE SVĀHĀ

41_ Cổ Thiên (Vādya-devatā):

Tôn hình: Thân màu thịt, ngồi Kiết Già, để cái trống trên đùi, hai tay vỗ đánh (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: VĀ (𑖪𑖾), hoặc VI (𑖪𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (cái trống).

Tướng Ấn là: Hai tay tác Nội Phộc, dựng thẳng hai ngón trỏ.

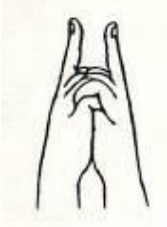

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖿𑖤𑖽 𑖪𑖿𑖨𑖰𑖟𑖿𑖠𑖽𑖨𑖿𑖦𑖰𑖝𑖿𑖝𑖽𑖨𑖿𑖦𑖰 𑖨𑖿𑖪𑖰𑖝𑖽𑖨𑖿𑖦𑖰 𑖨𑖿𑖪𑖰𑖝𑖽𑖨𑖿𑖦𑖰 𑖦

Chữ chủng tử là: GĪ (𑖖𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Ống sáo.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖫𑖨𑖿𑖦𑖭𑖿𑖫𑖪𑖫𑖽 𑖡𑖦𑖫𑖽𑖫𑖪𑖫𑖽 𑖡𑖪𑖿𑖌𑖾𑖫𑖭𑖽 𑖨𑖦𑖪

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_HAKHASANAṂ VIHASANAṂ_ KIṂNARĀNĀṂ _ SVĀHĀ

44_ Nhạc Thiên (Vādya-devatā):

Vādya-devatā là một trong các Nhạc Thiên, tấu nạo bạt

Tôn hình: Thân màu thịt, diễn tấu nạo bạt (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: VĀ (𑖯𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Cái Nạo Bạt

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖨𑖪𑖰𑖤𑖿𑖥𑖰𑖟𑖿𑖦𑖰𑖪𑖿𑖪𑖽 𑖯𑖭𑖨𑖟𑖿𑖦𑖽
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ VIŚUDDHĀ-SVARA VĀHINI SVĀHĀ

45_ Phong Thiên Phi (Vāyavī):
Vāyavī là Phi của Phong Thiên
Tôn hình:Thân màu thịt, tay phải cầm cây gậy, đầu gậy có cái túi nhỏ

Chữ chủng tử là: VĀ ()

Tam Muội Gia Hình là: Phan phướng.

Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn.

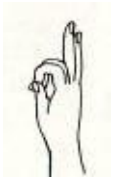

Chân Ngôn là:

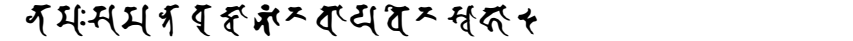

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VĀYAVE_ SVĀHĀ

Hay 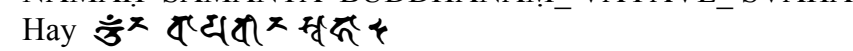

OṂ_ VĀYAVĪ_ SVĀHĀ

46_ Phong Thiên Quyến Thuộc (Vāyava):

Tôn hình: Thân màu thịt, hiện hình Đồng Tử, tay trái nắm quyền để trên đùi. Tay phải cầm cây gậy, đầu gậy có nửa vành trăng, bên trên có vành mặt trời (hình bên dưới)

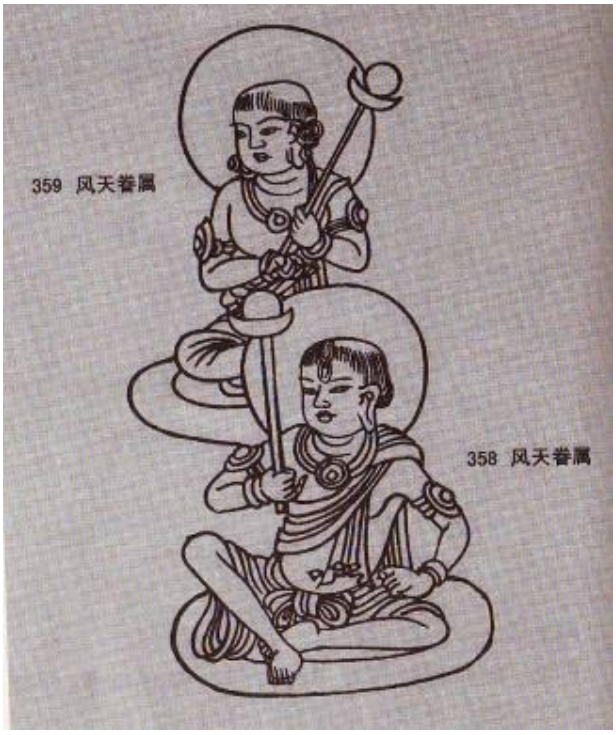

Chữ chủng tử là: VĀ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Cây phướng

Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:
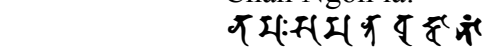
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VĀYAVE_ SVĀHĀ

47_ Phong Thiên Quyến Thuộc (Vāyava):

Tôn hình: Thân màu thịt, hiện hình Đồng Tử, tay phải để trước ngực ngửa lòng bàn tay. Tay trái nắm cây gậy, đầu gậy có nửa vành trăng, trên trăng có mặt trời (hình bên trên)

Chữ chủng tử là: VĀ ( )
Tam Muội Gia Hình là: Cây phướng

Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

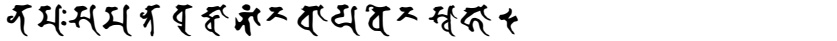

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VĀYAVE_ SVĀHĀ

48_ Phong Thiên (Vāyu):

Vāyu dịch âm là Phộc Dữu, Bà Dữu, Bà Dũ, Phạt Do. Lại xưng là Phong Thần, Phong Đại Thần. Là một trong 20 Thiên của Mật Giáo, một trong 8 Phương Thiên hộ thế .

Nguyên là Thần Gió của Ấn Độ Giáo cùng với Nhật Thiên, Hoả Thiên được xưng chung là **Phệ Đà Tam Thần,** tức là vị Thần ban cho Danh Dự, Phước Đức , con cháu, sự sống lâu.

Trong Phật Giáo thì Tôn này là vị Thần thủ hộ phương Tây Bắc

Tôn hình:Thân màu đen đỏ, đầu đội mão, khoác Thiên Y, khôi giáp, dây thắt lưng tung múa tuỳ theo gió thổi. Tay phải cầm cây gậy, đầu gậy có nửa mặt trăng, trên trăng có ngôi sao. Tay trái để trên đùi.

Chữ chủng tử là: VĀ (𑖪𑖿)
Tam Muội Gia Hình là: Phan phướng.

Tướng Ấn là: Nguyệt Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖾𑖨𑖫𑖬𑖯𑖰𑖨𑖿𑖪𑖯𑖨𑖿𑖧𑖽𑖭
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VĀYAVE_ SVĀHĀ

_ Phương Bắc có 52 Tôn thuộc nhóm Phong Thiên, Quang Âm Thiên, Tỳ Sa Môn Thiên… (dãy bên trái, từ dưới lên trên)

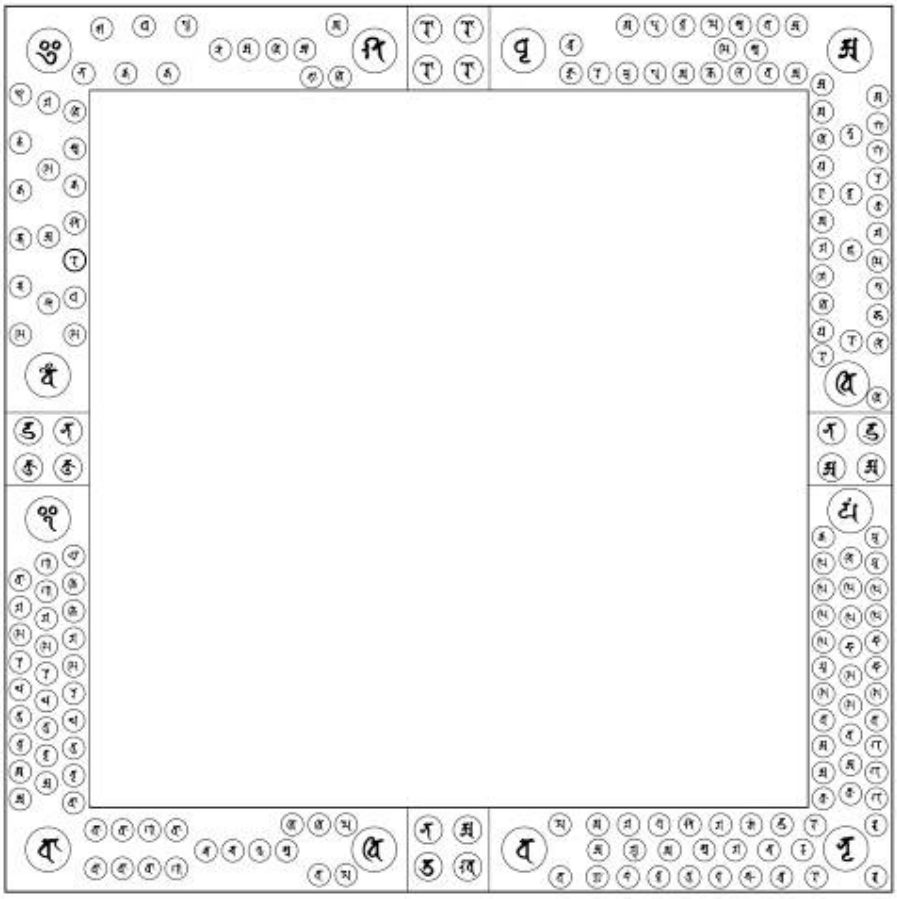

1_ Phong Thiên Quyến Thuộc (𑖦𑖿)
2_ Phong Thiên Quyến Thuộc (𑖦𑖿)
3_ Quang Âm Thiên Nữ (𑖨)
4_ Quang Âm Thiên (𑖨)
5_ Quang Âm Thiên Nư õ (𑖨)
6- Đại Quang Âm Thiên Nữ (𑖩)
7_ Đại Quang Âm Thiên (𑖩)
8_ Đại Quang Âm Thiên Nữ (𑖩)
9_ Đâu Suất Thiên Nư õ (𑖪)
10_ Đâu Suất Thiên (𑖪)
11_ Đâu Suất Thiên Nữ (𑖪)
12_ Tha Hoá Tự Tại Thiên Nữ (𑖫)
13_ Tha Hoá Tự Tại Thiên (𑖫)
14_ Tha Hoá Tự Tại Thiên Nữ (𑖫)
15_ Trì Man Thiên Nữ (𑖬)
16_ Trì Man Thiên (𑖬)
17_ Trì Man Thiên Nữ (𑖬)
18_ Thành Tựu Trì Minh Thiên Nữ (𑖭)

19_ Thành Tựu Trì Minh Tiên (𑖝)
20_ Thành Tựu Trì Minh Tiên Nữ (𑖝)
21_ Ma Hầu La Già (𑖰)
22_ Ma Hầu La Già (𑖰)
23_ Ma Hầu La Già (𑖰)
24_ Khẩn Na La (𑖯)
25_ Khẩn Na La (𑖯)
26_ Ca Thiên (𑖮)
27_ Nhạc Thiên (𑖲)
28_ Ca Thiên (𑖮)
29_ Đế Thích Thiên Phi (𑖴)
30_ Đế Thích Thiên (𑖳)
31_ Cu Phì La (𑖵)
32_ Câu Phì La Nữ (𑖵)
33_ Nan Đà Long Vương (𑖷)
34_ Ô Ba Nan Đà Long Vương (𑖶)
35_ Tỳ Sa Môn Thiên (𑖸)
36_ Thành Tựu Trì Minh Tiên (𑖝)
37_ Thành Tựu Trì Minh Tiên Nữ (𑖝)
38_ Hư Tú (𑖁)
39_ Nguy Tu (𑖀)
40_ Thất Tú (𑖍)
41_ Khuê Tú (𑖇)
42_ Bích Tú (𑖀)
43_ Vị Tú (𑖍)
44_ Lâu Tú (𑖌)
45_ Thiếu Nữ Cung (𑖯)
46_ Giải Cung (𑖯)
47_ Sư Tử Cung (𑖝)
48_ Kim Diệu (𑖴)
49_ Chiến Quỷ (𑖫)
50_ Tỳ Na Dạ Ca (Hoan Hỷ Thiên) (𑖱)
51_ Ma Ha Ca La (𑖰)
52_ Y Xá Na Thiên Phi (𑖹)

1_ Phong Thiên Quyến Thuộc (Vāyava):

Vāyava là quyến thuộc của Phong Thiên, chủ về việc ban cho chúng sinh: Danh Dự, Phước Đức , con cháu, sự sống lâu và giải thoát được sự mê chướng.

Tôn hình: Thân màu thịt, hiện tướng Đồng Tử. Tay trái để trước ngực cầm cây gậy, trên đầu gậy có hình nửa vành trăng, trên trăng có mặt trời. Tay phải để trước ngực hướng tâm lòng bàn tay ra ngoài. Thiên Y trên thân tung bay theo gió

Chữ chủng tử là: VĀ (𑖯𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cây phướng

Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖨𑖫𑖬𑖪 𑖥𑖿𑖦𑖾𑖦𑖿𑖠𑖾𑖦𑖿𑖥𑖾𑖦𑖿𑖯𑖾𑖦𑖿𑖮𑖾𑖦𑖿𑖮𑖾𑖦𑖿𑖮

Chữ chủng tử là: VĀ (𑖯𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Cây phướng

Tướng Ấn là: Phong Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖨𑖨𑖪𑖭 𑖥𑖿𑖦𑖾𑖦𑖭𑖪 𑖥𑖪𑖰𑖟𑖾𑖯𑖾𑖟𑖾 𑖮𑖾𑖢𑖿𑖣𑖾
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VĀYAVE_ SVĀHĀ

3_ Quang Âm Thiên Nữ (Ābhāsvarā):
Ābhāsvarā là Phi của Quang Âm Thiên.
Tôn hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình Thiên Nữ. Tay phải để cạnh eo, co ngón vô danh và ngón út. Tay trái để trước ngực cầm hoa sen (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở.

Tướng Ấn là:Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖨𑖪𑖿 𑖧𑖻𑖯𑖰𑖝𑖰 𑖃𑖨𑖃𑖨𑖯𑖨𑖪𑖿𑖤𑖰𑖝𑖰 𑖥𑖨𑖪𑖿𑖤𑖰𑖝𑖰 𑖃𑖨𑖃𑖨𑖯𑖨𑖪𑖿𑖤𑖰𑖝𑖰 𑖌𑖨𑖪𑖿𑖤𑖰𑖝𑖰 𑖥𑖨𑖪𑖿𑖤𑖰𑖝𑖰 𑖌𑖨𑖪𑖿𑖤𑖰𑖝𑖰 𑖥

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở.

Tướng Ấn là:Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖥𑖼𑖪𑖿 𑖧𑖿𑖨𑖰𑖫𑖿 𑖃𑖨𑖿𑖨𑖰𑖦𑖾𑖫𑖿𑖦𑖾𑖨𑖿 𑖃𑖨𑖿𑖨𑖰𑖦𑖾𑖫𑖿𑖦𑖾𑖨𑖿 𑖪𑖽

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

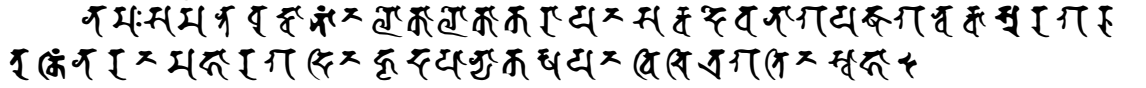

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

6_ Đại Quang Âm Thiên Nữ (Bṛhadābhāsvara):

Bṛhadābhāsvara là Phi của Đại Quang Âm Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình Thiên Nữ. Tay phải để trước eo, tay trái dựng lòng bàn tay trước ngực (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: BṚ ( )

Tam Muội Gia Hình là:Táo bình.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

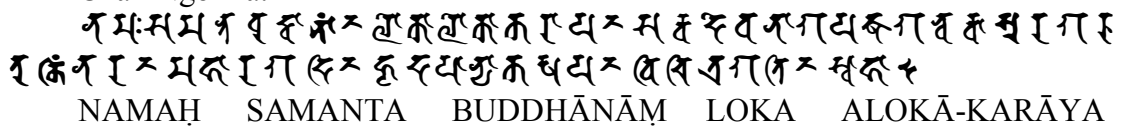

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

7_ Đại Quang Âm Thiên (Bṛhadābhāsvara):

Bṛhadābhāsvara là Nhị Thiền Thiên thuộc Sắc Giới

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, tay phải để trước eo cầm cái bình, tay trái ngửa lòng bàn tay để ngang ngực (hình chính giữa)

Chữ chủng tử là: BṚ ( )

Tam Muội Gia Hình là:Táo bình.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

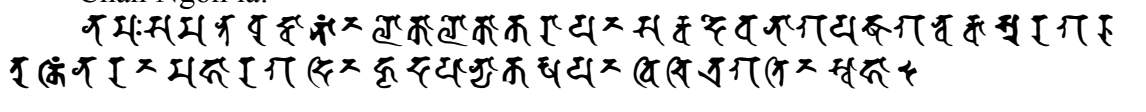

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

8_ Đại Quang Âm Thiên Nữ (Bṛhadābhāsvara):

Bṛhadābhāsvara là Phi của Đại Quang Âm Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình Thiên Nữ, hai tay cầm giữ hoa sen (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: BṚ (𑖪𑖽)

Tam Muội Gia Hình là:Táo bình.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

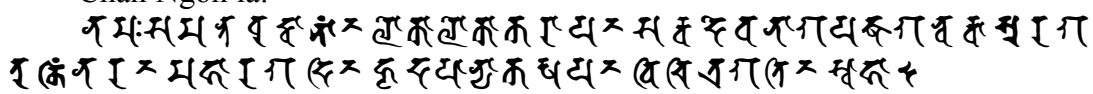

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

9_ Đâu Suất Thiên Nữ (Tuṣitā):
Tuṣitā là Phi của Đâu Suất Thiên.
Tôn hình: Thân Thiên Nữ màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: TU (𑖢𑖼)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖨𑖸𑖨𑖪𑖾 𑖪 𑖟𑖽𑖨𑖾𑖦𑖸𑖩 𑖢𑖼𑖦𑖾𑖟𑖸𑖩 𑖮𑖿𑖭𑖰
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_TUṢITEBHYAḤ_ SVĀHĀ

10_ Đâu Suất Thiên (Tuṣita):
Tuṣita dịch âm là Đô Sử Đa. Lại xưng là Đô Suất Thiên, Đâu Thuật Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Đâu Suất Đa Thiên, Đâu Sư Đà Thiên, Đổ Sử Đa Thiên, Đâu Sử Đa Thiên. Dịch ý là Tri Túc Thiên, Diệu Túc Thiên, Hỷ Túc Thiên, Hỷ Lạc Thiên... cùng với Dạ Ma Thiên hợp xưng là Đâu Dạ. Là cõi Trời thứ tư trong 6 Trời thuộc Dục Giới,

có vị trí ở khoảng giữa Dạ Ma Thiên và Lạc Biến Hoá Thiên, cách Dạ Ma Thiên 16 vạn Do Tuần ở trên đám mây rập kín tại hư không rộng khoảng 8 vạn Do Tuần.

Cõi Trời này có hai Viện **trong, ngoài**. Nội Viện (Viện bên trong) là nơi cư trú của Nhất Sinh Bổ Xứ Bồ Tát, hiện tại Đức **Di Lặc Bồ Tát** (Maitreya) ở chỗ này tuyên nói Phật Pháp. Ngoại Viện (Viện bên ngoài) thuộc **Dục Giới Thiên**, là nơi cư trú của Thiên Chúng hưởng thọ Dục Lạc.

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen, tay trái tác Quyền Ấn (hình chính giữa).

Chữ chủng tử là: TU (𑖢𑖼)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

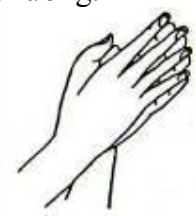

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖾𑖦𑖿𑖡𑖪𑖽𑖨𑖿𑖩𑖽𑖢𑖼𑖨𑖿𑖢𑖾𑖦𑖿𑖦𑖽𑖨𑖿𑖦𑖾𑖪𑖽𑖨𑖿𑖦𑖾𑖪𑖽𑖨𑖿𑖦𑖾𑖪

11_ Đâu Suất Thiên Nữ (Tuṣitā):

Tuṣitā là Phi của Đâu Suất Thiên.

Tôn hình: Thân Thiên Nữ màu thịt trắng. Tay phải đem ngón cái, ngón trỏ và ngón giữa cầm hoa sen. Tay trái nắm quyền để trên bắp đùi (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: TU (𑖢𑖼)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chưa hé nở.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

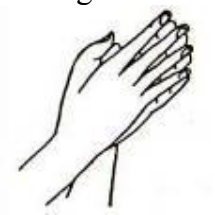

Chân Ngôn là:

𑖦𑖨𑖨𑖿𑖥 𑖪𑖾𑖦𑖿𑖠𑖸𑖨𑖿𑖦𑖸𑖨𑖿𑖦𑖸𑖨𑖿𑖦

Chữ chủng tử là: PA (𑖦)
Tam Muội Gia Hình là: Cung tên.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖦𑖨𑖪𑖿𑖫𑖨 𑖦𑖽𑖨𑖿𑖬𑖼 𑖮𑖾𑖩
OṂ _ PARANITMA-RATIBHYAḤ _ SVĀHĀ

13_ Tha Hoá Tự Tại Thiên (Paranirmita-vaśa-vartin):

Paranirmita-vaśa-vartin dịch âm là Ba La Ni Mật Hoà Gia Việt Trí, Ba La Ni Mật, Ba La Duy Ma Bà Sa, Sa Xá Bạt Đề. Lại dịch là Tha Hoá Lạc Thiên, Tha Hoá Tự Chuyển Thiên, Hoá Ứng Thanh Thiên, Thiền Xứng Tự Tại Thiên, Tha Hoá Thiên, hoặc Đệ Lục Thiên tức cõi Trời thứ sáu của Lục Dục Thiên, Chủ của Dục Giới.Cõi Trời này nương vào việc khoái lạc của nơi biến hoá khác làm sự khoái lạc của mình cho nên xưng là Tha Hoá Tự Tại Thiên. Đây cũng là nơi cư ngụ của Thiên Ma Ba Tuần

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm mũi tên, tay trái cầm cây cung (hình chính giữa)

Chữ chủng tử là: PA ( )

Tam Muội Gia Hình là: Cung tên.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

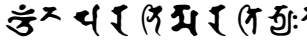

OṂ _ PARANITMA-RATIBHYAḤ _ SVĀHĀ

14_ Tha Hoá Tự Tại Thiên Nữ (Paranirmita-vaśa-vartinī):

Paranirmita-vaśa-vartinī là Phi của Tha Hoá Tự Tại Thiên

Tôn hình: Thân Thiên Nữ màu thịt, tay trái để ngang ngực cầm hoa sen (hình bên trái)

Chữ chủng tử là: PA (𑖦)
Tam Muội Gia Hình là: Cung tên.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖦𑖪𑖨𑖿𑖫𑖪𑖨𑖿𑖪𑖾𑖼𑖯𑖽 𑖮𑖾𑖢𑖿
OṂ _ PARANITMA-RATIBHYAḤ _ SVĀHĀ

15_ Trì Man Thiên Nữ (Mālā-dharā):
Mālā-dharā là Phi của Trì Man Thiên
Tôn hình: Thân Thiên Nữ màu thịt trắng, tay phải ngửa lòng bàn tay trước rốn, tay trái cầm hoa sen (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: RO (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen xanh.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

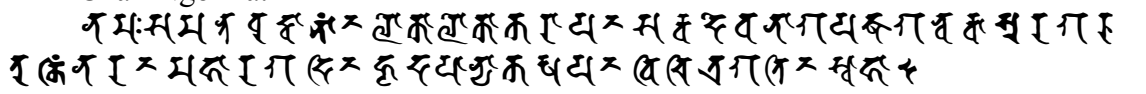

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌA KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

16_ Trì Man Thiên (Mālā-dhara):

Mālā-dhara là quyến thuộc của Tha Hóa Tự Tại Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, đầu đội mão báu, tay trái cầm hoa sen (hình chính giữa)

Chữ chủng tử là: RO ()

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen xanh.

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖸𑖨𑖿𑖦 𑖪𑖽𑖢𑖿𑖢𑖽𑖢𑖽𑖑𑖿𑖫𑖿𑖨 𑖨𑖿𑖥𑖿𑖤𑖽𑖑𑖿𑖨𑖿𑖦𑖽𑖑𑖿𑖦𑖽𑖑𑖿𑖦𑖽𑖑

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA _ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA GARUḌĀ KIṂNARA MOHĀRAGA DI_ HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI SVĀHĀ

18_ Thành Tựu Trì Minh Tiên Nữ (Siddha-vidya-dharā):

Siddha-vidya-dharā là Phi của Thành Tựu Trì Minh Tiên

Tôn hình: Thân màu thịt. Ngửa lòng bàn tay phải để trước rốn, co ngón giữa ngón vô danh. Tay trái dựng lòng bàn tay, co ngón giữa ngón vô danh. Co dựng đầu gối trái (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: SI (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là:Hoa sen chưa nở trên lá sen

Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.

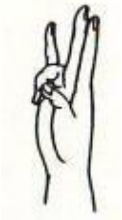

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖦𑖌𑖿𑖥𑖾𑖪𑖿𑖟𑖿𑖨𑖾𑖪𑖿𑖟𑖿𑖨𑖾𑖪𑖿𑖟𑖿𑖨

Thấp Bà (‘Siva) thuộc Bà La Môn Giáo, tương truyền cư ngụ ở núi Tuyết có đủ Chú lực do Minh Chú đã trì ấy

Mật Giáo an bày 4 loại Trì Minh Tiên ở trong Man Đa La Hải Hội là: Trì Danh Dược Xoa, Thành Tựu Tiên Chúng, Thành Tựu Trì Minh Tiên Chúng, Thành Tựu Minh Tiên

Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 12 ghi rằng: “Người Trì Minh là người được quả của Diệu Thành Tựu Tất Địa, tức hay dạo khắp tất cả cõi Phật, cúng dường chư Phật, thành tựu chúng sinh”

Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 3 ghi rằng: “Phàm được Tất Địa của của 3 phẩm: Mật Nghiêm Phật Quốc, Thập Phương Tịnh Nghiêm, Chư Thiên Tu La cung đều có thể xưng là Trì Minh Tiên”

Hệ này đã dùng lời giải thích nghĩa rộng ấy. Xong **Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 6** lại ghi rằng: “Trì Minh Tiên căn cứ vào sức của Y Dược mà thành tựu sức Thần Thông ấy. Tất Địa Trì Minh Tiên ắt chuyên y theo Chú Thuật mà được thành tựu”

Hai bản này đã nói lên sự khác biệt với thuyết ở trên. Ngoài ra Trì Minh Tiên cũng phiếm chỉ Trì Minh Tiên là người Trì Tụng Minh Chú

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải dựng lòng bàn tay và co ngón giữa ngón vô danh. Tay trái nắm quyền để ngang eo (hình chính giữa).

Chữ chủng tử là: SI (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là:Hoa sen chưa nở trên lá sen

Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.

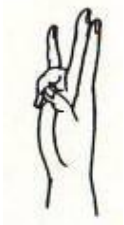

Chân Ngôn là:

𑖀𑖾𑖨𑖪𑖀 𑖥𑖵𑖦𑖰𑖨𑖪𑖀 𑖨

21_ Ma Hầu La Già (Mahoraga):

Mahoraga dịch âm là Ma Hô La Già, Ma Hộ La Già, Mặc Hộ Lặc Già, Mạc Hô Lạc Già, Mạc Hô Lạc, Ma Hưu Lạc, Ma Phục Lặc. Dịch ý là Đại Phúc Hành, Đại Trí Hành, Đại Trí Phúc Hành, Đại Mãng, Đại Mãng Xà, Đại Mãng Thần. Là một trong 8 Bộ Trời Rồng.

Duy Ma Kinh Lược Sớ, quyển 2 ghi rằng: "Ma Hầu La Già là Mãng Thần, cũng nói là Địa Long, Vô Túc Phúc Hành Thần. Tức **Thế Gian Miếu Thần** nhận rượu thịt của con người đều đưa vào cái bụng con trăn, huỷ Giới, Tà Siểm, nhiều sân hận ít bố thí, ham thích rượu thịt, Giới hoãn nên bị đoạ làm Quỷ Thần, nhiều loài trùng giận dữ nhập vào thân ấy mà mổ ăn. Điều này do Ma Hầu La Già là Thần trăn (Mãng Thần) không có chân, đi bằng bụng"

Huệ Lâm Âm Nghĩa, quyển 11 nói rằng: "Ma Hưu Lặc … là loài Nhạc Thần. Hoặc ghi là Phi Nhân, hoặc nói là Thần trăn to lớn. Hình ấy là thân người đầu rắn"

Tôn hình: Thân màu thịt, dùng Rắn làm mão đội (hình phía dưới bên phải).

Chữ chủng tử là: MA (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là:Nhạc Khí trên lá sen (cây Sáo)

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖨𑖿𑖩𑖨𑖾 𑖪𑖾𑖦𑖿𑖦𑖑𑖿𑖥𑖾𑖨𑖿𑖨𑖾

22_ Ma Hầu La Già (Mahoraga):

Mahoraga là một trong 8 Bộ Trời Rồng

Tôn hình: Thân màu thịt, hai tay co khuỷu tay giương ra ngoài, hai tay để ngang ngực như dáng nắm quyền, cầm giữ đai của Thiên Y tung bay, dựng đầu gối trái, giao ống chân mà ngồi (hình chính giữa bên trên)

Chữ chủng tử là: MA (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là:Nhạc Khí trên lá sen (cây Sáo)

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.

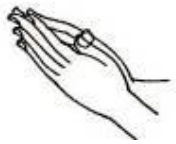

Chân Ngôn là:

𑖌𑖨𑖼𑖨𑖌𑖾 𑖪𑖢𑖾𑖩𑖽𑖨𑖾𑖪𑖽𑖦

Chữ chủng tử là: MA (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là:Nhạc Khí trên lá sen (cây Sáo)

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖨𑖸𑖨𑖪𑖾𑖦𑖿𑖩𑖰𑖟𑖽𑖦𑖽𑖭𑖿𑖬𑖽𑖭𑖿𑖫𑖾𑖯𑖿𑖬𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ GARALAṂ VIṂRALIṂ_ SVĀHĀ

24_ Khẩn Na La (Kiṃnara):

Kiṃnara dịch âm là Khẩn Nại Lạc, Khẩn Noa La, Khẩn Đảm Lộ, Chân Đà La. Hoặc xưng là Ca Thần, Ca Nhạc Thần, Âm Nhạc Thiên.

KIṂ là Nghi Vấn Từ, NARA là con người. **Kiṃnara** dịch ý Nghi Thần, Nghi Nhân, Nhân Phi Nhân… nguyên là vị Thần trong thần thoại Ấn Độ, sau khi du nhập vào Phật Giáo thời là Bộ thứ bảy trong 8 Bộ Chúng

Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký, quyển 2 ghi rằng: "Vị Thần này có hình mạo tựa con người, xong trên đầu có một cái sừng. Người nhìn thấy sinh khởi nghi nên dịch là Nghi Nhân, Nghi Thần. Vị Thần ấy có đủ âm thanh mỹ diệu, hay ca múa"

Hoa Nghiêm Kinh Sớ, quyển 5 ghi rằng: "Vị Thần ấy là Thần giữ Pháp Nhạc của Thiên Đế"

Ở trong Mật Giáo là quyến thuộc của Câu Tỳ La

Tôn hình: Thân màu thịt, để cái trống nằm ngang trên bắp đùi, hai tay giang mở làm dạng đánh vỗ trống (hình bên phải)

Chữ chủng tử là: KI (𑖑)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (cái trống)

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸𑖪𑖽𑖟𑖿𑖨𑖰𑖭𑖪𑖽𑖨𑖰𑖭𑖪𑖽𑖨𑖰𑖭𑖪𑖽

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖪𑖿𑖤 𑖥𑖿𑖨𑖚𑖦𑖾𑖫𑖿𑖫𑖰𑖪𑖿𑖨

27_ Nhạc Thiên (Vàdya-devatà):

Vādya dịch ý là Nhạc Khí, âm nhạc. **Devatā** dịch ý là Thần. Cho nên **Vādya-devatā** được xưng là Nhạc Thiên. Xưa nay đều xem là đồng thể với Càn Thát Bà

Tôn hình: Thân màu thịt, cầm cái nạo bạt mà múa (hình chính giữa).

Chữ chủng tử là: VĀ ()

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (cái nạo bạt).

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng Ấn.

Chân Ngôn là:

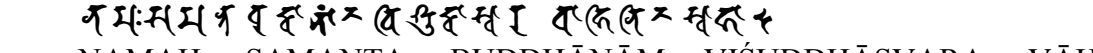

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ VIŚUDDHĀSVARA VĀHINI SVĀHĀ

28_ Ca Thiên (Gītā-devatā):

Gītā-devatā là Nhạc Thần của cõi Trời

Tôn hình: Thân màu thịt, làm dạng thổi sáo (hình bên trái).

Chữ chủng tử là: GÌ (𑖜𑖿)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí (cây sáo)

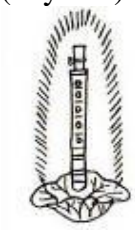

Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖨𑖜 𑖪𑖽𑖦𑖾𑖫𑖰𑖟𑖿𑖨𑖰

Chữ chủng tử là: AI (𑖌), hay MA (𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen búp nụ, hoặc cái chuỳ.

Tướng Ấn là: Đế Thích Thiên Ấn.

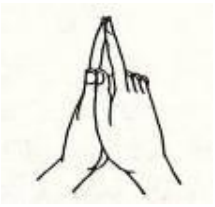

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖨𑖦 𑖪𑖽𑖩𑖰𑖫𑖾𑖯𑖰𑖟𑖾𑖮 𑖧𑖑𑖬𑖨𑖽

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ ŚAKRĀYA - SVĀHĀ

30_ Đế Thích Thiên (Indra):

Indra dịch âm là Nhân Đà La, tức Thích Đề Hoàn Nhân. Lại xưng là Kiều Thi Ca, Thiên Nhãn, Sa Bà Bà…

Nguyên Indra là vị Thần của Ấn Độ Giáo, là Thần Lôi Vũ có địa vị tối cao trong các chư Thần, ngồi trên xe có ngựa kéo, vung múa Chày Kim Cương ngăn trị loài Ma ác và đấu tranh với hàng A Tu La.

Sau khi du nhập vào Phật Giáo thì Indra trở thành vị Hộ Pháp , là vị Thần Chủ của cõi Trời Đao Lợi, cai quản cả 33 cõi Trời, tức Tam Thập Tam Thiên (Trayastriṃśa). Cõi này còn có tên là Đao Lợi Thiên, Đế Thích Thiên, Dạ Xoa Bí Mật Kim Cương Thủ… Đây là tầng Trời thứ hai trong 6 tầng Trời của Dục Giới (Kàma dhàtu) ở trên đỉnh **núi Tu Di** (Sumeru) 4 phương của đỉnh núi đều có thành quách của 8 Thiên, chính giữa là thành **Thiện Kiến** (Sudṛśsa) là nơi cư ngụ của vua Trời Đế Thích, 4 góc của đỉnh núi đều có một ngọn cao 500 Do Tuần có Thần Dạ Xoa tên là **Kim Cương Thủ** (Vajrapāṇi) cư trú và phòng hộ chư Thiên.

Theo Phật Giáo thì Đế Thích Thiên nguyên là vị Bà La Môn của nước Ma Kiệt Đà, do phước đức của sự bố thí mà sinh lên Trời Đạo Lợi làm Thiên Chủ của 33 cõi Trời

Tôn hình: Thân màu vàng, đầu đội mão báu, mặt có 3 mắt. Tay phải để ngang ngực cầm cái chày Độc Cổ. Tay trái nắm quyền để khoảng trên bắp đùi, ngồi trên đỉnh núi (hình bên trên)

Chữ chủng tử là: I (𑖌𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.

Tướng Ấn là: Đế Thích Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖰𑖫𑖪𑖿𑖟 𑖥𑖾𑖦𑖿𑖠𑖰𑖦𑖿𑖦𑖾𑖨𑖿𑖦𑖾𑖨𑖿𑖦𑖾𑖨

Tướng Ấn là: Câu Phì La Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖪𑖰 𑖪𑖟𑖨𑖰𑖟𑖦𑖰𑖦𑖾𑖨𑖰𑖦𑖾𑖨𑖰𑖦𑖾𑖨

Tôn hình: Thân màu thịt, trên đầu có 7 cái đầu rắn, ngồi trong cửa Bắc, tay phải cầm cây kiếm, tay trái để ở bắp đùi.

Chữ chủng tử là: NA (𑖦)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

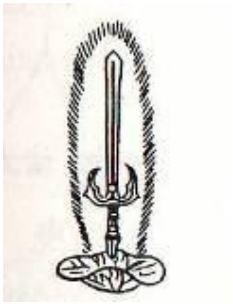

Thủ Ấn là **Chư Long Ấn**:

Chân Ngôn là:
𑖡𑖾𑖫𑖾𑖪𑖿𑖨𑖾𑖢𑖿𑖦𑖾𑖡𑖿𑖨𑖾𑖦𑖿𑖥𑖾𑖫𑖿𑖫𑖾𑖪

Tôn hình:Thân màu thịt, ngồi trong cửa Bắc, tay phải để ở bắp đùi, tay trái cầm hoa sen

Chữ chủng tử là: U (𑖌𑖼)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.

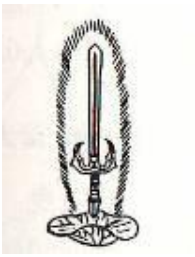

_ Thủ Ấn là **Nan Đà Bạt Nan Đà Nhị Long Vương Ấn**:

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖥𑖿 𑖪𑖥𑖿𑖢𑖾 𑖡𑖨𑖿𑖡𑖪𑖡𑖨𑖿𑖪𑖟𑖾 𑖮𑖿𑖫𑖲

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ NANDOPANANDĀYA _ SVĀHĀ

hay 𑖡𑖾𑖥𑖿𑖥𑖿𑖪𑖥𑖿𑖪𑖢𑖾 𑖌𑖪𑖡𑖨𑖿𑖪𑖟𑖾 𑖮𑖿𑖫𑖲

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ UPANANDĀYA _ SVĀHĀ

35_ Tỳ Sa Môn Thiên (Vaiśravaṇa):

Vaiśravaṇa lại xưng là Đa Văn Thiên Vương, vị vua thống lãnh hai chúng Dạ Xoa (Yakṣa) và La Sát (Rākṣasa). Ngài là một trong 4 vị Đại Thiên Vương, một trong 8 Phương Tiên hoặc 20 Thiên và vị Thần thủ hộ phương Bắc của cõi Diêm Phù Đề

Ngài cư ngụ tại 3 thành: Khả Úy, Thiện Kính, Chúng Quang thuộc Thủy Tinh Đóa ở phía Bắc núi Tu Di

Do Ngài có Bản Thệ thường bảo hộ Đạo Trường của Như Lai và nghe Pháp nên Phước Đức lừng lẫy 4 phương. Vì thế Ngài có tên là Đa Văn Thiên Vương

Tỳ Sa Môn Thiên còn là một trong vị Tài Thần (hay Phúc Thần) hay thí phước hộ tài nên được sự tín phụng của nhiều người.

Tôn hình: Thân màu vàng, khoác giáp trụ, tay phải cầm cây gậy báu, tay trái cầm cái tháp báu

Chữ chủng tử là: VAI (𑖯𑖰)

Tam Muội Gia Hình là: Cái tháp báu.

Tướng Ấn là: Tỳ Sa Môn Thiên Vương Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖫𑖪𑖿𑖥𑖽𑖦𑖰𑖟𑖿𑖢𑖿𑖨𑖿𑖫𑖿𑖭𑖿𑖨𑖿𑖫𑖿𑖭𑖿𑖨𑖿𑖫𑖿𑖭

Tướng Ấn là: Thành Tựu Trì Minh Tiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖪𑖿𑖤 𑖡𑖨𑖿𑖦𑖾𑖨𑖿𑖤𑖰𑖦𑖾𑖨𑖿𑖤𑖰𑖦𑖾𑖨𑖿𑖤𑖰

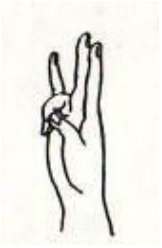

Chân Ngôn là:

ནཱ་མཿསམནྟ་བུདྡྷཱནཱཾ་སིདྡྷ་བིདྱཱ་དྷཱརཱནཱཾ་སྭཱཧཱ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ – SIDDHA VIDYA-DHARĀNĀṂ SVĀHĀ

38_ Hư Tú (Dhaniṣṭha):

Dhaniṣṭha là một trong 7 Tú ở phương Bắc

Tôn hình:Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao

Chữ chủng tử là: DHA (𑖝)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸𑖤𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖟𑖾𑖦𑖿𑖑𑖾𑖦𑖿𑖭𑖾𑖦𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖨𑖾𑖦𑖿𑖥𑖾𑖦𑖿𑖩𑖾𑖦𑖿𑖥

Chữ chủng tử là: ŚA (𑖭)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖫𑖸𑖥𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖤𑖾𑖦𑖿𑖤 𑖦𑖭𑖿𑖤𑖾𑖦𑖿𑖤 𑖨𑖾𑖭𑖪𑖨𑖾𑖦𑖿𑖤 𑖮𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖤

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖌𑖾𑖦𑖿𑖤 𑖭𑖿𑖤𑖨𑖪𑖽 𑖦𑖭𑖿𑖤𑖾𑖦𑖿𑖤 𑖮𑖿𑖪𑖾𑖦𑖿𑖤

OṂ _ ŚATABHIṢAK-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

40_ Thất Tú (Pūrva-bhādrapadā):

Pūrva-bhādrapadā là một trong 7 Tú ở phương Bắc

Tôn hình:Thân màu thịt, tay phải để ở bắp đùi cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao. Ngửa lòng bàn tay trái để trước ngực

Chữ chủng tử là: BHA (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖫𑖨𑖿𑖥 𑖥𑖢𑖿𑖦𑖵𑖟𑖿𑖨𑖾𑖫 𑖌𑖨𑖿𑖪 𑖡𑖼𑖦𑖿𑖤𑖿𑖢𑖾𑖫 𑖨𑖼𑖫𑖿

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖃𑖾𑖫 𑖧𑖿𑖪𑖿𑖭𑖿𑖫𑖦 𑖌𑖨𑖿𑖪𑖾𑖫 𑖨𑖼𑖫𑖿

OṂ _ PŪRVA-BHADRAPADĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

41_ Khuê Tú (Revati):

Revati là một trong 7 Tú ở phương Bắc

Tôn hình: Thân màu thịt, hai tay để ngang ngực cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao

Chữ chủng tử là: RE (𑖬), hay RO (𑖭)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖨𑖪𑖿𑖦 𑖌𑖼𑖟𑖿𑖢𑖾𑖯𑖾𑖨𑖿 𑖌𑖼𑖟𑖿𑖢𑖾𑖯𑖾𑖨𑖿 𑖦𑖾𑖭𑖿𑖭𑖾𑖪𑖾𑖨𑖾 𑖥𑖾𑖩𑖾𑖪𑖾 𑖥𑖾𑖩𑖾𑖪𑖾 𑖨𑖾𑖭𑖿𑖭𑖾𑖪

𑖌𑖾𑖫𑖪𑖿𑖟𑖽𑖨𑖿𑖦𑖸𑖨𑖿𑖫𑖸 𑖌𑖿𑖨𑖿𑖫𑖸 𑖢𑖾𑖨𑖿𑖤𑖪𑖿𑖢𑖸 𑖥𑖨𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖃𑖿𑖦𑖾 𑖤𑖽𑖟𑖿𑖞𑖪𑖿𑖢𑖸 𑖌𑖿𑖨𑖿𑖫𑖸 𑖥𑖨𑖾

OṂ _ UTTARA-BHĀDRAPADĀ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

43_ Vị Tú (Bharaṇi):

Bharaṇi là một trong 7 Tú ở phương Bắc

Tôn hình: Thân màu thịt, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao, một đầu của cuống hoa để trên lòng bàn tay trái (hình chính giữa bên trên)

Chữ chủng tử là: BHA (𑖪), hay ŚA (𑖭)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖾𑖫𑖪𑖿𑖟𑖽𑖨𑖿𑖦𑖸𑖨𑖿𑖫𑖸 𑖌𑖿𑖨𑖿𑖫𑖸 𑖢𑖾𑖨𑖿𑖤𑖪𑖿𑖢𑖸 𑖥𑖨𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖃𑖿𑖦𑖾 𑖪𑖽𑖟𑖸 𑖌𑖿𑖨𑖿𑖫𑖸 𑖥𑖨𑖾

OṂ _ BHARAṆI-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

44_ Lâu Tú (Aśvinī):

Aśvinī là một trong 7 Tú ở phương Bắc

Tôn hình: Thân màu thịt, tay trái ngửa lòng bàn tay trước ngực. Tay phải cầm hoa sen, trên hoa có ngôi sao (hình phía dưới bên trái)

Chữ chủng tử là: A (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên hoa sen.

Tướng Ấn là: Nhị Thập Bát Tú Tổng Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖨𑖫𑖿𑖥 𑖪𑖾𑖦𑖿𑖠𑖽𑖨𑖿𑖦𑖽 𑖌𑖕𑖿𑖫 𑖦𑖨𑖪𑖿𑖘𑖽𑖨𑖿𑖦𑖽 𑖮𑖿𑖪𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖌𑖾𑖀𑖽 𑖀𑖨𑖪𑖬𑖽 𑖌𑖕𑖿𑖫𑖽 𑖮𑖿𑖪𑖾

OṂ _ AŚVINĪ-NAKṢATRA _ SVĀHĀ

45_ Thiếu Nữ Cung (Kanyā-vimana):

Kanyā-vimana là một trong 3 Cung ở phương Bắc

Tôn hình:Thân màu thịt, ngửa lòng bàn tay phải. Tay trái duỗi ngón cái để ở bắp đùi

Chữ chủng tử là: KA (𑖏), hay HAṂ (𑖪𑖾)
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖏𑖨𑖿𑖬𑖟𑖿𑖨𑖼 𑖮𑖪𑖽𑖟
OṂ_ KANYĀ-PATAYE_ SVĀHĀ

46_ Bàng Giải Cung (Karkatāka-vimana):

Karkatāka-vimana hay Giải Cung là một trong 3 Cung ở phương Bắc
Tôn hình: Thân màu thịt trắng, hiện hình con cua lớn

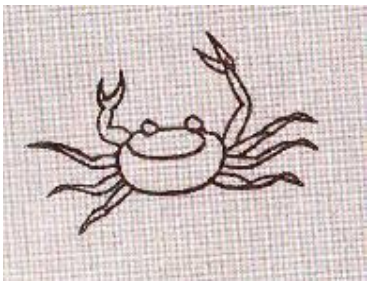

Chữ chủng tử là: KA (𑖏)
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖼𑖏𑖰𑖏𑖽𑖪𑖼𑖨𑖾𑖥𑖼
OṂ_ KARKATĀKA-PATAYE_ SVĀHĀ

47_ Sư Tử Cung (Siṃha-vimana):
Siṃha-vimana là một trong 3 Cung ở phương Bắc
Tôn hình: Thân màu vàng ròng, hiện hình Sư Tử

Chữ chủng tử là: SI (𑖦), hay HA (𑖪)
Tam Muội Gia Hình là: Cung điện.

Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖦𑖽𑖨𑖪𑖰𑖝𑖼 𑖥𑖨𑖾

OṂ_ SIṂHA-PATAYE_ SVĀHĀ

48_ Kim Diệu (Śukra):

Śūkra lại xưng là Kim Tinh, hoặc Thái Bạch. Là một trong 7 Diệu, 9 Diệu

Tôn hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y. Ngửa lòng bàn tay trái, co 4 ngón. Tay phải để ngang ngực.

Chữ chủng tử là: ŚU (𑖪𑖽)

Tam Muội Gia Hình là: Ngôi sao trên cái bình.

Tướng Ấn là: Chư Diệu Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖡𑖾𑖫𑖽𑖨𑖿 𑖫𑖾𑖝𑖼𑖢𑖿𑖤𑖼𑖝𑖼 𑖡𑖭𑖼𑖪𑖾𑖢𑖿𑖫𑖰𑖝𑖼 𑖥𑖨𑖾

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADAṆIYE_ SVĀHĀ

hay 𑖌𑖼 𑖪𑖽𑖦𑖰 𑖦𑖽𑖨𑖾 𑖥𑖨𑖾

OṂ_ ŚUKRAḤ- ŚRI_ SVĀHĀ

Hoặc 𑖌𑖼 𑖪𑖽𑖦𑖰 𑖜𑖰𑖝𑖽 𑖦𑖽𑖨𑖾 𑖏𑖰 𑖏𑖪𑖾 𑖥𑖨𑖾

OṂ _ ŚUKRA GATHARVA-RĀJĀYA (Danh vị…) ŚRĪ- KARI _ SVĀHĀ

49_ Chiến Quỷ (Kaṃpa):

Kaṃpa là một trong 10 quyến thuộc của Nhật Thiên

Tôn hình: Thân màu thịt, đầu đội mão báu, thân khoác áo Yết Ma, cỡi trên mây Ngũ Sắc, hai tay đặt trên cái Hốt

Chữ chủng tử là: KAṂ (𑖀𑖾𑖨𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Cái hốt

Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖺𑖫𑖪𑖿𑖦 𑖪𑖾 𑖥𑖾𑖨𑖾𑖫 𑖧𑖿𑖫𑖧𑖿𑖫𑖧𑖿𑖫𑖕𑖿𑖪𑖾𑖫 𑖫𑖾𑖬𑖾𑖪𑖾𑖫𑖕𑖿𑖪𑖾𑖫𑖕𑖿𑖪𑖾𑖫𑖕𑖿

Nga Na Bát Để dịch ý là Quân Đội, ý tức là vị Tướng trong quyến thuộc của Tự Tại Thiên. Do cùng với anh là **Tắc Kiền Đà** (Skanda) chung nhau cai quản quyến thuộc của cha là Đại Tự Tại Thiên mà được tên gọi này.

Nga Na Bát Để lại có sự nghiệp gây chướng ngại cho kẻ khác, hoặc bài trừ sức của các thứ chướng ngại cho nên lại xưng là Tỳ Na Dạ Ca với nghĩa là ***trừ chướng ngại***, hoặc ***bài trừ***.

Tôn hình: Thân màu thịt trắng, mình người đầu voi, tay phải cầm cây kích có móc câu (câu kích) để trên vai. Tay trái cầm rễ củ cải.

Chữ chủng tử là: VI (𑖪)

Tam Muội Gia Hình là: Rễ củ cải

Tướng Ấn là: Tỳ Na Dạ Ca Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖦𑖾𑖨𑖨𑖿𑖤𑖵𑖿𑖨𑖾𑖨𑖿𑖤𑖵𑖿𑖥𑖾𑖦𑖾𑖨𑖿𑖤𑖵𑖿𑖨𑖾𑖨𑖿𑖤𑖵𑖿𑖥𑖾𑖦𑖾𑖨𑖿𑖤𑖵𑖿𑖨𑖾𑖨𑖿𑖤𑖵𑖿𑖥𑖾𑖦𑖾𑖨𑖿𑖤𑖵𑖿𑖨𑖾𑖨𑖿𑖤𑖵𑖿𑖥𑖾𑖦𑖾𑖨𑖿𑖤𑖵𑖿𑖨𑖾𑖨𑖿𑖤𑖵𑖿𑖥𑖾𑖦𑖾𑖨𑖿𑖤𑖵𑖿𑖨𑖾𑖨𑖿𑖤𑖵𑖿𑖥𑖾

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ MAHĀ-GAṆA-PATAYE_SVĀHĀ

51_ Ma Ha Ca La (Mahā-kāla):

Mahā-kāla dịch âm là Ma Ha Ca La, Ma Hạp Khát Lạp. Lại xưng là Đại Hắc Thần, Đại Hắc Thiên Thần, hoặc Ma Ha Ca La Thiên... có đủ tính cách của Thần chiến đấu, Thần Phước Đức và Thần Âm Phủ.

Tôn hình:Thân màu đen, hiện tướng phẫn nộ, 3 mặt 6 cánh tay. Mặt chính giữa có 3 con mắt, hai mặt trái phải đều có 2 con mắt. Hai tay thứ nhất cầm cây kiếm đặt nằm ngang, chuôi kiếm là hình Tam Cổ. Hai tay kế tiếp: tay phải nắm đầu tóc con

người, tay trái cầm sừng con dê. Hai tay kế tiếp cầm tấm da voi giăng trương sau vai. Tóc lửa dựng đứng, dùng đầu lâu làm chuỗi Anh Lạc, rắn làm vòng đeo cánh tay, ngồi trên toà tròn

Chữ chủng tử là: MA (𑖨)
Tam Muội Gia Hình là: Cái túi

Tướng Ấn là: Đại Hắc Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖌𑖾𑖨𑖽𑖪𑖿𑖨𑖾 𑖭𑖽
OṂ _ MAHĀ-KĀLĀYA_ SVĀHĀ

52_ Y Xá Na Thiên Phi (Īśānī):
Īśānī là Phi của Y Xá Na Thiên
Tôn hình: Thân màu thịt đỏ, tay trái cầm cây kích Tam Cổ, tay phải cầm cái bát

Chữ chủng tử là: Ī (𑖌𑖿)
Tam Muội Gia Hình là: Cây kích Tam Cổ.

Tướng Ấn là: Y Xá Na Thiên Phi Ấn.

Chân Ngôn là:
𑖦𑖨𑖸𑖥𑖯𑖾𑖟𑖿𑖪𑖰𑖦𑖸𑖨𑖿𑖪𑖰𑖦𑖸𑖨𑖿𑖪𑖰𑖦𑖸𑖨

THAI TẠNG GIỚI MAN ĐA LA

THAI TẠNG GIỚI MAN ĐA LA

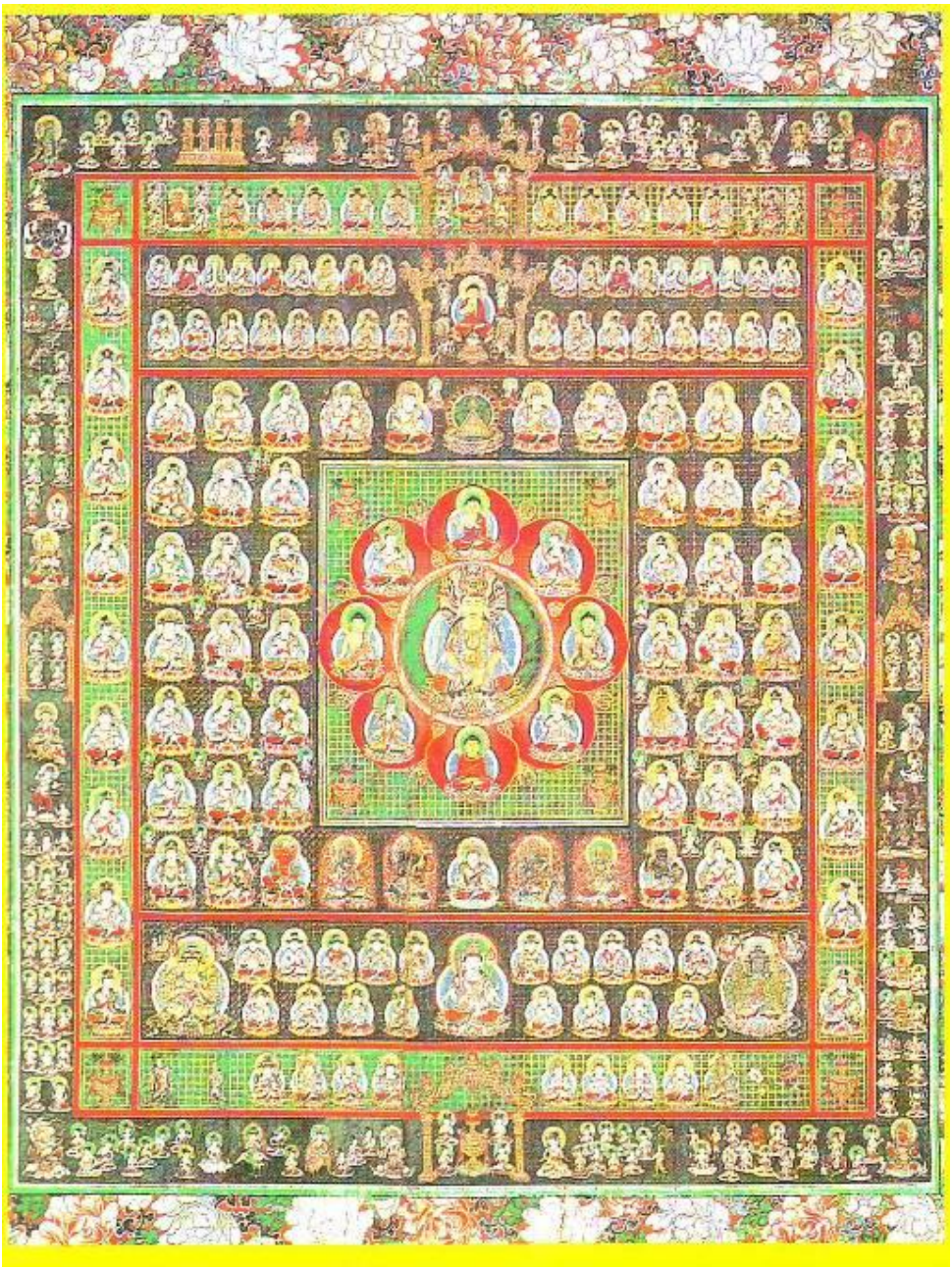

THAI TẠNG GIỚI MAN ĐA LA CHỦNG TỰ

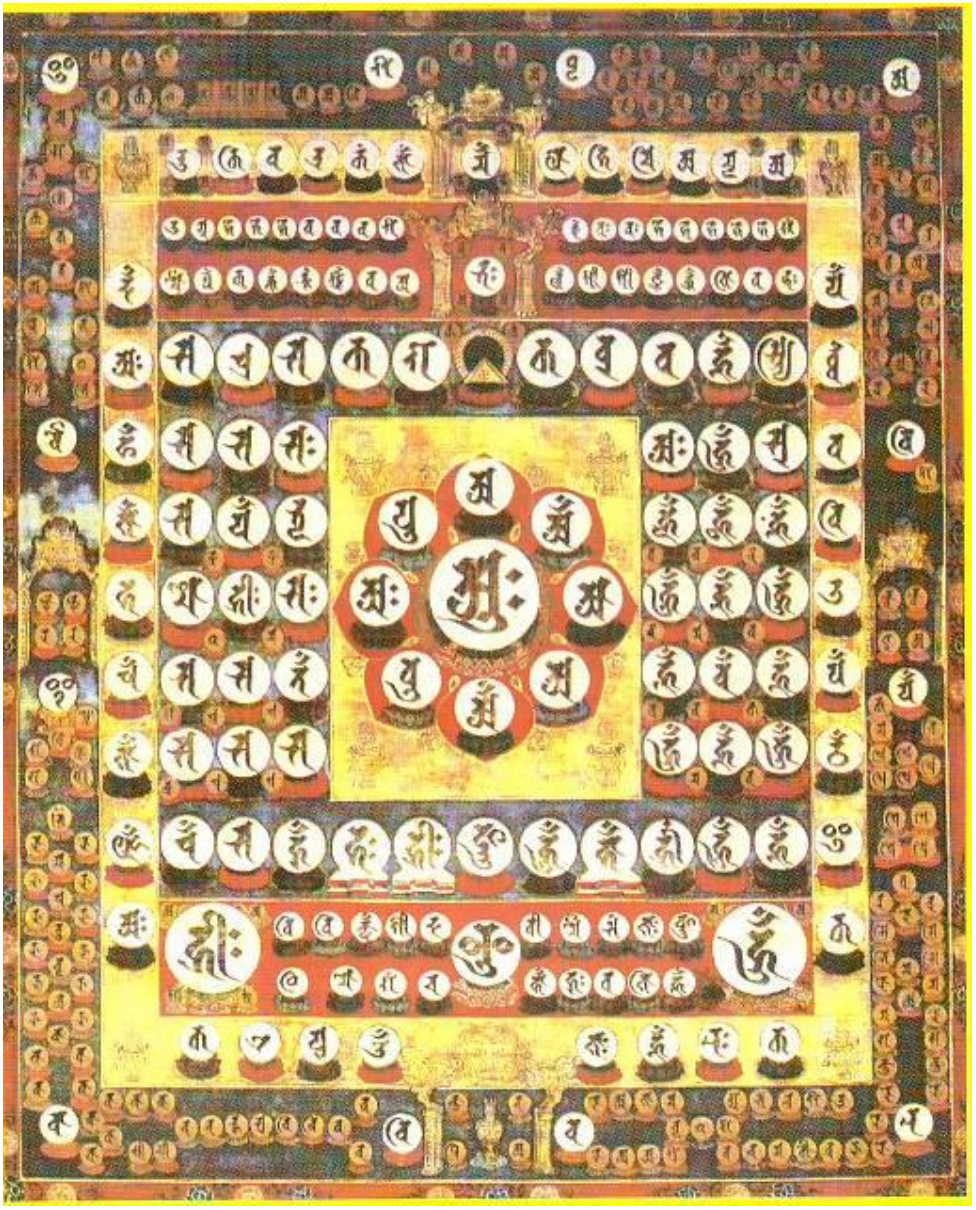

THAI TẠNG GIỚI MAN ĐA LA CHỦNG TỰ

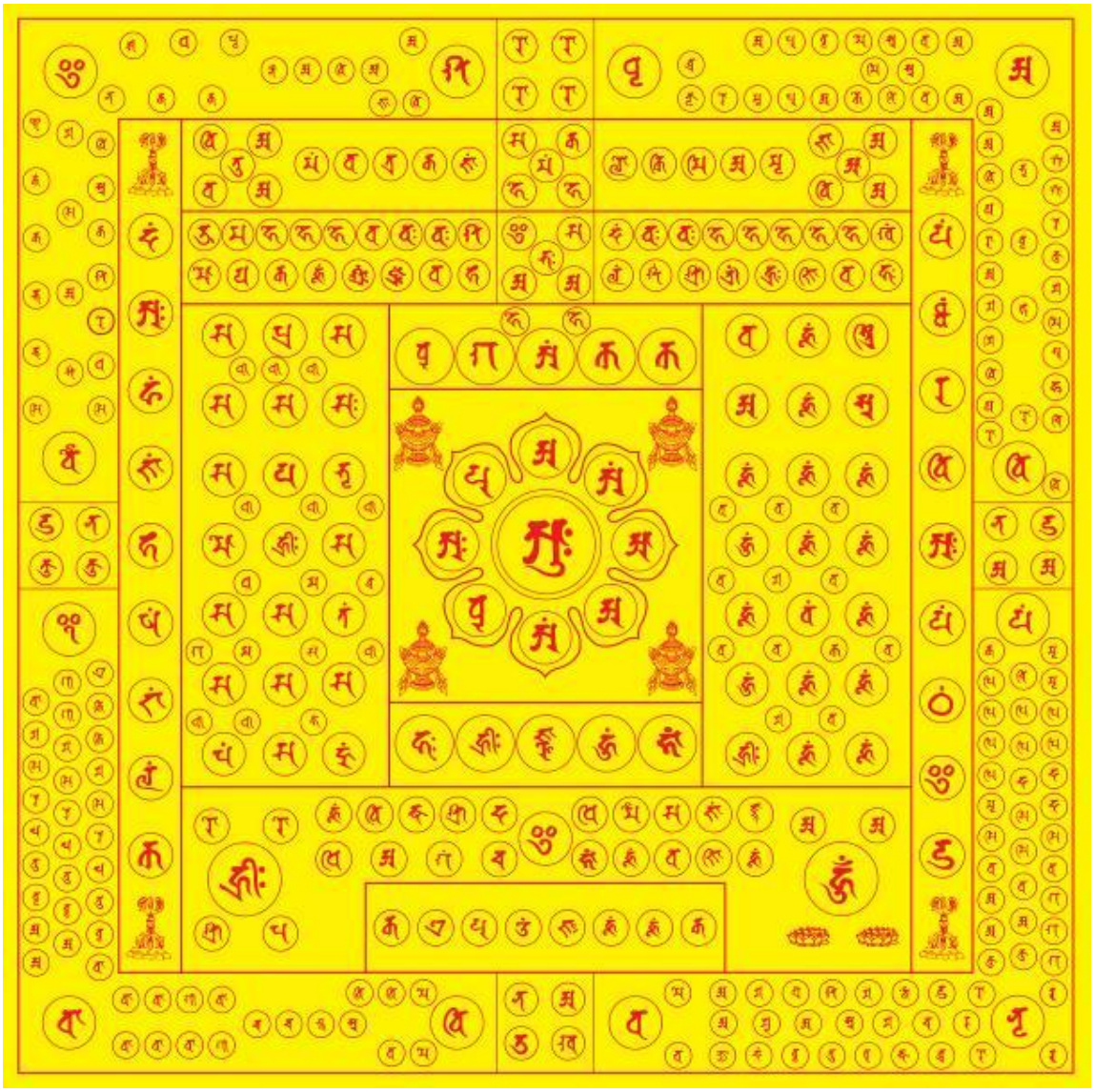

MỤC LỤC

1_ Thay lời tựa Tr.01
2_ Trung Đài Bát Diệp Viện Tr.12
3_ Biến Tri Viện..... Tr.26
4_ Quán Âm Viện Tr.37
5_ Kim Cương Thủ Viện Tr.77
6_ Trì Minh Viện (Ngũ Đại Viện) Tr.113
7_ Thích Ca Viện Tr.123
8_ Văn Thù Viện Tr.167
9_ Địa Tạng Viện Tr.195
10_ Trừ Cái Chướng Viện Tr.206
11_ Hư Không Tạng Viện Tr.217
12_ Tô Tất Địa Viện Tr.249
13_ Ngoại Kim Cương Bộ Viện Tr.222
14_ Vài đồ hình của Thai Tạng Giới Man Đa La Tr.464
15_ Mục lục Tr.468